

Giải Mật TÂY DU



NHA XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Ghi chép của

**TÔ
NHƯ**

GIẢI MẬT TÂY DU



Tác giả: Tô Như
Phát hành: Hội Nhà Văn
Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 2020

TỰA

Tây Du Ký là bộ tiểu thuyết văn học cổ điển Trung Quốc được sáng tác và lưu hành năm trăm năm nay. Không chỉ tại Trung Quốc, Đài Loan mà tác phẩm còn được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên khắp thế giới. Các tác phẩm phái sinh của *Tây Du Ký* cũng nhiều không kể xiết, đơn cử như kịch, phim và các tiểu thuyết ăn theo cốt truyện hoặc nhân vật. Trong năm trăm năm dài đằng đằng tồn tại của mình, *Tây Du Ký* đã phải trải qua vô vàn kiếp nạn, không kém hơn tám mươi một nạn mà thầy trò Đường Tăng đã phải trải qua. Ngay từ khi mới chào đời, nó đã bị liệt vào dạng sách cấm của triều đại nhà Minh. Cũng bởi quá nổi tiếng và hấp dẫn nên *Tây Du Ký* được in đi in lại, sao chép thành rất nhiều phiên bản bởi nhiều nhà in ẩn, mà hệ quả trực tiếp là nạn tam sao thất bản khiến độc giả khó lòng tiếp cận được với ấn bản cổ xưa đầy đặn nhất ở dạng nguyên vẹn. Thế rồi trải qua nhiều phen tạo loạn thời cuộc, các ấn bản xưa cũ cũng mai một gần hết.

Ấn bản hiện hành

Để có được một bộ *Tây Du Ký* 100 hồi, sáu mươi hai vạn chữ, dựa trên cổ bản như chúng ta vẫn đọc ngày nay, phải kể tới công sức khảo cứu và biên soạn của rất nhiều nhà nghiên cứu và sưu tầm. Vốn được liệt vào hàng sách cấm của thời nhà Minh nên các bộ *Tây Du Ký* in ấn thời ấy không được truyền bá quá rộng rãi, không được lưu trong thư khố nên lần lượt đều thất truyền tại quốc nội. Hơn nữa, chúng được in ấn và phát hành bởi các nhà khác nhau, thời điểm khác nhau nên nội dung sai lệch nhau cực lớn. Thời nay, các nhà nghiên cứu phân các bộ *Tây Du Ký* được in ấn từ thời nhà Minh thành bảy bản: Bản Thế, bản Lý bình, bản Chu, bản Dương, bản Đường Tăng, bản Dương Mân Trai, bản Mân Trai Đường. Trong đó mỗi bản còn chia thành vài chủng, sai biệt ít nhiều.

Bản Thế (bản Thế Đức Đường) được Thế Đức Đường ở Kim Lăng khắc in năm Vạn Lịch thứ 20 (1592), chính là văn bản nền để tạo ra bộ *Tây Du Ký* ngày nay. Nhưng đó không phải bản được lưu truyền sớm nhất, mà là bản dài nhất và được đánh giá có nội dung hay nhất. Bản Thế hiện còn bốn bộ được khắc in ở thời Minh, đều được tìm thấy ở các thư viện Nhật Bản. Bản thân nội dung bốn bản này cũng không giống hệt nhau, tức là được in ấn các đợt khác nhau.

Ngoài ra, còn có hai bộ khác có nội dung san cải dựa trên bản Thế Đức Đường, một có tên là Tân truyền toàn tượng *Tây Du Ký* truyện, trên sách có đề "Thanh Bạch đường Dương Mân Trai tử hành", được gọi là bản Dương Mân Trai khắc in năm Vạn Lịch thứ 31 (1603). Một bản có tên Đường Tăng *Tây Du Ký*, được gọi là bản Đường Tăng (không rõ năm in). Hai bản này đều dài khoảng hơn bốn mươi vạn chữ, và đều ghi tác giả của tiểu thuyết là "Hoa Dương động thiên chủ nhân giáo" giống như bản Thế. Các bản này đều không có cốt sự về sự ra đời của Huyền Trang, tức là câu chuyện về Trần Quang Nhị và Ân Ôn Kiều. Có lẽ do nội dung bị cắt gọt nên cả hai ít được lưu truyền ở Trung Quốc. Tới thế kỷ 20 mới được các học giả Nhật Bản tìm được trong Văn khố Nội các và Thư viện đế quốc Nhật Bản.

Bản Lý bình là bản Lý Trác Ngô phê bình *Tây Du Ký*, chính là văn bản phê bình *Tây Du Ký* sớm nhất được biết tới. Bản Lý bình có nội dung gần với bản Thế Đức Đường, cũng không có cốt sự về sự ra đời của Huyền Trang. Bộ *Tây Du Ký* ngày nay có một số tình tiết lấy từ bản Lý bình để bổ sung cho những chỗ thiếu sót, tàn khuyết trong bản Thế. Cùng với cái chết của Lý Trác Ngô, bản Lý bình sớm thất truyền trong nước, các bản còn tìm thấy ở Thư viện Paris, Viện bảo tàng Anh quốc và Văn khố Nội các Nhật Bản đều là tàn bản. Sau năm 1949, tại dân gian tìm thấy thêm hai bản đầy đủ, chia ra cất giữ ở Viện bảo tàng lịch sử cách mạng Trung Quốc và Thư viện tỉnh Hà Nam.

Bản Mân Trai Đường có tên là Tân khắc tăng bổ phê bình toàn tượng *Tây Du Ký*, do Mân Trai Đường ở Phúc Kiến in ấn năm Sùng Trinh thứ 4 (1631), thất truyền trong nước và được tìm thấy ở Nhật Bản. Bản này không giống hoàn toàn bản Dương Mân Trai.

Bản Chu (bản Chu Đình Thần) vốn có tên là Đường Tam Tạng Tây du thích ách truyện, được in trong niên hiệu Vạn Lịch, tóm lược nội dung *Tây Du Ký* còn mười ba vạn chữ. Đây cũng là bản có cổ sự về sự ra đời của Huyền Trang.

Bản Dương (bản Dương Trí Hòa) có tên là *Tây Du Ký* truyện, tóm lược từ sáu mươi hai vạn chữ của bản Thế Đức Đường xuống tới mức chỉ còn bảy vạn chữ, nhưng ưu điểm là tuy lược bỏ câu chữ mà vẫn giữ nguyên được cốt truyện. Cũng vì nhỏ gọn, tiện in ấn nên sang tới thời nhà Thanh, vẫn được khắc in lại với nội dung nguyên vẹn. Đây là bản *Tây Du Ký* duy nhất mà đại đa số người dân Trung Quốc được đọc ở thời nhà Thanh, vì các bản khác đều đã thất truyền trong nước. Dựa trên những cổ bản này, những nhà nghiên cứu đã bỏ công lấy dài bù ngắn, cắt nơi có đắp nơi khuyết, để cuối cùng phục dựng được một bộ *Tây Du Ký* 100 hồi đầy đủ nhất, đồng thời văn chương trong sách không phải chịu cảnh san giảm lược bỏ.

Tác giả Tây Du Ký

Về tác giả của bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký*, mọi người vẫn thường cho rằng đó là Ngô Thừa Ân. Thực ra thì không có chứng cứ nào đầy đủ sức thuyết phục để nói lên điều đó cả. Bốn bản *Tây Du Ký* còn nguyên vẹn được in ấn ở thời nhà Minh đều không ghi tên Ngô Thừa Ân. Bản cổ nhất do Thế Đức Đường xuất bản đề tên tác giả là Hoa Dương Động Thiên chủ nhân giáo.

Sang đời nhà Thanh, nhiều nhà nghiên cứu thấy trong nội dung sách có liên quan tới Toàn Chân giáo nên cho rằng tác giả chính là Trương Xuân chân nhân Khưu Xử Cơ - đạo sĩ Toàn Chân giáo thời Nam Tống. Bởi vậy mà một số bản in đời Thanh đề luôn tên Khưu Xử Cơ lên bìa sách. Phải tới khi nhà nghiên cứu Tiền Đại Hân đời Thanh phát hiện ra cuốn Trương Xuân chân nhân *Tây Du Ký* do đệ tử của ông là Lý Chí Thường viết, mà nội dung thực chất nói về địa lý, phong tục Tây Vực chứ không liên quan tới thầy trò Đường Tăng, thì người ta mới ngưng việc ghi tên Khưu Xử Cơ lên bìa *Tây Du Ký*. Rồi tới phiên nhà nghiên cứu Hạo Ngọc Tấn đời Thanh phát hiện ra

trong bộ Hoài An phủ chí, quyển 19 - Nghệ văn chí Hoài hiền văn mục có ghi “Ngô Thừa Ân: Xạ Dương tập - bốn quyển, Xuân thu liệt truyện tự, *Tây Du Ký*.” Từ đó mọi người mới cho rằng Ngô Thừa Ân là tác giả của bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* ngày nay. Mặc dầu vậy, vẫn có nhiều ý kiến bất đồng, cho rằng tác giả có thể là Trần Nguyên Chi hoặc Lý Xuân Phương (tức Thanh từ Tế tướng đời Minh). Việc tranh biện ai mới đích thực là tác giả của *Tây Du Ký* còn được tiếp tục tranh luận cho tới ngày nay vẫn chưa ngã ngũ. Trong khuôn khổ nội dung sách này, bởi nó không ảnh hưởng đến việc giải mật nên tôi xin tạm nghiêng theo chủ thuyết Ngô Thừa Ân là tác giả.

Ngô Thừa Ân sinh khoảng năm 1505, mất năm 1580. Khi còn sinh thời, các ấn bản Dương, Chu đã được in ấn vào năm 1571. Phải tới năm 1592, sau khi Ngô Thừa Ân mất thì cháu ngoại ông là Khâu Độ cùng người bạn thân của ông là Trần Văn Chúc mới cho xuất bản phiên bản đầy đủ nhất do Thế Đức Đường ấn loát. Cũng có ý kiến cho rằng Trần Văn Chúc có tham gia hiệu đính, san cải bản thảo này. Trong các bản in khi tác giả còn tại thế như bản Dương, bản Chu, các tình tiết ám chỉ Minh Thành tổ và Minh Thế tông bị cắt bỏ, hẳn là do e ngại văn tự ngục. Tới khi tác giả đã qua đời thì ấn bản nguyên vẹn và đầy tính giễu nhại chua cay mới được cho in ấn.

Phê bình Tây Du Ký

Ngay từ khi mới ra đời, *Tây Du Ký* đã trở thành một bộ kỳ thư gây ám ảnh đối với người đọc, bởi tính ám chỉ, tính giễu cợt và sự thóa mạ triều đình nhà Minh. Các bộ sách phê bình, phân tích các ẩn ý trong *Tây Du Ký* không ngừng xuất hiện qua các thời Minh, Thanh, Dân Quốc và ngày nay. Sớm nhất phải kể đến Phê bình *Tây Du Ký* của Lý Trác Ngô thời Minh. Tương truyền vì làm cuốn này mà ông bị hạ ngục năm 1602 đời Vạn Lịch, dẫn tới phải tự sát trong ngục. Thời nhà Thanh cũng có một tác phẩm nổi tiếng ra đời năm 1663 là *Tây Du chứng đạo thư* của Uông Tượng Húc và Hoàng Chu Tịnh.

Văn tự ngục thời Minh

Thời nhà Minh có thể nói là triều đại đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc đặt cực nặng vấn đề văn tự ngục. Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương xuất thân hàn vi, học văn thấp, lại thêm bản tính đa nghi, nên sau khi đoạt được thiên hạ thì có chút mặc cảm với chuyện văn chương chữ nghĩa, luôn e sợ văn nhân dùng bút mực lén chửi mình. Nổi bật Thái tổ, các Hoàng đế đời sau cũng gây ra không ít vụ án văn tự, mà điển hình nhất là Gia Tĩnh đế Có thể kể ra các án điển hình thời Minh như dưới đây.

Quan Giáo thụ Chiết Giang là Lâm Nguyên Lượng viết Tạ tăng bổng biểu có mấy chữ "tác tắc thùy hiển", Minh Thái tổ liền luận "tác tắc - làm khuôn phép" hài âm với "tổ tắc - làm giặc", cho rằng họ Lâm phỉ báng mình xuất thân đạo tắc, liền xử tử. Cũng vì sử dụng chữ "tắc / tắc" này trong tấu biểu mà Huấn đạo Bắc Bình là Triệu Bá Ninh, Huấn đạo Phúc Châu là Lâm Bá Cảnh đều bị xử tử. Ngoài ra, Thái tổ còn giết vài vị văn thần khác như Lâm Vân, Hứa Nguyên, Ngô Hiến, Mạnh Thanh, Tưởng Chất, Lã Duệ vì tấu biểu có những chữ mang hàm nghĩa hoặc hài âm chỉ việc Hoàng đế từng làm đạo tắc hoặc trọc đầu (Chu Nguyên Chương thời trẻ từng làm sư ở chùa Hoàng Giác).

Các vị quan khác như Hàn lâm biên tu Cao Khải, Ngự sử Trương Thượng Lễ, Thiêm sự Trần Dưỡng Hạo vì làm thơ, bị Hoàng đế cho rằng ngấm chửi mình nên người bị chém ngang lưng, người bị chìm sông tới chết.

Nổi tiếp cha mình, Minh Thành tổ Chu Đệ gây ra vụ thảm án Tru di thập tộc Phương Hiếu Nhụ. Không những vậy còn hạ lệnh giết hết những ai tàng trữ thơ văn của Phương Hiếu Nhụ. Thứ cát sĩ là Chương Phác vì tội ấy mà bị đem giết ở chợ.

Cũng phải kể tới án giết cả họ Tri phủ Nam Xương là Diệp Huệ Trọng cùng cả nhà người anh là Diệp Di Trọng vì nhân tu sửa bộ Thái tổ thực lục mà chép thẳng sự kiện Nạn Tĩnh Nam.

Tới đời Minh Thế tông (Gia Tĩnh đế), tức là khoảng thời gian mà bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* ra đời, Hoàng đế cũng gây ra không ít án văn tự. Đầu tiên phải kể tới án Đại lễ nghi. Thế tông vốn không phải dòng đích mà bởi Vũ tông mất sớm không con nên Thủ phủ Nội các

Dương Đình Hòa cùng các đại thần tôn lập Chu Hậu Thông là con Hưng Hiến vương lên làm vua. Thế tông muốn tôn cha để mình làm Hoàng khảo nên ép quần thần phải thuận theo, dẫn tới cuộc tranh luận Đại lễ nghi giữa một bên là Hoàng đế, một bên là các đại thần do Dương Đình Hòa dẫn đầu. Cuộc tranh luận này kéo dài gần chục năm dẫn tới rất nhiều sự thanh trừng trong triều đình, như cách chức Thủ phụ của Dương Đình Hòa, sai đánh các quan đại thần Vương Tư, Vương Hượng tới chết. Đại lễ nghi chỉ kết thúc khi phe đại thần phải chấp thuận truy tôn Hưng Hiến vương làm Hoàng khảo.

Kế tiếp Đại lễ nghi thì tới vụ án văn tự Hồ Toàn Tông. Năm Gia Tĩnh thứ 17, họ Hồ bấy giờ là Tuần phủ Hà Nam, nhân Thế tông tới phủ Thừa Thiên liền làm bài thơ Nghênh giá, trong đó có hai câu "Mục vương bát tuần không phi điện, Tương trúc Hoàng Anh lệ bất ma". Tới năm Gia Tĩnh thứ 29, có kẻ tấu lên rằng hai câu thơ ấy mang ý nguyên rửa Hoàng đế, vì tích Mục vương nhà Chu cưỡi xe trắng tám con ngựa quý bỏ trần gian mà theo Tây Vương mẫu, còn tích Tương trúc là khi đế Thuấn chết, hai người vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh khóc bên mộ vua suốt bảy ngày đêm, nơi ấy mọc lên giống trúc gọi là Tương trúc. Thế tông nổi cơn lôi đình, sai cách chức Hồ Toàn Tông bấy giờ đã ngoài bảy mươi tuổi, hạ ngục và cho đánh bốn mươi trượng.

Văn tự ngục Dương Kế Thịnh cũng gây chấn động một thời. Dương Kế Thịnh là ngôn quan, dâng tấu Thịnh tru tặc thần đàn hặc lộng thần Nghiêm Tung với năm điều gian, mười đại tội. Trong tấu có câu: "Hoàng thượng hoặc vấn nhị vương tử", nghĩa là "Hoàng thượng có thể hỏi hai vị vương tử" (để biết rõ hơn về tội ác của Nghiêm Tung). Thế tông cho rằng Dương Kế Thịnh phi báng mình không bằng hai người con, liền ra lệnh hạ ngục Kế Thịnh và đánh trăm trượng.

Ngoài ra còn phải kể tới trường hợp Nam Kinh Công bộ Thượng thư Ngô Đình Cử, dâng sớ có dẫn câu thơ của Bạch Cư Dị: "Triều đình cố ngã tố nhàn thần - triều đình để ta làm một viên quan nhàn tản", lại dẫn thêm câu thơ của Trương Vịnh: "Giang Nam nhàn sát lão Thượng thư - Giang Nam khiến ông quan già Thượng thư nhàn

hạ chết người”, khiến Thế tông nổi giận, lập tức cách chức đuổi về làm dân.

Lại bộ Thượng thư Lý Mặc cũng bởi bị tố dùng việc thời Hán Đường để giấu cột triều chính đương thời, bị Thế tông cho Cẩm y vệ bắt giam thẩm vấn, cuối cùng Lý Mặc chết trong ngục. Cẩm y vệ Thẩm Luyện làm thơ giấu Tuyên Đại Tổng đốc Dương Thuận, bị chém đầu ở phủ Tuyên.

Có thể thấy thời Minh Thế tông, mặc dù văn tự ngục ít dẫn thảm khốc như thời Thái tổ, Thành tổ, nhưng cũng không thiếu các án cách chức, hạ ngục và đánh trượng quan viên, thậm chí xử tử. Phải sang tới thời Long Khánh, Vạn Lịch thì nền chính trị có vẻ khoan dung hơn mà văn tự ngục mới có chiều hướng giảm bớt.

Rốt cuộc vì sao *Tây Du Ký* lại liên quan tới Văn tự ngục?

Theo một định kiến phổ biến đã ăn sâu vào trong đầu bao thế hệ độc giả của truyện *Tây Du Ký* cũng như khán giả của các bộ phim *Tây Du Ký*, thì tác phẩm này vốn mang màu sắc thần bí, với các cố sự liên quan tới bốn thầy trò Đường Tăng với vô vàn thần tiên, Bồ tát, yêu quái. Đó là một chặng dài các cuộc đấu trí, đấu phép để cuối cùng Đường Tăng sang được Tây Thiên, bái Phật tổ và nhận kinh điển Đại thừa đem về truyền bá ở Đông Thổ. Nếu chỉ đơn giản như vậy thì không có lý do nào để mấy đời Hoàng đế nhà Minh liệt *Tây Du Ký* vào dạng “cấm thư” cả. Ẩn sau những câu chuyện thần ma huyền bí ấy là một lịch sử tang thương của Trung Quốc mà đặc biệt là triều đại nhà Minh, từ Minh Thái tổ lập quốc, Minh Thành tổ đoạt ngôi cháu, cho tới Minh Thế tông (mà ta quen gọi là Hoàng đế Gia Tĩnh) sùng bái Đạo giáo mà bỏ bê triều chính.

Cũng bởi muốn lồng ghép các sự kiện lịch sử, truyền thuyết dân gian diễn ra trong triều đại nhà Minh, lại chủ yếu mang tính chế giễu Hoàng gia và triều đình nên Ngô Thừa Ân phải chọn cho mình một bút pháp ẩn giấu thâm sâu nhất. Chúng ta sẽ không dễ dàng nhận biết vị thần tiên này, con yêu quái nọ, cái kiếp nạn kia, vốn để ám chỉ nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử nào. Vì thế nên mục đích của việc giải mật *Tây Du Ký* là giúp cho độc giả hiểu được ý nghĩa chân thực mà Ngô Thừa Ân muốn gửi gắm trong tác phẩm. Trong cuốn

sách này, ta sẽ gặp gần như trọn vẹn quá trình Minh Thành tổ từ khi còn là Yên vương cho đến khi khởi binh đánh lại Kiến Văn đế để đoạt ngôi. Và ta sẽ liên tục gặp được những ẩn dụ về vị Hoàng đế xuất thân là nhà sư - Minh Thái tổ, và đặc biệt là Minh Thế tông, mà có lẽ bởi vị Hoàng đế ấy là đương kim hoàng thượng của tác giả, và cũng vì ông ta quá mê muội Đạo giáo, chìm đắm trong những trò ảo thuật hô mưa gọi gió, luyện đá thành vàng, chỉ nước ra dầu, luyện kim đan để trường sinh bất lão... những yếu tố rất gần gũi với vỏ bọc thần ma tiểu thuyết của *Tây Du Ký*.

Nhiều độc giả thường thắc mắc, các nhân vật trong Phong thần diễn nghĩa xuất hiện ở *Tây Du Ký*, họ có phải là một không nếu là một thì vì sao không hoàn toàn giống nhau? Xin đáp, Phong thần diễn nghĩa và *Tây Du Ký* là hai vũ trụ độc lập. Nếu Phong thần diễn nghĩa dùng các cổ sự Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian,... để xây dựng nên câu chuyện của mình, thì *Tây Du Ký* ở một tầm cao hơn thế rất nhiều. Chẳng những vận dụng các điển tích trong Phật giáo, Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian và các truyền thuyết mà còn mượn rất nhiều các cổ sự trong sách vở phương Tây, vốn đã xuất hiện rất nhiều ở Trung Quốc ở triều nhà Minh. Trong cuốn sách này, ta sẽ gặp những câu chuyện phương Tây như Chúa Hải Đồng và Nhà tiên tri Elijah trong Kinh Thánh, *Oedipus* và Pleiades trong Thần thoại Hy Lạp.

Mục đích của sự vay mượn này là dùng điển tích và cổ sự để che giấu đi lớp lịch sử mà tác giả muốn ám chỉ, khiến người đọc khi bóc tách được hai lớp trên ra, thấy được cái cốt lõi của *Tây Du Ký*, thì không khỏi vỗ đùi mà khen một tiếng "tuyệt diệu!".

LỜI CẢM ƠN

Để cuốn sách này được ra đời, tôi phải gửi lời cảm tạ ngàn lần tới các bằng hữu đã góp công góp của. Trong quá trình viết lách, tôi đã nhận được rất nhiều lời góp ý, gợi ý vô cùng quý báu để phát triển và hoàn thiện tác phẩm. Tôi muốn đặc biệt nhắc tới những người bạn Cao Hoang Khuong, Huy Lâm, Nguyễn Đăng Khoa, Đoàn Minh Tuấn, Lei Kiang Tswian, Tho Quan, Nguyễn Hà Bảo Vân, Phạm Dũng... Ý tưởng của các bạn đều rất tuyệt vời và tôi xin phép được trân trọng trích lại trong cuốn sách này với rất nhiều lòng biết ơn.

Thêm vào đó, cuốn sách này được in theo hình thức gọi vốn cộng đồng, tôi luôn biết ơn các bạn đọc đã tin tưởng ủng hộ, đặt mua cuốn sách ngay từ khi vẫn chưa thành hình. Nếu không có những bạn đọc như vậy, cuốn sách này chắc chắn sẽ không bao giờ xuất hiện được. Tôi xin trân trọng cảm ơn tất cả bạn đọc đã ủng hộ tôi trong suốt quá trình làm sách Giải mật Tây du này.

Phần I

ĐẠI NÁO THIÊN CUNG

Chương 1

BÍ ẨN KIM THIÊN TỬ

Tây Du Ký nhiều lần nhắc tới tiền kiếp của Tam Tạng là Kim Thiên tử (金蝉子) là đồ đệ thứ hai của Phật tổ Như Lai. Do “Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp” mà bị đọa vào luân hồi. Vậy trong Phật giáo, Kim Thiên tử là vị nào trong mười đại đệ tử của Thích Ca Mâu Ni?

1. Thập đại đệ tử

Đầu tiên, xét về mặt chữ nghĩa: chữ Kim, theo ngũ hành đương nhiên chỉ phương tây rồi. Chữ Thiên (4) tức con ve, ám chỉ Kim thiên thoát xác, đầu thai trở lại, chữ Thiên lại đồng âm với Thiên (tt) chỉ phép thiên của Ấn giáo, Phật giáo. Như vậy chỉ xét tên cũng đủ thấy đây là nhân vật thuộc về Tây phương Phật giáo rồi.

1. Đại Ca Diếp tôn giả: Đầu đà đệ nhất. Vị này có chút khả nghi vì thói tu khổ hạnh, xa rời tăng đoàn, rất dễ bị chụp cái mũ “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”. Nhưng Đại Ca Diếp theo Thiên tông lại là sơ Tổ, lại là người thừa y bát của Như Lai nên hẳn không thể là kẻ phản giáo kia. Thêm nữa Ca Diếp có chứng cứ ngoại phạm là xuất hiện ở Linh Sơn khi trao kinh cho Đường Tăng.

2. Xá Lợi Phất tôn giả: Trí tuệ đệ nhất, được xưng là thượng tọa đệ tử của Thích Ca Mâu Ni, thường theo hầu bên đức Phật, quy y mười lăm ngày đã đoạn hết phiền não, chứng ngộ. Do vậy không thể có chuyện “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”.

3. Mục Kiền Liên tôn giả: Thần thông đệ nhất. Ngộ tính của ngài còn cao hơn Xá Lợi tử, chỉ bảy ngày đã đoạn phiền não, chứng thần thông, đạt quả vị A la hán. Do vậy cũng như Xá Lợi tử, không có chuyện “Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp”.

4. Ca Chiên Diên tôn giả: Luận nghị đệ nhất. Ngài giỏi về phân tích pháp nghĩa, giỏi thuyết pháp, thường cùng ngoại đạo tranh luận và giành thắng lợi, như vậy cũng không hợp với câu “Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp”.

5. A Nan tôn giả: Đệ nhất đa văn. Vị này cũng có chút đáng nghi vì nghe nhiều mà chẳng ngộ. Mãi sau khi Như Lai nhập diệt, tại lần kiết tập thứ nhất mới đạt ngộ. Tuy nhiên, A Nan có trí nhớ siêu phàm, thường tụng đọc toàn bộ kinh điển của Thích Ca nên không thích hợp với câu “Không chịu nghe giảng”. Vả, sau này A Nan tôn giả cũng được tôn là Thiền tông nhị tổ nên khó có chuyện là phản giáo. Dĩ nhiên cũng như Đại Ca Diếp, A Nan cũng có chứng cứ ngoại phạm.

6. A Na Luật tôn giả: Đệ nhất thiên nhãn. Vị này chưa từng ngừng nghỉ tụng kinh tu luyện tới mức hồng cả mắt, sau được Như Lai truyền cho phép Kim cương chiếu minh tam muội, đắc thiên nhãn thông. Do vậy cũng không hợp với câu “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”.

7. La Hầu La tôn giả: Đệ nhất mật hạnh. Con trai của Thích Ca, được chính Như Lai bảo chứng về mật hạnh nên không có chuyện “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”.

8. Phú Lâu Na tôn giả: Thuyết pháp đệ nhất. Ngài rất giỏi thuyết pháp, tương truyền đã hóa độ cho chín mươi chín ngàn người quy y nên không thể có chuyện “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”.

9. Ư Bà Ly tôn giả: Đệ nhất trì giới. Ngài được nói là “từ khi theo Phật thụ giới, chưa từng phạm giới một hào một ly”. Như vậy cũng không thích hợp với câu “*Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp*”.

Trong mười đại đệ tử của Phật, duy còn lại Tu Bồ Đề tôn giả (tiếng Phạn: Subhuti), đệ nhất giải không, chính thị là Kim Thiền tử. Nói

đến đây hẳn nhiều độc giả giật mình vỗ đùi cái đét, hóa ra Tu Bồ Đề sư tổ không phải cái tên trùng hợp tình cờ. Ngay hồi 1, tác giả đã mượn lời tiểu phụ để nêu tên vị tổ sư này, *"Núi này là Linh Đài Phương Thốn Sơn, trong núi có tòa Tà Nguyệt Tam Tinh Động, trong động có một vị thần tiên, xưng danh Tu Bồ Đề tổ sư."*

Về sau *Tây Du Ký* mới lược chữ Tu mà chỉ còn Bồ Đề tổ sư. Vâng, Ngộ Không với Tu Bồ Đề có thể gọi là duyên sư đồ hai kiếp. Cũng bởi Tu Bồ Đề là giải không đệ nhất nên Mỹ Hầu vương đã được ban cái tên Ngộ Không. Tại sao Tu Bồ Đề lại dạy 72 phép thần thông cho Ngộ Không? Ấy chính để có người trợ giúp mình trong mười kiếp sau thỉnh kinh.

2. Chánh giáo hay Ngoại đạo

Lại nói về ngài Tu Bồ Đề tôn giả, ban đầu là tu sĩ Bà la môn. Khi Thích Ca bắt đầu truyền bá đạo Phật, Tu Bồ Đề không phục, thậm chí từng nói: *"Đức Phật trong con mắt của phụ thân là bậc nhất thiết trí, nhưng trong mắt của con thì ông ta cũng chỉ là người bình thường mà thôi."* Ngay cả khi cha mẹ ngài đã quy y Phật thì Tu Bồ Đề vẫn khăng khăng giữ Bà la môn giáo, về sau cha mẹ khuyên bảo nhiều thì Tu Bồ Đề mới về với Phật.

Phép tu của ngài Tu Bồ Đề cũng có điểm khác người, chỉ xin người giàu bố thí chứ không xin người nghèo, nên nhiều người trong tăng đoàn không hài lòng với ngài, đặc biệt là Đại Ca Diếp tôn giả. Nếu ta dõi theo hành trình của Đường Tam Tạng trong *Tây Du Ký*, cũng thấy phần đa là ghé xin ở trọ chùa to, miếu lớn hoặc gia trang đại hộ, rất hiếm khi vào khuyến giá chốn hàn môn.

Việc Bồ đề sư tổ *"Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp"* cũng được ngầm nhắc tới ngay trong hồi 2: Canh ba Ngộ Không lần vào phòng Bồ đề sư tổ *"Kiến tổ sư quyền cước thân khu, triều lý thụ trứ liễu - Thấy tổ sư cuộn trong thân mình, quay mặt vào trong mà ngủ"*. Ma ha tăng chỉ luật quyển 35 chép: *"nếu nằm ngửa là kiểu A tu la, nằm sấp là kiểu Nga quý, nằm nghiêng mình bên trái là kiểu"*

người tham dục, sao sánh được với thế nằm của Sư tử vương. Nằm nghiêng mình bên phải mới là tư thế của Sư tử vương."

Đây cũng là tư thế của Như Lai nhập Niết bàn *"Ngài nằm nghiêng về phía bên tay phải, hai chân xếp chồng lên nhau, tay phải đệm dưới gò má phải, tay trái đặt xuôi chân trái."*

Kinh Dược Sư cũng nhắc tương tự như Ma ha tăng chỉ luật:

"Này các tỳ kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn? Cách nằm của ngạ quỷ, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm của sư tử và cách nằm của Như Lai. Thế nào là cách nằm của ngạ quỷ? Này các tỳ kheo, phần lớn các ngạ quỷ nằm ngửa. Này các tỳ kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng? Phần lớn những người hưởng thọ các dục vọng nằm nghiêng phía bên trái. Thế nào là cách nằm của sư tử? Này các tỳ kheo, sư tử, vua các loài thú nằm nghiêng về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau. Và này các tỳ kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai? Ở đây, này các tỳ kheo, vị tỳ kheo ly dục... chứng đạt và an trú Tứ thiền, đây là cách nằm của Như Lai. Này các Tỳ kheo, có bốn cách nằm này."

Tư thế này mới gọi là tư thế cát tường, ngụ ý tăng nhân ngay cả khi ngủ cũng thực hành tu tập, tinh tấn không ngừng nghỉ. Cho nên Bồ Đề sư tổ nằm co người ngủ chính thị ám chỉ việc không tuân giới luật.

3. Vì sao Bồ Đề tổ sư dạy Tôn Ngộ Không

Trở lại với chính đề, Tu Bồ Đề tôn giả vì "Không chịu nghe giảng, khinh mạn Phật pháp" bị đuổi về phương đông phải chuyển thể mười kiếp mới thành Trần Huyền Trang. Để hoàn thành công cuộc thỉnh kinh này, Tu Bồ Đề phải dạy dỗ ra một Tôn Ngộ Không để làm người phò tá cho hậu kiếp của mình. Và từ khi Ngộ Không từ biệt thầy về Hoa Quả Sơn thì cái tên Bồ Đề sư tổ không còn được nhắc đến nữa.

Tây Du Ký còn cho ta biết Bồ Đề tổ sư chỉ dạy Ngộ Không thần thông mà không hề dạy tu tâm dưỡng tính, không dạy chính đạo mà đem cái bàng môn tả đạo trước kia truyền cho học trò (đây là ám chỉ Tu Bồ Đề trước quy y Phật là theo Bà la môn giáo), ấy là tạo cái can cơ để gây sự long trời lở đất, dẫn đến thiên khiến mà cuối cùng

phải nhốt dưới Ngũ Hành sơn, tiện tay cho Đường Tam Tạng thu làm đồ đệ. Mặt khác, cũng bởi Tôn Ngộ Không đại náo Thiên cung cho nên mới dẫn tới việc cả Thiên đình và Tây phương cùng ủng hộ cho công cuộc truyền bá Thích giáo vào Đông thổ^{*}.

Việc này sẽ được bàn kỹ ở chương Vấn đề quốc giáo và vở kịch Thái tông hoàn dương.

Trong khoảng 500 năm đó, Tu Bồ Đề đã làm gì? Xin thưa, Tu Bồ Đề đã chuyển thể chín lần làm người lấy kinh và cả chín kiếp đều mất mạng tại Lưu Sa hà. Tình tiết này được tác giả khéo léo gài trong câu nói của Sa Tăng ở hồi thứ 8: *"Từ trước đến nay mấy người đi lấy kinh qua đây đều bị tôi ăn hết, còn cái đầu bỏ chìm xuống sông, không dè mấy sọ ấy không chìm cứ nổi trên mặt nước. Tôi lấy làm lạ, lấy dây xỏ lại treo chỗ trống kia, tính ra chín người đi lấy kinh bị hại rồi."*

4. Chín lần thỉnh kinh trước

Độc giả có thể băn khoăn rằng Bồ Đề tổ sư chuyển sinh chín kiếp trước đi thỉnh kinh thì có đệ tử theo hộ pháp không? Hay chỉ tới kiếp thứ mười mới đào tạo nên một Tôn Ngộ Không đủ tài phép? Câu hỏi này tình tế đọc. *Tây Du Ký* sẽ có đáp án liền, không phải chỉ có duy nhất Tôn Ngộ Không!

Hồi 1 viết rằng:

Tổ sư nói:

- Trong môn phái ta có mười hai chữ, phân phái để đặt tên. Đến người là tiểu đồ nhóm mười.

Hầu vương hỏi:

- Mười hai chữ là những chữ gì?

Tổ sư nói:

- Mười hai chữ là: Quảng, Đại, Trí, Tuệ, Chân, Như, Tính, Hải, Dĩnh, Ngộ, Viên, Giác. Đến lượt người chính là chữ Ngộ. Ta sẽ đặt tên cho người là Tôn Ngộ Không. Có được không?

Tính đến chữ *Ngộ* là chữ thứ mười, chín chữ trước là *Quảng, Đại, Trí, Tuệ, Chân, Như, Tính, Hải, Dĩnh* trùng hợp với con số chín lần thỉnh kinh trước đó. Chín người đồ đệ được đào luyện ứng với chín chữ này, núi Linh Đài trở thành cái lò chuyên đào luyện hộ pháp đi thỉnh kinh.

Lại nhân nói về núi Linh Đài Phương Thốn (một tắt vuông Linh Sơn - ấy là chỉ tâm) và động Tà Nguyệt Tam Tinh (Tà nguyệt như móc câu, tam tinh như tam điểm - cũng là chỉ tâm). Nhiều người đã lý giải hai cái tên này đều chỉ về cái tâm, chỉ tu tâm dưỡng tính, đúng mà lại không đúng. Tâm ấy tâm nào? Giả như mình tâm kiến tính thì thành Phật thành tổ rồi, đâu cần sang Tây bái Phật. Tác giả đã vô cùng kín đáo mà chơi chữ, nếu hiểu sâu xa thì Linh Đài Phương Thốn là "cái tâm nhỏ nhen" còn Tà Nguyệt Tam Tinh là "cái tâm tà vạy", có thầy đó, có pháp môn đó mới đào tạo ra một con khỉ náo hải phá thiên nghịch địa. Và cũng không ngạc nhiên khi Tôn Đại thánh dọc đường thỉnh kinh vẫn thường nói "một ngày làm thầy cả đời là thầy". Đường Tăng dạy dỗ cho Tôn Hành Giả được cái gì? Ấy là do Tôn Ngộ Không biết Đường Tăng là chuyển kiếp của Tu Bồ Đề nên mới mang nặng ân tình, cúc cung phò tá đến vậy.

Chương 2

PHÁP BẢO ĐÀN KINH VÀ CẢN ĐẦU VÂN

*Pháp Bảo Đàn kinh** là bộ kinh ghi lại lời giảng của Thiền tông Lục tổ Huệ Năng, được đệ tử của ngài là Pháp Hải ghi lại. Do nội dung trong Đàn kinh có nhiều đoạn trùng khớp với *Tây Du Ký* hồi 1 và 2, nên tôi ghi lại, để củng cố lập luận Tu Bồ Đề tổ sư xuất thân từ Tây phương Thích giáo.

Các đoạn trích Đàn kinh trong sách này được chép lại từ bản dịch *Pháp Bảo Đàn kinh* của Thích nữ Trí Hải.

1. Ngộ Không gặp Tổ sư

Hồi 1, Mỹ Hầu vương gặp người tiều phu hỏi tìm thần tiên, truyện viết rằng:

Hầu vương nói:

Nhà ông ở cạnh thần tiên, sao ông không chịu theo họ tu hành, để học lấy phép trẻ mãi không già, chẳng tốt lắm ư? Người kiếm củi nói:

Tôi cả đời khổ cực, từ nhỏ, nhờ ơn cha mẹ nuôi nấng, đến năm tám, chín tuổi mới hơi biết việc đời. Chẳng may bố chết, mẹ ở góa, lại không có anh em, chỉ có một mình tôi, tôi chẳng biết làm gì, chỉ biết sớm tối trông nom mẹ. Giờ đây mẹ tôi già rồi, tôi chẳng dám đi đâu. Ruộng vườn bỏ hoang, ăn mặc chẳng đủ, hàng ngày chỉ biết kiếm củi đem ra chợ bán lấy mấy đồng, đóng vài đấu gạo, mang về thổi cơm nấu nước phụng dưỡng mẹ già. Vì thế, tôi không tu hành được.

Đoạn này hết như Phẩm thứ nhất - *Tự thuật* của *Đàn kinh*, người tiều phu chính là Huệ Năng khi chưa xuất gia. Đàn kinh viết rằng Lục tổ tự thuật: “Tôi xuất thân bất hạnh, cha mất sớm, một mình ở với mẹ già, gian khổ nghèo cùng, làm nghề bán củi ở chợ.” Chỉ khác

là Lục tổ được một người khách tặng mười lượng bạc để an trí mẹ già rồi bản thân tới Hoàng Mai tầm sư học đạo.

Bồ Đề tổ sư lần đầu gặp Hầu vương liền mắng rằng: “Thằng này là hạng đối trá quanh co, còn tu hành thành đạo quả sao được!” Trong Đàn kinh, Ngũ tổ lần đầu gặp Lục tổ cũng chê rằng: “Người là người đất Lĩnh Nam, lại là kẻ quê mùa, sao làm Phật được?”

Trong bảy năm đầu ở núi Linh Đài Phương Thốn, hàng ngày Ngô Không “sớm hôm sau, cùng các bạn học nói năng, lễ phép, giảng kinh làm đạo, tập việc thắp hương, ngày nào cũng như vậy. Lúc nhàn rỗi, thì quét sân cuốc vườn, vun hoa tía lá, gánh nước kiếm củi, việc gì cũng làm đủ.”

Tương tự như ban đầu Ngũ tổ “bảo Huệ Năng hãy theo chúng làm việc”, rồi xuống nhà xay “bữa củi, đập chày” hơn tám tháng

Đoạn hấp dẫn nhất ở hồi 2 là Bồ Đề tổ sư “gõ đầu Ngô Không ba cái, quay lưng giơ tay đi thẳng vào trong, đóng cửa giữ lại, bỏ mọi người ở ngoài”, Ngô Không ngầm giải nghĩa là “Hôm qua ở trước đàn, sư phụ có dặn rằng: đến canh ba, đi lối cửa sau vào, sư phụ sẽ truyền đạo cho”. Đây cũng là một tình tiết mô phỏng hết Đàn kinh:

Hôm sau, Tổ lặng lẽ xuống nhà dưới, thấy Huệ Năng nai lưng giã gạo liền dạy:

- Người cầu đạo phải gian khổ như thế.

Và tiếp hỏi:

- Gạo giã trắng chưa?

Huệ Năng đáp:

- Dạ trắng đã lâu, chỉ cần người sàng sảy.

Tổ lấy tích trượng gõ cối ba lần rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý, canh ba đêm ấy Huệ Năng vào phòng Tổ.

Kết quả là Ngô Không và Lục tổ đêm ấy đều được các vị sư phụ mật truyền đạo cho.

Tây Du Ký lại kể rằng Ngô Không khoe khoang tài phép trước mặt đồng môn, biến hóa thành cây tùng. Tổ sư hay biết liền mắng “Công phu ấy có thể đùa cợt trước mặt mọi người sao? Giả sử người thấy người khác có, ắt phải cầu người ta. Người khác thấy người có, ắt

phải cầu người. Nếu người sợ tai vạ, ắt phải truyền cho người ta. Nếu không truyền sẽ bị hại, tính mệnh nhà người khó mà giữ nổi.” Đoạn rồi đuổi Ngô Không ra khỏi sơn môn.

Văn tự tuy khác, nhưng ý cảnh thì hết như lời của Ngũ tổ Hoảng Nhẫn: “Từ ngàn xưa chư Phật cũng chỉ truyền bản thể, chư Tổ mật phó bản tâm. Còn y là đầu mối của tranh chấp, đến người thì hãy thôi, chớ truyền nữa. Nếu truyền y này, thì tánh mạng như chỉ mảnh treo chuông. Người nên đi ngay kẻo có người hại.”

Lướt qua những điểm trên, ta thấy từ khi Hầu vương vào núi tới khi Ngô Không biệt thầy, *Tây Du Ký* đã mô phỏng toàn bộ cố sự của Lục tổ Huệ Năng trong *Pháp Bảo Đàn kinh*. Ở đó Bồ Đề tổ sư chính là Ngũ tổ Hoảng Nhẫn mà Ngô Không chính là Huệ

Năng. Nếu bảo Bồ Đề không phải trong Thích giáo đi ra, thì nhẽ đâu tác giả phải dụng tâm mài mực múa bút sâu xa đến như vậy?

2. Cân đấu vân cũng xuất xứ từ Đàn kinh

Tây Du Ký kể rằng Bồ Đề tổ sư hiềm Ngô Không cười mây quá chậm, liền truyền cho phép Cân đấu vân: “Đám mây này khi bắm quyết, niệm chân ngôn, rồi nắm hai tay lại, cất mình nhảy lên ngay. Mỗi cân đấu đi được mười vạn tám nghìn dặm.”

Theo quan niệm của Trung Hoa xưa thì từ Trung Quốc tới Thiên Trúc đất Phật xa mười vạn tám nghìn dặm. Hồi 14, Quan Âm Bồ tát hóa thành bà lão tới chỉ điểm cho Đường Tăng có nói: “Đức Phật phương Tây ở chùa Lô Âm, thuộc nước Thiên Trúc, đường xa mười vạn tám nghìn dặm...” Hồi 24 khi Bát Giới hỏi đường tới Lô Âm bao xa, Ngô Không cũng đáp: “Mười vạn tám nghìn dặm nữa. Mười phần còn chưa đi được một phần.” Kết thúc truyện, khi tổng kết tám mươi nạn của Đường Tăng, sổ của chư thần cũng ghi “Đường dài mười vạn tám nghìn dặm”. Như vậy một cân đấu vân chính là đưa người từ Trung thổ thẳng sang đất Phật.

Đàn kinh - phẩm *Giải quyết nghi hoặc* có ghi lại một đoạn trao đổi giữa Thứ sử Vi Cù và Lục tổ:

Thứ sử lại hỏi:

- Đệ tử thường thấy tại gia, xuất gia niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây phương, bạch Hòa thượng họ có vãng sanh không? Xin Ngài phá trừ nghi hoặc này cho.

- Sứ quân hãy nghe kỹ, tôi sẽ nói. Đức Thế Tôn ở thành Xá Vệ nói kinh Tây Phương Dẫn Hóa, có nói rõ ràng cách đây không xa, nếu xét về tướng thì số dặm có tới mười vạn tám ngàn, chỉ cho mười ác, tám tà trong thân, nên nói là xa.

Nói xa là vì những người hạ căn mà nói. Nói gần là vì bậc thượng trí. Người có hai hạng, chứ pháp thì không hai. Do mê ngộ có khác mà thấy có chậm mau. Người mê niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, người ngộ tự tịnh tâm, nên Phật dạy: "Do tâm tịnh mà độ tịnh".

Khoảng cách mười vạn tám ngàn dặm đó chỉ phát tâm là được vãng sinh, ấy là khoảnh khắc đốn ngộ trong thiền, cũng giống như cách vận hành của Cân đầu vân, cất mình nhảy lên đám mây là vượt mười vạn tám ngàn dặm, từ phàm nhân lặn mình biến thành Phật thành tổ.

Chương 3

CHA MẸ CỦA TÔN NGỘ KHÔNG

Tây Du Ký hồi 1 viết về việc Mỹ hầu vương được sinh ra như sau:

Trên đỉnh ngọn núi này, có một tảng đá tiên cao đến ba trượng sáu thước năm tấc, xung quanh hai trượng bốn thước. Chiều cao ba trượng sáu thước năm tấc cùng hợp với vòng trời ba trăm sáu mươi lăm độ. Xung quanh hai trượng bốn thước, hợp với chính lịch hai mươi bốn khí. Trên có chín khiếu tám lỗ hợp với cửu cung bát quái. Bốn bề không có cây cối rủ bóng. Hai bên phải trái, chỉ rất cỏ chỉ cỏ lan quần quýt lẫn nhau. Có lẽ từ khi tảng đá mới sinh ra, đã hấp thụ khí thiêng của trời đất, tinh hoa của mặt trời, mặt trăng đã lâu, nên mới linh thông thể. Bên trong tảng đá chứa đựng một bào thai tiên. Một hôm tảng đá nứt đôi, sinh ra một quả trứng đá tròn, to bằng quả cầu, gặp gió hóa thành một con khi đá, đủ cả mặt mũi chân tay.

Nếu chúng ta chấp nhận một kết quả như trên, nghĩa là Tôn Ngộ Không do tảng đá hấp thụ khí thiêng của trời đất mà sinh ra, không có bất kỳ âm mưu nào trong đó, vậy thì chương này đến đây là kết thúc, không còn gì để giải mật hay suy đoán nữa, chúng ta dừng ở đây. Nhưng tôi không chấp nhận một sự xếp đặt như vậy. Hy vọng rằng độc giả của tôi cũng không ít tính tò mò như vậy.

Tuy nhiên, cũng phải nói trước rằng giải mật *Tây Du Ký* thì lấy *Tây Du Ký* làm nòng cốt. Một kết quả mà dựa vào tình tiết của các bộ truyện khác sẽ không được đánh giá cao. Bởi *Tây Du*, bản thân nó đã là một thể giới đầy đủ. Cũng như các bộ tiểu thuyết khác, bản thân chúng cũng là một thể giới độc lập. Cho nên cùng một nhân vật thì xuất hiện trong các bộ truyện khác nhau sẽ có các sai biệt nhất định. Giải mật bộ truyện này dựa trên một hay vài bộ truyện khác hầu như là vô nghĩa. Chúng ta hãy cùng xem tác giả đã để lại mật ngữ về nguồn gốc Tôn Ngộ Không ra sao.

1. Luyện đá vá trời

Trong hệ thống thần quái Trung Quốc, hể nhắc tới thần thạch thì đều quy về một mối: Nữ Oa luyện đá vá trời. Truyền thuyết cổ xưa của Trung Hoa viết rằng Thủy thần Cộng Công bị Hỏa thần Chúc Dung đánh bại, liền húc đầu gãy núi Bất Chu. Quả núi này vốn là trụ chống trời, nay gãy đổ khiến trời nghiêng đất lệch. Nữ Oa là thượng cổ thần, liền bay khắp cùng trời cuối đất, tìm đá ngũ sắc về luyện để vá trời.

Truyền thuyết lại kể rằng Nữ Oa trên núi Thiên Thai dùng chín chín tám mươi một ngày để luyện ra một tảng ngũ sắc thạch. Các thần đều tán tụng là tuyệt hảo, rồi bèn bỏ ra bốn năm liền luyện ra 36.500 tảng đá nữa, tổng cộng 36.501 tảng. Các thiên thần thiên tướng lại phụ giúp Nữ Oa dùng 36.500 tảng đá để vá trời. Rốt lại dư ra một tảng. Một tảng đá dư này hóa ra lại gây nên bao nhiêu sự rắc rối cho loài người, thời nhà Thanh nó sinh ra *Thạch đầu ký* (mà chúng ta biết tới với tên gọi *Hồng lâu mộng*), còn ở thời nhà Minh, nó lại đẻ ra một con thạch hầu.

Có một chút sai biệt về kích cỡ giữa hòn đá sinh ra Thạch hầu với tảng đá ngũ sắc mà Nữ Oa luyện. Truyền thuyết kể rằng ngũ sắc thạch của Nữ Oa cao 12 trượng, dài rộng 24 trượng trong khi tảng đá sinh ra Ngộ Không có kích thước nhỏ hơn nhiều. Chúng ta nên tạm hiểu con số 3 trượng 6 thước 5 tấc là ứng hợp với 36.500 tảng đá, còn dài rộng 24 thước cũng là hô ứng với 24 trượng. Đây là một phiên bản thu nhỏ, hay có thể là một góc sút ra từ tảng đá của Nữ Oa.

Với một chút dễ dãi cả tin như vậy, ta có giả thiết đầu tiên: Tôn Ngộ Không sinh ra từ đá do Nữ Oa luyện để vá trời từ thời thượng cổ. Nhưng khoan, Nữ Oa trong *Phong Thần diễn nghĩa* mới có chứ nhỉ? Trong *Tây Du Ký* có sao? Hay ta đang lẫn lộn Tôn Ngộ Không với Viên Hồng rồi ư?

May quá không nhầm lẫn gì cả, mà lại rất liên quan là đằng khác. Hồi thứ 35 *Tây Du Ký* viết Ngân Giác đại vương có nói: "Hồ lô của ta, từ lúc hỗn độn mới chia, trời khai đất mở, có một vị Thái Thượng lão tổ hóa thân thành bà Nữ Oa, luyện đá vá trời, cứu giúp đất trời đang trôi nổi, vá cho cả chỗ thiếu trên cung trời, thấy dưới chân núi

Côn Lôn có một loại mây tiên, bèn lấy tết thành quả hồ lô vàng thế này. Đó chính là quả hồ lô của Lão Quân để lại cho tới nay.

Ngân Giác đại vương nguyên là tiểu đồng coi lò Bát quái của Lão Quân, lời nó nói về Lão Quân hẳn là tin được. Hóa ra Nữ Oa chính là hóa thân của Thái Thượng Lão Quân, mà Ngộ Không cũng từ một tay ấy nhào nặn ra. Khi con có thể vỗ ngực mà xưng “Cha ta là Lão Quân”, dọa chết khiếp bao nhiêu yêu ma quỷ quái chưa biết chừng.

2. Gậy Như ý

Trong chương Bí ẩn Kim Thiền Tử, chúng ta đã nhắc qua về việc Bồ Đề chỉ dạy cho Tôn Ngộ Không bảy mươi hai phép thần thông mà không hề dạy tu tâm dưỡng tính, cũng không phải đạo trường sinh bất tử mà Ngộ Không mong cầu, cho nên học thành đạo rồi mà Ngộ Không vẫn bị quỷ sứ câu hỏi tới Địa phủ. Giống như các tiểu thuyết thần ma quỷ quái khác, cái làm nên bản lĩnh của một vị thần hay yêu quái không ngoài ba yếu tố: 1. Sức mạnh và phép thuật, 2. Vũ khí, 3. Pháp bảo.

Kết quả là ngoài Cân đầu vân và phép phân thân là có chút hữu dụng thì thất thập nhị huyền công chỉ là trò phù phiếm hoa dạng, ít khi thấy có tác dụng thực chiến. Bồ Đề tổ sư cũng không ban cho Ngộ Không binh khí, bảo bối hay công pháp đặc biệt gì khác.

Không có binh khí thì sao? Tôn Ngộ Không trở nên yếu ớt tới đáng thương. Ngay trận đầu ra quân đánh nhau với hạng vô danh tiểu tốt là Hồn Thế ma vương, Ngộ Không đã phải khá chật vật, xuất ra phép phân thân mạnh nhất: “Ma vương tức quá, vớ ngay đao thép, nhắm đầu Ngộ Không bổ xuống. Ngộ Không vội nghiêng mình né tránh. Ma vương chém hụt. Ngộ Không thấy hấn hung dữ, bèn lập tức dùng phép ngoại thân, nhổ một nhúm lông, bỏ vào miệng nhai nát vụn, rồi ngửa mặt phun lên trời, hô biến, tức thì hóa ra hai, ba trăm con khỉ con xúm xít xung quanh.”

Có nghĩa là tuy lão Tôn có sức mạnh, có võ nghệ không tệ, nhưng tay không khó đấu lại thanh đao trong tay ma vương, nên phải vận phép phân thân để giành chiến thắng.

Khi đánh nhau với Độc Giác Tỳ, bị thu mất gậy Như ý, Ma vương cười nhạo rằng: “Con khi ấy bị ta cướp mất gậy sắt, tay không bất lực, chắc là hăn đi cầu viện binh tới.”

Hay ở Ngọc Hoa quốc, bị tiểu yêu tinh như Hoàng Sư ăn cắp mất binh khí là ba anh em đều hết phép, phải bày kế lừa đảo để đoạt lại binh khí trước rồi mới gây sự đánh nhau.

Dài dòng như vậy chẳng qua để thấy rằng Bồ Đề tổ sư tính ra vẫn chưa làm hết trách nhiệm của người thầy. Mưu tính để học trò chọc trời khuấy nước mà chẳng ban cho vũ khí, pháp bảo thì biết phải làm sao?

Thế là Ngô lão tiên sinh liền bày ra lễ thôi nôi ở Thủy cung, cho khi con chọn đồ chơi, nào đao, nào bồ cào, nào kích, khi con đều chê cả cho tới khi gặp cây gậy Như ý.

Xuất xứ của món vũ khí này được tả rằng: “Đây là khi xưa vua Đại Vũ đi trị thủy, dùng khối sắt ấy để đo sông bể nông sâu, là thứ sắt thần.”

Đúng là cây gậy này từng qua tay Đại Vũ, nhưng xuất xứ thực sự của nó thì sao? Hồi 75, Tôn Ngộ Không đã tiết lộ cho Thanh Mao Sư biết:

Gậy sắt ta chín lần nấu luyện,

Lão Quân thân vận chuyển vào lò.

“Vật thần” vua Vũ ban cho,

Tám sông bốn biển đã thừa tiếng tăm.

Hóa ra cây thiết bạng Như ý này cũng do một tay Lão Quân luyện ra rồi cẩn thận bố trí để đến tay người con mình. Không tin ư? Cây gậy ấy ở dưới biển không biết đã mấy ngàn năm mà chẳng ai hay nó là một loại binh khí, nhưng Ngộ Không vừa nhìn thấy nó “là một cột sắt, to chừng bằng cái đầu, dài hơn hai trượng” thì đã biết là bảo bối ngay rồi, thậm chí còn biết dùng khẩu quyết “nhỏ lại, ngắn lại”. Bởi “Tuy to nhỏ như kim, như núi, Muốn ngắn dài cũng bởi lòng ta” (nguyên văn Trường đoản tùy ngô tâm ý biến).

Cây gậy ấy là binh khí không hề tầm thường, bởi ngoài khả năng biến to hóa nhỏ, thì nó còn có thể phân thân theo chủ nhân. Khi

đánh nhau với Na Tra Tam thái tử, Na Tra biến ra ba đầu sáu tay thì “Đại thánh bèn hô một tiếng ‘biến’, liền biến thành ba đầu sáu tay, cầm gậy sắt bịt vàng vung vít, và cũng biến thành ba cây gậy. Sáu tay cầm ba cây gậy đánh đỡ.”

Ở Ngọc Hoa quốc, khi nói về cây gậy, Ngộ Không cũng thừa nhận cây gậy này có duyên phận với mình:

Khai sơn trị thủy thuở thanh bình,

Lưu lại Đông Dương trấn thủy cung.

Năm tháng trôi đi sinh rắng đẹp.

Trường tiêu nào khó, sáng vô ngần.

Lão Tôn có phận lấy đem về,

Biến hóa thần thông thật diệu kỳ.

Nguyên văn hai câu cuối là “Lão Tôn hữu phận thủ tương lai, biến hóa vô phương tùy khẩu quyết” hợp với câu “Trường đoản tùy ngộ tâm ý biến” ở trên, cho thấy cây gậy đích thực tâm ý tương thông với Ngộ Không và cũng chỉ lão Tôn mới có khẩu quyết sử dụng.

Nếu vẫn chưa tin, các bạn cứ nhìn cách cây gậy Như ý chọn chủ thì biết “Trong biển ta còn có một khối sắt thần thiêng để định đày thiên hà, mấy hôm nay tỏa hào quang chói lọi, khí lành rực rỡ, phải chăng là điềm báo gặp được vị thánh này?”

3. Sở sinh tử và Tam tai lợi hại

Hồi 2 khi truyền đạo cho Ngộ Không, Bồ Đề tổ sư thừa nhận người tu đạo vẫn còn phải đề phòng “tam tai lợi hại - ba tai hại”:

Đây là một thứ đạo phi thường, cướp cả công tạo hóa, trời đất, lẫn cả mây huyền vi của nhật nguyệt, sau khi luyện thành, quỷ thần không dung. Dù có thọ cũng chỉ đến năm trăm năm, sau đó trời sẽ sai sét đánh, cho nên cần phải thấy tinh sáng lòng dự phòng né tránh. Nếu tránh được, thì thọ ngang trời đất. Nếu không tránh được thì đến đây là tuyệt mệnh. Lại sau năm trăm năm nữa, trời giáng hỏa tại thiêu cháy. Thứ lửa đó không phải là lửa trời, cũng không phải là lửa thường, mà là thứ “âm hỏa” từ huyết Dũng Tuyền trong người đốt thấu lên cung Nê Viên, ngũ tạng cháy thành tro, tứ chi vụn nát, tu hành, khổ hạnh nghìn năm biến thành hư ảo cả. Lại sau năm trăm

nắm nữa, trời giáng phong tai thổi bạt. Thứ gió ấy không phải là gió bốn phương Đông, Nam, Tây, Bắc, cũng không phải là thứ gió thu ẩm áp, cũng không phải là thứ gió từng trúc liễu hoa, mà là thứ "bi phong" từ "tín môn" thổi vào lục phủ, qua đan điền xuyên vào chín lỗ xương thịt tiêu hết, thân thể rời ra. Cho nên đều phải tránh né cả.

Giảng giải xong, Bồ Đề tổ sư bèn dạy cho Ngộ Không... 72 phép biến hóa. Trời ạ, tam tai là cái đại nạn từ trên trời giáng xuống từ trong người phát ra, thì biến hóa thành hồ báo cáo cầy sao tránh được. Cho nên tam tai vẫn cứ là cái tai họa ngầm mà Ngộ Không phải vượt qua nếu muốn trường sinh bất tử.

Độc giả thường nghĩ muốn trường sinh bất tử vốn dĩ rất đơn giản: xóa tên khỏi sổ sinh tử là được. Đây là một vấn đề dễ mà khó, khó mà dễ. Sổ sinh tử là các ghi chép về việc sống chết tiền định của muôn loài do Địa phủ và Thiên đình quản lý. Không chỉ các loài ngư, trùng,飞鸟, thú, người có tên trong sổ mà thần tiên cũng có. Long vương Kinh Hà được ghi chép sẵn rằng: *"Trước khi Long vương ra đời, trong sổ tử của Nam Đẩu tinh đã ghi rõ hắn bị giết bởi tay Nhân tào"*. Kẻ có tên trong sổ, khi mãn số thìắt có quỷ câu hồn tới bắt về Địa phủ. Tuy nhiên việc xóa tên trong sổ sinh tử chỉ đảm bảo rằng không bị Địa phủ quấy nhiễu mà thôi, chứ kẻ thoát khỏi sổ sinh tử hoàn toàn vẫn có thể chết.

Hồi 3 *Tây Du Ký* chép rất rõ:

Vị Phán quan vội vã cầm bút, chấm đẫm mực, Ngộ Không gỡ sổ, xóa sạch tên các loài khi đi, rồi ném sổ xuống đất nói:

- Vậy là xong, từ rày ta không thuộc quyền lữ người cai quản nữa.

Bởi không còn bị Địa phủ quản lý nên "Từ đây lũ khi núi không biết già, vì không có tên trong sổ âm ty".

Mặc dầu không bị Địa phủ quản lý, nhưng bấy khi ở Hoa Quả Sơn không hề trường sinh bất tử. Hồi 28 khi Tôn Ngộ Không bị sư phụ đuổi về núi, gặp lại bấy khi chỉ còn độ một ngàn con. Chúng thưa rằng:

Từ sau ngày Đại vương đi, núi này bị Nhị Lang Bồ tát phóng hỏa đốt cháy quá nửa. Chúng con phải ẩn núp dưới giếng lòng khe, trốn dưới chân cầu sắt mới sống sót.

Đến khi khói lửa tan tắt, chúng con bò ra, nhưng không có hoa quả nuôi thân, khó lòng sống được, một nửa bỏ đi nơi khác kiếm ăn, một nửa chúng con đành chịu khổ ở lại núi này. Hai năm qua, lại bị phùng sẵn bắt mất đến nửa rồi.

Cứ nhân ngược lên thì bầy khi ở lại chịu khổ là hai nghìn con, mà bầy khi sống sót sau trận Nhị Lang đánh núi Hoa Quả là bốn nghìn con. Từ bốn vạn bảy nghìn xuống còn bốn nghìn, mười phần chết tới chín.

Rốt cuộc, muốn trường sinh bất tử thì xóa tên trong sổ sinh tử là chưa đủ, mà phải hóa giải triệt để tam tai lợi hại.

4. Cung Tốn của lò Bát quái

Bấm tay nhầm tính, khi Ngộ Không bị bắt xuống âm phủ, sổ sinh tử có ghi: "Tôn Ngộ Không, là con khỉ đá trời sinh ra, thọ ba trăm bốn mươi hai tuổi thì hết số". Lên trời làm Bát Mã Ôn "Thấm thoát đã hơn nửa tháng", một ngày trên trời bằng một năm hạ giới, tức là 15 năm, rồi lại lên trời làm Tề Thiên Đại thánh "Ta chỉ nhớ quãng độ nửa năm", tức khoảng 180 năm ở hạ giới. Vậy thì cái hạn "tam tai nạn" lần thứ nhất cũng là đến rồi. Ngộ Không chỉ luyện thần thông mà không tu đạo nên cái họa này không phải tầm thường.

Lão Quân tính được tai kiếp này bèn tặng luôn con mình năm hồ lô linh đơn cùng năm vò rượu thuốc ngâm. Ta thấy khi Ngộ Không tới cung Đâu Suất, năm hồ lô linh đơn được bày ra cực kỳ hớ hênh: *"Lúc ấy Lão Quân cùng Nhiên Đăng cổ Phật đang giảng đạo trên đài Chu Lăng, tầng gác thứ ba. Các tiên đồng, tiên tướng, tiên quan, tiên lại đang đứng hầu hai bên nghe giảng. Đại thánh vào thẳng đàn phòng tìm hỏi nhưng không gặp, chợt thấy trong lò bếp có lửa, xung quanh lò để năm hồ lô, trong hồ lô đều đựng kim đơn đã luyện xong."*

Trong khi ở hồi 39, Ngộ Không lên xin linh đơn để cứu quốc vương nước Ô Kê thì chuyện mô tả:

"Vừa vào tới cửa, đã thấy Thái Thượng Lão Quân đang ngồi trong phòng luyện đơn. Mấy vị tiên đồng cầm quạt ba tiêu đang quạt lò nấu thuốc. Lão Quân vừa thấy Hành Giả, bèn dặn dò tiên đồng:

- Các chú phải cẩn thận. Tên ăn trộm linh đơn đến đây."

Kỳ kèo mãi mới thấy "Lão tổ mang hồ lô dốc ngược. Lấy ra một viên linh đơn đưa cho Hành Giả."

Cứ vậy mà suy thì năm hồ lô linh đơn đâu dễ mà bày ra trước mắt cả, rồi lại kéo hết tiểu đồng, quan tướng đi chỗ khác, không người trông nom. Bàn đào, rượu tiên, linh đơn chưa đủ, Lão Quân còn tự tay luyện cho con mình bảy bảy bốn chín ngày trong lò Bát quái để thành một thân kim cương bất hoại.

Xuyên suốt câu chuyện 81 nạn của Đường Tăng, ta thấy Tôn Ngộ Không rất kém khi gặp lửa. Lần đối đầu với Hồng Hải Nhi bị đốt cho "khấp người khói lửa, nóng rát không chịu nổi, phải nhả tùm xuống khe dập tắt lửa, không ngờ bị nước lạnh đột ngột, hơi lửa nhập vào tim, ba hồn xuất ra khỏi xác. Thương thay! Phổi bị tắc hơi đầu lưỡi cứng, hồn xiêu phách tán đã qua đời!"

Lần khác cầm quạt giả ở Hỏa Diệm sơn: "Hành Giả bèn cầm chiếc quạt, bước tới bên ngọn lửa lấy hết sức phất một cái. Ngọn lửa trên đỉnh núi bốc cao rừng rực. Hành Giả quạt lần nữa, ngọn lửa bốc cao hơn trăm lần. Lại quạt lần nữa, ngọn lửa bốc cao nghìn trượng, dần dần cháy lan bén cả vào người. Hành Giả vội vàng quay về, đám lông ở hai cẳng chân đã bị cháy sém."

Hỏa Diệm Sơn vốn chỉ là một viên gạch rớt xuống từ lò Bát quái mà 500 năm sau còn khiến Ngộ Không chật vật, bị đốt cháy sém cả cẳng chân. Thế thì cái việc bị nhốt trong lò 49 ngày năm xưa mà chẳng hề suy suyển một sợi lông, há chẳng đáng nghi lắm sao?

Sau khi ra khỏi lò Bát quái, ta thấy Ngộ Không luyện được một đôi Hỏa nhãn kim tình, lại đại triển thân thủ đánh cho "Cửu Diệu tinh quân phải đóng chặt cửa, bốn Thiên vương thì không biết chạy trốn phương nào", pháp lực còn kinh khủng hơn trước. Về sau trên con đường thỉnh kinh, mỗi khi nhắc tới lò Bát quái, Ngộ Không đều thừa nhận lợi ích kinh người của nó:

Hồi 19 viết:

"Ta lại bị Thái Thượng Lão Quân bắt giam vào lò bát quái đốt bằng lửa thần, khiến ta thành người mắt lửa người vàng, mình đồng da sắt."

Hồi 34 viết:

"Năm trăm năm trước, lão Tôn đại náo thiên cung, bị Thái Thượng Lão Quân bỏ vào lò bát quái luyện đúng bốn mươi chín ngày, khiến lục phủ ngũ tạng bền như vàng bạc, mình sắt da đồng, người vàng mắt lửa, chứ chỉ một giờ ba khắc làm sao nhão nổi ta."

Quay ngược lại đối chiếu tam tai mà Bồ Đề tổ sư giảng với những gì mà Lão Quân đã làm cho Tôn Ngộ Không, ta lại thấy sự trùng khớp tuyệt đối. Tam tai gồm lôi, hỏa, phong. Khi bị đưa ra hành hình, Ngộ Không đã trải qua "các thần ở bộ Hỏa, phóng lửa đốt cũng không cháy. Lại sai các thần ở bộ Lôi lấy roi sét đánh, cũng chẳng đứt một sợi lông", cung Tốn (tức gió) trong lò Bát quái chính là những gì Ngộ Không cần phải trải qua để vượt tam tai lợi hại.

Tám quẻ bát quái duy có Ly là Hỏa, nếu để tránh lửa thì Ngộ Không hẳn sẽ chọn trốn ở cung Khảm hay Đoài sẽ an toàn hơn cung Tốn nhiều. Tác giả lại diễn giải "Tốn là gió, có gió thì không có lửa" là muốn đánh lừa độc giả mà thôi, há chẳng phải gió to lửa càng mạnh đó sao. Cho nên Ngộ Không chẳng chui vào cung Khảm hay cung Đoài mà chọn cung Tốn, ấy là nhằm giải cái họa "bi phong, một thứ gió rất mạnh, tự trong đỉnh tháp thổi vào sáu phủ qua đan điền xuyên vào chín khiếu, xương thịt tiêu hết, thân thể rã ra."

Tính toán đầy đủ sâu xa như vậy, quả không hổ danh là Đạo tổ.

5. Vòng Kim cương đá Ngộ Không

Nếu Lão Quân là cha của Ngộ Không thì độc giả có thể đặt câu hỏi: Khi Ngộ Không đang đánh nhau với Nhị Lang thần, chính Lão Quân là người ra tay tương trợ Nhị Lang bằng cách ném chiếc vòng kim cương đánh Ngộ Không. Như vậy là ý làm sao? Xin thưa rằng: Lão Quân lo cho tính mạng của con trai mình. Bảo bối của Quan Âm Bồ tát không phải tầm thường. Hồi 70 kể Ngộ Không đánh nhau với Trại Thái Tuế ở động Kỳ Lân núi Giải Trãi, chỉ cái lục lạc buộc cổ con vật mà Quan Âm cười đã phóng ra lửa đỏ, khói độc, cát vàng khiến Ngộ Không khốn khổ, huống chi Tịnh bình là bảo bối bất ly thân của Bồ tát. Chiếc Tịnh bình ấy ở hồi 26, Quan Âm đã khoe rằng: "Trước

kia, Thái Thượng Lão Quân có đánh cuộc với ta: ngài bẻ một cành dương liễu của ta bỏ vào lò luyện đơn, đốt cháy khô sém, rồi lại đưa trả ta, ta cắm vào trong bình, qua một ngày đêm cành lá lại xanh tươi như cũ.”

Cũng chính chiếc bình ấy, ở hồi 42 khi hàng phục Hồng Hải Nhi, Bồ tát đã thị hiện thần thông của bảo bối bằng cách sai Ngộ Không vận sức nhắc lên. Kết quả là “Hành Giả lập tức đi cầm chiếc bình. Chà, đừng hòng nhắc nổi! Chẳng khác nào chuồn chuồn lay cột đá, không tài nào lúc lắc được nửa phân.” Hãy tưởng tượng nếu Tịnh bình ấy rớt trúng đầu Ngộ Không thì sẽ ra sao?

Việc Lão Quân tự tay ném vòng vừa đảm bảo không hại tính mạng Ngộ Không, lại vừa bắt sống được con khi ấy để trị dứt điểm tam tai. Mà nếu Lão Quân không ra tay đánh Ngộ Không lúc ấy, thì liệu về sau Ngọc Hoàng có dám trao Ngộ Không cho ông ta đem về xử lý một mình không?

Rốt cuộc, vở kịch khai màn từ Trộm linh đơn cho tới hồi Lò Bát quái, có thể đặt ra một giả thiết rất đáng tin cậy, là Lão Quân ra sức luyện cho Ngộ Không từ trong ra (phục dụng linh dược), lại luyện từ ngoài vào (nung trong lò bát quái), để cho một thân từ trong ra ngoài đều cứng rắn như một khối kim cương bất hoại, chẳng có tam tai nào hại nổi.

Cũng từ thái độ của Ngọc Hoàng Thượng Đế khi cắt cử binh tướng đi đánh Tôn Ngộ Không: Lần đầu cử Thác Thập Thiên vương, lần hai nhờ Mộc Xoa đồ đệ của Quan Âm, lần ba mời Nhị Lang Thần, lần bốn mời Phật tổ Như Lai. Mà chưa từng mở lời nhờ Thái Thượng Lão Quân ra tay, đủ thấy vị vua trời này nghi ngờ không ít mối quan hệ mập mờ giữa Thái Thượng Lão Quân với Ngộ Không.

Tôi muốn nhắc lại hai sự việc mà từ đó có thể nhìn ra chút manh mối.

Thứ nhất: Sau khi phá hội Bàn Đào, Tôn Ngộ Không say rượu, *Tây Du Ký* viết:

"Hồi lâu, khi đã say mềm mới bần thần nghĩ rằng:

- Hồng rồi, hồng rồi! Rồi đây khách khứa đến, không lấy làm lạ sao? Họ giữ ta lại thì phiền. Chi bằng quay ngay về phủ đánh một giấc ngủ là hơn!

Đại thánh say quá, xiêu vẹo bước đi, chẳng còn tỉnh táo nữa nên lầm đường, không về phủ Tề Thiên mà lại vào cung Đâu Suất. Đến nơi, Đại thánh mới chợt nhận ra, nói:

- Cung Đâu Suất ở tầng trời thứ ba mươi ba, nơi ở của Thái Thượng Lão Quân, sao ta lại lạc đến đây nhỉ? Thôi được, từ trước ta vẫn ngưỡng vọng ông này mà chưa đến được, nhân dịp này, thuận đường vào thăm ông một chút cũng hay."

Ngày nay ta gọi là đi theo quán tính, đi trong vô thức, thực chất là đi theo tiềm thức. Con đường về cung Đâu Suất nó nằm đâu đó trong tạng thức của Ngộ Không. Nên khi say mê say mết, đôi chân cứ tự động dẫn về chốn xưa. Cung Đâu Suất chẳng phải chốn xa lạ. Ở Ngũ Trang Quan, Tôn Ngộ Không thấy câu đối trước cửa cũng bảo: "Ông đạo sĩ này nói phét quá trời! Năm trăm năm trước, khi lão Tôn đây đại náo thiên cung, ngay cả trước cửa Thái Thượng Lão Quân cũng không thấy treo câu đối có lời lẽ như thế này." Lần tới cung Đâu Suất là Ngộ Không say tít cung thang có lẽ chẳng để ý cửa cung treo câu đối nào đâu. Trừ phi con khỉ ấy không hề xa lạ nơi chốn đó.

Thứ hai: Không phải tự nhiên Khuê Mộc Lang tự ý hạ phàm. Hóa ra là Hoàng Bào lão quái cản trở thầy trò Đường Tăng thỉnh kinh, sau khi bị bắt về Thiên đình, y liền bị cho đi lao động khổ sai canh lò Bát quái của Thái Thượng Lão Quân, một sự trả giá, hại ông con thì phải đi ở đợ cho ông cha.

6. Tại sao Lão Quân không trực tiếp dạy Ngộ Không?

Đây là một vấn đề khá hóc hiểm, bởi trên cương vị là người đứng đầu Đạo giáo, là Tổ sư của bao thế hệ thần tiên, thì nhẽ ra Lão Quân phải tự tay dạy dỗ Hầu vương mới phải. Thực tiếc vì khi ấy Lão Quân lại kẹt công chuyện quan trọng khác.

Hầu vương vượt biển tầm sư học đạo là ở thời điểm nào trong lịch sử Trung Quốc? *Tây Du Ký* có mô tả rằng:

Đua chen danh lợi dập dồn

Thức khuya dậy sớm chẳng còn tự do

Mong tuần mã khi cười lừa.

Làm quan tể tướng, lại mơ vương hầu.

Thế rồi “Ở Nam Thiệm Bộ Châu, sức sạo thành lớn, thấm thoát đã tám, chín năm” như bản Như Sơn dịch, hoặc “ở Nam Thiệm Bộ châu chốc đã tám năm, qua thành nọ đến châu kia” như bản Thụy Đình dịch. Thực ra nguyên văn câu này là “Tại vu Nam Thiệm Bộ Châu, xuyên Trường thành, du tiểu huyện, bất giác bát, cửu niên dư”. Trường Thành vốn bắt đầu được xây cất ở thời nhà Chu với điển tích nổi tiếng Phong hỏa hí chư hầu của Chu U vương, rồi dần dần các nước thời Xuân Thu và Chiến Quốc xây đắp các đoạn Trường thành của riêng mình để ngăn sự xâm lược của Di Địch, cho tới khi Tần Thủy Hoàng thống nhất lục quốc, đắp nối các Trường Thành lại với nhau thành ra Vạn Lý Trường Thành. Còn “huyện” cũng là đơn vị hành chính bắt đầu được lập ở thời nhà Chu.

Trong *Tây Du Ký*, tác giả nhấn mạnh việc Hầu vương vượt các Trường Thành, qua các tiểu huyện, rồi thời kỳ tranh danh đoạt lợi, mơ vương hầu, Tể tướng... ấy là muốn nói Hầu vương tới Trung Quốc vào thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Trong thời Xuân Thu Chiến Quốc thì ta biết Thái Thượng Lão Quân hóa thân thành Lão tử. Hẳn là khi Ngô Không tới Trung Quốc tìm thầy học đạo, thì Lão tử đã ra khỏi Hàm Cốc đi về phía tây rồi. Ngài đi vì mục đích gì? Hồi 6 Lão Quân đã giải đáp rằng: “Trước kia, khi đi qua cửa Hàm Cốc, hóa người Hồ thành Phật”. Cũng nên lưu ý rằng nhân vật Lão Quân không hề được nhắc tới từ khi Ngô Không được sinh ra, mãi cho tới tận khi Ngô Không lên trời mới xuất hiện. Người cha ấy vì bận hóa Hồ vi Phật ở phương Tây nên đã không làm tròn bốn phận dạy dỗ, rèn giũa, ngài đành chờ tới thời điểm tam tai sắp xảy ra mới bù đắp cho con trai mình.

7. Thái Bạch Kim Tinh

Thái Thượng Lão Quân có quá vô trách nhiệm khi bỏ rơi con mình từ khi mới sinh ra không? Không đâu, vì Đạo tổ đã cắt cử một vị tiên

theo sát và nâng đỡ Tôn Ngộ Không. Đó là Thái Bạch Kim Tinh.

Ngay từ khi Tôn Ngộ Không náo loạn Âm phủ và Long cung, Ngọc Hoàng tính cử binh chinh phạt, Thái Bạch Kim Tinh đã quỳ tấu: “Thần xin Thượng đế, nghĩ sinh hóa, mở lòng từ bi, xuống một đạo thánh chỉ chiêu an, gọi hắc lên thượng giới, trao cho hắc một chức quan nhỏ nào đó, biên tên hắc vào sổ, ràng buộc hắc ở đây. Nếu hắc tuân mệnh trời, thì sẽ thăng thưởng, nếu hắc trái mệnh trời thì sẽ bị bắt ngay.”

Khi Ngộ Không bỏ chức Bát Mã Ôn về hạ giới xưng Tề Thiên Đại thánh, đánh bại Na Tra Tam thái tử, Ngọc Hoàng nổi giận quát “Con khỉ yêu ấy lại dám ngông cuồng như thế ư? Các tướng hãy mau đi giết nó ngay!”

Thế là Thái Bạch Kim Tinh tiến lên xin chiêu an và phong tước. Sau này trong suốt quãng đường thỉnh kinh, vị tiên này còn nhiều lần xuất hiện để trợ giúp thầy trò Đường Tăng nữa.

Thái Bạch Kim Tinh có quan hệ gì với Thái Thượng Lão Quân? Truyền thuyết Trung Hoa cho biết Thái Bạch Kim Tinh, tên họ là Lý Trường Canh, nghiên cứu thâm sâu về Đạo. Sau khi thành tiên, để cảm tạ ơn đức sâu dày của Đạo tổ, Lý Trường Canh đã cho xây dựng tòa Đạo Đức Trung Cung ở Hào Châu thờ Đạo tổ. Ngoài ra ở ngoại thành Hào Châu nay vẫn còn di tích tháp Tiết Các, được cho là nơi Lão tử truyền đạo cho Lý Trường Canh.

Trong *Tây Du Ký*, Thái Thượng Lão Quân chính là Đạo tổ, mà Thái Bạch Kim Tinh cũng từng nhận mình tên là Lý Trường Canh như hồi 3 xưng là Trường Canh tinh quân, hồi 21 lại nói đầy đủ cả tên họ “Trường Canh họ Lý chính già đây!”

Với một vị đệ tử đắc lực ở bên cạnh Ngọc Hoàng Thượng Đế, lại tích cực phù trợ con mình như vậy, Thái Thượng Lão Quân hắc cũng phần nào yên tâm mà sang tây truyền giáo.

8. Cha đó, mẹ đâu?

Phàm có âm thì phải có dương có dương thì tất có âm. Ngô lão tiên sinh đã cho Ngô Không một người cha bí ẩn là Thái Thượng Lão Quân thì lẽ đâu lại keo kiệt mà không tạo ra một người mẹ thần bí. Khi đặt câu hỏi ai có thể là mẹ của Ngô Không độc giả có thể đưa ra các giả thiết như Nữ Oa, Quan Âm, Vương Mẫu... Toàn các vị nữ nhân đại danh鼎鼎. Nhưng Nữ Oa chính là hóa thân của Lão Quân như đã nói tới ở trên. Quan Âm Bồ tát là người bên Phật giáo Tây phương, tôi không thấy sự kết hợp khả dĩ nào giữa Lão Quân và Quan Âm cả. Còn Vương Mẫu là bà hậu của Ngọc Hoàng, vị vua cai quản cả cõi trời, tôi không dám đặt ra một giả thiết lộn sòng như vậy.

Vâng, không dài dòng nữa, tôi xin đưa ra luận điểm đơn giản của mình: Nhân vật được ám chỉ là mẹ của Ngô Không phải đáp ứng được ba tiêu chí sau: Thứ nhất là trong truyện phải nhắc tới việc gặp gỡ hoặc có liên hệ với Ngô Không; thứ hai phải là người có quan hệ gần gũi, thậm chí là tâm phúc của cha Ngô Không - tức Lão Quân; và thứ ba, phải có mặt ngữ mà tác giả gài vào câu chuyện. Tôi biết khi mình đưa ra đáp án, sẽ có nhiều độc giả phản đối, thậm chí phẫn nộ. Không sao, tôi chỉ làm công việc của mình. Và đáp án tôi đưa ra kỳ này, đó là mẹ của Tôn Ngô Không là Cửu Vĩ Hồ, bị chính tay Ngô Không giết ở hồi 34.

Cửu Vĩ Hồ là nhân vật được *Tây Du Ký* kể là mẹ của Kim Giác và Ngân Giác, chủ nhân của sợi Hoàng kim tăng (dây kim tuyến). Nhưng Kim, Ngân hai vị ma vương vốn là đồng tử của Lão Quân, làm sao lại xuất hiện một người mẹ yêu quái nơi trần thế được? Hơn nữa khi nghe tiểu yêu báo Ngô Không giết lão mẫu của nhị quái, phản ứng của ma vương rất dửng dưng. Ma anh nói: "Chú ạ, đem Đường Tăng và Sa Tăng, Bát Giới, ngựa bạch, hành lý, trả hết lại cho Tôn Hành Giả, cắt hết tai tiếng thị phi đi."

Còn ma em thì đáp: "Nếu tam chiến mà tôi không thắng được y, bấy giờ ta sẽ đem đưa trả Đường Tăng cũng chưa muộn." Hoàn toàn không có sự đau xót, tiếc thương vì cái chết của người mẹ, cho nên ta có thể kết luận, Cửu Vĩ Hồ chỉ là giả mẫu của hai ma vương.

Nếu vậy thì vai trò của Cửu Vĩ Hồ trong *Tây Du Ký* là gì? Nếu không phải một nhân vật thừa thì tất nhiên phải mang ẩn ý của tác giả. Với việc tác giả cho Cửu Vĩ Hồ là mẹ của ma vương tôi liền lĩnh đưa ra kết luận rằng tác giả muốn ám chỉ đây là mẹ của Ngộ Không.

a. Tâm phúc của Lão Quân

Trong toàn bộ câu chuyện *Tây Du Ký* không có nửa lời nào nhắc tới mối quan hệ trực tiếp giữa Lão Quân và Cửu Vĩ Hồ. Tuy nhiên, ta thấy Kim, Ngân là hai đồng tử được Quan Âm Bồ tát mượn Lão Quân để đưa xuống trần, thì nếu Cửu Vĩ chỉ là yêu ma quỷ quái chốn sơn lâm, làm sao lại được nhị ma tôn làm mẹ? Lại giao cho giữ bảo bối Hoàng kim thắt (sợi dây kim tuyến)? Trong năm bảo bối của Lão Quân thì Tử kim hồng hồ lô là thứ đựng linh đơn, Dương chi ngọc tịnh bình là đồ đựng nước, Thất tinh bảo kiếm là thứ luyện ma, Ba tiêu phiến dùng để quạt lò, duy có Hoàng kim thắt là sợi dây buộc áo bào, đi liền với thân thể của ngài. Bốn thứ bảo bối trước là do hai tiểu đồng lấy trộm, còn dây đai buộc áo há lại để lũ tiểu đồng coi lò đựng vào? Giả thiết của tôi là Lão Quân đã cởi nó mà đưa cho Cửu Vĩ Hồ.

Với thuộc tính trói buộc của Sợi dây kim tuyến, có thể thấy Lão Quân không yên tâm về bộ đôi Kim Ngân nên đã giao nó cho Cửu Vĩ Hồ và để bà ta hạ phạm giám sát nhị ma. Cũng bởi là tâm phúc của Lão Quân nên nhị ma không dám hỗn hào, tôn làm mẹ và hết lòng cung phụng. Dĩ nhiên khác máu tanh lòng, không có bất kỳ sự yêu thương hay xót xa của hai đứa con hờ dành cho người mẹ giả.

Quan điểm này càng được củng cố khi *Tây Du Ký* mô tả Ngộ Không biến thành Cửu Vĩ Hồ tới động Liên Hoa, nhị ma liền "sai bày hương án ra đón tiếp". Rồi *Tây Du Ký* lại chép "Các yêu ma lớn nhỏ, đều đến quỳ đón, tiêu thiếu nhã nhạc, trầm bồng du dương, trong đỉnh hương trầm, khói tuôn ngào ngạt."

Đây không phải lễ nghi con cái đón mẹ mà giống như nghi thức quan viên đón tiếp Khâm sai đại thần.

b. Mạnh mỗi Đại Vũ - Đồ Sơn phu nhân

Cùng với sự xuất hiện của cây Kim cô Như ý bổng, ta lại thấy một sự kết nối giữa năm nhân vật: Lão Quân - Đại Vũ - Tôn Ngộ Không - Cửu Vĩ Hồ - Đồ Sơn phu nhân.

Lão Quân cho Đại Vũ cây Định hải thần châm để trị thủy. Bên cạnh Đại Vũ lại có một vị phu nhân là Nữ Kiều thuộc Đồ Sơn thị, cũng là Cửu vĩ bạch hồ, vị Đồ Sơn phu nhân này cũng là người trợ giúp đắc lực cho Đại Vũ trị thủy. Sau khi trị thủy xong, Đại Vũ đem Định hải thần châm cắm dưới biển, sau truyền tới tay Tôn Ngộ Không. Một vòng tuần hoàn rồi rằm, mà sự trùng lặp thể hiện ra rằng rất có thể là Lão Quân giúp Đại Vũ công cụ để trị thủy, còn Cửu Vĩ sai tộc nhân của mình tới làm trợ thủ cho Vũ.

Một truyền thuyết cổ của Trung Quốc kể rằng sau một thời gian thành thân và có mang với Đại Vũ, Nữ Kiều vô tình phát hiện ra bản chất của Vũ là con gấu hung bạo cùng cực, nàng bèn bỏ đi. Đại Vũ hiện thân gấu đuổi theo, Nữ Kiều chạy mãi tới khi kiệt sức biến thành tảng đá. Đại Vũ chỉ tảng đá quát: "Trả con cho ta." Tảng đá liền nứt đôi, một đứa trẻ chào đời, đó chính là Hạ Khải - vị vua thứ hai của nhà Hạ.

Truyền thuyết này có lẽ là nguyên mẫu để Ngộ Thừa Ân dựng nên Tôn Ngộ Không sinh ra từ tảng đá. Một Cửu Vĩ Hồ hóa đá rồi sinh ra Hạ Khải, một Cửu Vĩ Hồ tiền bối đẻ ra thạch thai, sinh ra Ngộ Không. Phải chăng đó chỉ là một sự tình cờ trùng hợp?

Lại nhớ tới bộ *Phong Thần diễn nghĩa*, Cửu Vĩ Hồ là yêu tinh được tin cậy sủng ái bậc nhất của Nữ Oa nương nương. Mà theo *Tây Du Ký* thì Nữ Oa là hóa thân của Lão Quân. Dẫu rằng Tây du là Tây du, Phong thần là Phong thần, nhưng cũng thấy có chút liên quan nho nhỏ, ghi lại hầu bạn đọc.

c. Lãng tử hồi đầu

Tây Du Ký mô tả lần đầu tiên Ngộ Không gặp Cửu Vĩ Hồ:

"Đến lần cửa thứ hai, Hành Giả ngẩng đầu lên, nhìn vào bên trong, thấy một bà cụ già ngồi ngay ở chính giữa. Hình dung mẹ ta thế nào? Chỉ thấy:

Tóc bạc phát phơ, mắt mày óng ánh. Hai má hồng hào nếp rạn nhiều, hàm răng thưa thớt sức khỏe mạnh. Mặt như hoa cúc đượm màu sương, hình tựa thông già mưa vừa tạnh. Đầu đội khăn quàng lụa trắng phau, hoa triu hai tai vàng óng ánh."

Cách mô tả này không gợn chút oán ghét hay hận thù, cũng không tả ra một mẹ yêu quái tàn ác dữ tợn, mà đó là một bà cụ phong sương hạc cốt. Câu văn gợi lên hình ảnh một đứa con xa nhà đã lâu, nay trở về nhìn thấy mẹ già tóc bạc đang ngồi mong con. Tuyệt không có nửa chữ nào mang hàm nghĩa chê bai cả. Nhìn thấy Cửu Vĩ Hồ rồi, Ngô Không nghĩ gì? Tác giả lại gài một loạt mật ngữ:

"Tôn Đại thánh thấy vậy không dám tiến vào, chỉ đứng ở ngoài lần cửa thứ hai, nét mặt rầu rĩ, sùi sụt khóc thầm." Chính là cảm giác của lãng tử hồi đầu, nhìn thấy mẹ già, chàng vừa thương cảm, vừa ân hận nên chần chừ chưa dám vào lạy chào.

Rồi Ngô Không lại chua xót trong lòng: "Từ khi ta là người, làm một trang hảo hán, chỉ phải lạy có ba người: lạy Phật tổ ở Tây Thiên; lạy Quan Âm ở Nam Hải; sư phụ cứu ta ra khỏi Lưỡng Giới sơn, ta đã lạy người bốn lạy. Vì người mà gan phổi tan nát, quả tim ba lông sáu khiếu dờ hết ra. Một quyển kinh đáng giá là bao, để đến nỗi ngày nay ta phải đi lạy quái vật."

Nếu không phải bản tâm Ngô Không muốn lạy thì đã một gậy đập chết tốt yêu bà mà đoạt lấy bảo bối rồi. Cho nên Ngô Thừa Ân viết ở đây chính là ám chỉ Ngô Không lạy mẫu thân. Tiếp đến là câu chuyện văn an. Đoạn này phải phân tích qua bán gốc mới thấy rõ được:

[Ngô Không] triều thượng quy hạ, đạo: "Nãi nãi, khái đầu." Na quái đạo: "Ngã nhi, khởi lai."

Hành Giả ám đạo: "Hảo hảo hảo, khiếu đặc kết thực!"

Hai chữ nãi nãi (奶奶) thường mang nghĩa "bà nội", "bà chủ", nhưng thực ra ở một số vùng, nó còn mang nghĩa là "vú em", "mẫu thân". Kết thực (结实) nghĩa là vững chắc, tráng kiện. Cho nên đoạn văn này có thể dịch thành:

[Ngô Không] hướng tới, quỳ xuống nói: "Thưa mẹ, con xin khấu đầu."

Yêu quái nói: "Con ta (ngã nhi) hãy đứng lên."

Hành Giả nghĩ thầm: "Tốt, tốt, tốt, giọng nói vẫn còn khang kiện lắm." (câu này bản Như Sơn dịch là "Ăn nói thực thà lắm", bản Thụy Đình dịch là "Tiếng nói có vẻ lắm" đều không truyền tải được ý nghĩa.)

Quá rõ ràng người con trai đi xa về, nhìn mái tóc mẹ phong sương, da dẻ đã có nếp nhăn, mà nghe giọng nói còn khang kiện thì vui thầm trong lòng. Nếu Ngô Không với Cữu Vỹ Hồ là người dưng thì rất khó lý giải việc khi ta nghĩ thầm: "Tốt, tốt, tốt, giọng nói vẫn còn khang kiện lắm." Dĩ nhiên Ngô Không gọi Cữu Vỹ Hồ là "nãi nãi", Cữu Vỹ Hồ gọi là là "ngã nhi" cũng là một ám thị rõ ràng về mối quan hệ mẫu tử giữa hai người.

d. Ngô Không giết Cữu Vỹ

Cổ sự này thực sự làm đau đầu người giải mật. Bởi nếu Ngô Không là con Cữu Vỹ Hồ thì phải giải thích làm sao việc Ngô Không giết mẹ?

Tây Du Ký hồi 34 viết:

Tiểu yêu không biết hay dở thế nào, đứng vây lấy Hành Giả chia lương khô, bị Hành Giả giơ gậy sắt ra, khế mài lên đầu một nhát, một đứa lăn kên ra, người xám ngắt, một đứa mới xát qua, chưa chết hẳn, còn kêu được. Lão quái nghe tiếng kêu rên rĩ thò đầu ở trong kiệu ra ngó, bị Hành Giả xông đến trước kiệu, nhắm giữa đầu, đánh cho một gậy, thùng toạc đầu ra, óc chảy lênh láng, máu tươi đầm đìa rồi lòi ra ngoài kiệu xem, té ra là con hồ ly chín đuôi.

Hành Giả nói:

- Con súc vật tạo nghiệt này! Đức bà gì cái thứ mày, mày mà được gọi là đức bà thì lão Tôn đây phải xưng là cụ kỵ đức ông mới đúng!

Tôi đọc đi đọc lại đoạn này, và nhận ra khi Ngô Không giết Cữu Vỹ Hồ, không hề có chứng nhân nào cả. Hai phụ kiệu đều bị giết chết trước đó, như vậy việc Ngô Không giết Cữu Vỹ chỉ là lời kể của người thứ ba, và qua thông báo của tiểu yêu cho nhị ma: "Đại

vương, tai vạ to rồi! Tôn Hành Giả đánh chết đức bà, cái trang đến đây!”

Tại sao tiểu yêu biết Ngô Không đánh chết Cửu Vĩ Hồ? Có thể vì xác hai phu kiệu, xác hai tiểu yêu Ba Sơn Hồ, Ý Hải Long bị bỏ giữa đường.

Tôi lại chú ý tới việc Cửu Vĩ Hồ dẫn dò tiểu yêu trước khi lên kiệu:

Mấy đứa nữ quái khiêng một cái kiệu bằng mây thơm ở nhà sau ra, để ở ngoài cửa, quây màn lục xanh. Lão quái đứng dậy ra khỏi động, ngồi lên trên kiệu, theo sau có mấy đứa nữ yêu nhỏ mang những thứ trang sức, xách chiếc giá gương, cầm cái khăn mặt, mang lọ nước hoa, theo hầu hai bên tả hữu.

Lão quái nói:

- Chúng bay đi làm gì! Ta đến chỗ con ta đăng kia, ở đấy thiếu gì đứa hầu hạ, chúng bay đến đấy mà cãi vã nhau sao? Về cả đi! Đóng cửa lại coi nhà!

Thứ nhất, nữ yêu khiêng kiệu ra thì tự động mang theo mấy đồ lật vật để theo hầu, đó đã là lệ thường, không cần chủ nhân nhắc nhở.

Thứ hai, lão quái chủ động không cho ai đi theo. Mà quãng đường từ chỗ Cửu Vĩ Hồ tới động Liên Hoa khá xa, hai tiểu yêu Hồ, Long khi tới, đi tám, chín dặm rồi mà vẫn còn cách mười lăm, mười sáu dặm nữa. Về sau Ngô Không cũng bảo hai gã phu kiệu: “Nói ra không tốt, đường xá xa xôi, đến mời đức bà, người chẳng thưởng cho cái gì ăn, trong bụng đói meo...” Đi kiệu chừng ấy đường mà không cho người hầu kẻ hạ theo để lo việc trà nước điều đó, kể cũng không hợp lý.

Thứ ba, nhiệm vụ giám sát nhị ma đã hoàn thành, con trai mình cũng đã được gặp, không còn gì để lưu luyến chốn trần gian nữa, nên lão quái trở về chốn xưa được rồi, cho nên mới nói “Ta đến chỗ con ta đăng kia, ở đấy thiếu gì đứa hầu hạ”. Động Liên Hoa, núi Bình Đỉnh đa phần là nam quái, đâu ra nữ quái mà hầu hạ lão yêu. Cho nên câu này ám chỉ việc lão quái trở về bản xứ chứ không phải tới nhà nhị ma.

Rốt lại, câu chuyện Ngô Không giết Cửu Vĩ Hồ chỉ là dựng lên để đánh lừa người đọc mà thôi. Hoặc giả Ngô lão tiên sinh có ẩn ý khác mà tôi chưa mò ra được?

9. Một lý giải khác

Bản thân tôi cũng nhận thấy lý giải việc tác giả *Tây Du Ký* xây dựng chi tiết Tôn Ngộ Không giết mẹ như trên vẫn khá khiên cưỡng, chưa đủ sức thuyết phục. Bởi vậy tôi đưa ra tiếp một sự so sánh giữa ba thành viên trụ cột của đoàn thỉnh kinh.

Đường Tăng: Một Oedipe phương Đông trực tiếp dẫn đến việc cha (Lưu Hồng) bị giết, gián tiếp khiến mẹ tự tử.

Tôn Ngộ Không: Đạp cha (Lão Quân) ngã lộn (khi ra khỏi lò Bát quái), tự tay giết mẹ (Cửu Vỹ Hồ).

Trư Bát Giới: Tự cắn chết mẹ (con heo nái) và các anh em (heo) đồng bào.

Phải chăng tác giả muốn xây dựng đoàn thỉnh kinh là một tập hợp những kẻ tội ác tày trời tìm về nơi đất Phật? Một sự trùng hợp với những ám chỉ rằng cuộc sang Tây Thiên thỉnh kinh của *Tây Du Ký* là để ẩn dụ các chuyến Hạ Tây dương của Trịnh Hòa, các cuộc viễn du được thực hiện theo lệnh của Minh Thành tổ, một kẻ vô quân vô phụ.

Chương 4

THÁC THÁP THIÊN VƯƠNG - NHỊ LANG THẦN

1. Ba người con của Thác Tháp Thiên vương

Ba cái tên Kim Tra, Mộc Tra, Na Tra vốn rất quen thuộc với độc giả *Phong Thần diễn nghĩa*, là ba anh em con trai của Lý Tịnh. Tuy nhiên trong *Tây Du Ký*, tên của Mộc Tra lại được chép là Mộc Xoa.

Hồi thứ 6 viết:

"Huệ Ngạn bèn cất tiếng gọi: Thiên binh giữ cửa doanh, các người vào báo ngay có Mộc Xoa, Thái tử thứ hai của Lý Thiên vương, đại đồ đệ của Đức Quan Âm ngoài Nam Hải, hiệu là Huệ Ngạn đến dò xét tình hình."

Hay như tên của cả ba anh em đều được chép cùng nhau ở hồi 83: "Con trai lớn là Kim Tra, hầu hạ Như Lai, làm Tiền bộ hộ pháp; con thứ hai là Mộc Xoa, làm đồ đệ Quan Thế Âm ở Nam Hải; con thứ ba là Na Tra ở luôn với tôi, hôm sớm vào triều hộ giá.

Như vậy là trong *Tây Du Ký*, chỉ có hai người tên mang chữ Tra, còn người con giữa đích thực là Mộc Xoa chứ không phải do bản in nhầm lẫn. Vì đâu mà có sự sai khác trong tên gọi của ba anh em? Ấy là bởi cả ba cái tên này đều có nguồn gốc xuất xứ không phải từ Trung Quốc. Ta hãy bắt đầu từ người cha của họ: Thác Tháp Thiên vương Lý Tịnh.

Vệ quốc công Lý Tĩnh, công thần khai quốc của nhà Đường được nhân dân ngưỡng vọng. Sau khi ông mất, được dân gian sùng bái mà tôn thành Thác Tháp Thiên vương Lý Tịnh (chữ 靖 - có hai âm đọc là Tĩnh và Tịnh), rồi trong quá trình du nhập Phật giáo Mật tông vào Trung Quốc, không rõ bởi lý do gì mà Thác Tháp Thiên vương được đồng hóa với Tỳ Sa Môn Thiên vương. Và theo thời gian, ba vị thần của Mật tông cũng được đồng hóa thành ba người con của Thác Tháp Thiên vương. Ba vị đó là Quân Đồ Lợi Minh vương, Ba La Đề Mộc Xoa và Na Tra Câu Phát La.

Na Tra (哪吒): Sự đồng hóa Na Tra Câu Phật La (Nalakuvara - có sách phiên âm là Na La Cư Bà) thành Na Tra Tam thái tử khá đơn giản. Theo Mật tông thì Na Tra Câu Phật La là phó thần của Tỳ Sa Môn Thiên vương, do đó được Đạo giáo thu nạp làm hộ pháp thần, rồi trở thành con trai thứ ba của Lý Tịnh. Cái tên tiếng Phạn cũng được thu ngắn thành Na Tra.

Trường hợp Mộc Xoa (木叉) thì phức tạp hơn rất nhiều. Ba La Đề Mộc Xoa theo tiếng Phạn có nghĩa là Giải thoát, lại có nghĩa là Giới luật. Thời Đường có một vị cao tăng pháp hiệu là Tăng Già đại sư, có hai vị đệ tử là Mộc Xoa và Huệ Ngạn. Dân gian truyền rằng đại sư là hóa thân của Quan Âm Bồ tát, rồi họ đồng nhất hai vị Mộc Xoa, Huệ Ngạn thành một nhân vật duy nhất: Mộc Xoa, pháp danh Huệ Ngạn. Rồi với sự du nhập của Mật tông vào Trung Quốc, Mộc Xoa đã trở thành Ba La Đề Mộc Xoa và theo gót Quân Đồ Lợi Minh vương và Na Tra Câu Phật La mà trở thành con thứ của Thác Thập Thiên vương Lý Tịnh. Cái tên Mộc Xoa cũng từ từ được một số bộ phận trong dân chúng biến thành Mộc Tra.

Kim Tra (金吒): Sự biến hóa này còn phức tạp hơn bội phần. Quân Đồ Lợi Minh vương còn được gọi là Quân Tra Lợi Minh vương, Cam Lộ Minh vương, Quân Tra Lợi Kim cương đồng tử. Trong khi đó, Tỳ Sa Môn Thiên vương có người con trai lớn gọi là Cam Lộ Thái tử. Từ việc đồng hóa Thác Thập Thiên vương với Tỳ Sa Môn Thiên vương, rồi sinh ra việc gán Cam lộ Thái tử làm người con lớn của Thác Thập Thiên vương, và bước tiếp theo là đồng hóa Cam Lộ Thái tử với Cam Lộ Minh vương, tức Quân Đồ Lợi Minh vương và được gọi sang cái tên Quân Tra Lợi Minh vương. Bản *Tây Du Ký* - Thế Đức đường in đời nhà Minh vẫn dùng cái tên Quân Tra này để gọi người con lớn của Thác Thập Thiên vương (ở hồi 83, khi Tôn Ngộ Không lên Thiên đình bắt vạ Thiên vương về con chuột mũi trắng động Không Đáy). Từ đây có hai giả thuyết về nguyên do cái tên Kim Tra ra đời: 1) là từ chữ Quân biến thẳng sang chữ Kim, 2) là từ cái tên Quân Tra Lợi Kim cương đồng tử mà biến sang Kim Tra để hợp với Mộc Tra theo ngũ hành của người Trung Quốc.

2. Nhị Lang Thần

Bạn đọc Tây Du hiểm người không mê nhân vật này: tài năng, đẹp trai lại có khí phách. Tuy nhiên nhân vật này cũng ẩn giấu rất sâu mà đôi khi sẽ khiến người ta phải ô lên khi sự thật được phơi bày.

2.1. Sơ lược về Nhị Lang thần

Nhị Lang thần tên đầy đủ là “Anh liệt chiêu huệ thanh nguyên diệu đạo phu trách hưng tế Nhị lang hiển thánh chân quân”. Về ngoại hình, đa phần đều cho rằng Nhị Lang thần có ba mắt, dùng binh khí là thanh đao ba mũi hai lưỡi, lại có cung vàng đạn bạc, và có con chó Hạo Thiên khuyến đi kèm. Theo Nhị Lang bảo quyến - được biên soạn đời Gia Tĩnh nhà Minh thì Nhị Lang thần họ Dương tên Tiễn, phụ thân là Dương Thiên Hữu vốn là Tả kim đồng trên thượng giới cùng mẫu thân là Vân Hoa Nữ vốn là tiên nữ ở cung Đẩu Ngưu, vì lưu luyến phàm trần nên trốn xuống, kết hôn cùng nhau.

Bộ truyện *Phong Thần diễn nghĩa* xây dựng nhân vật Dương Tiễn cũng tương tự, chỉ hơi khác là mẫu thân vốn người thượng giới còn phụ thân là người phàm. Nhưng *Phong Thần diễn nghĩa* không hề nhắc đến danh hiệu Nhị Lang thần.

Còn trong *Tây Du Ký* thì ngược lại, hoàn toàn không nhắc tên họ của Nhị Lang thần. Đây là một điểm rất đáng lưu tâm.

Nguyên văn *Tây Du Ký* hồi 6 viết:

“Bồ tát đạo: ‘Nãi bệ hạ lệnh sanh Hiển thánh Nhị lang chân quân, kiến cư Quán châu Quán giang khẩu, hưởng thụ hạ phương hương hỏa’.

Bản Thụy Đình dịch: “Chính là cháu gọi bệ hạ bằng cậu, Hiển Thánh Nhị Lang chân quân hiện ở cửa sông Quán, thuộc Quán Châu, hưởng thụ hương hỏa hạ giới.” Bản Như Sơn dịch tương tự. Ngoài ra có bản dịch không rõ của ai thì bịa thẳng: “Quan Âm tâu rằng: Người ấy kêu Bệ Hạ bằng cậu ruột. Nhị Lang hiển thánh tên Dương Tiễn.”

Cũng hồi 6, lúc Ngộ Không giao chiến Nhị Lang thần, có câu:

"Đại thánh nói: Nhớ lại hồi trước em gái Thượng Đế nhớ phàm trần xuống hạ giới lấy chồng là Dương quân, để được một con trai, đã từng vác búa bổ vỡ núi Đào Sơn, có phải là người không?"

Như vậy *Tây Du Ký* chỉ nói Nhị Lang thần mang họ Dương (bởi người cha là Dương quân) chứ không nhắc tới cái tên đầy đủ Dương Tiễn. Rồi kết hợp với *Phong Thần diễn nghĩa* mà dân gian đã đồng nhất hai nhân vật này lại làm một chứ chưa hẳn ban đầu Nhị Lang thần đã là Dương Tiễn.

2.2 Cái tên Dương Tiễn từ đâu ra?

Nhắc tới Dương Tiễn, ngoài gợi nhớ tới Nhị Lang thần thì còn một nhân vật cực kỳ nổi tiếng cũng mang cái tên này. Đó là hoạn quan nổi danh thời Tống Huy tông, sánh ngang với những Thái Kinh, Cao Cầu, Đồng Quán, được gọi là tứ đại gian thần. Trong đó Dương Tiễn và Đồng Quán là hai thái giám một văn một võ, quyền khuynh thiên hạ. Và chính Dương Tiễn này là nguồn cơn của cái tên Dương Tiễn được gán cho Nhị Lang thần.

Sách *Tĩnh thế hằng ngôn* - quyển 13 có truyện *Khám bì ngoa đơn chứng Nhị Lang thần* đại để tóm lược như sau:

Tống Huy tông có một vị phu nhân tên Hàn Ngọc Kiều, nhân không được sủng ái mà u uất sinh bệnh. Huy tông liền bảo Điện tiền Thái úy Dương Tiễn: "Vị phu nhân này do khanh tiến dâng. Nay cho khanh đưa về phủ để dưỡng bệnh. Chờ khi hết bệnh lại đưa vào cung." Dương Tiễn vâng mệnh đưa Hàn phu nhân về phủ. Trong phủ ngăn riêng ra tây viện cho Hàn thị, cấm chỉ người ngoài, duy có Thái y và gia nhân được qua lại. Hàn phu nhân bệnh tình vẫn nặng, phu nhân của Dương Tiễn mới khuyên rằng: "Phía bắc có ngôi miếu thờ Chân quân, hiệu là Thanh nguyên diệu đạo Nhị lang thần", nên tới dâng hương. Hàn phu nhân ưng lời bèn tới miếu dâng hương cầu nguyện, quả nhiên chỉ một tháng sau bệnh dần khỏi, bèn lại tới miếu tạ ơn. Hàn thị ngẫu nhiên thấy tượng Nhị Lang thần, phong tư tuấn nhã, mắt phượng mày ngài thì thầm khẩn "chỉ xin được một trượng phu diện mạo hết như thần thì thật thỏa nguyện bình sinh".

Tối về Dương phủ, bất ngờ có vị tôn thần giống y hệt thần tượng giáng hạ, cùng Hàn thị tư thông.

Lâu ngày, có bọn gia nhân mách Dương Tiễn là có tiếng người nói chuyện trong viện Hàn phu nhân ban đêm. Dương Tiễn sai người rình nghe ngóng thì được báo Hàn phu nhân ở trong viện cùng người nào đó uống rượu, lại xưng là “tôn thần”. Dương Tiễn ngờ là yêu quái bèn tự thân đêm tối qua xem, quả nhiên thấy pho tượng Nhị Lang thần ngồi trò chuyện với Hàn thị, bèn thỉnh Vương pháp quan là đồ đệ của Lâm chân nhân tới trừ quái. Vương pháp quan tới liền bị Nhị Lang thần đánh chết. Dương Tiễn lại mời Phan đạo sĩ ra tay, dùng gậy đánh trúng lưng Nhị Lang thần, khiến rớt lại một chiếc giày da (bì ngoa). Từ chiếc giày mà truy tìm ra thủ phạm là viên quan coi miếu, trước học được chút yêu thuật, sau lại nghe được lời khẩn vái của Hàn phu nhân nên nảy ra tà ý...

Tuy *Tĩnh thế hằng ngôn* được Phùng Mộng Long viết ra ở thời Minh, nhưng câu chuyện này hẳn phải được lưu truyền trong dân gian từ thời Tống. Do việc liên quan tới Nhị Lang thần, lại phát sinh tại phủ đệ của Dương Tiễn, nên dân gian tam sao thất bản, dần dà đồng hóa Nhị Lang thần với Dương Tiễn làm một. *Tây Du Ký* tuy không trực tiếp nói ra điều này, nhưng có một số ẩn ý ngầm chỉ.

2.3. Nhị Lang thần trong *Tây Du Ký* là thái giám?

Một điểm đặc biệt là dung mạo của Nhị Lang thần được mô tả trong *Tây Du Ký* không hề uy nghi lẫm liệt xứng đáng với một vị đệ nhất chiến thần của Thiên đình. Hồi 6 tả Nhị Lang thần “Nghĩ dung thanh tuấn mạo đường đường”, bản Thụy Đình dịch “Dung nghi tốt đẹp thật đường hoàng”. Cách dùng chữ “thanh tuấn” chỉ ra Nhị Lang thần có phần hơi tiểu bạch kiêu, mày râu nhẵn nhụi. Trong khi đó các tranh vẽ Nhị Lang thần trước đó, như Trảm giao đồ, đều thiên về tả vẻ uy mãnh của ngài.

Trang phục của ngài thì đặc biệt hơn nữa: “Đầu đới tam sơn phi phượng mạo”. Bản Thụy Đình dịch “Mũ phượng, đội đầu

khoe vẻ trắng”, bản Như Sơn dịch là “Đầu đội mũ phượng ba ngôi”. Kỳ thực Tam sơn mạo từ cổ thời chỉ dành cho các bậc tôn quý đội, nhưng sang tới đời Minh thì thường các Đại thái giám hay dùng. Ở đây có thể thấy một sự ám chỉ tới Dương Tiễn là đại thái giám đời Tống Huy tông.

3. Thế giới Tây Du rất khác chúng ta vẫn tưởng

Không riêng gì độc giả Việt Nam mà cả độc giả Trung Quốc cũng như các nhà làm phim và khán giả của bộ phim truyền hình *Tây Du Ký* rất nổi tiếng ra đời năm 1986 đã nhầm lẫn về ngoại hình của các nhân vật Tây Du, mà điển hình nhất là Na Tra và Nhị Lang Thần.

3.1. Na Tra rất khác

Thử liệt kê các đặc điểm về Na Tra tam thái tử trong tưởng tượng của chúng ta nhé.

- a. Một bé trai
- b. Mặc bộ quần áo hoa sen
- c. Cầm giáo, cổ đeo vòng Càn Khôn
- d. Chân đạp đôi bánh xe phong hỏa.

a. Điểm (a) rất đúng. Na Tra trong *Tây Du Ký* được miêu tả như một tiểu đồng. Hồi 4 khi Na Tra đánh nhau với Ngộ Không, con khỉ chế nhạo rằng: *"Thái tử ranh con kia, răng non chưa mọc máu đầu chưa khô, sao dám nói lão thế?"*

Hồi 51 viết khi Ngộ Không dẫn Na Tra tới khiêu chiến với Độc Giác Tỳ, đám tiểu yêu vào báo rằng: *"Tâu đại vương, Tôn Hành Giả dẫn một đồng nam đến ở ngoài cửa thách đánh nhau!"*

Và Ma vương thấy Tam thái tử là một "tiểu đồng nam kia tướng mạo thanh kỳ, mười phân tinh tráng". Ở hồi 41, miêu tả ngoại hình của Hồng Hải Nhi, cũng được với Na Tra: *"Chiếc quần bằng gấm thêu long phượng, Hình tựa Na Tra khó có hai"*.

Vậy có thể nói điểm (a) hoàn toàn chính xác, ngoại hình của Na Tra Tam thái tử là một tiểu đồng nam.

b. Quần áo của Na Tra thì sao? Có phải đeo yếm Hổn Thiên, áo cánh sen hồng, quần lá sen xanh? Hoàn toàn không. Vị Tam thái tử này mặc giáp trụ ra trận. Tây Du Ký hồi 4 viết sau khi Cự Linh Thần bại trận dưới tay Tôn Ngộ Không trở về, thì “Na Tra thái tử giáp trụ chỉnh tề, chạy ra ngoài dinh vòng đến động Thủy Liêm.”

Khi đánh nhau với Độc Giác Tỳ, có thơ miêu tả rằng:

Tung gió đai thêu bay sắc lửa,

Ánh trời bào gấm nở tươi hoa.

Dải quàng chói lọi ràng tâm kính,

Giáp báu hung hung phủ ủng da.

Khi Na Tra tới trợ giúp Ngộ Không hành phục Ngưu Ma vương, gặp liền nói: “Đại thánh, y giáp trong mình, không thể hành lễ”

Rất nhiều dẫn chứng cụ thể cho thấy Na Tra tam thái tử xung trận là mặc giáp trụ chỉnh tề chứ không phải áo hoa sen. Sự nhầm lẫn này có lẽ do bởi *Tây Du Ký* miêu tả sự tái sinh của Na Tra sau khi lạng thịt trả mẹ lóc xương trả cha, được Phật tổ “lấy ngó sen làm xương, lá sen làm áo”. Nguyên văn “hà diệp vi y”, chữ “y - 衣” ở đây không mang nghĩa “áo” mà là lớp vỏ bên ngoài mà thôi.

c. Na Tra dùng giáo? Hoàn toàn không. Trong *Tây Du Ký*, Na Tra mang sáu ban binh khí gồm Trảm yêu kiếm, Khảm yêu đao, Phược yêu sách, Hàng yêu xử, Tú cầu, Hỏa luân. Khi biến ra ba đầu sáu tay, Na Tra cầm đủ sáu món binh khí này, còn khi chưa biến hình thì Thái tử cầm Trảm yêu kiếm. Tuyệt nhiên không cầm giáo.

Ở hồi 4, Thái tử quát bảo Ngộ Không: “Yêu hầu kia, có phép thần thông gì mà dám xưng danh hiệu như thế? Người không phải sợ! Hãy nếm thử lưỡi gươm của ta đây!”

Khi đánh nhau với Độc Giác Tỳ thì: “Thái tử cầm kiếm trảm yêu vung lên đón đánh, hai người vừa mới bắt tay vào cuộc chiến đấu”.

Khi Ngộ Không lên trời thừa kiện Lý Thiên vương vì con chuột mũi trắng: “Thiên vương đã vác đao tiến đến nhằm đầu Hành Giả chém

xuống. Tam thái tử liền chạy lên trước đưa kiếm chém yêu ra đỡ lại”.

Trong suốt cả bộ truyện *Tây Du Ký*, Na Tra Thái tử không một lần dùng giáo. Hình tượng cầm giáo là lấy từ bộ *Phong Thần diễn nghĩa* mà thôi.

d. Na Tra cười bánh xe phong hỏa? Cũng không nốt. Như trên đã trích dẫn, bánh xe lửa là một trong sáu ban binh khí của Na Tra. Vị Thái tử này dùng nó để hóa ra lửa mà chiến đấu chứ không phải để đạp lên mà di chuyển. Hồi 61 miêu tả rất kỹ cách dùng Hỏa luân: “Na Tra lấy bánh xe ra, để lên trên sừng lão Ngưu, thổi lửa thiêu, lửa bốc cháy bùng bùng”.

Khi bị trúng một gậy của Ngộ Không: “Na Tra đương lúc hóa phép nghe có tiếng gậy sắt vút, vội tránh, nhưng không kịp trở tay đã bị đánh một gậy đau quá vội thu thập bảo bối lại, đem sáu ban binh khí dồn vào mình như cũ, thua trận chạy về.” Rõ ràng Na Tra thu hồi sáu ban binh khí bao gồm cả Hỏa luân lại, rồi bỏ chạy chứ không hề cười bánh xe mà chạy. Đây lại là một nhầm lẫn của khá nhiều độc giả, đem hình tượng Na Tra trong *Phong Thần diễn nghĩa* sang *Tây Du Ký*.

3.2. Nhị Lang Thần lại càng khác

Tôi còn nhớ bộ phim *Tây Du Ký* sản xuất năm 1986 có cảnh Nhị Lang Thần đánh nhau với Tôn Ngộ Không. Nhị Lang Thần mặc giáp trụ vàng tươi, và điểm đặc biệt khác người là có một con mắt dọc trên trán. Không! *Tây Du Ký* không hề tả Nhị Lang Thần có ba con mắt. Bài thơ tả Nhị Lang Thần chỉ nói “mắt sáng lấp lánh, tai thì rủ vai”. Cũng không có chuyện Nhị Lang dùng con mắt thần thứ ba để phát hiện biến hóa của Ngộ Không, chỉ đơn giản là “Nhị Lang trợn tròn mắt phượng quan sát”.

Trong trận chiến này, tác giả hai lần mô tả Nhị Lang Thần dùng mắt, đều chỉ đơn thuần là “phượng nhãn - mắt phượng”. Không có con mắt thứ ba nào như Dương Tiễn trong *Phong Thần diễn nghĩa*.

3.3. Gậy Như ý không như phim và truyện vẫn làm

Đoạn văn mô tả cây gậy được các bản dịch ở ta dịch như sau: “Ngộ Không mười phần mừng rỡ đem ra khỏi kho bể, thấy cây sắt có hai đầu bịt vàng, giữa là một đoạn sắt đen, gần ngay chỗ bịt vàng có một hàng chữ: Gậy như ý bịt vàng, nặng một vạn ba nghìn năm trăm cân.

Khá giống với hình ảnh cây gậy trong phim *Tây Du Ký* 1986 cũng như trong các tranh truyện. Rất tiếc là bản dịch lại không chính xác. Nguyên văn: “Ngộ Không thập phần hoan hỉ, nã xuất hải tạng khán thời nguyên lai lưỡng đầu thị lưỡng cá kim cô, trung gian nãi nhất đoạn ô thiết. Khẩn ai cô hữu tuyên thành đích nhất hàng tự, hoán tố: Như ý kim cô bổng, trọng nhất vạn tam thiên ngũ bách cân.”

Không cần hiểu Hán tự cũng biết cây gậy này tên đầy đủ là Như ý kim cô bổng. Hóa ra có chỗ tương đồng với Ngộ Không đó là cùng đeo “kim cô”. Kim cô ở Ngộ Không là cái vòng vàng siết trên đầu. Vậy có sao kim cô ở cây gậy lại dịch thành bịt vàng? Cô là cái vòng, cái đai, do vậy chính xác thì đoạn tả cây gậy phải là “cây gậy có đai vàng siết ở hai đầu, giữa là một đoạn sắt đen”. Nghĩa là về mặt hình thức, đó là một cây gậy sắt, hai đầu có đánh đai vàng. Ở đây nhấn mạnh việc cả Tôn Ngộ Không lẫn cây gậy đều bị chịt vòng kim cô, ấy là chủ ý của tác giả chứ không phải vô tình trùng hợp.

Cái đai vàng đó có tác dụng gì với cây gậy? Ta hãy trở lại cách câu truyện xây dựng hình tượng Tôn Ngộ Không, vốn là con khỉ. Khỉ thì không dùng đao hay kích như Long vương giới thiệu, mà nó thích dùng côn bổng, tại bản chất con khỉ nó ưa dùng cành cây làm vũ khí. Ngoài đời thực côn sắt với gậy sắt không nhiều, mà đa phần là côn bổng làm từ tre hay gỗ. Tre, gỗ vốn không bền, dụng lực nhiều thì hay nứt toác, do vậy cần đai siết ở hai đầu. Đó là lý do Kim cô xuất hiện trên côn bổng. Ngoài ra vàng vốn nặng, niềng ở đầu gậy để tăng trọng lượng hai đầu, là cách để tăng lực công kích.

Cũng cần lưu ý là đoạn văn trên ghi rằng “đem ra khỏi kho bể - hải tạng” rõ ràng ám chỉ vật đó cất trong kho chứ không phải cắm dưới đáy biển như phía trước miêu tả.

Đó là nói về côn bồng làm vũ khí, nhưng sự thực gậy Như ý có phải dùng để chiến đấu không? Ta hãy xem lão Long nói gì? Hồi 3 chép "Đó là khi Đại Vũ đi trị thủy, dùng khối sắt ấy để đo sông bể nông sâu..." Tác dụng chủ yếu của định hải thần thiết là định hải, đây không phải trấn định mà là đoán định - đo độ nông sâu của sông, biển. Nguyên mẫu của gậy Như ý chính là cây gậy dùng để đo mực nước nông sâu.

Đến đây lại xuất hiện vấn đề: sông suối còn dùng gậy dò được, biển sâu gậy nào cho thấu. Quả đúng vậy, nên ngư dân và các nhà hàng hải xưa đã nghĩ ra cách buộc một sợi dây dài vào cây gậy và thả xuống biển để đo, dụng cụ ấy gọi là đỉnh (cũng là cái neo). Đỉnh dùng đá làm vật nặng gọi là thạch đỉnh, dùng gỗ gọi là mộc đỉnh. Mô tả về mộc đỉnh ghi nhận có mấy loại: loại lớn dài 2 trượng 7 thước, loại nhỏ 2 trượng 4 thước, hai đầu được nẹp chặt. Quả nhiên mộc đỉnh có ngoại hình và độ dài tương tự với gậy Như ý khi Ngô Không thu nhỏ lại làm binh khí.

Lại nữa, gậy Như ý khi cần thì thu nhỏ lại như cây kim (châm) nên còn được gọi là Định hải thần châm. Đây là thâm ý của tác giả, bởi trong tạp kịch ban đầu, thoại bản, nó có tên là thần thiết. Chức năng thu nhỏ như kim nhét lỗ tai có lẽ được đưa vào để ngầm ẩn định cái tên "châm". Lại xem hồi 6, đoạn thơ tán Ngô Không đánh nhau với Huệ Ngạn có câu "*Như ý bồng thị thiên hà định, trấn hải thần trận pháp lực hồng - gậy Như ý định thiên hà, thần vật trấn hải pháp lực lớn*", tự nhiên xuất hiện hai chữ "trấn hải". Thế là từ gậy Như ý đã nhảy thành "trấn hải châm".

Trùng hợp là truyền thuyết về Trịnh Hòa trong chuyến hạ tây dương, có cổ sự là khi đội thuyền tới vịnh Tuyền Châu, gặp phải bão tố, sóng biển cuộn trào. Vị Tam Bảo thái giám này liền sai ném "trấn hải châm" xuống biển, lập tức sóng yên biển lặng để đoàn thuyền lên đường. (Thực tế có lẽ là thuyền đã thả neo (đỉnh) để chờ bão tan chẳng?) Ở đây ta lại gặp lại Tam Bảo Thái giám Trịnh Hòa cùng trấn hải châm, vô tình (hay hữu ý?) mà trùng khớp với công cuộc thỉnh kinh và cây Như ý kim cô bồng sẽ còn được nhắc tới nhiều lần trong cuốn sách này.

3.4. Mắt lửa người vàng

Phần lớn độc giả có xu hướng nghĩ rằng nhờ bị nung trong lò Bát quái bốn mươi chín ngày, nên Tôn Ngộ Không có được đôi mắt lửa người vàng, nhìn xa ngàn dặm. Mỗi khi gặp yêu khí mờ mịt hay thần tiên, yêu quái biến hình, khi ta lại giương đôi mắt lửa người vàng ra quan sát, có lúc nhìn thấy, có lúc không. Sự thực thì *Tây Du Ký* chưa bao giờ nói Ngộ Không phân biệt được người hay yêu quái là nhờ có đôi mắt lửa người vàng cả. Nói chính xác là Tôn Ngộ Không sử dụng đôi mắt của mình để nhìn xuyên thấu ảo ảnh, phép thuật, bởi đôi mắt đó là mắt lửa người vàng nên truyện viết rằng “giương đôi mắt lửa người vàng” mà thôi. Nghĩa là từ trước khi vào lò Bát quái thì con khỉ đó đã có năng lực ấy rồi, nó sẽ giương đôi mắt thần để nhìn. Chứng cứ rõ nhất đó là ở Nhị Lang Thần, người có phép thần thông tương tự như Tôn Ngộ Không. Nhị Lang Thần không có mắt lửa người vàng mà chỉ có cặp mắt phượng. Nên khi muốn phá giải ảo ảnh, Nhị Lang Thần liền giương đôi mắt phượng lên nhìn, như hồi 6 viết: “Nhị Lang trợn tròn đôi mắt phượng quan sát, thấy Đại thánh biến ra con chim sẻ, đậu trên ngọn cây”.

Rốt cuộc, mắt lửa người vàng chỉ là “bị gió thổi khói vào nên đôi mắt đen bị đỏ tấy lên, thành ra mắc bệnh đau mắt” mà thôi.

3.5 Vũ khí của Sa Tăng

Trong các bộ truyện tranh và phim thường vẽ vũ khí của Sa Tăng là cây trượng có hai đầu nhật nguyệt, giống như vũ khí của Lỗ Trí Thâm trong *Thủy Hử*. Đây là một sai lầm rất lớn, mà nói chính xác hơn thì phải là hai sai lầm rất lớn. Lỗ Trí Thâm không dùng thứ vũ khí ấy, mà Sa Tăng lại càng không.

Thứ vũ khí có hai đầu nhật nguyệt gọi là nguyệt nha sạn, nhật nguyệt sạn hay phương tiện sạn. Sạn là cái xẻng, nhật nguyệt sạn là vũ khí có đầu giống cái xẻng, mặt cong lõm là nguyệt, mặt cong lồi là nhật. Còn thiền trượng vốn là cây gậy có đầu bọc mềm, khi nhà tu hành hành thiền, gặp phải hôn trầm (ngủ gật) thì sư phụ hoặc bề trên dùng đầu mềm điểm vào để tỉnh lại. Về sau dùng để chỉ vũ khí dạng trượng của nhà tu hành, một đầu gắn các vòng. Chính xác thì thiền trượng chính là cây tích trượng mà Đường Tăng hay chống.

Còn vũ khí của Sa Tăng thì có tên nguyên văn là “Hàng yêu bảo trượng”. Sa Tăng xuất thân từ người tu đạo chứ không phải nhà sư, nên không có chuyện Sa Tăng sử dụng vũ khí là thiền trượng.

Bảo trượng hàng yêu có hình dáng của một cây gậy, một cây côn gỗ. Không có bất kỳ tình tiết nào trong *Tây Du Ký* nhắc tới việc nó có gắn hai đầu như cây nhật nguyệt sạn như chúng ta vẫn tưởng.

Hồi 22, Bát Giới đại chiến với Sa Tăng ở sông Lưu Sa, nhìn cây bảo trượng mà cười rằng: “Cái thứ gậy chống đám ma ấy mà dám bảo ông tổ nhà người ‘Hãy trông cây gậy’ à?”

Và Sa Tăng đáp bằng bài thơ:

Bảo trượng ta đây vinh dự to,

Là thoi dẹt lưa ở cung nga.

Ngô Cương chọn một cành gỗ tốt,

Lỗ Ban thợ giỏi chế mà ra.

Ở hồi 49, Linh Cảm đại vương nói cây bảo trượng giống cái giăng xay.

Hình ảnh của cây bảo trượng này lại càng được làm sáng tỏ hơn ở hồi 88, khi ba vị vương tử châu Ngọc Hoa xin làm đồ đệ học võ nghệ của Tôn, Trư, Sa. Trong đó “vương tử cả cầm cây côn tề mi, vương tử hai múa cây đinh ba chín răng, vương tử út vác cây gậy sơn đen bóng”. Vương tử út chính là người báai Sa Tăng làm thầy bởi vũ khí của họ tương tự nhau.

Các hình tượng gậy chống đám ma, thoi dẹt lưa, giăng xay, gậy sơn đen đều chỉ là cây côn gỗ bình thường, không hề có hai đầu nhật nguyệt.

Chương 5

VÌ SAO LỤC ĐẠI THÁNH KHÔNG GIÚP NGỘ KHÔNG CHỐNG THIÊN BINH

Sau khi học nghệ thành tài, trở về Hoa Quả Sơn, Tôn Ngộ Không “ngày ngày đi mây về gió, ngao du bốn biển, chơi khắp nghìn non, trở tài võ nghệ thần thông, tìm tòi, kết giao với anh hùng hào kiệt. Lúc ấy, hội được bảy anh em là: Ngưu ma vương, Giao ma vương, Bồng ma vương, Sư Đà vương, Di Hầu vương và Ngẫu Nhung vương, liên kết với Mỹ Hầu vương thành bảy. Hàng ngày họ giảng văn luận võ, chén tạc chén thù, câu ca điệu múa sớm đến tối về, vô cùng vui vẻ. Thế mới thực gọi là: gặt cổ vượt qua ngàn dặm thẳm, quay lưng rút tận tám trăm đường.”

Ngộ Không tự xưng là Tề Thiên Đại thánh rồi, sáu vị huynh đệ kết nghĩa cũng đồng loạt xưng là Đại thánh, đó là Bình Thiên Đại thánh, Phúc Hải Đại thánh, Hổn Thiên Đại thánh, Di Sơn Đại thánh, Thông Phong Đại thánh, Khu Thần Đại thánh. Thất Đại thánh này được coi như đối trọng với Thất tiểu thánh xuất hiện ở hồi sau, chính là Nhị Lang thần tiểu thánh và sáu anh em Mai Sơn.

Nhưng sau khi Ngộ Không trở về vì đại náo Hội Bàn Đào, mười vạn thiên binh thiên tướng vây bủa thiên la địa võng tấn công Hoa Quả Sơn, thì tịnh không thấy mặt mũi sáu vị anh em kết nghĩa kia đâu cả. Lý do vì đâu?

1. Một xã hội bất bình đẳng

Nếu không tính Địa phủ thì thế giới Tây Du bao gồm Thượng giới và Hạ giới. Vì sao ta bỏ qua Địa phủ, ấy bởi đó là nơi xứ sở của người chết, hầu như chỉ có đi mà chẳng có về. Còn Thượng giới và Hạ giới là nơi các vị thần tiên qua lại như cơm bữa. Với một xã hội như vậy, Ngọc Hoàng Thượng Đế là một vị Hoàng đế, thần tiên là

quan lại, quý tộc, con người là bình dân. Khi một người tu đạo thành tiên, người đó rời khỏi giới bình dân để thành quý tộc. Người đó có quyền lựa chọn vào triều làm quan, tức là lên Thiên đình; hoặc lựa chọn ở lại nhân thế hưởng hưởng khói và sự ngưỡng vọng của dân gian, như Nhị Lang Thần ở Quán Khẩu. Đó sẽ là một xã hội ngăn nắp trật tự! Nhưng...

Trong xã hội ấy lại nảy sinh một giống loài mới: những yêu quái đặc đạo: như Tôn Ngộ Không, như Ngưu Ma vương và vô vàn yêu quái khác mà đoàn thỉnh kinh đã gặp trên đường sang tây. Giống loài này bị phân biệt đối xử một cách khủng khiếp. Họ không được xếp chung với loài người. Một người tu hành đặc đạo, ngay khi ấy, người đó được phi thăng lên Thiên đình để làm thần tiên. Đây không phải là ghi chép chung chung trong Đạo kinh, mà *Tây Du Ký* cũng khẳng định điều này.

Hồi 19, Trư Cương Liệp (tức Trư Bát Giới sau này) tự thuật rằng:

Công thành danh toại lên trời ở

Người tiên từng cặp đón đưa về.

Dưới chân bồng hiện mây năm sắc

Kim khuyết cung tiên ở suốt đời.

Khi Bát Giới chưa phải yêu quái, ngay khi đặc đạo, chàng ta tự động được phi thăng lên trời, được thiên thần tiếp rước (nguyên văn Công viên hành mãn khước phi thăng, thiên tiên đối đối lại nghênh tiếp), được phong làm Thiên Bồng Nguyên soái. Hồi 22, yêu quái sông Lưu Sa (tức Sa Tăng sau này) tự thuật rằng:

Ba nghìn công trọng, lòng theo lễ

Lên điện Minh Hoa lạy Ngọc Hoàng.

Ngọc Hoàng Thượng Đế lại gia phong

Quyển Liêm Tướng ấy chúc oai hùng.

Khi Sa Tăng chưa biến thành yêu quái, chỉ cần đặc đạo, người ấy tự động được lên Thiên đình, vào gặp Ngọc Hoàng. Hồi 66, kể về sự tích Bắc phương Chân Vũ đại đế rằng:

Công thành hạnh đủ,

Ban ngày bay lên.

Ngọc Hoàng ban triệu,

Chân Vũ là tên.

Chân Vũ đại đế cũng giống như tiền thân của Bát Giới, Sa Tăng, vừa đặc đạo là bạch nhật phi thăng đây là một thuật ngữ của Đạo giáo, chỉ việc cưỡi mây cưỡi gió bay thẳng lên trời.

Nếu so sánh với lần đầu tiên Tôn Ngộ Không lên trời, bị thiên binh chặn ngoài cửa Nam Thiên vì không có tên trong sổ tiên, thì thấy rõ sự khác biệt. Mà không chỉ Tôn Ngộ Không, đám Thất Đại thánh mặc dù pháp lực cao cường hơn hẳn các vị thần tiên, nhưng chẳng có ai được phi thăng lên trời làm quan cả. Dường như các ngôi vị cao quý trên Thiên đình chỉ dành cho loài người mà thôi.

Thật là một xã hội bất công bằng!

2. Vì đâu Lục Đại thánh đoạn tuyệt

Với một thế giới bất bình đẳng như vậy, việc khởi nghĩa,

làm cách mạng của tầng lớp bị phân biệt đối xử, nhằm lật đổ một hệ thống cũ là điều khó tránh khỏi. Bối cảnh Ngộ Không xưng Tề Thiên Đại thánh là khi bỏ chức Bát Mã Ôn trở về núi, có hai Độc giác Quỷ vương tới đầu quân và dâng tấu Hoàng bào đồ rục, đồng thời đề xuất Ngộ Không hãy xưng là Tề Thiên Đại thánh. Khi ta thích quá bèn lệnh dựng cờ đề bốn chữ ấy, và cấm lâu la không được gọi là đại vương nữa. Hành động khoác "Giả hoàng bào" và dựng cờ bỏ xưng vương mà xưng Đại thánh, là ẩn dụ của việc đám lục lâm thảo khấu khởi nghĩa, tự xưng vương xưng đế. Bấy giờ Thiên đình cử Thác Thập thiên vương Na Tra thái tử cùng một đạo thiên binh tới chinh phạt, bị Ngộ Không dễ dàng đánh cho phải bỏ chạy.

Sau khi chiến thắng trở về, sáu anh em kết nghĩa tới chúc mừng, Hầu vương bèn xui: "Tiểu đệ đã xưng là Tề Thiên Đại thánh, anh em cũng nên xưng là Đại thánh chứ!"

Một người khởi nghĩa chưa đủ để lật đổ Thiên đình, cần thêm anh hùng các nơi đồng loạt khởi nghĩa. Thế là Ngộ Không xúi sáu anh

em cùng “lên ngôi”, lão Ngưu xưng là Bình Thiên, lão Giao xưng Phúc Hải, lão Bàng xưng Hỗn Thiên, lão Sư Đà xưng Di Sơn, lão Di Hầu xưng Thông Phong, lão Ngu Nhung (một loài linh trưởng lông vàng) xưng Khu Thần. Xét về ngoại hiệu của sáu vị đại ma vương này, Bình Thiên là san trời, Phúc Hải là lật biển. Hỗn Thiên là khuấy trời, Di Sơn là dời non, Thông Phong là biến hóa đa đoan thần xuất quỷ một, Khu Thần là đuổi thần. Tất cả các ngoại hiệu đều mang hàm nghĩa nổi loạn, đảo lộn trật tự thế giới. Căn cứ vào đó để thấy việc kết nghĩa, khởi nghĩa và xưng Đại thánh của bảy anh em, ban sơ đều vì mục đích tạo phản, làm cách mạng, nhằm chống lại Thiên đình.

Hơi khác với ngoại hiệu của sáu người anh em, Tôn Ngộ Không lại xưng là Tề Thiên. Những tướng ngoại hiệu này mang nghĩa hỗn xược, đòi ngang bằng trời. Nhưng ta lại cũng có thể hiểu nó mang ẩn nghĩa rằng Ngộ Không chỉ muốn được lên trời làm Đại thánh là đủ, chứ không đòi bình thiên, không hỗn thiên. Và quả thực là khi Thái Bạch Kim Tinh hạ trần mang theo chiếu thư của Ngọc Hoàng, vời Ngộ Không lên trời làm một chức Tề Thiên Đại thánh hữu danh vô thực, con khỉ ấy bèn vứt bỏ huynh đệ, vứt bỏ sơn trại, vứt bỏ lâu la, về triều làm một chức Đại thánh nhàn tản. Cuộc cách mạng phiên thiên phúc hải vì vậy mà thất bại. Trong đoạn sau của *Tây Du Ký*, ta không còn thấy Ngưu ma vương xưng là Bình Thiên Đại thánh, mà chỉ còn là một Đại lực Ngưu ma vương mà thôi (hồi 59).

Với một người đồng chí dễ dàng buông bỏ mục đích, dễ dàng trở cờ theo giặc như vậy, hiển nhiên Lục Đại thánh không còn coi kẻ đó là huynh đệ nữa. Tội ai nấy chịu. Tiệc mừng Tề Thiên Đại thánh trở về Hoa Quả Sơn chỉ có “Đại thánh cùng yêu vương bảy mươi hai động, bốn kiện tướng đang chia nhau rượu tiên”. Mà trận chiến chống lại thiên binh thiên tướng cũng vắng mặt Lục Đại thánh.

Trên đường thỉnh kinh, khi gặp lại Ngưu ma vương ta cũng thấy tình cảm hai người nhạt như nước lã.

Chương 6

LÃO TÔN - NHỮNG CÁI TÊN - NHỮNG KHOẢNH ĐỜI

Tôn Ngộ Không là nhân vật xuyên suốt tác phẩm *Tây Du Ký*, từ khi mở màn tới lúc kết thúc. Kinh qua suốt chuỗi năm tháng dài đằng đẳng này, Ngộ Không mang nhiều cái tên, nhiều danh hiệu, mà mỗi danh hiệu lại ứng với một chặng đời của mỗi con người.

1. Thạch hầu

Thạch hầu là cái tên đầu tiên của Ngộ Không, chỉ nguồn gốc xuất xứ. Đây là giai đoạn một đứa trẻ mới chào đời, nó hoàn toàn không hiểu biết gì cả, suốt ngày “đi đi lại lại nhảy nhót nô đùa, tìm ăn cỏ cây, uống nước suối trong, hái hoa rừng, tìm quả núi, làm bạn với lang trùng, kết đàn với hổ báo, thân mật với hươu nai, chan hòa với khỉ vượn, đêm ngủ vách núi non, ngày chơi trong hang động”.

2. Mỹ hầu vương

Mỹ hầu vương là danh hiệu mà bấy khi đặt cho Ngộ Không khi mới được đưa lên cầm đầu bày khi. Cả ngày vô lo chơi bời, có bạn bè đồng lứa, có một mái ấm trên đầu và không phải lo âu chuyện ăn mặc: “chỉ huy một đàn khỉ vượn, khỉ cái, khỉ ngựa, sắp đặt thành quân, thần, tả, sứ, sớm dạo chơi núi Hoa Quả, đêm về ngủ động Thủy Liêm, cùng nhau đồng lòng, chẳng lẫn vào đàn chim bay, không theo vào loài thú chạy, độc lập xưng vương, rất là thích thú.”

Đứa trẻ ấy là bảo bối trong mắt cha mẹ nó, nên danh hiệu có một chữ “Mỹ”. Con cái luôn đẹp đẽ trong mắt cha mẹ mình, chứ trên đường thỉnh kinh, chúng ta chỉ thấy thường nhân nhìn Ngộ Không mà chết khiếp vì sợ ông Thiên lôi mồm đầy lông.

3. Tôn Ngộ Không

Tôn Ngộ Không là cái tên mà vị thầy Bồ Đề tổ sư đặt cho Ngộ Không. Phép xưa, khi trẻ con đi học thì được thầy dạy đặt cho tên tự. Việc Bồ Đề tổ sư đặt tên cho học trò cũng đại để như vậy. Cái tên này ứng với trẻ em tóc trái đào bắt đầu cặp sách tới trường: “cùng các bạn học nói năng, lễ phép, giảng kinh làm đạo, tập việc thắp hương, ngày nào cũng như vậy. Lúc nhàn rỗi, thì quét sân cuốc vườn, vun hoa tía lá, gánh nước kiếm củi, việc gì cũng làm đủ.”

Tây Du Ký viết: “Ở Nam Thiệm Bộ Châu, sục sạo thành lớn, thắm thoát đã tám, chín năm.” Ám chỉ em bé tới trường khi độ tám, chín tuổi.

“Thắm thoát ở trong động đã sáu, bảy năm”, tức là hết khoảng thời gian sơ cấp, em bé tám tuổi ngày nào đã thành thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi, bắt đầu được truyền cho kiến thức thực thụ.

Và khi già từ Bồ Đề tổ sư, Ngộ Không nói “Con bỏ nhà đã hai mươi năm”. Vậy là cậu bé ấy năm nay đã là chàng thanh niên 20 tuổi, chập chững bước vào đời.

4. Bật mã ôn

Bật mã ôn là chức quan Thiên đình phong cho Tôn Ngộ Không. Chàng thanh niên hai mươi tuổi bắt đầu đi làm, dĩ nhiên xuất phát điểm rất thấp, một anh chăn ngựa không phẩm không hàm, “chưa liệt vào hàng quan”, làm tốt thì chỉ được khen mà làm dở thì phải chịu phạt. Một chức tiểu lại của thời phong kiến, sao thỏa mãn được hùng tâm tráng trí của chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt.

5. Tề thiên Đại thánh

Vốn tâm cao khí ngạo, nên chỉ làm việc nửa tháng, gã tiểu lại kia bỏ chức về làng. Tự nghĩ mình tài ngang Quản Nhạc liền xưng là Tề thiên. Đó là khoảng thời gian khó khăn trong cuộc đời một con người. Anh tự cho là sinh bất phùng thời, đại tài tiểu dụng. Kỳ thực

khi được trao trọng trách thì chỉ sau nửa năm, anh đã tự tư tự lợi mà phá hư tất cả. Hội Bàn đào chính là thể hiện sự kém cỏi của chàng thanh niên chưa đủ kinh nghiệm. Hậu quả anh phải lĩnh là năm trăm năm giam cầm dưới Ngũ hành sơn. Một ngày trên trời bằng một năm hạ giới. Năm trăm năm này tương ứng với gần hai năm tù tội.

6. Hành giả

Hành giả là cái tên mà vị sư phụ thứ hai đặt cho Ngộ Không: “Nhưng nhìn dáng nhà ngươi rất giống một tiểu đầu đà, ta muốn đặt cho một tên nữa là Hành Giả có được không?”

Hành giả là gì? Ngoài ý nghĩa chỉ người theo đạo Phật, thì nó còn chỉ người tu khổ hạnh, khát thực độ nhật - tức đầu đà như lời của Đường Tăng đã nói.

Sau gần hai năm chịu giam giữ, anh thanh niên đã đủ trải nghiệm để biết mình là ai và ở đâu trong xã hội. Không còn giấc mơ đăng đàn bá tước, không còn cơ hội xuất sĩ nhập sĩ, anh lầm lũi trở thành một hành giả lang thang nay đây mai đó, sống dựa vào tình thương của người qua đường cho qua ngày đoan tháng.

7. Đấu chiến thắng Phật

Đây là danh hiệu cuối cùng mà Ngộ Không đạt được trong *Tây Du Ký*. Thỉnh kinh đã xong, đời người cũng đã xong. Con người trở về với Niết bàn tịch tĩnh. Thành đạo hay thành Phật cũng chỉ một chữ Không mà thôi.

Các danh hiệu Chiên đàn công đức Phật - cúng nhang Tịnh Đàn sư giả - cúng cỗ, Kim thân La hán - cúng vàng, Bát bộ thiên long - cúng mã, đều trực chỉ ý nghĩa này.

Ồ khoan! Liệu có thể hiểu Đấu chiến thắng Phật - vị Phật có danh hiệu Đấu chiến thắng - nghĩa là người đã thắng trong cuộc chiến đấu với Phật không? Chúng ta lại quay trở về với hồi 8, khi Phật tổ

Như Lai sau khi đấu với Ngộ Không rồi quay về Lôi Âm. Chuyện chép rằng:

Nói về chuyện Phật Tổ Như Lai từ biệt Thượng Đế đến bảo sái Lôi Âm thấy ba nghìn chư phật, năm trăm vị A La Hán, tám vị Đại kim cương, cùng các Bồ tát đều cầm tràng phan, bao cái, của lạ, hoa tiên, sắp hàng đón tiếp ở tiên cảnh Linh Sơn, dưới rừng Sa La Song.

Bất cứ ai đọc kinh Phật hay nghiên cứu về cuộc đời Phật Thích Ca đều sẽ liên tưởng Sa La Song lâm (rừng Sa La Song) với Sa La Song thụ, đó là nơi Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Các kinh truyện miêu tả lại khi đức Thích Ca nhập diệt đều đại để thống nhất rằng:

Sau khi đến Câu Thi Ca La, đức Phật trú nghỉ ở dưới gốc hai cây Sa la (Sa la song thụ). Ngài hướng về đại chúng tuyên nói lời di giáo sau cùng với nội dung:

1. Tôn giả Ca Diếp sẽ kế thừa y bát.
2. Các đệ tử từ đây về sau hãy lấy giới luật làm thầy.
3. Khi mở đầu các lời kinh nên nói: “Như thị ngã văn”.
4. Xá lợi của Phật chia ra ba phần: một phần cho Long cung một phần cho Thiên cung, và phần còn lại chia đều cho tám vị vua nước Ấn Độ.

Vậy là có vẻ như Lôi Âm bảo sái thực ra đang phỏng dựng lại khu rừng ở Câu Thi Ca La, nơi đức Thích Ca nhập diệt. Thế rồi *Tây Du Ký* lại viết:

Như Lai dùng đám mây lành bước xuống nói với mọi người rằng:

Ta đem:

Mắt tuệ bát nhã

Nhìn thấu xa gần,

Suy đến ngọn nguồn,

Thấy đều tịch diệt.

Chẳng có gì hết,

Thấy đều hư không,

Khí quá trừ xong,

Việc này ai biết.

Có danh bắt đầu từ sống chết,

Pháp tướng rành rành chẳng sai nào.

Nói xong phóng luồng ánh sáng xá lợi thành bốn mươi hai chiếc cầu vòng trắng đầy khắp bầu trời, thông suốt nam bắc. Mọi người trông thấy, ai nấy đều chấp tay đánh lễ. Một đoạn văn kinh thiên động địa. Phía trên là một bài kệ và nhắc tới các từ tịch diệt, hư không, sống chết. Chúng ta nhớ rằng Tôn Ngộ Không chỉ bị nhốt dưới núi Ngũ Hành mà thôi, chứ đâu có bị giết. Vậy thì bài kệ này dành cho ai? Có phải nó rất giống với những bài kệ mà các vị tổ thường tụng đọc cho môn đệ trước khi ngài nhập Niết bàn?

Lại nữa, câu dưới nhắc tới “phóng ánh sáng xá lợi”, những viên xá lợi đầu tiên là vật báu thu được khi hỏa thiêu di thể của Phật Thích Ca. Nếu Phật còn đương thế thì sao lại có xá lợi? Không riêng ở hồi này mà hình ảnh xá lợi của Phật còn được nhắc tới ở hồi 32, Đường Tăng ngâm bài thơ có câu “Xá lợi tượng vàng phô rực rỡ”, hồi 62 có câu “Tháp lưu li ngũ sắc, ngọn xá lợi vàng ròng”, hồi 66 có câu “Hào quang xá lợi sáng vùng biển xa”, hồi 83 tả về bảo tháp của Thác Tháp Thiên vương rằng: “ban cho Lý Thiên vương một tòa bảo tháp như ý có đính hạt xá lợi long lanh trong suốt”.

Lại nữa, “bốn mươi hai chiếc cầu vòng trắng đầy khắp bầu trời, thông suốt nam bắc” là dị tượng được ghi chép trong kinh văn Phật giáo Trung Hoa về Trung Quốc về thời điểm Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Đơn cử bộ Thích thị thông giám trích lục lại đoạn văn trong Chu thư dị ký rằng: “Khi Phật nhập diệt, phương ấy chợt nổi giông gió, gãy cây đổ nhà, động đất cây rung. Phương tây có mười hai đạo cầu vòng trắng liên thông nam bắc, suốt đêm không tắt. [Chu] Mục vương lấy làm lạ hỏi quần thần. Thái sử Hộ thưa rằng: Phương tây có bậc Thánh nhân nhập diệt nên sinh dị tượng ấy.”

Chúng ta sẽ không truy nguyên sách Chu thư dị ký có phải ngụ ý của đời sau, mà ở đây ta quan tâm tới khía cạnh ở Trung Quốc đã lưu hành các sách vở ghi chép về dị tượng xảy ra ở Trung Hoa khi Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Tác giả đã đem gần như y nguyên cảnh tượng ấy vào trong *Tây Du Ký*, ngoại trừ con số 42 thay cho

12. Cũng có thể với Trung Quốc thì Phật chỉ là một ông Thánh ở phương tây nên ứng với 12 đạo cầu vòng trắng, còn *Tây Du Ký* lấy Phật tổ làm trung tâm nên có tới 42 đạo chăng?

Thế rồi sau khi Phật tổ phóng hào quang, thì “Mọi người trông thấy, ai nấy chấp tay đảnh lễ”. Hình như đầu đó ta thấy chư Bồ tát, La hán đang hành đại lễ trong phút lâm chung của Đức Phật.

Thế rồi *Tây Du Ký* lại tiếp tục cho chúng ta thêm mật ngữ: “Từ ngày ta diệt trừ được khi quái, giúp trời được yên ổn đến nay, sống trong cảnh giới chẳng biết có năm tháng, nhưng ở trần gian có lẽ đã đến năm trăm năm rồi.”

Đoạn Phật tổ mở hội Vu Lan Bồn, nhân đó bàn về việc truyền kinh sang Đông thổ. Tại sao Phật tổ chờ tới năm trăm năm rồi mới tính đến chuyện ấy? Xin thưa, bởi như Đức Thế tôn từng giảng trong Đại Tập kinh: “Sau năm trăm năm Chánh Pháp của ta, Thiền định, Tam muội được kiên cố vững chắc. Kế năm trăm năm, đọc tụng, nghe nhiều được kiên cố vững chắc. Kế năm trăm năm, ở trong Pháp ta xây nhiều tháp tự được kiên cố vững chắc. Kế năm trăm năm, ở trong Pháp ta, tranh giành, tranh luận, ca tụng, Pháp rõ ràng đã ẩn kín không còn, tổn giảm kiên cố.”

Phật pháp chia làm ba thời kỳ chính, khoảng thời gian từ khi Đức Phật giảng dạy cho các đệ tử và kéo dài cho tới sau khi Ngài nhập Niết bàn 500 năm gọi là Thời kỳ Chánh pháp; sau 500 năm Chánh pháp thì tới Thời kỳ Tượng pháp kéo dài 1.000 năm; và 1.500 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn là Thời kỳ Mạt pháp*. Căn cứ theo sự phân chia các thời kỳ này, ta thấy Phật tổ bởi lo lắng cho thời kỳ Tượng pháp, như kinh điển hằng ghi nhận “tuy vẫn có giáo pháp, có sự hành trì, nhưng số người chứng đắc quả vị thì rất ít; thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ ‘tự miếu kiên cố’.” Bởi Phật giáo không còn huy hoàng như thời kỳ Chánh pháp nên mới cần truyền bá kinh điển, đó là lý do mà sau 500 năm, việc thịnh kinh mới bắt đầu được Phật tổ khởi lên.

Về ba thời kỳ của Phật pháp, có nhiều thuyết khác nhau, nhưng đại đa số đều thống nhất rằng Thời kỳ Tượng pháp bắt đầu từ thời điểm

500 năm sau khi Đức Phật nhập Niết bàn.

Với các điểm trực chỉ việc Phật nhập Niết bàn trong đoạn văn này, có thể mạnh dạn suy đoán rằng ở đầu hồi 8 này, tác giả miêu tả cảnh Phật nhập Niết bàn sau khi hàng phục Tôn Ngộ Không trở về. Cũng bởi vậy mà kết thúc truyện, Ngộ Không được phong Đấu chiến thắng Phật - người đã thắng trong cuộc chiến đấu với Phật.

Chương 7

CẤP BẬC CHƯ TIÊN

Mỗi bộ kinh, sách, truyện nói về thần tiên yêu quý của Trung Quốc lại có một cách phân chia cấp bậc khác nhau. Đây đó chúng ta từng nghe thấy các danh từ như Thiên tiên, Địa tiên, Thần tiên, Quỷ tiên, Huyền tiên, Kim tiên, Kiếm tiên, Thi giải tiên, Tiên nhân, Chân nhân... Thế thì hệ thống các tiên trong *Tây Du Ký* được thiết lập như thế nào?

Hồi 58 mượn lời Địa Tạng vương Bồ tát:

"Khi nó [Lục nhĩ di hầu] nằm phục ở dưới đất, thì trong giây lát có thể soi rõ thiện ác, nghe rõ hiền ngu đối với tất cả các loài sâu bọ, loài có vẩy, loài lông mao, lông vũ, côn trùng, cho tới thiên tiên, địa tiên, thần tiên, nhân tiên, quỷ tiên ở khắp núi sông xã tắc, đất phúc, động trời trong bốn đại bộ châu."

Phật tổ Như Lai cũng nhắc lại: *"Ở trong vòng trời có năm loại tiên là Thiên, Địa, Thần, Nhân, Quỷ."*

Như vậy chư tiên trong *Tây Du Ký* được phân làm năm cấp bậc, lần lượt là Thiên, Địa, Thần, Nhân, Quỷ. Thiên tiên là bậc cao nhất, bởi khi nghe hai tiên đồng Thanh Phong, Minh Nguyệt ở Ngũ Trang Quan khoe sư phụ mình là Trấn Nguyên Tử được Nguyên Thủy Thiên Tôn mời tới cung Di La giảng về Hồn Nguyên đạo quả, Tôn Ngộ Không liền mắng ngay: "Đồ tiểu đồng thói tha kia! Chẳng biết quái gì, chỉ được cái ba hoa khoác lác! Ở cung Di La ai chẳng là Thái Ất thiên tiên? Ai mời cái đồ trâu đực các người đi giảng làm gì?"

Dĩ nhiên Nguyên Thủy Thiên Tôn là một trong Tam Thanh của Đạo giáo, sẽ không mời Trấn Nguyên Tử đến giảng đạo rồi, trước đó chính truyện cũng viết rằng vị tiên này được mời tới để nghe giảng: "Trấn Nguyên đại tiên nhận được tờ thiệp của Nguyên Thủy thiên tôn mời đến cung Di La trên Thương Thanh Thiên nghe giảng về Hồn nguyên đạo quả." Và Trấn Nguyên Tử cũng phải thừa nhận rằng: "Ta không thể sai lời mời của Đại Thiên Tôn, phải lên cung Di

La nghe giảng”. Đúng là hai vị tiên đồng đã tâng bốc lối sư phụ của mình, bởi Trấn Nguyên Tử chỉ là cấp bậc Địa tiên. Thổ địa ở Ngũ Trang Quan nói rằng: “Thứ quả quý đó là thức của địa tiên, tiểu thần là quỷ tiên, đâu có quyền dám lấy?”

Thần tiên là cấp thấp hơn Địa tiên. Khi cầu Tam Tinh Phúc, Lộc, Thọ cứu cây nhân sâm, Ngộ Không được bảo rằng: “Trấn Nguyên tiên là ông tổ dòng Địa tiên. Chúng tôi thuộc dòng Thần tiên...” Và cũng thừa nhận rằng: “Đạo của chúng tôi còn kém xa!”

Độc giả hẳn sẽ băn khoăn vậy Tôn Ngộ Không của chúng ta thuộc cấp bậc nào? Hồi 17, Ngộ Không khoe với Hắc Hùng Tinh: “Đặc truyền đại phẩm Thiên tiên quyết - Truyền cho bài quyết thiên tiên lớn”. Sau Tam Tinh lại cho biết “Đại thánh tuy đặc đạo Thiên tiên^{*}, nhưng vẫn thuộc Thái Ất tán số, chưa phải là dòng chân truyền, nên thoát khỏi tay người ta làm sao được?”

Nguyên văn “nhĩ tuy đặc liễu Thiên tiên”, cả hai bản Thụy Đình, Như Sơn đều dịch nhầm thành “Thần tiên”.

Hồi 43, Ma Ngang Thái tử nói Ngộ Không là Thượng phương Thái Ất Kim tiên; bài thơ ở hồi 70 gọi Ngộ Không là Thái Ất tiên, hồi 76 và 80 cũng nói Ngộ Không là Thái Ất Kim tiên. Như vậy Ngộ Không tuy được truyền cho đạo Thiên tiên nhưng chưa đắc chính quả, nên chỉ là Kim tiên. Có lẽ Kim tiên là cấp bậc thấp thuộc Thiên tiên. Còn Trấn Nguyên Tử thì đứng đầu Địa tiên, đầu gà hơn đuôi phượng, Ngộ Không đánh không lại ông tổ dòng Địa tiên này.

Phần II

TRINH QUÁN THẬP TAM NIÊN

Chương 1

AI LÀ CHA CỦA TRẦN HUYỀN TRANG

1. Từ những điểm chưa khớp về thời gian

Tây Du Ký hồi 9 viết về sự ra đời của Trần Huyền Trang - tức Đường Tam Tạng sau này, đại để như sau:

Trần Ngạc tự là Quang Nhị, người Hải Châu, lên kinh ứng thí, trúng Trạng nguyên. Một hôm vô tình đi ngang dưới nhà Thừa tướng Ân Khai Sơn, thì Ôn Kiều là con gái của Thừa tướng nhìn thấy quan Trạng đem lòng yêu mến, gieo tú cầu tuyển làm chồng. Quang Nhị được Hoàng đế bổ Tri phủ Giang Châu, liền đưa mẹ và vợ cùng đi. Giữa đường mẹ ốm nên phải gửi lại quán trọ, còn Quang Nhị cùng vợ lên thuyền. Tên lái đò là Lưu Hồng vì ham sắc đẹp của Ân tiểu thư nên đánh chết Quang Nhị, ném xác xuống sông, lại giả làm Quang Nhị tới Giang Châu nhận chức. Ân tiểu thư vì đang mang thai đứa con nên chấp nhận lấy Lưu Hồng làm chồng. Sau khi sinh hạ, sợ đứa con bị Lưu Hồng hại liền đặt lên tấm ván thả trôi sông. Đứa bé ấy được Pháp Minh hòa thượng ở chùa Kim Sơn vớt được, đặt cho pháp danh là Huyền Trang. Đến năm 18 tuổi, Huyền Trang biết sự tình, tới nhận mẹ rồi tới tìm bà nội. Xong xuôi lên kinh tìm ông ngoại cáo giác hết sự tình. Ân thừa tướng tấu lên Hoàng đế, rồi quan binh triều đình tới Giang Châu bắt giết Lưu Hồng, giải cứu Ân tiểu thư. Trần Quang Nhị cũng được Long vương cứu sống, đưa về đoàn tụ với gia đình. Trần Quang Nhị được làm quan tại triều, còn Huyền Trang trở về tiếp tục tu hành.

Đó là một câu chuyện cổ tích kết thúc có hậu. Nhưng điểm bất thường lại là thời gian sinh hạ Trần Huyền Trang không khớp với thực tế. Chính bản thân tác giả đã cố tình cài lại một mật ngữ: Năm Trần Quang Nhị đỗ Trạng nguyên cũng chính là năm Đường Tam

Tặng lên đường thỉnh kinh, để độc giả khởi cái nghi vấn rằng phải chăng tác giả ám chỉ chú tiểu Trần Huyền Trang không phải con ruột của Trần Quang Nhị? Chúng ta hãy cùng đi lại từng mốc thời gian của sự việc.

Hồi thứ 37, chính miệng Đường Tăng kể cho hồn ma Quốc vương nước Ô Kê rằng:

"Bấy giờ cha tôi bị kẻ cướp giết hại. Mẹ tôi bị chúng chiếm đoạt, ba tháng sau mẹ tôi sinh tôi". Vậy là khi Quang Nhị bị Lưu Hồng giết thì Ân tiểu thư đang mang thai khoảng sáu tháng.

Truy ngược về thời điểm trước, *Tây Du Ký* viết:

Hai vợ chồng lễ tạ trời đất, đáp lễ nhau xong, rồi vào lạy tạ bố mẹ vợ. Thừa tướng sai bày tiệc ăn uống vui vẻ đến tối. Sau đó chàng và nàng dắt tay nhau vào phòng loan.

Sáng sớm hôm sau, vua Thái Tông ra ngự ở điện Kim Loan, các quan văn võ vào chầu đông đủ.

Vua Thái Tông hỏi:

- Vị Trạng nguyên tân khoa là Trần Quang Nhị nên bổ chức quan gì?

Thừa tướng Ngụy Trưng tâu:

- Thần kiểm tra các châu quận, chỉ còn Giang Châu là thiếu chức quan, xin bệ hạ ban cho chức ấy. Vua Thái Tông bèn trao cho Quang Nhị chức tri phủ Giang Châu, và lệnh cho phải thu xếp lên đường ngay, không được lỡ hạn."

Như vậy là chỉ sau ngày cưới một hôm thì Quang Nhị đã nhận được mệnh vua lên đường ngay tới Giang Châu. Trên đường đi, hai vợ chồng tiện đường ghé qua Hải Châu đón mẹ của Quang Nhị là Trương thị và thu xếp lên đường ngay. Thế rồi: "Đi được mấy hôm, đến điểm Vạn Hoa, họ nghỉ ở nhà Lưu Tiểu Nhị."

Đây cũng là lúc Trần Quang Nhị mua con cá chép vàng phóng sinh, và được người bán cho biết: "Tôi đánh được ở sông Hồng Giang, cách phủ này mười lăm dặm."

Sau khi lưu lại điểm Vạn Hoa ba ngày, hai vợ chồng để mẹ già ở lại dưỡng bệnh, còn họ lên đường: "Đường lối khó khăn, ngày đi đêm nghỉ, chốc đã đến đò Hồng Giang."

Sông Hồng Giang cũng là nơi Trần Quang Nhị bị Lưu Hồng hạ sát. Vậy là chặng đường mà hai vợ chồng Quang Nhị đã trải qua là Trường An - Hải Châu - điểm Vạn Hoa - sông Hồng Giang. Án theo thai kỳ của Ân tiểu thư thì họ đã đi mất sáu tháng.

Tuy nhiên, khi Trần Huyền Trang trở lại tìm bà nội ở điểm Vạn Hoa, rồi từ đó quay về kinh đô tìm ông ngoại thì chỉ mất một tháng cả đi lẫn về: "Huyền Trang đưa bà nội ra khỏi căn nhà nát, trở về điểm Vạn Hoa, tính tiền thuê một căn buồng cho bà ở, rồi đưa thêm cho bà một ít tiền và dặn dò: cháu đi độ một tháng sẽ quay lại đón bà."

Cứ theo như lời Huyền Trang nói thì từ điểm Vạn Hoa về kinh đô chỉ mất độ nửa tháng, từ điểm Vạn Hoa ngược về sông Hồng Giang chỉ cách mười lăm dặm, xưa kia cha mẹ ông chỉ "ngày đi đêm nghỉ, chốc đã đến đò Hồng Giang". Vậy thì không lý gì quãng đường ngày xưa từ kinh đô, thuận đường qua Hải Châu rồi tới điểm Vạn Hoa lại mất đến năm, sáu tháng cả, lại thêm hoàn cảnh "trên thì ra hạn rất gấp" về thời gian tới nhậm chức. Nếu như vợ chồng Quang Nhị từ kinh đô tới điểm Vạn Hoa chỉ mất khoảng một, hai tháng, cộng thêm ba ngày lưu lại, rồi thêm mấy ngày đi từ điểm Vạn Hoa tới sông Hồng Giang, vậy thì Ân tiểu thư chỉ có thể mang thai độ hai tháng mà thôi. Nếu ba tháng sau đã sinh hạ ra Huyền Trang, thì đâu có sinh non cũng không thể nào.

Một chi tiết đáng quan tâm khác là *Tây Du Ký* viết khá rõ về khoảng thời gian Trần Quang Nhị khởi hành: "Hai người rời Tràng An lên đường vào lúc cuối xuân". Tới khi sinh hạ Huyền Trang Ân Ôn Kiều "lấy chiếc áo lót mình (nguyên văn: thiếp thân hãn sam) bọc đứa trẻ lại", chứng tỏ thời tiết chưa lạnh. Nếu Huyền Trang được thụ thai khi cha mẹ khởi hành - độ tháng Ba, thì chín tháng sau đã là tháng Chạp, trời đông giá rét, không thể chỉ bọc một tấm áo lót để giữ ấm cho trẻ sơ sinh rồi đem ra ngoài Nha môn, thả xuống sông được. Việc chỉ bọc một lớp áo lót sẽ hợp với thời tiết mùa hè hoặc chớm thu hơn. Nghĩa là Trần Huyền Trang được sinh ra sau năm, sáu tháng trong bụng mẹ.

Trừ khi trước khi cưới Quang Nhị thì Ân tiểu thư đã mang thai ba tháng. Cha của Huyền Trang cũng không thể là vị Trần Trọng nguyên này được. Cũng bởi Ân tiểu thư sớm mang bầu nên nhà gái mới vội vàng: “Thừa tướng và phu nhân lập tức bước ra khỏi nhà khách, cho mời tân khách đến làm lễ cưới, gả tiểu thư cho Quang Nhị. Hai vợ chồng lễ tạ trời đất, đáp lễ nhau xong, rồi vào lạy tạ bố mẹ vợ.” Trong khi Trần Ngạc còn mẹ già ở quê chưa thỉnh lệnh.

2. Vậy thì Huyền Trang là con ai?

Đầu tiên phải minh định *Tây Du Ký* là một câu chuyện hư cấu, nhân vật trong truyện mượn danh tính và sự tích người thật, nhưng được thay đổi ít nhiều để phù hợp với cốt truyện. Do vậy ta đừng coi Trần Huyền Trang trong *Tây Du Ký* là nhân vật lịch sử Tam Tạng pháp sư. Ngay cả cha mẹ của Tam Tạng pháp sư cũng không phải Trần Quang Nhị và Ôn Kiều. Theo sách Đại Đường Đại Từ Ân tự Tam Tạng pháp sư truyện ghi chép lại thì cha của ông là Trần Tuệ, chưa từng làm quan hay thi đỗ Trạng nguyên gì hết. Cái tên Trần Ngạc tự Quang Nhị lẫn câu chuyện đỗ Trạng, cưới tiểu thư, bị giặc cướp giết chồng đoạt vợ... đều là do tác giả dựng lên. Nhưng nguồn gốc tích truyện ấy ở đâu ra?

Đời Đường có một bộ truyện truyền kỳ mang tên Nguyên Hóa Ký, trong đó có câu chuyện Thôi úy tử (con trai viên Huyện úy họ Thôi) kể về một người họ Thôi vốn người Thanh Hà, lên kinh thi đỗ, được bổ làm Huyện ủy huyện Đại Hòa - Cát Châu. Bởi mẹ của Thôi là Lư thị lưu luyến cố hương không đi nên hai vợ chồng Thôi đem gia tài chục vạn cùng mấy tòng tộc lên thuyền tới nơi nhậm chức. Giữa đường, gã thuyền phu họ Tôn lén thấy tư trang rất nhiều, nên nhân lúc Thôi không để ý, đẩy ngã xuống sông. Đêm đó lại ép Vương thị làm vợ. Bấy giờ Vương thị đang có thai, đành phải khuất thân. Sau sinh được một con trai, gã thuyền phu rất yêu, nhận làm con nuôi. Họ Tôn nhân chiếm được gia tài mà trở nên giàu có. Mười chín năm sau, đứa con nuôi lên kinh dự thi, giữa đường đi lạc tới một nhà trọ, chính là thôn cũ của cha mình. Chủ nhà nhìn dung mạo chàng giống hệt họ Thôi liền báo cho bà cụ họ Lư. Nhưng hỏi thì

chàng trai lại đập mình họ Tôn. Cụ bà nhớ con khóc lóc thảm thiết, lại tặng cho quần áo cũ của Thôi sinh thuở xưa. Chàng trai thi trượt trở về nhà gặp mẹ, Vương thị nhìn thấy quần áo xưa thì thất kinh hỏi han sự tình. Chàng trai kể lại đầu đuôi, hai mẹ con ôm nhau khóc lóc rồi tới nhà môn thừa kiện. Quan phủ liền bắt họ Tôn xử tội chết. Vương thị tuy cũng liên đới vì chậm trễ báo án, nhưng nhờ con mà được miễn tội.

Đây có thể là một trong các nguyên mẫu để tác giả xây dựng nên bối cảnh ra đời của Trần Huyền Trang. Nhưng bên cạnh đó, ta còn thấy sự tinh tế và khéo léo vô cùng của Ngô Thừa Ân, khi lồng ghép một câu chuyện thần thoại của phương Tây để chỉ ra thân phận thực sự của Đường Tăng, mà chúng ta sẽ phân tích kỹ ở chương sau.

Chương 2

TRẦN HUYỀN TRANG VÀ PHÚC CẢM OEDIPUS

1. Một Lưu Hồng ngang trời xuất thế

Như đã phân tích ở chương trước, Huyền Trang không thể là con ruột của Trần Quang Nhị, mà mẹ ông là Ân Ôn Kiều đã có mang trước đó. Cho nên tác giả xây dựng một nhân vật mới là Lưu Hồng ngang trời xuất thế chắc hẳn phải mang một dụng ý nào đó.

Bởi Ôn Kiều là tiểu thư con quan Thừa tướng ở kinh sư cho nên người có gian tình với tiểu thư hẳn cũng phải thuộc tầng lớp quyền quý ở đó. Lưu Hồng được *Tây Du Ký* kể rằng mạo danh làm quan Tri phủ Giang Châu trong 18 năm mà không lộ sơ hở. Vậy thì xuất thân của Lưu Hồng hẳn không phải một gã thuyền phu tầm thường. Xét về sự khác biệt về học vấn và phong thái của một anh học trò với một gã thuyền phu, đây là điều bất khả. *Tây Du Ký* tả sau khi Lưu Hồng giết xong Quang Nhị, quăng xác xuống sông thì:

Ân tiểu thư thấy chồng bị đánh chết, định đâm đầu xuống dòng nước tự tử. Lưu Hồng ôm chặt lấy nói:

- Nàng nghe ta thì mọi sự êm đẹp! Nếu không nghe thì một nhát dao là người đứt làm hai đoạn ngay!

Câu thoại ở đây thật vô nghĩa, Ôn Kiều đã định nhảy xuống sông tự sát thì lời dọa "một nhát dao là người đứt làm hai đoạn ngay" làm sao khiến tiểu thư "nghĩ ngợi chẳng còn cách nào khác", cũng là chết thôi mà. Cho nên lời dọa "nhất đao lưỡng đoạn" là nói tới việc cắt đứt tình nghĩa thì hợp lý hơn. Lưu Hồng dọa nếu còn xót thương người chồng quá cố thì tình nghĩa xưa nhất đao lưỡng đoạn.

Sau khi Lưu Hồng bị bắt, Ân tiểu thư muốn treo cổ tự sát ngay, nhưng Huyền Trang cản lại. Đó có thể là hành động bột phát trong tình huống bất ngờ. Sau khi Lưu Hồng bị giết tại ngay Hồng Giang, gia đình Trần Quang Nhị đoàn tụ, Ân tiểu thư lại "thong dong tự

tận", chứng tỏ tiểu thư có vương mắc trong lòng dầu thế nào cũng không cởi bỏ được*.

Nguyên văn bản tiếng Trung là "Ân tiểu thư tất cánh thung dung tự tận"; bản Thụy Đình dịch: "Ân tiểu thư được thung dung cười hạc"; bản Như Sơn dịch: "Ân tiểu thư được xênh xang hạnh phúc", đều làm sai lệch ý nghĩa của tác phẩm.

2. Gốc gác của Lưu Hồng

Thật không dễ dàng gì để tìm kiếm gia thế của Lưu Hồng bởi nhân vật này chỉ xuất hiện có một đoạn trong hồi 9 của *Tây Du Ký*.

Với giả định Lưu Hồng là con em đại quan ở kinh sư, là nhân tình của Ôn Kiều thì hẳn cha của Lưu Hồng và cha của Ôn Kiều phải có quan hệ qua lại. Rất may là tác giả đã lưu lại chút manh mối. Hồi 10 chép: "Vua Đường mắt phượng mày ngài, nhìn khắp một lượt, thấy trong đám quan văn có Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Từ Thế Tích, Hứa Kính Tông, Vương Khuê. Hàng võ quan có Mã Tam Bảo, Đoàn Chí Hiên, Ân Khai Sơn, Trình Giảo Kim, Lưu Hồng Kỷ (劉洪紀), Hồ Kính Đức, Tần Thúc Bảo."

Hồi 11 chép: "Phía bên đông có bọn Từ Mậu Công, Ngụy Trưng, Vương Khuê, Đỗ Như Hối, Phòng Huyền Linh, Viên Thiên Cương, Lý Thần Phong, Hứa Kính Tông; bên tây có bọn Ân Khai Sơn, Lưu Hồng Cơ (劉洪基), Mã Tam Bảo, Đoàn Chí Hiên, Trình Giảo Kim, Tần Thúc Bảo, Hồ Kính Đức, Tiết Nhân Quý cũng nhất tề bước ra".

Lưu Hoảng Cơ (劉弘基) là đại tướng khai quốc của nhà Đường, một trong hai mươi tư vị công thần được họa tranh treo ở Lăng Yên các. Lưu Hoảng Cơ cũng được một sổ sử sách chép là Lưu Hồng Cơ, nhưng không thể có việc đổi hẳn thành Lưu Hồng Kỷ, nhất là hai cái tên xuất hiện cách nhau có một hồi. Đây chính là manh mối mà tác giả ám chỉ một nhân vật đáng lưu tâm.

Lại nữa, Lưu Hồng Cơ bớt đi chữ Cơ, ta có Lưu Hồng, chính là nhân vật xuất hiện ở sông Hồng Giang. Trong lịch sử, Lưu Hoảng Cơ

và Ân Khai Sơn nhiều lần cầm quân cùng nhau, hai người này được viết chung một truyện trong Tân Đường thư, một bộ chính sử của Trung Quốc.

Tác giả không viết vì lí do gì mà hai gia tộc Lưu, Ân không kết làm thông gia. Bấy giờ Ôn Kiều đã mang thai ba, bốn tháng nên đành vội vàng kén Trần Quang Nhị làm chồng. Việc nhanh chóng đẩy đôi vợ chồng trẻ tới phương xa nhằm chúc ngay sau ngày cưới là một biểu hiện của việc che giấu cái thai trong bụng đã bắt đầu lớn. Lưu Hồng hay tin vợ chồng Quang Nhị khởi hành nên cùng tay chân (Lý Bư) đóng giả làm thuyền phu đón lững, giữa đường giết tình địch để đoạt tình nương.

Cũng bởi Lưu Hồng là con của Tổng quản Lưu Hoảng Cơ nên khi Huyền Trang tới báo án, "Vua Đường nghe xong, vô cùng phẫn nộ, lập tức sai mang sáu vạn quân ngự lâm, giao cho Ân thừa tướng thống lĩnh đi diệt giặc cướp." Một viên Tri phủ Giang Châu mà phải khiến triều đình điều động sáu vạn quân ngự lâm, tới nơi lại phối hợp với hai viên Đồng tri và Phán châu ở bản địa Giang Châu, đem quân hỗ trợ. Hẳn là bởi e sợ thế lực của gia tộc Lưu Hồng ở kinh sư.

3. Những người họ Lưu

Vì muốn ám chỉ Huyền Trang vốn họ Lưu, nên tác giả để hòa thượng Pháp Minh ở chùa Kim Sơn vớt được đứa bé trôi sông liền đặt tên là Giang Lưu. Chữ Lưu (流) đồng âm với họ Lưu (劉).

Lưu Toàn dưng bí: Một sự trùng hợp về hoàn cảnh của hai người họ Lưu. Đầu tiên vì trắc trở mà chia ly với vợ, sau đó lại được trùng phùng. Gia đình Lưu Toàn chính là một ẩn dụ về Lưu Hồng và Ân Kiều.

Thái bảo Lưu Bá Khâm: Một người họ Lưu khác mà Trần Huyền Trang gặp ở Song Xoa lĩnh. Điểm kỳ lạ của cuộc gặp gỡ này là Bá Khâm biết Huyền Trang đến từ Tràng An liền nói: "Nhĩ ký thị Đường triều lại đích, dữ ngã đô thị hương lý - Người ở bên Đường triều tới đây, với tôi đều là đồng hương cả." Song Xoa lĩnh thuộc địa phận Đại Đường, người cùng một nước gặp nhau, nói chung một ngôn ngữ,

thì không ai lại nhận là đồng hương cả. Ấn ngữ của tác giả muốn chỉ ra Bá Khâm và Huyền Trang là người cùng làng (hương lý), mà những người cùng làng thường cùng họ. Thêm nữa, câu của Bá Khâm còn mang ý nghĩa rằng hai người là “đồng Đường”, chữ Đường (唐 - nhà Đường) đồng âm với Đường (堂 - nhà). Bá Khâm và Huyền Trang là huynh đệ đồng đường, cùng họ Lưu cả.

Lưu Bá Khâm lại có người cha mang nặng sát nghiệp không thể siêu sinh, Huyền Trang tới nhà liền được mời tụng kinh để siêu độ cho cha Lưu Bá Khâm. Cha của Bá Khâm là một ẩn dụ chỉ

Lưu Hồng, cả hai đều mang sát nghiệp nặng nề khó siêu sinh, mà Huyền Trang tụng kinh chính để siêu độ cho cha mình.

4. Huyền Trang giống bố?

Khi Huyền Trang về gặp bà nội ở Vạn Hoa điểm, cụ bà nói: “Tiếng anh giống tiếng đứa con tôi là Trần Quang Nhị quá!” Câu này để dẫn dắt tới việc sau khi được Huyền Trang chữa mắt, cụ bà lại nói: “Đúng là cháu bà, giống bố Trần cháu như đúc!”

Huyền Trang sinh ra và lớn lên ở Giang Châu, còn Trần Ngạc ở Hải Châu, cách nhau mấy tháng đi đường, làm sao khẩu âm có thể giống nhau được. Đây là do cụ bà tự kỷ ám thị, mà cảm nhận sai khác. Khi Huyền Trang lần đầu gặp mẹ, Ân tiểu thư không hề có cảm nhận về sự giống nhau này, còn hỏi kỹ: “Ôn Kiều là mẹ đây. Nhưng con có bằng chứng gì không?” Rồi sau khi trình ra huyết thư năm xưa, tiểu thư vẫn chưa tin hẳn mà phải chờ tới lúc ở chùa Kim Sơn, Huyền Trang cởi giày cho mẹ xem vết sẹo ở ngón chân út bên trái thì mới xác quyết.

5. Phức cảm *Oedipus*

Thần thoại Hy Lạp có một câu chuyện kể về Hoàng tử *Oedipus* là con trai của vua Laius thành Thebes và hoàng hậu Jocasta. Bởi lời tiên tri cậu bé sau này lớn lên sẽ giết cha và cưới mẹ, nên vua Laius bàn với vợ rồi sai người hầu đem đứa bé lên núi và giết. Người hầu

không đành lòng tuân theo nên đem đứa bé trao cho người chăn cừu của vua Polybus xứ Corinth. Đứa bé được vua Polybus nhận làm con nuôi, lớn lên vô tình giết chết một ông già trên đường đi mà không biết đó là vua Laius. Rồi chàng tiêu diệt được con nhân sư, cưới bà hoàng hậu góa Jocasta thành Thebes và lên làm vua. Từ đó thành Thebes gặp vô vàn thiên tai. Được nhà tiên tri mù Tiresias cho biết sự thật, hoàng hậu Jocasta tự tử, còn *Oedipus* tự móc mắt rồi bỏ đi, ông sống lang thang và đau khổ cho tới khi chết.

Câu chuyện về *Oedipus* được Ngô Thừa Ân phục dựng hầu như vẹn nguyên bằng các phép ẩn dụ trong *Tây Du Ký* mà sẽ ít người nhận ra. Lời tiên đoán của nữ tiên tri đền Delphi rằng Laius sẽ chết dưới tay con mình được ngầm thể hiện bằng lời báo mộng của Nam Cực tiên ông cho Ôn Kiêu. Giấc mộng ấy nói rằng đứa con Ân tiểu thư sắp sinh sẽ khiến vợ chồng đoàn tụ, rửa được mối thù (tức giết được Lưu Hồng). Bởi kinh sợ giấc mơ ấy mà vợ chồng Lưu Hồng, Ôn Kiêu phải thả con trôi sông.

Trong truyện *Oedipus*, vua Laius xuyên sợi dây qua hai chân của đứa bé sơ sinh*, *Tây Du Ký* đã mô phỏng bằng việc Ân tiểu thư “cắn đứt một vết nhỏ trên ngón chân út bàn chân trái của đứa con để đánh dấu”. Cũng nhờ vết sẹo ở chân mà Ôn Kiêu xác nhận Huyền Trang là đứa trẻ trôi sông thuở nào.

Oedipus trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là chân bị sưng.

Trong truyện *Oedipus*, chàng trai khi lớn lên bị một nhà quý tộc xứ Corinth chế nhạo là đứa trẻ không cha không mẹ. *Tây Du Ký* mang tình tiết này vào truyện với lời của gã sư rượu thịt mắng Huyền Trang: “Đồ nghiệt súc, cha mẹ chẳng có, họ tên chẳng hay kia, định làm quỷ ở đây chắc!”

Tình tiết *Oedipus* cưới mẹ mình được tái hiện không phải ở đoạn truyện này, mà phát sinh ở hồi 93. Đường Tăng ở nước Thiên Trúc đạo phổ, bị công chúa vốn là Thỏ Ngọc hạ phạm gieo tú cầu kén làm chồng. Một vòng tuần hoàn khép kín, từ Ân Ôn Kiêu gieo cầu kén chồng, sinh ra Huyền Trang và kết thúc bằng một công chúa Thiên Trúc gieo cầu kén chồng.

Trong truyện *Oedipus*, khi thành Thebes gặp dịch bệnh hoành hành, *Oedipus* tìm tới nhà tiên tri và được biết dịch bệnh sẽ tiếp tục cho tới khi tìm ra kẻ sát nhân đã giết cựu vương Laius. *Oedipus* đã mở một cuộc truy lùng và treo thưởng lớn để tìm kiếm tên sát nhân nhưng không ai tìm được. Cuối cùng *Oedipus* ép nhà tiên tri mù Tiresias phải tiết lộ sự thật. Phũ phàng thay, lời tiên tri đó là “ngài chính là kẻ đã giết cựu vương Laius và cũng chính ngài đã cưới bà hoàng hậu góa, mẹ của ngài”. Chi tiết *Oedipus* mở cuộc truy lùng kẻ sát nhân được Ngô Thừa Ân phục dựng bằng tình tiết Huyền Trang đích thân đem thư của mẹ tới kinh sư gặp ông ngoại để báo án, dẫn tới kết cục là Lưu Hồng bị giải tới bến sông mà hành hình, giống như vua Laius bị giết giữa đường.

Câu chuyện *Oedipus* kết thúc bằng cuộc đời lang thang tha phương cầu thực của nhân vật chính, còn Huyền Trang của *Tây Du Ký* thì bắt đầu hành trình mười bốn năm hành khất sang Tây thiên thỉnh kinh.

6. Tiểu kết

Vận dụng truyền thuyết cổ Trung Hoa (*Thôi úy tử*) để che giấu đi cái gốc là thần thoại phương Tây (*Oedipus*) một cách khéo léo là phương pháp mà Ngô Thừa Ân nhiều lần sử dụng trong bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* đồ sộ của mình. Chúng ta sẽ còn bắt gặp các cổ sự Trung Hoa và phương Tây như Kinh Thánh, Thần thoại Hy Lạp, *Ngưu Lang Chức Nữ*, Hồ già thập bát phách, Nhị đào sát tam sĩ, Loạn Tĩnh Nan, Tam bảo hạ Tây dương... ở các chương sau. Nhờ đó, phần nào hiểu rõ hơn cách xây dựng nên bộ kỳ thư *Tây Du Ký*. Cũng qua đó hiểu được những ám chỉ, những ẩn ý mà tác giả gửi gắm lại hậu thế.

Chương 3

VẤN ĐỀ QUỐC GIÁO VÀ VỠ KỊCH THÁI TÔNG HOÀN DƯƠNG

Người đọc lướt *Tây Du Ký* thường có khuynh hướng cho rằng Tây Du xiển dương Thích giáo mà áp chế Đạo giáo. Bằng chứng rất nhiều địa phương trong truyện, như nước Xa Trì, nước Diệt Pháp, quận Phụng Tiên, bằng sự có mặt của bốn thầy trò Đường Tăng mà quay sang tín phụng đạo Phật. Quan điểm ấy rất sai lầm!

Nếu có xiển dương thì *Tây Du Ký* xiển dương cả tam giáo Thích, Đạo, Nho, coi tam giáo ngang hàng nhau, mà ta có thể tìm thấy trong những hội thoại xuyên suốt câu chuyện.

1. Tam giáo quy nhất

1.1. Bồ Đề tổ sư

Bồ Đề tổ sư là thầy dạy thần thông cho Tôn Ngộ Không. Trước khi truyền đạo pháp căn nguyên, tổ sư đã ướm hỏi muốn truyền trước đạo trong môn chữ “Thuật”, môn chữ “Lưu”, môn chữ “Tĩnh”, môn chữ “Động”. Trong đó nói về môn chữ Lưu như sau: “Trong môn chữ Lưu là các loại Nho gia, Thích gia, Đạo gia, Âm dương gia, Mặc gia, Y gia, hoặc xem kinh, hoặc niệm Phật. Đều là loại cầu chân giảng thành cả.”

Tuy đạo trong môn chữ Lưu không giúp người tu hành trường sinh bất lão, nhưng có thể thấy Bồ Đề tổ sư xếp Nho, Thích, Đạo ngang hàng nhau chứ không độc tôn nhà nào.

1.2. Nước Xa Trì

Xa Trì gặp hạn hán, từ vua chí dân tằm gột trai giới cầu mưa đều không thành, rồi một ngày có ba vị đại tiên là Hổ Lực, Lộc Lực, Dương Lực xuất hiện, hô phong hoán vũ chỉ đá thành vàng. Từ đó trong nước hủy bỏ chùa chiền, bắt các nhà sư thành lao dịch. Kết quả là Ngộ Không đấu phép khiến tam tiên bỏ mạng, Quốc vương yết bảng gọi các nhà sư trở về. Đọc qua thì thấy nhờ các hòa thượng Đại Đường phá phép yêu của đạo sĩ mà Thích giáo được khôi phục. Nhưng sự thực là Quốc vương không hề nâng Thích giáo lên thành quốc giáo mà hạ bệ Đạo giáo. Ngay cả lời khuyên của Ngộ Không cho Quốc vương cũng thể hiện sự cân bằng tam giáo: “Mong mọi người hãy coi tam giáo là một, kính đạo trọng tăng, nuôi dưỡng nhân tài. Ta sẽ giữ gìn cho giang sơn các ngài vững bền mãi mãi.”

Nguyên văn câu này là “Vọng nhĩ bả tam giáo quy nhất: Dã kính tăng, dã kính đạo, dã dưỡng dục nhân tài. Ngã bảo nhĩ giang sơn vĩnh cố.”

Tạm bỏ qua việc “tam giáo quy nhất” mang ẩn ý hơi khác, thì rõ ràng Ngộ Không chẳng những đem Đạo và Thích đặt ngang nhau, mà còn thượng tôn cả Nho nữa, tăng nhân, đạo sĩ, nhân tài đều nên coi trọng.

1.3. Nước Diệt Pháp

Kiếp nạn mà bốn thầy trò trải qua ở nước Diệt Pháp là một ví dụ mà người đọc cho rằng *Tây Du Ký* xiển Thích ức Đạo. Hồi 84 và 85 kể rằng Quốc vương nước Diệt Pháp có lời nguyện giết đủ một vạn hòa thượng. Tôn Ngộ Không liền đại triển thần thông trong một đêm cạo trọc đầu từ vua tới hậu cùng bá quan văn võ. Kết cục là Quốc vương tình nguyện quy y, muốn tôn Đường Tăng làm thầy, đổi tên nước từ Diệt Pháp thành Khâm Pháp (nghĩa là tôn kính pháp). Độc giả thấy khá rõ ràng phải không?

Nhưng khoan!

Ở đó có một câu: “Na Quốc vương thính thuyết tức tr Quang lộc tự đại bài diễn yển. Quân thần hợp đồng bái quy vu nhất” mà bản Như Sơn dịch là “Quốc vương nghe xong, lập tức sai quan Quang lộc

tự bày đại tiệc khoản đãi. Vua tôi cùng tới dự, bái lạy thầy trò”, còn bản Thụy Đình dịch rằng: “Quốc vương nghe nói liền sai Quang lộc tự đặt một đại tiệc. Vua tôi đã hợp nhau, cùng theo về một đạo”. Bản Thụy Đình đã đi rất sát với ẩn nghĩa của Tây Du: đó là quy nhất, như đã được nhắc tới ở nước Xa Trì.

Ngoài ra thì quốc hiệu của nước là một điểm đáng nghi vấn. Thực khó hiểu khi tên một nước thường mang ý nghĩa cao đẹp chứ không khi nào lại đặt chữ mang nghĩa xấu như Diệt cả. Vậy thì tác giả có ẩn ý gì khi đặt tên nước là Diệt Pháp rồi sau đổi thành Khâm Pháp?

Theo thiển ý thì chữ Pháp (法) cận âm với chữ Phát (髮) nghĩa là “tóc”. Khi Quốc vương giết hòa thượng thì tên nước là Diệt Phát - cạo sạch tóc; mà khi Quốc vương trọc đầu quy y thì tên nước là thành Khâm Pháp - tôn quý bộ tóc. Một ẩn ý rằng không hề đem Thích giáo thành độc tôn trong nước.

1.4. Nam Sơn đại vương

Con yêu quái báo gấm này bản lĩnh tuy chẳng ra gì những cũng tổn của Tôn, Trư, Sa rất nhiều nước mắt vì tướng sư phụ đã bị ăn thịt. Con yêu quái này thì liên quan gì tới vấn đề quốc giáo mà chúng ta đang bàn đến? Dĩ nhiên con báo tinh này thì không, nhưng câu nói của Tôn Ngộ Không đáp trả khi nó xưng là “Nam Sơn đại vương” thì rất đáng lưu ý: “Đồ đệ tiện to gan kia! Nhà ngươi bao nhiêu tuổi mà dám dùng hai chữ Nam Sơn? Lão Quân họ Lý là ông tổ khai thiên lập địa chỉ được ngồi ở bên phải cung Thái Thanh, Phật tổ Như Lai là bậc tổ giúp đời chỉ được ngồi ở dưới cánh đại bàng, Đức thánh Khổng là ông tổ đạo Nho cũng chỉ được gọi là phụ tử mà thôi.”

Chỉ một câu nói, liền đem ba vị tổ của tam giáo đặt ngang nhau. Cứ cho rằng Ngộ Không trước tu Đạo, nay theo Phật thì việc đưa Đức Khổng tử với đại Nho xa lạ với chính lão Tôn, mà đối tượng lại là một con yêu quái chốn núi rừng xa xôi, đủ để thấy quan điểm về tam giao quy nhất của tác giả.

1.5. Kim khẩu của Phật tổ Như Lai

Khi trao chân kinh cho Đường Tăng, chính Phật tổ Như Lai đã nhấn mạnh rằng: “Công đức của những quyển kinh này không gì sánh nổi. Tuy là giới luật của cửa ta, nhưng cũng là nguồn dòng của tam giáo. Khi về tới Nam Thiệm Bộ Châu phải bảo cho hết thầy chúng sinh không được coi thường, phải tắm gội trai giới sạch sẽ mới được mở xem. Phải quý báu! Phải coi trọng! Bởi trong đó có phép màu đặc đạo thành tiên, có phương lạ phát minh biến hóa.”

Không chỉ nhắc tới tam giáo mà ngài còn bảo đó là “phép màu đặc đạo thành tiên”, một tư tưởng hoàn toàn mang màu sắc Đạo giáo.

2. Thế thì vấn đề quốc giáo là sao?

Quá trình thỉnh kinh của bốn thầy trò Đường Tăng kéo dài mười bốn năm, điệp văn có đóng ấn của “nước Bảo Tượng nước Ô Kê, nước Xa Trì, nước Tây Lương, nước Tế Trại, nước Chu Tử, nước Tỳ Kheo, nước Diệt Pháp, lại có cả ấn quận Phượng Tiên, châu Ngọc Hoa, phủ Kim Bình nữa”. Nhưng không phải ở các nước, các châu, quận, phủ đều nhắc tới việc cải đạo quy y. Mặc dù vậy, nếu coi Thiên đình là trung tâm thống trị tối cao của trời đất, và Ngọc Hoàng Thượng Đế là bậc chí tôn cai trị tam giới, thì việc muôn dân tín phục, thờ phụng trời đất luôn được đặt lên hàng đầu, bất kể dân lành hay ác, bất kể Thích hay Đạo. Quận Phượng Tiên là một ví dụ điển hình.

2.1. Quận Phượng Tiên

Quận hầu ở quận Phượng Tiên bởi bất kính với Ngọc Hoàng Thượng Đế nên ba năm liền trời làm hạn hán không mưa, tới mức “Chết khô cây cỏ cùng ngũ cốc”, “Người sống ba phần, hai đã chết”. Mà Quận hầu là người thế nào? *Tây Du Ký* hồi 87 viết: “Quận hầu vốn là người ngay chính hiền lương, thương dân rất mực”. Quận

Phượng Tiên cũng không hề có yêu quái hay đàn áp tam giáo, từ quan chí dân đều lương thiện, ấy thế mà Ngọc Hoàng phải ra tay trừng phạt là có làm sao?

Thế rồi được Tôn Ngộ Không chỉ bảo, “Quận hầu dập đầu lễ bái, xin phát nguyện quy y. Tức thì triệu mời các sư trong xứ, lập đàn tràng mọi người đều làm sớ tâu lên khắp nơi tam thiên thế giới. Quận hầu đem mọi người đến dâng nhang lễ bái, cầu trời khẩn đất, thú nhận tội lỗi. Tam Tạng cũng tụng kinh cầu cho. Một mặt lại khẩn sức cho dân ở trong thành, vô luận nhà giàu nhà khó, trai gái mọi người, đều phải dâng hương niệm Phật.” Thế là được xá tội, “năm ngày nổi một cơn gió, mười ngày làm một trận mưa”.

Nếu bởi Quận hầu bất kính thì một mình Quận hầu tạ tội là đủ, sao lại bắt vạ dân đều phải “dâng nhang lễ bái, cầu trời khẩn đất, thú nhận tội lỗi”? Ấy là bởi Ngọc Hoàng - vị chúa tể của vạ dân cần thần dân của mình quy phục chứ không phải chỉ một viên quan. Và cả nước kính ngưỡng Thích giáo, Đạo giáo hay Nho giáo đều được, bởi đó là công cụ của bộ máy cai trị vận dụng để quy tụ lòng dân. Đó cũng là lý do mà Thích giáo được Ngọc Hoàng Thượng Đế ủng hộ, truyền vào Nam Thiệm Bộ Châu, mà ông tổ Đạo giáo là Lão Quân cũng không có biểu hiện phản đối. Đơn giản là Thiên đình được hương khói đầy đủ, tín ngưỡng lực* dồi dào thì ai cũng có lợi cả. Một khi Đạo giáo không còn đáp ứng được yêu cầu của Thiên đình, thì một thứ tôn giáo mới - Thích giáo - sẽ được ủng hộ để thay thế tôn giáo đang thịnh hành cũ. Và cuộc thỉnh kinh đã được các thế lực kiến thiết lên bởi vậy.

Tín ngưỡng lực là một khái niệm không liên quan tới *Tây Du Ký* nhưng khá phổ biến. Thần tiên trên trời được hưởng hương khói ở hạ giới, thì sinh ra tín ngưỡng lực.

2.2. Nguồn cơn thỉnh kinh

Tây Du Ký có chút mâu thuẫn khi ở hồi 8, Phật tổ Như Lai khởi lên việc truyền kinh sang Đông Thổ, nhưng khi Quan Âm Bồ tát gặp

thủy quái sông Lưu Sa thì yêu quái nói đã ăn thịt chín người thỉnh kinh trước đó. Như vậy là Thích giáo có chủ trương âm thầm truyền đạo vào trung thổ từ trước, nhưng vẫn bất thành. Tại sao nói âm thầm? Bởi các vị Bồ tát, La hán đều không ai hay biết việc có người từng đi thỉnh kinh này. Sau khi hàng phục Tề Thiên Đại thánh giúp Thiên đình, Phật tổ mới chính thức công khai tổ chức cuộc thỉnh kinh và có kế hoạch cụ thể. Hẳn là Ngọc Hoàng Thượng Đế đã đồng ý cho Thích giáo từng bước thay thế Đạo giáo đang thịnh hành ở Nam Thiệm Bộ Châu.

Với việc đại diện của giới yêu ma tu đạo dưới hạ giới là Thất Đại thánh, chống lại Thiên đình^{*}, và các yêu quái hạ giới năm lần bảy lượt cản đường đoàn thỉnh kinh, có thể thấy Đạo giáo phát triển ở hạ giới đã không hướng chúng sinh tới việc thờ phụng Thiên đình mà nghiêng về tự phát triển, mưu lợi cá nhân, thậm chí phản loạn. Các nhà thống trị liền cho phát triển một tôn giáo mới, song song với Đạo giáo, nhằm một lần nữa hướng bá tính tới việc thờ phụng Thiên đình. Tình huống này cũng giống hệt như chính quyền phong kiến Trung Quốc, khi thì sùng Phật, khi thì tôn Nho, khi thì xiển Đạo. Mục đích cuối cùng của họ không phải là khiến dân thành hòa thượng, đạo sĩ hay hiền tài, mà chỉ cần dân có chỗ quy tụ về để dễ bề cai trị.

Xem bài Vì sao lục Đại thánh không giúp Ngộ Không chống lại Thiên binh.

Để đạt được mục tiêu tối thượng ấy, Thiên đình cùng Tây phương đã bắt tay nhau thực hiện một âm mưu ép Đường Thái tông phải cử Đường Tam Tạng sang Tây thỉnh kinh.

3. Đường Thái tông và vở kịch hoàn dương

Người đọc Tây Du ai cũng có thể lờ mờ nhận ra vở kịch Thái tông du địa phủ vốn là được Thích giáo thông qua quyền lực của Địa Tạng vương Bồ tát cai quản cõi âm, dùng vong hồn Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát cùng sáu mươi tư yên trần, bảy mươi hai thảo khấu,

dọa cho vị Hoàng đế cõi nhân gian kinh hồn bạt vía. Sau khi hoàn dương, Đường Thái tông vội vàng tổ chức Đại hội Thủy lục và Quan Âm Bồ tát xuất hiện dưới bộ dạng du tăng, giảng cho Trần Huyền Trang rằng: “Giáo lý Tiểu thừa ấy không siêu độ được vong hồn, chỉ có thể mát mẻ sáng sủa hơn mà thôi. Ta có pho kinh Đại thừa Phật pháp tam tạng có thể siêu độ cho vong hồn được lên trời, cứu vớt người hoạn nạn thoát khổ, có thể tu sống lâu vô lượng, có thể bất diệt, bất sinh.”

Lại giảng cho Thái tông rằng: “Vị pháp sư giảng toàn là giáo lý Tiểu thừa, không siêu độ được các vong hồn để được lên trời. Tôi có pho kinh Đại thừa Phật pháp tam tạng có thể cứu vớt các vong hồn thoát khổ, sống lâu không chết.”

Hay tin kinh văn Tiểu thừa không siêu độ được cho các vong hồn để lên trời, trong khi kinh Đại thừa không những làm được việc đó, lại còn khiến người ta trường sinh bất tử, đúng như giấc mộng của bao vị đế vương, Đường Thái tông quyết tâm lấy cho được các bộ kinh Đại thừa. Quả thực vị vua này đã bị Thiên đình và Tây phương lừa cho một võ. Tại sao nói Thái tông bị lừa? Đơn giản là bởi kinh văn Tiểu thừa cũng siêu độ được người chết. Hồi 13 kể rằng bà mẹ của người thợ săn Bá Khâm thuật lại giấc mơ đêm trước: “Mẹ thấy bố con về nói rằng, nhờ có trưởng lão siêu độ cho, thoát được ác nghiệp được đầu thai vào một nhà trưởng giả ở Trung Quốc.” Hai vợ chồng Bá Khâm cũng có cùng giấc mơ như vậy.

Vai trò của Tây phương thể hiện quá rõ trong màn kịch này rồi, còn Thiên đình thì sao? Ta hãy cùng xem.

3.1. Ngọc Hoàng mới là người khởi xướng

Hồi thứ 10 mở màn với hai diễn viên phụ: Ngư và Tiều. Hai vị ngư phủ và tiều phu rượu được nửa tuần, chuênh choáng đi dọc sông Kinh Hà ngâm ngời khoe non xanh nước biếc. Thế rồi đột nhiên ngư phủ khoe về ông thầy bói trong thành: “Hằng ngày tôi biểu ông ta một con cá chép vàng, và nhờ ông ta bói cho một quẻ. Tôi cứ theo vị trí trong quẻ bói mà thả lưới, trăm lần trúng cả trăm.”

Tình cờ khi ấy có quý Dạ xoa đi tuần, về tàu lại Long vương Kinh Hà. Chuỗi câu chuyện diễn ra sau đó là Long vương nổi giận tìm ông thầy bói cá cược về việc làm mưa, rồi tự ý sửa đổi ngày giờ và lượng mưa, bởi vậy mà phạm phép trời, phải tội chết. Thiên đình sai Nhân tào Ngụy Trưng chém Long vương trong giấc mơ.

Khoan! Có rất nhiều điểm khả nghi trong đoạn này. Thứ nhất: Long vương Kinh Hà phạm tử tội vì thay đổi lượng mưa. Ở động Hỏa Vân, khi Ngộ Không cầu Long vương làm mưa để dập lửa của Hồng Hải Nhi, Long vương cho biết: "Tôi nay trông coi việc mưa, nhưng không dám tự tiện, mà phải có sắc chỉ của Thượng đế lệnh cho mưa ở địa phương nào, mưa mấy thước, mấy tấc, giờ nào làm mưa, giờ nào tạnh mưa. Lại còn phải có ba quan hạ bút. Thái Ất đưa trát hội hợp ông sấm, bà chớp, bác gió, chú mây nữa chứ."

Nhưng Ngộ Không nói không cần gió mây sấm chớp, thì Tứ hải Long vương liền giúp cho Hành Giả một trận mưa "sấm sập trút xuống". Ở nước Chu Tử, khi Ngộ Không xin Long vương làm một trận mưa để có nước không rễ cho Quốc vương dùng thuốc, Long vương liền "giấu kín nguyên hình, nhổ một bãi nước bọt, hóa thành một trận mưa ngọt."

Như vậy việc tự ý làm mưa không hề bị Ngọc Hoàng xử phạt. Thậm chí có chiếu chỉ của Ngọc Hoàng về phân lượng mưa, thì ở nước Xa Trì cầu đảo, khi mưa đã ngập phố xá, Quốc vương sai quan Chấp sự tới báo mưa đã đủ, "Hành Giả nghe nói, lập tức lại giơ cây gậy lên trời. Trong giây lát sấm yên gió lặng, mưa tạnh trời quang." Không ai quan tâm đến sắc lệnh Ngọc Hoàng là mấy phân mấy giọt hết.

Rốt lại, Long vương Kinh Hà chỉ là con tốt thí của Thiên đình mà thôi.

Thứ hai: Việc hành hình của cõi trời sao lại nhờ tay một ông quan hạ giới, đã thế còn là quan văn? Ta hãy xem Thiên đình xử tử tội nhân ra sao?

Với Tề Thiên Đại thánh: "Lại nói chuyện Tề Thiên Đại thánh bị thiên binh áp giải đưa đến đài trảm yêu, trói chặt vào cột hàng yêu, đao chém, búa bổ, kiếm xía, giáo đâm, mà thân thể không hề xây

xát. Nam Đầu tinh quân lệnh cho các thần ở bộ Hỏa, phóng lửa đốt cũng không cháy. Lại sai các thần ở bộ Lôi lấy roi sét đánh, cũng chẳng đứt một sợi lông.”

Với Quyển Liêm đại tướng (tức Sa Tăng sau này):

Thượng Đế nổi ngay cơn thịnh nộ,

Sai Tả phụ tướng giải đem đi.

Cách hết chức quan, lột áo xông,

Điệu đến pháp trường chém chẳng tha.

Không hề có chuyện mời một quan văn trần thế lên làm đao phủ. Hẳn nhiên Thiên đình đã lập sẵn âm mưu để kéo Đường Thái tông vào cuộc.

3.2. Vai trò của Ngụy Trưng

Sẽ có độc giả thắc mắc rằng, giả như Ngụy Trưng không ngủ gật trong khi đánh cờ với Đường Thái tông, thì ai sẽ chém Long vương? Hay mưu kế sẽ thất bại?

Xin thưa rằng, chắc chắn vào giờ Ngọ ba khắc hôm ấy, Ngụy Trưng sẽ ngủ bằng bất cứ giá nào bởi ông ta là một phần trong màn kịch lừa dối.

Tây Du Ký hồi 8 viết:

Thời ấy là đời vua Thái Tôn nhà Đường, đời niên hiệu là Trinh Quán, đã làm vua được mười ba năm. Năm ấy là năm Kỷ Hợi, thiên hạ thái bình, tám phương tiến cống, bốn bể xin làm tôi. Một ngày kia, vua Thái Tôn ra chầu, hội họp các quan văn võ. Lễ triều bái rồi có Thừa tướng Ngụy Trưng đứng ra tâu rằng:

- Hiện nay thiên hạ thái bình, tám phương yên ổn, nên theo phép cổ, mở khoa thi, kén chọn hiền sĩ, cất dùng nhân tài, giúp việc trị nước.

Thái tông phán:

- Lời tâu của khanh có lý lắm.

Không lẽ nào Ngô Thừa Ân là nhà Nho lão luyện lại nhầm lẫn về lịch sử khoa cử. Chế cử đời Đường xuất hiện khoảng năm Trinh Quán thứ 11 chứ không phải tận năm Trinh Quán thứ 13 mới có.

Vậy là tác giả đã cố tình làm sai khác lịch sử để khiến người đọc phải truy tung tìm vết. Và Ngụy Trưng là nhân vật được dựng nên, và ghép cho việc đề xướng thi cử. Qua kỳ thi tuyển này, Trần Quang Nhị, cha của Trần Huyền Trang trúng Trạng nguyên.

Nhờ trúng Trạng nguyên mà Quang Nhị sánh duyên cùng Ôn Kiều, mà kết quả của cuộc hôn nhân ấy là đứa con trai, sau này lớn lên là Đường Tam Tạng. Nhưng nếu cuộc đời bằng phẳng thì cậu bé Huyền Trang - Kim Thiền Tử đầu thai - là cháu ngoại của Thừa tướng, con của quan Trạng sẽ nối dòng Nho gia, sẽ tham gia khoa cử, và lại làm quan. Sẽ không có cuộc thỉnh kinh nào hết.

Cho nên Ngụy Trưng lại tiếp tục xuất hiện với việc đề cử quan Tân khoa đi làm Tri phủ Giang Châu:

Sáng sớm hôm sau, Thái Tôn ngự ra điện Kim Loan hội các quan văn võ vào triều bái.

Thái tông hỏi:

- Tân khoa trạng nguyên là Trần Quang Nhị nên bổ chức gì?

Thừa tướng Ngụy Trưng tâu:

- Hạ thần tra xét các châu huyện, ở Giang Châu còn khuyết quan, xin chúa thượng bổ cho chức ấy.

Bởi lần ra ngoài làm quan này mà Quang Nhị mất mạng Ôn Kiều vì đứa bé trong bụng mà phải gá thân làm vợ tên cướp Lưu Hồng. Huyền Trang ra đời, bị thả trôi sông lạc đến chùa Kim Sơn và trở thành chú tiểu. Vậy là từ việc hưởng bát đồ của Kim Thiền Tử tái sinh, rồi khiến cậu bé đi tu, đều khởi xuất từ một tay Ngụy Trưng cả.

Vai trò của Ngụy Trưng trong phân đoạn trăm Long vương Kinh Hà đã nhắc ở trên, tiếp theo là đẩy Đường Thái tông vào tay Thôi Phán quan dưới Địa phủ:

Thôi Giác là quan hầu giá đức Thái thượng hoàng, trước lĩnh chức lệnh Tư Châu sau thăng làm Thị lang bộ Lễ; lúc còn sống là bạn thân với hạ thần, giao du rất hậu. Nay mất đi làm chức Phán quan ở dưới âm ty, giữ sổ sinh tử ở Phong Đô, trong giắc chiêm bao thường gặp gỡ hội họp với thần; nếu lần này bệ hạ giao được bức thư này cho y, tất nhiên y nghĩ đến tôi đòi phân mỏng sẽ phóng bệ hạ về.

Sau khi Thái tông trở về dương thế, quyết định mở Đại hội Thủy lục, ai là người được trao cho trọng trách thiết lập và chọn lựa cao

tăng chủ trì? Xin thưa lại là Ngụy Trưng:

Liền sai Ngụy Trưng và Tiêu Vũ, Trương Đạo Nguyên làm lễ thỉnh chư phật, kén chọn lấy một vị đại đức cao tăng làm chủ, lập đàn làm chay. Triều thần đều cúi đầu tạ ơn lui ra. Từ đấy ban ra hẩn pháp luật: kẻ nào nhạo sư báng phật phải tội chặt tay.

Hôm sau ba vị triều thần triệu tập các sư ở đàn Sơn Xuyên hỏi han hết lượt, chọn được một vị cao tăng có đức hạnh.

Dưới bàn tay đạo diễn tài ba của Ngụy Trưng, người kết nối các lực lượng Thiên giới, Dương gian, Địa phủ và Tây phương, vở kịch Đường Thái tông hoàn dương đã hạ màn như vậy. Linh hồn Kim Thiên Tử đã từng bước biến thành Tam Tạng pháp sư, từ đó được giao trọng trách lên đường sang tây thỉnh kinh điển Đại thừa, xiển dương Thích giáo ở cõi Đông Thổ.

Chương 4

LƯU TOÀN DÂNG BÍ

Thái tông được Thập điện Diêm vương cho hoàn dương liền hứa sẽ tặng quà. Đây là một màn khá “nhặt” trong vở kịch này, bởi dường như nó chẳng ăn nhập gì cả.

Thái tông lay tạ thưa:

- Trẫm về dương thế chẳng có quà gì kính biếu, chỉ có mấy quả bí mà thôi.

Mười Diêm vương mừng lắm, nói:

- Dưới chúng tôi có đủ bí đao, dưa hấu, chỉ thiếu bí ngô thôi.

Thái tông nói:

- Trẫm về sẽ gửi ngay, gửi ngay!

Khi về trần, liền sai kiếm người chịu tới Địa phủ dâng bí, rồi có người tên Lưu Toàn xin tình nguyện nhận việc ấy.

Nếu chỉ nhìn vào câu chữ bản dịch, độc giả sẽ không thể hiểu ẩn ý của tác giả là gì? Nguyên văn câu nói của Diêm vương là: “Ngã xứ pha hữu đông qua, tây qua, chích thiếu nam qua.”

Tác giả đã dùng cách chơi chữ, chữ qua (瓜), trong “đông qua - bí đao”, “tây qua - dưa hấu”, “nam qua - bí đỏ” với chữ qua (過) - vượt qua. Câu này sẽ được hiểu rằng “Xứ tôi có đủ người đông, người tây tới, chỉ thiếu người nam tới”. Án chiếu theo cách phân chia bốn đại châu trong *Tây Du Ký* là: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hạ Châu, Bắc Câu Lư Châu và Nam Thiệm Bộ Châu thì Đại Đường chính thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Thập điện Diêm vương đã thay lời Phật tổ* mà nhả nử rằng người Đông Thắng Thần Châu và Tây Ngưu Hạ Châu đã qua đất Phật cả rồi, chỉ thiếu người Nam Thiệm Bộ Châu nữa thôi. Thái tông hội ý nên lập tức nhận lời. Tên cổ sự “Lưu Toàn tiến qua” cũng có thể được hiểu chữ Lưu (劉) - họ của Lưu Toàn - đồng âm với Lưu (流) - trong Giang Lưu là tên của Huyền Trang.

“Lưu Toàn tiến qua” ám chỉ thành toàn cho Giang Lưu đi tới (Tây phương).

Xem Phụ lục - Âm phủ để biết thêm vì sao Diêm vương là người của Tây phương.

Phần III

THỈNH KINH

Chương 1

NHỮNG Ý NGHĨA BIỂU TRƯNG CỦA ĐOÀN THỈNH KINH

Bốn thầy trò Đường Tăng hợp cùng Bạch Long lập thành một bộ ngũ mang nhiều ý nghĩa biểu trưng trong văn hóa Á Đông. Thông dụng nhất và được nhiều người biết tới là tượng trưng cho ngũ hành. Các bản dịch *Tây Du Ký* của Thụy Đình và Như Sơn đã có chú thích tương đối kỹ về Tôn Ngộ Không, Trư Bát Giới và Sa Tăng, nay xin bổ sung thêm cho đầy đặn, đồng thời luận thêm về Đường Tăng và Bạch Long. Và dĩ nhiên bên cạnh ngũ hành, đội ngũ này còn mang nhiều ý nghĩa khác nữa.

1. Ngũ hành

Một số độc giả cho rằng biểu tượng Ngũ hành là do những người giải mật suy diễn ra chứ chưa chắc bản ý của tác giả đã là như vậy. Thực tế thì chính *Tây Du Ký* đã viết rõ về ý nghĩa Ngũ hành của đoàn thỉnh kinh này. Ở hồi 22 khi Huệ Ngạn hành giả tuân lệnh Quan Âm tới thu phục Sa Tăng - người thứ năm, cũng là người cuối cùng tham gia đoàn thỉnh kinh - liền có bài thơ mở đầu bằng "*Ngũ hành phối hợp, hợp thiên chân*". Vậy thì tác giả coi Đường Tăng, Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng, Bạch Long là ứng với Ngũ hành, không còn nghi ngờ gì nữa. Trong truyện cũng nhiều lần dùng các thuật ngữ để chỉ Tôn Ngộ Không là hành Kim, với các danh từ như Kim công, Kim lão. Như hồi 23 có câu "*Mộc mẫu, kim công lòng vẫn hợp*"; hồi 30 có câu "*Kim công, Mộc mẫu thầy bơ phờ*"; hồi 57 có

câu "*Hoàng bà biệt chúa tìm Kim lão, Mộc mẫu trông thầy dạ đắng cay*".

Trư Bát Giới là hành Mộc, ngoài danh từ Mộc mẫu như đã trích dẫn ở trên, ở hồi 19 khi Ngộ Không thu phục Bát Giới, *Tây Du Ký* viết mấy câu thơ dùng Mộc long (rồng gỗ) để chỉ Bát Giới:

Kim cứng khắc mộc dễ ghê,

Vượn bắt rồng gỗ theo về như không.

Kim theo mộc thuận một lòng,

Kim nhâm mộc quý, nên cùng phát huy.

Hay rõ ràng nhất là tiêu đề hồi 32: Liên Hoa động Mộc mẫu phùng tai mà bản Việt dịch đổi thành Động Liên Hoa Bát Giới gặp tai.

Sa Tăng là hành Thổ, họ Sa nghĩa là cát đã nói lên điều này. Trong *Tây Du Ký* hay dùng Hoàng bà để chỉ Sa Tăng như các trích dẫn đã nêu trên (màu vàng ứng với hành Thổ). Giống như Bát Giới, cũng có tiêu đề một hồi dùng Hoàng bà để chỉ Sa Tăng ấy là hồi 53: Hoàng bà vận thủy giải tà thai mà bản Việt dịch đổi thành Đi lấy nước, Sa Tăng giải thai ma (bản Như Sơn) và Sa Tăng lấy nước giải thai ma (bản Thụy Đình).

Đường Tăng là hành Thủy, tiêu đề hồi 9 gọi Đường Tăng là sư Giang Lưu: Sư Giang Lưu phục thù báo ơn, tiêu đề hồi 29 cũng viết Thoát nạn Giang Lưu sang nước khác, Giang Lưu là chỉ sự tích cậu bé họ Trần thuở mới sinh bị thả trôi sông. Ở hồi 57, Ngộ Không bị sư phụ đuổi, Đường Tăng vừa đói vừa khát, sai Bát Giới đi kiếm cơm tìm nước đều không nổi, liền có câu thơ "*Thổ mộc vô công kim thủy tuyệt*", ấy là ám chỉ Sa Tăng (thổ), Bát Giới (mộc) vô dụng mà Ngộ Không (kim) với Đường Tăng (thủy) thì đang tuyệt giao.

Còn lại Bạch Long vốn tưởng là loài rồng thuộc Thủy, nhưng lại là hành Hỏa. Hồi 8 viết rằng nó "*chỉ vì nghịch lửa làm cháy viên ngọc minh châu trên nóc điện*" nên mắc tội. Ở hồi 30, khi Hoàng Bào quái vụ cho Đường Tăng là Hổ tinh, Bạch Long hóa thành cung nhân định mưu sát Hoàng Bào quái, cô nàng có sử dụng "*Bức thủy pháp*", Hỏa bức Thủy hạc là một thuật ngữ rất phổ biến trong văn hóa Á Đông, ở đây tác giả dùng thuật ngữ bức thủy để chỉ Bạch Long thuộc hành

Hỏa. Cũng bởi Bạch Long là Hỏa nên sào huyết của nó gọi là núi Xà Bàn. Hỏa xà là một thuật ngữ rất phổ biến cả trong Đạo giáo và Ấn giáo.

2. Tứ Dân

Luận giải năm thầy trò Đường Tăng tương ứng với ngũ hành vốn rất phổ biến, tuy nhiên ở đây tôi muốn đề cập thêm tới một phương diện khác: Ngộ Không, Bát Giới, Sa Tăng và Bạch Long ứng với tứ dân: Sĩ, Nông, Công, Thương mà Đường Tam Tạng là vị Hoàng đế, sử dụng lực lượng tứ dân này.

Tôn Ngộ Không là đại diện cho tinh thần khai phá và xông xáo, ứng với Sĩ - giai cấp trí thức, quan lại, quý tộc. Hoàng đế muốn duy trì quyền lực, điều hành đất nước thì phải dựa vào tầng lớp này. Cũng như Đường Tăng phải dựa vào Ngộ Không mới có thể sang tây. Là Ngộ Không là lập tức gặp rắc rối. Vũ khí của Tôn Ngộ Không là cây gậy Như Ý, muốn to thì lớn chọc trời, muốn nhỏ thì như cây kim, khi dụng thì lấy ra, khi tàng thì nhét trong lỗ tai; ấy là ngầm chỉ vũ khí của giai cấp Sĩ là tư tưởng ẩn chứa trong đầu. Đã là tư tưởng thì muốn lớn muốn nhỏ tùy tâm, nên gọi là Như ý. Giai cấp Sĩ này vừa được Hoàng đế sử dụng, lại vừa bị kiềm tỏa, ứng với chiếc vòng Kim cô mà Đường Tăng lừa đeo lên đầu Ngộ Không. Cũng nên lưu ý rằng Ngộ Không phải chịu hình phạt là bởi náo loạn Thiên đình, tạo phản. Đông Hải Long vương từng dẫn tích Cầu Dĩ dâng giày khuyển bảo lại càng rõ ý so sánh Hành Giả với Trương Lương.

Trư Bát Giới là đại diện của tầng lớp Nông binh khí của gã là chiếc bồ cào*, thích hợp làm các việc nặng nhọc giản đơn. Hồi 19, Ngộ Không đánh nhau với Bát Giới có nói: *"Cái bồ cào của mày có phải đồ dùng để xới đất, giồng rau khi ở cho nhà lão Cao đó không?"* Hồi 49, Linh Cảm đại vương nói với Bát Giới rằng: *"Mi biết dùng bồ cào, có lẽ trước kia đi cuộc thuê cho người ta, lấy đinh ba trốn đi chứ gì?"* Ở hồi 67, Bát Giới *"lắc mình một cái, biến thành một con lợn to"*, ừ

sạch cả hẻm núi Hy Thị, một hình ảnh giống như người nông dân cày bừa.

Nguyên văn tiếng Trung là “đỉnh ba” nghĩa là cái bồ cào. Các bản dịch thường giữ nguyên từ này khiến độc giả có thể nhầm lẫn với loại vũ khí có ba mũi nhọn để đâm của thợ săn thú hoặc cá. Trong khuôn khổ cuốn sách này, tôi xin phép đổi dịch thành “bồ cào” cho rõ nghĩa.

Khi còn ở Thiên đình, Bát Giới được “*Sắc phong nguyên soái quản thiên hà, Tổng đốc thủy binh ấy chính ta!*” Thiên đình có Thiên binh, Thiên tướng đã đành, nhưng Thủy binh thì để làm gì? Có ai thấy quân nhà trời cưỡi thuyền đánh trận đâu. Hóa ra ẩn ý của tác giả là việc dẫn nước làm nông. Nhà nông quý nước như quý tính mạng, nên Bát Giới mới được giao Tổng đốc thủy binh là vậy. Tính cách tham ăn, mê ngủ của gã cũng thể hiện bản chất giản đơn của người nông dân. Cũng bởi triều đình phong kiến luôn chủ trương dĩ nông vi bản, nên Đường Tăng trong *Tây Du Ký* thường o bế, bênh vực Trư Bát Giới.

Sa Tăng là đại diện cho tầng lớp Công. Công ở đây nghĩa là giới thợ thuyền. Trong đoàn thỉnh kinh, Sa Tăng có nhiệm vụ duy nhất là dắt ngựa, cây Hàng yêu bảo trợ của Sa Tăng chính là hình ảnh của cái chàng xay thóc như Linh Cảm đại vương nhận định: “Cái khổ dạng của mi, y như một anh xay thóc xuất thân” và “Nếu mi không phải là người xay thóc, cố sao mi lại biết dùng cái chàng xay”. Trước kia Sa Tăng bị Thiên đình xử phạt bởi đánh vỡ cây lữ tay đánh vỡ chiếc chén bằng ngọc lưu ly, phải chăng một người thợ chế tác bị phạt vì làm hỏng đồ quý?

Bạch Long là giới Thương nhân. Đây là tầng lớp luôn bị triều đình đè đầu cưỡi cổ, tương ứng với thân phận con ngựa. Con ngựa thồ hàng trên bộ, lại là rồng dưới nước tượng trưng cho vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy. Bởi rồng là ẩn dụ của Thương nhân giàu có, nên ngay hồi 3, Ngộ Không xuống biển đòi báu đã nhắc tới câu ngạn ngữ: “Đừng lo Long vương ở biển không có của báu”. Mà Bạch Long bởi làm cháy viên minh châu mà bị bắt, có phải giống như

thương nhân buôn bán thua lỗ, thiệt hại vàng ngọc mà mắc tội không?

Trên con đường thu tóm quyền lực, Hoàng đế trước tiên nắm giới trí thức, quan lại, rồi tới giới thương nhân. Có tiềm lực trí tuệ và tiền tài rồi, thì mới thu tóm hai giới Nông và Công. Đó là lý do mà tác giả để Đường Tam Tạng thu phục Ngộ Không trước rồi mới lần lượt tới Bạch Long, Bát Giới, Sa Tăng.

Chương 2

BÁT GIỚI SA TĂNG ĐÀO VỊ TRÍ

Một sai lầm cực kỳ phổ biến với người đọc *Tây Du Ký*, thậm chí từ các họa sĩ truyện tranh và các nhà làm phim, đó là nhầm lẫn nhiệm vụ của Bát Giới và Sa Tăng. Tất cả các bộ truyện tranh tôi từng xem, cộng thêm bộ phim truyền hình *Tây Du Ký* sản xuất năm 1986, đều xây dựng Bát Giới luôn là kẻ dắt ngựa, còn Sa Tăng là người gánh hành lý. Ấn tượng ấy sâu đậm đến nỗi tôi từng nhầm tưởng cây Bảo trượng hàng yêu của Sa Tăng là biểu trưng cho cái đòn gánh. Hoàn toàn không phải như vậy. Các thành viên của đoàn thỉnh kinh, ai nấy đều có nhiệm vụ cụ thể: Ngộ Không tiên phong mở đường, Bát Giới gánh hành lý, Sa Tăng dắt ngựa. *Tây Du Ký* có ghi chép rất cụ thể ở nhiều đoạn khác nhau để minh chứng.

1. Bát Giới gánh đồ, Sa Tăng dắt ngựa

Trước khi thu phục Trư Bát Giới, tất cả mọi công việc đều do Tôn Ngộ Không đảm đương. Khi Bát Giới nhập hội, chàng ta đảm trách việc gánh hành lý, còn Ngộ Không mở đường. Hồi 19 viết: *"Rồi đó, thu xếp hành lý, Bát Giới quảy lên vai, Tam Tạng nháy lên cười con ngựa trắng, Hành Giả vác gậy sắt đi trước dẫn đường."*

Sau khi thu phục Sa Tăng thì Ngộ Không vẫn tiên phong mở đường, Bát Giới vẫn gánh hành lý, Sa Tăng đảm trách việc dắt ngựa.

Hồi 23, Ngộ Không và Bát Giới đã so đo về công việc. Bát Giới than gánh đồ nặng nhọc: "Hành lý nặng như thế gánh hết ngày này sang ngày khác thì chịu làm sao được. Dễ chỉ có anh mới là đồ đệ của sư phụ, còn tôi thì làm thẳng đi gánh thuê." Hành Giả phân bua rằng: "Tôi chỉ săn sóc sư phụ, còn chú và Sa Tăng chỉ chuyên trông nom hành lý, chăn dắt ngựa..."

Độc giả có thể nghi ngờ rằng câu nói của Hành Giả cũng có thể hiểu là Bát Giới dắt ngựa, Sa Tăng gánh đồ. Hoàn toàn không phải.

Hồi 39, mấy thầy trò đang ở nước Ô Kê, vừa cải tử hoàn sinh cho Quốc vương nước ấy. Quốc vương đòi đi theo đoàn thỉnh kinh, Ngộ Không và Bát Giới đã có một màn hài hước:

Hành Giả hỏi:

- Bát Giới, hành lý của chú nặng được bao nhiêu?

Bát Giới nói:

- Thưa anh, ngày nào cũng gánh hành lý, chẳng biết nặng được bao nhiêu nữa.

Hành Giả nói:

- Chú đem một gánh chia ra làm hai gánh, chú gánh một gánh, còn một gánh để Hoàng đế gánh. Chúng ta phải đi sớm vào thành làm việc.

Rồi khi Ngộ Không nói Quốc vương chỉ gánh đồ theo một đoạn, Bát Giới than thở: “Như vậy hầy chỉ gánh có bốn mươi dặm, còn lão Trư này làm công suốt đời à?”

Cuộc nói chuyện này cho thấy công việc thường nhật của Bát Giới là gánh đồ. Công việc nặng nhọc đó khiến lão Trư luôn bị ám ảnh, điển hình là không ít lần đòi chia hành lý, chưa hầy là chàng ta muốn giải tán đoàn đội, mà đơn giản là chỉ muốn nhẹ gánh mà thôi.

Còn Sa Tăng thì sao? *Tây Du Ký* có nhiều đoạn mô tả nhiệm vụ của Sa Tăng. Hồi 25 kể chuyện đoàn thỉnh kinh lén trốn khỏi Ngũ Trang quán có câu: “*Tam Tăng ra khỏi cửa, nhẩy lên mình ngựa, Bát Giới quấy hành lý, Sa Tăng dắt ngựa, theo đường sang Tây.*”

Hồi 36 cũng viết: “*[Đường Tăng] Nói đoạn, vịn yên ngựa trèo lên, Trư Bát Giới gánh hành lý, Sa hòa thượng dắt ngựa. Tôn Hành Giả cắp gậy sắt đi trước mở đường, cả đoàn xuống núi, thẳng đường tiến bước.*”

Ở Ngũ Trang Quán, chính Sa Tăng từng kể về mình: “khi làm Quyền Liêm đại tướng, hộ vệ xa giá đến hội Bàn Đào”, rõ là chức nghiệp của lão Sa từ khi ở trên Thiên đình đã là hộ vệ.

2. Đào vị trí

Có vẻ như Đường Tăng đã nghe thấy lời phàn nàn của Bát Giới về việc phải gánh đồ quanh năm, nên từ đó về sau đã để Sa Tăng và Bát Giới luân phiên đổi nhau nhiệm vụ này.

Hồi 43 viết *"Lúc ấy, sư phụ mới cưỡi lên con ngựa bạch, Bát Giới cầm cương, Sa Tăng gánh hành lý, Tôn Hành Giả đi bên cạnh hộ vệ."*

Hồi 50 cũng viết *"Thầy trò bước ra khỏi vòng, Bát Giới dắt ngựa, Sa Tăng gánh hành lý, Tam Tạng thuận đường đi bộ bước trước."*

Còn rất nhiều thời điểm ghi lại việc Sa Tăng gánh hành lý còn Bát Giới dắt ngựa, nhưng điều chúng ta cần phải minh định rõ, ấy là công việc chính của Bát Giới là gánh đồ chứ không phải dắt ngựa. Có hai dẫn chứng cho luận điểm này.

Thứ nhất là ở hồi 56, *Tây Du Ký* viết: "Trư Bát Giới phẫn chấn tinh thần, bảo Sa Hòa thượng gánh hành lý, còn mình hai tay cầm đỉnh ba, bước tới giục ngựa. Con ngựa chẳng hề sợ hãi, mặc cho Bát Giới hò hét một hồi vẫn cứ đứng đỉnh bước một." Điều này cho thấy con ngựa không nghe chịu lời Bát Giới, hẳn bởi chàng ta ít khi làm công việc dắt ngựa thay Sa Tăng.

Thứ hai là khi phong thưởng, với Bát Giới, Phật tổ nói: "Tuy tính ương vãn còn, sắc tình chưa hết, nhưng dọc đường gánh hành lý có công, gia phong nhà ngươi chức chính quả là Tịnh Đàn Sứ Giả." Còn với Sa Tăng, ngài nói: "bảo hộ thánh tăng, dắt ngựa trèo non có công, gia phong chính quả chức to làm Kim Thân La Hán."

Khi chính miệng Như Lai đã ghi nhận công lao, thì còn ai dám phủ nhận nữa?

3. Thử lý giải nguyên nhân

Đầu tiên phải nói rằng *Tây Du Ký* thành sách khá muộn, ở tận đời nhà Minh. Trước đó, các cổ sự về Đường Tam Tạng thỉnh kinh được sáng tác rất nhiều trong dân gian từ đời Đường, Tống và được dựng thành kịch cực kỳ phổ biến ở đời nhà Nguyên. Một trong các tiền thân của *Tây Du Ký* là bộ *Tây Du Ký* tạp kịch của Dương Cảnh Hiền

đời Nguyên gồm 24 hồi. Trong bộ kịch đó, Đường Tam Tạng lần lượt nhận Tôn Hành Giả, Sa Hòa thượng Trư Bát Giới làm học trò. Sa Tăng chính là nhị sư huynh còn Bát Giới là tam sư đệ. Nhiệm vụ của Sa Tăng là hộ vệ cho sư phụ và Bát Giới gánh hành lý.

Ngược về trước nữa, trong bộ Đại Đường Tam Tạng thủ kinh thi thoại (tác giả Khuyết danh) viết ở đời nhà Tống thì nhân vật Trư Bát Giới thậm chí còn không xuất hiện. Hai vị đệ tử của Tam Tạng pháp sư là Hầu Hành Giả và Thâm Sa Thần, đây cũng là hai nguyên mẫu của Tôn Hành Giả và Sa Tăng.

Như vậy, có thể đặt một giả thuyết rằng câu chuyện ban đầu vốn là nhị sư huynh lo việc dắt ngựa, tam sư đệ lo gánh hành lý. Ngô Thừa Ân đã đảo thứ tự lớn nhỏ của hai nhân vật Trư Bát Giới và Sa Tăng, cho Bát Giới làm nhị sư huynh, vẫn cho gánh hành lý. Trong quá trình đảo ngôi ấy, vô tình để lọt vài chi tiết tam sư đệ gánh hành lý, rồi chép nhầm thành Sa Tăng gánh hành lý.

Chương 3

CON ĐƯỜNG HỌ ĐI

Hiển nhiên lộ tuyến của cuộc thỉnh kinh không phải đúng hệt như con đường Tam Tạng pháp sư đã thực hiện trong lịch sử. Độc giả cũng có thể nhận định rằng hành trình ấy hoàn toàn hư cấu. Tuy nhiên, *Tây Du Ký* đã để lại chút manh mối để chúng ta biết sự thực thì Đường Tăng và các đồ đệ đã đi như thế nào sang Tây phương.

1. Những bước khởi đầu

Đó là những địa điểm mà Đường Tăng đã trải qua khi bắt đầu cuộc hành trình. Đầu tiên từ Tràng An đi về phía tây, “đi miết một, hai ngày ngựa không dừng bước, tới chùa Pháp Môn”. Chùa Pháp Môn nay thuộc huyện Phù Phong, tỉnh Thiểm Tây.

Rời chùa Pháp Môn, “Đi được vài ngày, thầy trò tới cổng thành Củng Châu.” Trong dòng chảy lịch sử Trung Quốc lại có hai địa danh mang tên Củng Châu. Một là Củng Châu đời Đường nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên, tên châu bị phế bỏ ở niên hiệu Hi Ninh đời Tống; một là Củng Châu đời Bắc Tống nay thuộc tỉnh Cam Túc. Căn cứ vào lộ tuyến của Đường Tăng thì Củng Châu mà tác giả nói tới là thuộc Cam Túc. Một mật ngữ nhỏ để thấy *Tây Du Ký* không chỉ nói về chuyện xảy ra ở đời nhà Đường. Rời Củng Châu, “Hai ba ngày sau, lại đến Hà Châu Vệ, nơi biên giới của nhà Đại Đường”. Hà Châu Vệ cũng thuộc tỉnh Cam Túc, nhưng thật bất ngờ là nó chỉ được lập vào năm 1371. Trước đó, địa danh này chỉ có tên là Hà Châu, năm 1370, Chu Nguyên Chương sai Đặng Dũ đánh Hà Châu, thiết lập Hà Châu Vệ. Đây cũng là mở đầu cho việc thiết lập đơn vị hành chính Vệ ở các khu tiếp giáp với người Tạng, ứng với câu “biên giới của nhà Đại Đường”. Việc tác giả sử dụng cái tên triều Minh - Hà Châu Vệ lại hé mở ra ẩn ý như cách dùng tên Củng Châu đời Tống.

2. Nơi thu phục ba đô đệ

Tôn Ngộ Không được Đường Tăng cứu khỏi núi Ngũ Hành. Núi này theo lời Lưu Bá Khâm thì được đổi tên thành núi Lưỡng Giới, “nửa bên đông thuộc nước Đại Đường, nửa bên tây thuộc nước Thát Đát”. Đây hẳn là cao nguyên Thanh Tạng ngày nay.

Trư Bát Giới được thu phục ở Cao Lão trang. Tên gian nhân Cao Tà thuật rằng: “Vùng này thuộc địa giới nước Ô Tư Tạng. Nơi đây là thôn Cao Lão, người trong thôn quá nửa là họ Cao”. Ô Tư Tạng chính là cái tên của Tây Tạng rất thông dụng ở thời nhà Minh.

Sa Tăng được thu phục ở sông Lưu Sa. Hồi 8 miêu tả địa danh ấy như sau:

*Phía đông liền sa mạc,
Phía tây sát nước Phiên.
Ô Qua ở phía nam,
Thát Đát liền mạn bắc.*

Kết hợp cái tên Lưu Sa (cát chảy) với tấm bia miêu tả:

*Lưu Sa tám trăm dặm
Nước yếu sâu ba nghìn.
Lông ngỗng không nổi được,
Hoa lau cũng phải chìm.*

Có thể thấy tác giả muốn nói sông Lưu Sa chính là sa mạc Taklamakan, tên Hán tự là Thập Khắc Lạp Mã Can. Sa mạc này được ghi chép rộng 800 dặm, đúng như *Tây Du Ký* miêu tả về sông Lưu Sa, nó vốn thường được ví với biển cả, thường gọi là Tử vong hải (biển chết), tương truyền người vật tiến vào sa mạc, chỉ có vào mà không có ra nên Tây Du dùng câu “Lông ngỗng không nổi được, hoa lau cũng phải chìm” để mô tả.

3. Một vài địa danh khác

Sẽ là quá khó khăn nếu ta muốn giải mật toàn bộ chặng đường sang tây thỉnh kinh tương ứng với những địa danh thực nào. Cho nên trong khả năng nhỏ nhoi của mình, tôi chỉ dám phán đoán vài địa điểm.

Nước Ô Kê: Theo Đại Đường Tây Vực ký thì trong lịch sử, Tam Tạng pháp sư có đi qua một nước gọi là Ô Kỳ thuộc Tây Vực. Nước này được biết đến nhiều hơn với tên gọi An Kỳ, có ghi chép trong *Hán thư - Tây Vực truyện*: "*Nước An Kỳ, trị sở ở thành Viên Kỳ, cách Trường An bảy ngàn ba trăm dặm*". Nước An Kỳ nay là huyện An Kỳ thuộc Tân Cương. Đây có lẽ là nguyên danh của nước Ô Kê.

Núi Bình Đỉnh, động Liên Hoa: Đây là sào huyệt của anh em Kim Giác, Ngân Giác. Cái tên Bình Đỉnh chính là dịch từ chữ Pamir trong tiếng Ba Tư, tác giả muốn ám chỉ Cao nguyên Pamir.

Nước Xa Trì: Đây là nơi thầy trò Đường Tăng đấu pháp với tam yêu Hồ Lực, Lộc Lực, Dương Lực. Theo Đại Đường Tây Vực ký thì Tam Tạng pháp sư có đi qua một địa danh mang tên Xa Sư, nay cũng thuộc Tân Cương. Có lẽ Xa Trì quốc chính là muốn ám chỉ thành Xa Sư trong lịch sử.

Tây Lương Nữ quốc: Nhắc đến vương quốc này, người đọc dễ liên tưởng tới vùng đất của các nữ chiến binh Amazon trong Thần thoại Hy Lạp. Tuy nhiên, sách Văn hiến thông khảo - quyển 339 có nhắc tới một nước tên Tây Nữ quốc ở về phía tây Thông Lĩnh, lập phụ nữ làm Quân trưởng, hàng năm tuyển đàn ông tới giao hợp. Tục nước ấy sinh con trai thì bỏ không nuôi. Thông Lĩnh chính là cao nguyên Pamir, hợp với con đường sang tây của thầy trò Đường Tăng.

Hỏa Diệm Sơn: Vùng đất lão Ngưu nay là địa danh nổi tiếng thuộc Tân Cương, thời nhà Đường thuộc Thổ Phồn, từng được gọi với các cái tên Hồng Sơn, Hỏa Sơn. Tác giả miêu tả chân thân của Ngưu Ma vương là con bò trắng hẳn là muốn ám chỉ loài bò yak Tây Tạng.

Nước Tế Trại: Nơi thầy trò Đường Tăng giúp Quốc vương lấy đòi lại Xá lợi và cỏ linh chi. Theo mô tả của *Tây Du Ký* thì "thành này tên gọi nước Tế Trại, là nơi đường chính sang phương tây. Trước đây có bốn nước rợ triều cống. Phía nam nước Nguyệt Đài, phía bắc: nước Cao Xương, phía đông: nước Tây Lương, phía tây: nước Bản

Bát.” Các địa danh Tế Trại, Nguyệt Đài, Bản Bát không rõ là ở đâu, nhưng Cao Xương và Tây Lương đều là các tiểu quốc có thật. Có thể nói Tế Trại cũng thuộc về khoảng Tân Cương ngày nay.

Chương 4

YÊU QUÁI ĐẦU TIÊN

Chưa ra khỏi biên cảnh Đại Đường thì Tam Tạng đã gặp yêu quái. *Tây Du Ký* hồi 13 kể rằng Đường Tăng cùng hai người tùy tùng qua khỏi Hà Châu Vệ thì bị yêu quái tự xưng Dã Tướng quân (Hổ tinh) bắt. Rồi đó xuất hiện thêm Hùng Sơn quân (Gấu tinh) và Đặc Xử sĩ (Trâu tinh) tới, đem hai người tùy tùng ăn thịt trước. Đường Tăng đêm đó được Thái Bạch Kim Tinh cứu thoát để tiếp tục lên đường.

Câu chuyện thú vị ở chỗ ba con yêu quái này chẳng có vẻ gì giống như yêu quái cả, không phép thuật cũng không thi thố võ nghệ. Mà kết cục chúng cũng không hề bị trừng trị. Quan trọng nhất là trong 81 nạn chép ở cuối truyện không hề chép Dã Tướng quân là yêu quái mà chỉ viết "*Xuất thành phùng hổ đệ ngũ nạn - Nạn thứ 5: ra thành gặp hổ*". Ấy là vì sao?

Trở lại với cuộc thỉnh kinh trong lịch sử của Tam Tạng pháp sư. Từ Trường An tới Lương Châu, Tam Tạng gặp Huệ Uy pháp sư. Vì hâm mộ Đường Tam Tạng nên vị pháp sư này cử hai người đồ đệ là Huệ Lâm và Đạo Chính đi theo hộ tống Tam Tạng tới biên giới. Tới Qua Châu, quan trấn thủ phát nghiêm lệnh tra xét tung tích Tam Tạng, cấm không cho xuất cảnh. Tam Tạng lo ngại liền để Huệ Lâm và Đạo Chính trở về Lương Châu, còn bản thân một mình tìm cách vượt sông. Đây cũng là thời điểm Tam Tạng nhận một người đồ đệ người Hồ là Thạch Bàn Đà - một trong các nguyên mẫu của Tôn Ngộ Không mà chúng ta sẽ gặp lại ở các chương sau.

Vậy là Nạn thứ 5 trong cuộc đời Trần Huyền Trang chính là mô tả cố sự Tam Tạng vượt biên cảnh. Hai người tùy tùng quay trở về được mô tả trong *Tây Du Ký* là bị tam yêu ăn thịt. Dã Tướng quân chính là ẩn dụ của viên quan giữ ải truy lùng Huyền Trang, hổ trong nha môn, hà chính mãnh ư hổ*, là ý như vậy chứ không phải yêu quái nào cả. Thế còn Hùng Sơn quân và Đặc Xử sĩ? Tra cứu nhân vật

Dần Tướng quân, hóa ra còn liên quan tới một cố sự đời Đường. Bộ Thái Bình quảng ký có chép lại truyện Ninh Nhân của Bùi Hình, kể về một tú tài đang đêm ngâm vịnh liền gặp hai vị khách gọi là Ban Dần Tướng quân và Ban Đặc Xử sĩ, cùng nhau thù tạc ngâm vịnh. Ban Dần là con hổ thành tinh, Ban Đặc là con trâu thành tinh. Ngô Thừa Ân đã mượn câu chuyện truyền kỳ này để tạo ra một Đặc Xử sĩ bên cạnh Dần Tướng quân. Còn lại một Hùng Sơn quân. Phải chăng bộ ba yêu quái Hổ trong nha môn ẩn dụ của quan lại, Gấu trên núi ẩn dụ của trộm cướp, Trâu nơi xóm làng ẩn dụ của đám cường hào, là ẩn dụ về một xã hội Trung Quốc nhiều nhương loạn lạc, quan lại, trộm cướp cường hào nhai xương uống máu dân lành, mà không hề bị xét xử?

Lời của Khổng Tử: Chính sự hà khắc như hổ dữ.

Chương 5

BA CHIẾC VÒNG KIM CÔ

Trong *Tây Du Ký*, khi Phật tổ cử Quan Âm Bồ tát sang Đông thổ tìm người đi lấy kinh, có trao cho một bộ ba chiếc vòng Kim Khẩn, Cấm và dặn rằng: “Bảo bối này gọi là Khẩn cô nhi, tuy ba cái giống nhau nhưng công dụng khác nhau. Ta lại có ba bài Kim Khẩn Cấm nữa. Nếu trên đường gặp phải yêu ma có phép thần thông biến hóa, đệ tử hãy khuyên hẩn học đạo, đi theo người lấy kinh làm đồ đệ. Nếu hẩn không chịu sai khiến, thì chụp cái vòng ấy lên đầu hẩn, cái vòng sẽ mọc rễ cắm chặt vào thịt, mỗi khi niệm câu thần chú, là hẩn sẽ đau đầu nhức mắt, đầu óc cứ như bị vỡ tung ra, bắt hẩn phải chịu làm môn đệ của ta ngay.”

Nhưng Quan Âm đã không làm theo chuẩn lời dạy của Phật tổ. Khẩn cô nhi đeo cho Ngộ Không, Cấm cô nhi đeo cho Hắc Hùng Tinh ở núi Hắc Phong, còn Kim cô nhi đeo cho Hồng Hải Nhi - tức Thiện Tài đồng tử sau này.

Ý nghĩa của ba chiếc vòng này rất dễ đoán, để giới tam độc, tức Tham, Sân, Si mà Ngộ Không là đại biểu của Sân. Bởi sân nên dùng Khẩn cô nhi để siết chặt lại. Vậy thì tại sao không đeo hai chiếc vòng còn lại cho Bát Giới ẩn dụ cho Tham và Sa Tăng ẩn dụ cho Si? Ấy là bởi Bát Giới và Sa Tăng pháp lực thấp, dễ hàng phục, nên không cần dùng tới bảo bối. Hắc Hùng Tinh là một ẩn dụ khác của Tham, khi Quan Âm viện phát hỏa, ban đầu hẩn định bay tới cứu, nhưng “thấy giữa nhà có ráng lành rục rở quanh quất, trên án có chiếc tay nải bằng chiên xanh, bèn mở ra xem, thấy một tấm áo cà sa bằng gấm, là loại bảo bối của nhà Phật. Thấy của tối mắt, yêu tinh không cứu đám cháy, cũng chẳng gọi nước, nằng ngay tấm áo cà sa, lợi dụng lúc nhốn nháo vút ngay lên mây về thẳng sơn động.”

Bởi tài nghệ không thua kém Ngộ Không, mà cũng không phải phường giết người không thấy máu nên Quan Âm Bồ tát đã chụp

chiếc Cấm cô nhi lên đầu Hắc Hùng Tinh rồi đưa về núi Lạc Già làm một vị Sơn thần hộ pháp. Độc giả tinh ý sẽ thấy Hắc Hùng Tinh chính là một hình ảnh của Trư Bát Giới, hay nó chính là một lão Trư tham lam thứ hai. Cũng bởi Quan Âm trên đường sang Đông thổ đã thu phục Bát Giới trước nên gã tham lam Hắc Hùng Tinh không có chỗ trong đoàn thỉnh kinh. Tác giả đã khéo xếp đặt để ngay sau kiếp nạn ở núi Hắc Phong chính là tới Cao Lão trang của Trư Bát Giới để độc giả có manh mối so sánh. Hắc Hùng Tinh tham nên dùng Cấm cô nhi để ngăn.

Hắc Hùng Tinh là ẩn dụ của chữ Tham còn tương đối dễ hiểu, chữ Hồng Hải Nhi là ẩn dụ của chữ Si sao được? Hồng Hải Nhi có ngọn lửa tam muội chân hỏa kinh thể hải tục, mà lửa thường đi đôi với sân hận chứ đâu phải ngu si. Hồng Hải Nhi dẫu tu hành ba trăm năm ở Hỏa Diệm Sơn nhưng vẫn là đứa nhỏ (hải nhi) và hiệu là Thánh Anh đại vương. Anh nhi là một thuật ngữ trong Đạo giáo. Người tu hành kết đan được ví với Thánh thai. Bước tiếp theo là thánh thai sinh anh, tức Thánh anh. Tại đan điền sẽ xuất hiện một đứa trẻ sơ sinh. Đứa trẻ ấy là biểu tượng của vô tri - không biết gì hết. Bởi vô tri nên bị Ngộ Không biến thành cha mình nó cũng không nhận ra, bởi vô tri nên nó hóa hình thành Quan Âm Bồ tát để lừa người khác*. Hồng Hải Nhi là Si, nên dùng Kim cô nhi mang thuộc tính kim loại để khai mở trí tuệ. Tương tự như trường hợp Hắc Hùng Tinh, bởi trong đoàn thỉnh kinh đã có Sa Tăng biểu thị cho chữ Si nên Hồng Hải Nhi được Quan Âm thu về núi Lạc Già.

Xem thêm về giải nghĩa tên Lục kiện tướng của Hồng Hải Nhi ở Phụ lục.

Chương 6

Ô SÀO THIỀN SƯ

Như đã nói trong chương Bí ẩn Kim Thiền Tử, sư phụ đầu tiên của Ngộ Không là Tu Bồ Đề, vị sư phụ này chỉ dạy thần thông, không dạy phép tu tâm dẫn tới việc tạo ra một con khỉ quái náo hải nghịch địa phá thiên. Để bù đắp cho khiếm khuyết này, tác giả đã cho Ngộ Không thêm một người thầy, bên cạnh vị sư phụ trên danh nghĩa là Đường Tăng. Người thầy ấy đã truyền cho phép tu tâm để hoàn thiện con người Ngộ Không. Đó là Ô Sào thiền sư.

1. Ngộ Không và Đa tâm kinh

Tây Du Ký hồi 19 kể rằng sau khi thu phục Bát Giới, ba thầy trò tiếp tục sang tây, tới núi Phù Đồ, Bát Giới khoe có Ô Sào thiền sư là người đạo hạnh. Thầy trò Đường Tăng đến gặp thiền sư, được truyền cho Đa Tâm kinh. Trên con đường thỉnh kinh, Tôn Ngộ Không thường xuyên nói tới bài kinh này, thậm chí còn nhắc nhở Đường Tăng chớ quên nó.

Hồi 43 ở sông Hắc Thủy:

Đi chừng hơn một tháng, bỗng nghe tiếng nước réo âm âm. Tam Tạng sợ hãi, hỏi:

- Đồ đệ ơi, tiếng nước réo từ đâu thế nhỉ?

Hành Giả cười nói:

- Sư phụ già đời mà còn đa nghi, thì không làm hòa thượng được đâu. Chúng ta cả đoàn bốn người, có mỗi mình sư phụ nghe thấy tiếng nước. Vả lại sư phụ quên mất bản "Đa tâm kinh" rồi à?

Thậm chí Ngộ Không còn giảng cho sư phụ mình:

- Thưa lão sư phụ, sư phụ quên mất câu "không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý" rồi. Chúng ta là những người xuất gia, mắt không nhìn sắc, tai không nghe thanh, mũi không ngửi hương, lưỡi không nếm vị, thân không biết nóng lạnh, ý không còn vọng

tưởng. Như vậy mới gọi là từ bỏ sáu giác. Giờ đây sư phụ đi cầu kinh mà cứ nơm nớp trong lòng sợ yêu quái, không chịu xả thân, lười muốn ăn bữa chay, mũi ngửi mùi thơm ngọt, tai ưa nghe âm thanh, mắt ngắm nhìn sự vật, sáu giác âm ỉ kéo đến, thì làm sao mà sang phương Tây lễ Phật được.

Hồi 83 ở nước Diệt Pháp:

Hành Giả cười nói:

- Sư phụ quên bản Đa Tâm Kinh của thiền sư Ô Sào rồi à?

Tam Tạng nói:

- Ta vẫn nhớ chứ.

Một lần nữa, đệ tử lại giảng kinh cho sư phụ:

- Đúng rồi. Tâm lắng có mình riêng chiếu, tâm còn vạn cảnh đều trong, sơ suất lỗi lầm thành biển ngút ngàn, nghìn đời muôn kiếp chẳng thành công, chỉ cần một tấm lòng thành, Lô Âm ở ngay trước mặt. Cứ nhìn sư phụ hốt hốt hoảng hoảng, thần trí bất an, thì đạo lớn còn xa lắm và Lô Âm cũng xa lắm! Sư phụ chớ nghi ngờ cứ đi theo con. Tam Tạng nghe nói, tinh thần trở lại bình tĩnh, muôn nỗi lo lắng đều tiêu tan.

Hồi thứ 85 ở quận Phụng Tiên:

"Khi ấy Tôn Hành Giả bảo thấp nhang chính giữa, thỉnh sư phụ niệm tâm kinh, còn ba anh em đứng dưới làm phép."

Hồi thứ 93 là một đoạn hội thoại kỳ đặc:

Đường Tăng nói:

Đồ đệ ạ, tuy là không xa đất Phật, nhưng các nhà sư trong chùa hôm qua chẳng nói rằng tới kinh đô nước Thiên Trúc còn hơn hai nghìn dặm, bây giờ chẳng rõ là còn bao nhiêu đường đất nữa.

Hành Giả nói:

- Sư phụ quên mất bài Tâm Kinh của thiền sư Ô Sào rồi à? Tam Tạng nói:

Bát Nhã Tâm Kinh là y bát tùy thân của ta. Từ sau ngày được thiền sư Ô Sào dạy cho, ngày nào ta chẳng niệm, bỗng chốc quên làm sao được? Đến đọc ngược ta cũng niệm được ấy chứ, quên thế nào được!

Hành Giả nói:

- Sư phụ chỉ biết có niệm thôi, chứ bảo sư phụ giải nghĩa thì khó đấy.

Tam Tạng nói:

- Con khi kia, tại sao lại bảo ta không giải nghĩa được? Thế nhà người có giải được không?

Hành Giả nói:

- Con giải được chứ! Con giải được chứ!

Từ lúc ấy, Tam Tạng, Hành Giả chẳng nói năng gì nữa.

Thậm chí Đường Tăng cũng phải thừa nhận là Ngộ Không hiểu rất sâu Tâm kinh: “Ấy là Ngộ Không giải bằng cách không dựa vào ngôn ngữ văn tự. Đó là cách giải chân chính đấy.”

Điểm chung của các lần Ngộ Không nhắc tới Đa tâm kinh của Ô Sào thiên sư đều là những lúc Đường Tăng ngã tâm, lo sợ đường xa quá nhiều. Qua đó cho thấy Ô Sào thiên sư đích thực là vị sư phụ luyện cho Tôn Ngộ Không cái tâm kiên cố.

2. Rốt cuộc ngài là ai?

Với bản lĩnh cao vời như vậy, hẳn Ô Sào thiên sư phải là một bậc đại trí, đại thần thông tương đương Bồ Đề tổ sư chứ? Vậy thì ngài là ai?

Tây Du Ký viết tiếp việc Tam Tạng hỏi đường sang tây, được thiên sư đọc cho một bài thơ chỉ dẫn:

Đường đi thì chẳng khó,

Hãy nghe ta dặn đây:

Nghìn sông sâu núi cao,

Nhiều yêu ma quỷ quái.

Dù non cao vời vợi,

Yên lòng chớ sợ run.

Đi tới Ma Nhĩ Nham,

Nghiêng bàn chân mà bước.

Rừng Hắc Tùng phía trước,

Các yêu ra chặn đường.

Yêu tinh đầy khắp thành,

*Ma vương đầy khắp núi.
Công đường hổ ngồi đợi,
Chủ bạ là sói lang.
Sư tử voi xưng vương,
Hổ, báo làm thống soái.
Lợn lòi gánh đồ đạc,
Thủy quái phía trước chờ.
Lâu năm khi đá già,
Đang nổi cơn thịnh nộ.
Nên hỏi người quen cũ,
Họ biết đường sang Tây.*

Đây là một bài thơ châm biếm xã hội Trung Quốc đương thời với các câu "Yêu tinh đầy khắp thành, Ma vương đầy khắp núi. Công đường hổ ngồi đợi, Chủ bạ là sói lang. Sư tử voi xưng vương. Hổ, báo làm thống soái". Tuy vậy nó lại ứng với các chặng đường mà đoàn thỉnh kinh sẽ phải trải qua trong tương lai.

Ma Nhĩ Nhai là địa phương nào? *Tây Du Ký* hồi 60 cho ta lời giải đáp: "Ma vương lòng lo căng nhũn, vội quay mình chạy sang bên đông lại gặp Đại Lực kim cương tì lư sa môn ở ngọn Ma Nhĩ (nguyên văn Ma Nhĩ Nhai), núi Tu Di, ngăn lại, quát to..." Vậy là Ma Nhĩ Nhai thuộc núi Tu Di, đây chính là nơi ở của một vị Bồ tát hai lần xuất hiện trợ giúp Ngô Không - đó là Linh Cát Bồ tát. Câu thơ này ám chỉ việc Linh Cát Bồ tát ra tay giúp Ngô Không hàng phục Hoàng Phong đại vương, vốn là con yêu quái chuột vàng ăn trộm dầu trong đèn lưu ly của Phật tổ.

Có hai địa danh cùng mang tên "Rừng Hắc Tùng" trong *Tây Du Ký*, một là sào huyệt của Hoàng Bào lão quái, một là sào huyệt của yêu tinh chuột mũi vàng lông trắng, hỗn danh Bán tiết Quan Âm, Địa Dũng phu nhân, cũng là con gái nuôi của Lý thiên vương mà cũng chính là con chuột ăn trộm hương hoa đuốc báu của Phật tổ Như Lai.

Câu “Công đường hổ ngồi đợi, chủ bạ là sói lang” chỉ việc ở nước Bảo Tượng, Đường Tăng bị biến thành hổ nhốt trong cũi ngay giữa triều đình, còn yêu quái chính là tinh chó sói Khuê Mộc Lang.

Câu “Sư tử, voi xưng vương” hẳn là chỉ nước Sư Đà, nơi ba lão yêu Kim sí đại bàng ở Linh Sơn, Thanh sư của Văn Thù Bồ tát và Bạch tượng của Phổ Hiền Bồ tát chiếm nước làm sào huyệt, ăn thịt sạch từ vua chí dân.

Câu “Lợn rừng quảy hành trang, Thủy quái trước mặt đỏ” là chỉ việc Trư Bát Giới chuẩn bị đại chiến với Sa Tăng ở sông Lưu Sa.

Nếu để ý kỹ thì các yêu ma được nhắc tới ở trên đều liên quan đến đất Phật, hai con chuột trộm đồ ở Linh Sơn, hai con vật cưỡi của hai vị Bồ tát, Sa Tăng là thủy quái mà Quan Âm đã thu phục. Ngược lại các yêu quái khác lại không được nhắc tới. Tại sao vị Ô Sào thiền sư lạ lẫm này lại thông tỏ chặng đường phía trước, đặc biệt các kiếp nạn liên quan đến Tây phương độ tử, trong khi ta đều biết Như Lai truyền cho Quan Âm Bồ tát việc lo liệu hòa thượng đông thổ sang tây thỉnh kinh? Chính bởi Ô Sào thiền sư là Quan Âm Bồ tát hóa thân.

Chúng ta đều biết Đa tâm kinh mà *Tây Du Ký* viết chính là Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh, bản dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Trung mà bộ truyện này sử dụng chính là do Trần Huyền Trang đã dịch trong lịch sử. Bài kinh này mở đầu bằng “Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa...” Quán Tự Tại chính là một danh hiệu của Quan Âm Bồ tát.

Bốn câu cuối của bài thơ: “Đa niên lão thạch hầu, na lý hoài sân nộ. Nhĩ vấn na tương thức, tha tri tây khứ lộ. - Lâu năm khi đá già, Đang nổi cơn thịnh nộ. Nên hỏi người quen cũ, Họ biết đường sang Tây”, đã cho thấy Ô Sào thiền sư hiểu rõ đầu đuôi ngọn ngành của việc thỉnh kinh, đặc biệt là việc Tôn Ngộ Không với Đường Tăng là “người quen cũ” - tức duyên phận thầy trò hai kiếp đã nhắc tới trong chương Bí ẩn Kim Thiền Tử. Tôn Ngộ Không vốn biết rõ đường tới Lô Âm. Ở hồi 15, Đường Tăng hỏi: “Ngộ Không, nước réo ở đâu thế nhỉ?” Ngộ Không đã nhanh chóng đáp: “Con nhớ chỗ này gọi là khe

Ứng Sầu, núi Xà Bàn, chắc là nước réo ở khe ấy.” Một mình chứng rõ cho thấy Tôn Hành Giả đã từng đi qua chốn này.

Trong những kiếp nạn gặp Độc Giác Tử, Lục nhĩ Di hầu, thì Ngộ Không đều bay thẳng sang Tây thiên cầu cứu Phật tổ. Khi tới chùa Tiểu Lô Âm, Ngộ Không nói rõ: “Xem cảnh tượng này thì chính là chùa Lô Âm, nhưng đường lối thì không phải.”

Bởi đã biết đường, lại thêm không muốn Ô Sào thiên sư tiết lộ chuyện tiền kiếp, nên Ngộ Không gạt đi: “Chúng ta đi thôi, việc gì phải hỏi ông ấy, cứ hỏi tôi đây là xong.

Nếu so sánh với sự xuất hiện của các thành viên khác trong đoàn thỉnh kinh, thì Tam Tạng do Quan Âm Bồ tát trực tiếp tới, tặng áo cà sa và gậy tích trượng báu; Tôn Ngộ Không sau khi nhập đội thì Quan Âm trực tiếp tới đưa Đường Tăng chiếc vòng Khẩn cô nhi; Bạch Long ở khe Ứng Sầu cũng do Quan Âm thân tới triệu tập; Sa Tăng ở sông Lưu Sa do Quan Âm cử Huệ Ngạn Hành giả tới thu nạp. Duy có thâu Trư Bát Giới là từ trước và sau không thấy Quan Âm ra mặt, mà chỉ có một Ô Sào Thiên sư.

Với bấy nhiêu thiên cơ ẩn giấu như vậy, nếu bảo Ô Sào thiên sư không phải Quan Âm Bồ tát - người tổ chức và luôn theo sát đoàn thỉnh kinh - thì làm sao giải thích cho được?

Chương 7

LẠI YÊU QUÁI ĐẦU TIÊN

Ở chương Yêu quái đầu tiên, ta đã nói Dàn Tướng quân, Hùng Sơn quân, Đặc Xử sĩ là ẩn dụ của quan lại, trộm cướp, cường hào của xã hội Trung Quốc thối nát. Chúng không mang màu sắc yêu quái. Cho nên trên con đường thỉnh kinh, yêu quái đầu tiên bắt giữ Đường Tăng lại là một tiểu yêu kém cỏi: Hồ tiên phong ở Hoàng Phong lĩnh, bộ tướng của Hoàng Phong đại vương (con chuột lông vàng - Hoàng mao điêu thủ). Bộ đôi yêu quái này có đôi điều cần nhắc đến.

Tây Du Ký hồi 20 kể rằng ba thầy trò Đường Tăng đi tới núi Hoàng Phong thì bị Hồ tiên phong tấn công, bị Ngộ Không và Bát Giới đuổi đánh, nó dùng phép Kim thiền thoát xác: “móc vào ngực, trút lột da ra, lấy cỏ phủ lên tảng đá hình hồ nằm, thoát thân biến thành một trận cuồng phong chạy về lối cũ”. Đây là một phép ẩn dụ của tác giả, Hồ Tiên phong dùng phép Kim thiền thoát xác, trong khi Đường Tăng chính là Kim thiền tử tái sinh. Hình tượng con hồ cũng nhiều lần được lặp lại liên quan tới Đường Tăng: Vừa lên đường thì bị Dàn Tướng quân bắt; tới Song Xoa lĩnh thì bị hồ vồ; vừa thu phục Tôn Ngộ Không thì lại gặp hồ; đến Hoàng Phong lĩnh bị Hồ tiên phong bắt; lần đầu bị phao tin “ăn một miếng thịt Đường Tăng thì trường sinh bất lão” là ở Bạch Hồ lĩnh của Bạch Cốt Tinh; đến nước Bảo Tượng lại bị yêu ma hóa phép biến thành hồ... Không hiểu vì sao tác giả lại gắn Đường Tam Tạng với hình tượng hồ nhiều như vậy.

Trở lại với núi Hoàng Phong, cả Hồ Tiên phong và Hoàng Phong đại vương đều liên quan tới gió. Thành ngữ Trung Hoa có câu vân tòng long, phong tòng hồ, nên có hồ thì tất có gió. Hoàng Phong đại vương lại có phép tam muội thần phong: “Thứ gió ấy thổi ra trời đất tối sầm, thần sâu quỷ khóc, đá bay cát bốc, mạng người ngừng luôn.”

Tôn Ngộ Không bị yêu quái thổi gió: “khiến đôi mắt lửa người vàng phải nhắm nghiền lại, không sao mở được, không sử dụng được cây gậy sắt, nên phải thua trận chạy về”.

Cơn cuồng phong ấy gợi cho chúng ta hình ảnh gì? Có phải nó rất giống với bão cát sa mạc không? Ngay sau khi qua khỏi Hoàng Phong lĩnh, đoàn thỉnh kinh liền tới sông Lưu Sa mà ở chương trên đã nói đó là hình ảnh của sa mạc. Vậy thì Hoàng Phong lĩnh chính là cửa ngõ của sa mạc, mà Hoàng Phong đại vương chính là hình ảnh ẩn dụ của bão cát. Trong lịch sử, Tam Tạng pháp sư khi vừa tiến vào sa mạc đã đánh đổ túi da đựng nước. Bởi đã phát thệ quyết không lùi bước nên ngài nhất định không quay về mà tiến bừa vào sa mạc. Bốn ngày năm đêm lạc đường trong sa mạc, may nhờ con ngựa nổi điên, giật cương chạy bừa mà tới được ốc đảo. Có lẽ Hoàng Phong lĩnh là ám chỉ chặng đường gian khó của Tam Tạng với bão cát sa mạc, mà cây trượng phi long của Linh Cát Bồ tát chính là ẩn dụ của long hóa mã, cứu nạn cho Đường Tăng.

Trong những chặng tiếp theo của hành trình, chúng ta còn gặp lại rất nhiều hoàn cảnh mang hơi hướm của sa mạc như hạn hán ở nước Xa Trì, biển cát sông Lưu Sa, ảo tượng núi Kim Đầu...

Chương 8

TỨ THÁNH THỬ THIÊN TÂM

Hồi 23 kể rằng bốn thầy trò Đường Tăng tới Mạc gia trang. Bấy giờ Lê Sơn lão mẫu cùng ba vị Bồ tát Quan Âm, Văn Thù, Phổ Hiền hóa thân thành bốn mẹ con kén rể. Câu truyện lý thú không gọn chút yêu khí, và dĩ nhiên cũng ẩn chứa nhiều thông tin không dễ giải đáp. Ta hãy cùng lướt sơ qua vài điểm.

1. Mật ngữ từ những cái tên

Đầu tiên, người đàn bà xưng mình họ Giả, lấy chồng họ Mạc. Giả là không thật, Mạc là không phải, cả hai cái họ đều để lộ ra rằng đây chỉ là vở kịch. Vở kịch ấy nhằm vào ai, ta sẽ nói bên dưới sau. Ba người con gái lần lượt Chân Chân, Ái Ái, Liên Liên, vì người cha họ Mạc nên ba cô lần lượt là Mạc Chân (Không thực), Mạc Ái (Không yêu), Mạc Liên (Không thương). Đây là ba vị Đại Bồ tát Tây Phương, giáng phàm lại đóng vai con gái của Lê Sơn lão mẫu. Hẳn Lê Sơn phải là nhân vật ghê gớm hơn nữa. Quả vậy, Lê Sơn lão mẫu còn gọi là Ly Sơn thánh mẫu, một tên gọi của Nữ Oa nương nương. Vậy là Thái Thượng Lão Quân đã hóa thân để tham gia vào cuộc thử lòng lần này^{*}.

Việc Thái Thượng Lão Quân hóa thân thành Nữ Oa, xem bài Đi tìm cha của Ngộ Không.

2. Ân nghĩa của những con số

Việc trai gái kết hôn, thì không lẽ nào lại báo bát tự của người mẹ. Cho nên việc này thực đáng ngờ, chắc chắn nó mang thông điệp ngầm của tác giả.

Đạp vào mắt là con số ngày tháng. Ngày mừng 3 tháng Ba còn gọi là tiết Thượng ty, có địa phương tổ chức lễ Đạp thanh vào ngày này, gọi là Tiểu thanh minh. Nhưng từ thời Xuân Thu, có một lễ hội được tổ chức vào ngày này: hội Cuồng hoan. Trong ngày này, nam nữ tha hồ tự do ước hẹn và tự tình. Cũng trong ngày này, dân chúng làm lễ tế thần Hôn nhân và phồn thực, đó là Nữ Oa (có nơi tế cả Nữ Oa và Phục Hy, hai anh em theo truyền thuyết Trung Hoa đã kết hôn với nhau mà tạo ra loài người). Đây cũng là một ám chỉ rất rõ thân phận của Nữ Oa, tức Lê Sơn lão mẫu, và màn kịch dựng nên ở đây là việc hôn nhân.

Người mẹ lại cho biết mình “năm Đinh Hợi. Nhà tôi hơn tôi ba tuổi, tôi năm nay bốn mươi năm.” Án theo đầu truyện nói việc thỉnh kinh diễn ra vào năm Trinh Quán thứ 13, tức năm Kỷ Hợi [639], thì khi xảy ra việc này là khoảng năm 640 hoặc 641. Ngược về trước sẽ có hai năm Đinh Hợi là 567 và 627. Nếu sinh năm 567 thì thời điểm ấy người mẹ đã ngoài 70, nếu sinh năm 627 thì bà chỉ 13, 14. Cả hai trường hợp này đều không thể khớp được với số tuổi chừng ngoài bốn mươi của người mẹ. Do đó, thông số “năm Đinh Hợi” chỉ là một mật ngữ dành cho một ẩn dụ nào đó của tác giả. Trùng hợp là, năm Đinh Hợi 1407, Tam bảo Thái giám Trịnh Hòa bắt đầu khởi hành cuộc viễn du Tây phương thứ hai, tới Xiêm La, Ấn Độ, Tích Lan thỉnh xá lợi răng Phật.

Bà này lại cho biết “Nhà tôi hơn tôi ba tuổi”, như vậy Mạc lão gia sinh năm Giáp Thân. Trùng hợp là năm Giáp Thân 1404, Minh Thành tổ sai Trịnh Hòa dẫn mười vạn thủy sư Lâu Thuyền xuất dương tới Nhật Bản, cuộc viễn du này được gọi là Trịnh Hòa hạ Đông dương.

Hai dữ kiện này là tình cờ trùng hợp hay mang tính ám chỉ của Ngô Thừa Ân với việc thỉnh kinh, độc giả tự có kết luận cho riêng mình.

3. Kén rẽ nhắm vào ai?

Nếu đơn giản là thử lòng bốn thầy trò thì Lê Sơn lão mẫu không nhất thiết phải đưa ra nhiều thông tin như vậy trong cuộc trò chuyện.

Khi bà mẹ đưa ra thông tin ngày sinh nhật là mừng 3 tháng Ba, trong bốn thầy trò có hai người giật mình đánh thót một cái. Đó là Tôn Ngộ Không và Sa Ngộ Tĩnh. Mừng 3 tháng Ba cũng là ngày đàn sinh của Tây Vương Mẫu, hàng năm lấy ngày này mà mở Hội Bàn Đào. Ngộ Không và Sa Tăng đều gặp họa ở hội này, một người phá hội mà bị giam dưới núi năm trăm năm, một người “sẩy tay đánh vỡ chén lưu ly ở Hội Bàn Đào” mà bị đẩy xuống sông Lưu Sa làm quỷ, “cứ bảy ngày một lần, cho ngọn phi kiếm đâm vào ngực con hơn trăm nhát”. Rõ ràng Lê Sơn lão mẫu nhắc tới cái ngày kinh khủng ấy là đã gạt luôn lão Tôn và lão Sa ra khỏi cuộc thử thách.

Với lão Trư, rõ ràng là đích ngắm của tứ thánh, hai chữ “Đình Hối” cũng ám chỉ sẽ kén chàng (Đình) Heo (Hối) rồi. Nhưng với Bát Giới thì chỉ cần khoe “các cháu đều có chút nhan sắc. Việc nữ công thêu thùa, các cháu thạo cả” là anh chàng đã nóng hết cả người rồi. Thế thì cái việc khoe mẹ góa, nhà không có con trai, cơ nghiệp chẳng biết trao cho ai, rồi lại “ba trăm khoảnh ruộng cấy và hơn ba trăm khoảnh ruộng màu, trại trồng hoa quả hơn ba trăm khoảnh, trâu bò hơn một nghìn con, lừa ngựa từng bầy, lợn dê vô số. Trang trại, đồng cỏ cộng tới sáu bảy mươi nơi. Thóc trong hầm ăn tám chín năm không hết; lúa là mặc mấy chục năm vẫn còn; tiền bạc tiêu xài cả đời thừa thãi, chẳng thiếu gì trướng gấm chăn là, thôi đủ hết kiềng vàng xuyên bạc...” là nhằm vào ai? Trong cả câu chuyện, rõ ràng bà mẹ chăm chăm nói cùng Đường Tam Tạng chứ không phải ai khác. Nên tác giả tinh tế miêu tả Đường Tăng nghe về gia cảnh họ Mạc thì “vờ cầm giả điếu, nhắm chặt mắt lại, im lặng không đáp”; khi nghe về gia sản giàu có thì “chỉ như ngây như dại, chẳng nói nửa lời”, khi nghe về nhan sắc ba cô gái thì lại “chẳng khác gì trẻ con kinh hãi sấm sét, cò bọ phải trời mưa, sợ rúm cả người lại, lơ mơ cặp mắt ngoảnh lại nhìn đằng sau”. Tại sao ban đầu chỉ ngây ngốc lặng thinh, mà sau lại sợ hãi như chuột gặp mèo? Phải chăng lòng phàm đã có chút động? Biết đâu đấy!

Chương 9

DÀNH RIÊNG CHO ĐỘC GIẢ THÍCH THUYẾT ÂM MƯU

Chương này chỉ dành bàn riêng về Thuyết âm mưu, bất kể có trúng ý tác giả hay độc giả hay không, thì mong độc giả cũng coi như câu chuyện vui lúc trà dư tửu hậu của những người mê giải mật và thích bàn về thế sự.

Trong chương *Vấn đề Quốc giáo và vở kịch Thái tông hoàn dương*, chúng ta đã thấy một đại âm mưu của Thiên đình (đại diện cho triều đình) và Tây phương (đại diện cho Phật giáo), mà nhằm tới mục đích cuối cùng là quy tụ lòng dân, để tiện bề cai trị. Trong âm mưu này, Thiên đình có hai phe, một là Ngọc Hoàng Thượng Đế (ám chỉ Hoàng đế), hai là Thái Thượng Lão Quân (chỉ người lãnh đạo tôn giáo trong triều). Bởi tôn giáo cũ (Đạo giáo) bất lực nên Ngọc Đế cần một thứ tôn giáo mới để thay thế. Việc này nhìn qua thì có vẻ ảnh hưởng tới quyền lợi đang có của Lão Quân. Nhưng chính trị không phải thứ đơn giản bày ra trước mặt. Tôn giáo cũ không còn phù hợp thì địa vị của Lão Quân lung lay. Nếu không có cách khắc phục thì chẳng thà ủng hộ tôn giáo mới xâm nhập, qua đó kiểm soát quyền lợi cho mình. Tôn Ngộ Không chính là phần quyền lợi mà Lão Quân mong được hưởng trong đại âm mưu này. Phật giáo chiếm lĩnh Đông thổ, con trai của Lão Quân thành Phật. Mà bản thân Lão Quân xưa kia cũng từng “hóa Hồ thành Phật” nên Phật giáo thành công thì Lão Quân vẫn có phần không nhỏ.

Nói về việc thỉnh kinh này, cái đích cuối cùng không phải đem được kinh Phật về Đại Đường, bởi như vậy chỉ cần một vị Kim Cương hay La Hán cưỡi mây đem tới là được. Mục đích tối thượng của nó là hành trình thỉnh kinh, để người dân và các lực lượng tôn giáo nhìn vào. Hành trình vượt qua càng gian khó thì thành quả đem lại càng vẻ vang. Tương tự như vậy, công sức các thành viên trong đoàn càng nhiều, thì quả vị càng lớn. Bởi nguyên nhân ấy, mà các thế lực

hưởng thành quả thính kinh như Ngọc Đế, Lão Quân, Tây phương đều tích cực cắt cử các lực lượng của mình xuống hạ giới giả làm yêu quái để cản trở đoàn thính kinh. Cản trở mà cũng là để tạo công lao, đem lại tiếng tăm huy hoàng cho hành trình.

Tuy nhiên với nội bộ Đạo giáo, Lão Quân là thượng quan chủ quản trên cao, việc Phật giáo vào Đông Thổ có thể không ảnh hưởng nhiều tới ngài, nhưng các thế lực phía dưới thì chắc chắn không còn được thờ phụng hương khói nhiều như trước, các thế lực đạo sĩ không mong muốn chuyển thính kinh của thầy trò Đường Tăng thành công, nhưng e sợ sự trừng phạt của Lão Quân nên chỉ dám can phá ngầm ngầm.

Yêu quái thì kẻ muốn gia nhập đội, kẻ lại muốn giết chết Đường Tăng để phá hoại triệt để. Câu chuyện đấu đá phe phái được thể hiện xuyên suốt từ khi Tôn Ngộ Không và các thành viên khác của đoàn thính kinh lần lượt xuất hiện.

1. Các thế lực giao dịch quyền lợi

Đường Tăng là hóa thân của Kim Thiền Tử, được đích thân Quan Âm tuyển chọn, đương nhiên ông ta đại diện cho quyền lợi của phe Phật giáo.

Tôn Ngộ Không là con trai của Thái Thượng Lão Quân, đại diện cho quyền lợi của ngài. Nếu không có Tôn Ngộ Không tham gia, chắc chắn Lão Quân sẽ ra sức cản phá. Bởi vậy nên ta thấy Quan Âm khi được trao trọng trách thành lập đoàn thính kinh, người chủ động tới tìm Ngộ Không chứ không giống như trường hợp Bát Giới và Sa Tăng tự thân tiến cử. Hồi 7 kể rằng:

Đi được một lát, bỗng thấy muôn đạo hào quang, nghìn tia khí đẹp phóng ra. Một Xoa nói:

- Sư phụ ạ, chỗ hào quang phát ra kia là núi Ngũ Hành, Như Lai có dán một đạo bùa yểm ở đấy.

Bồ tát nói:

- Tề Thiên Đại thánh quấy rối hội Bàn Đào, đại náo thiên cung ngày xưa, nay bị giam giữ ở đây đây.

Mộc Xoa nói:

- Thế ạ, thế ạ!

Thầy trò bèn cùng nhau trèo lên đỉnh núi ngắm nghía đạo bùa, thấy trên đạo bùa có sáu chữ "úm-ma-ni-bát-mê- hồng", cứ lưu luyến mãi không thôi, rồi làm một bài thơ.

Thơ rằng:

Trái đạo công, buồn cho khi quái,

Cứ hung hăng cậy giỏi làm càn.

Hội đào phá phách nát tan,

Nơi cung Đâu Suất linh đan ăn liều.

Mười vạn binh không sao dẹp nổi

Chín tầng trời tiếng nước gần xa.

Từ khi bị Phật nhất cho

Tắm thân biết đến bao giờ lập công?

Hai thầy trò, trò chuyện, làm kinh động đến Đại thánh.

Quan Âm Bồ tát và Huệ Ngạn đã bỏ ra quá nhiều công sức và thời gian để đánh động tới Tôn Ngộ Không đang bị giam dưới núi Ngũ Hành. Một lời gợi ý "Tắm thân biết đến bao giờ lập công" rất trực tiếp được gửi tới phe Lão Quân, đương nhiên thiện ý ấy được nhiệt tình tiếp nhận.

Trư Bát Giới và Sa Tăng là hai cựu thiên tướng của Ngọc Đế bị đày xuống trần. Năng lực của hai người khá tầm thường họ được cử tham gia cho đầy đủ thành phần, làm những công việc tay chân. Cùng với Ngũ phương Yết đế, Tứ trụ Công tào, Lục đình lục giáp... đó là những bảo chứng cho sự ủng hộ của Ngọc Đế đối với công cuộc thỉnh kinh.

Không thể bỏ qua sự tham gia của Bạch Long. Nó đại diện cho quyền lợi của các Long vương. Mặc dù Long vương chỉ là tiểu thần tiên, nhưng họ giàu có và thường xuyên được dân chúng cầu xin mỗi khi xảy ra hạn hán. Thế lực Long vương đã hi sinh cho đại âm

mười một Long vương Kính Hà để đổi lấy một suất trong đoàn thỉnh kinh.

Bởi cùng chung một mục đích, nhưng quyền lợi phải xẻ chia, nên giữa các phe phái đôi khi cũng xảy ra những hiềm khích, những mâu thuẫn nhỏ nhỏ. Những chiêu trò vặt vãnh để đấu đá nội bộ cũng không hiếm lần xảy ra.

2. Quan Âm viện, Ngộ Không trả đũa

Vừa gia nhập đoàn thỉnh kinh, Ngộ Không đã giận dữ sau khi bị Đường Tăng trách mắng vì lạm sát. Đây là Đường Tăng muốn phân định rõ ngôi thứ trong đội. Ngộ Không chẳng phục nên hăn phá đoàn bỏ đi, nhưng không về núi hay lên trời, mà tìm

tới một đồng minh là Đông Hải Long vương. Vì lợi ích chung Long vương thuyết phục Ngộ Không quay lại (thu phục Bạch Long ở ngay hồi kế tiếp chính là muốn liên hệ hai sự việc với nhau).

Ngộ Không quay về thì bị sư phụ lừa đội vòng Khẩn cô nhi. Đây là chiêu của Quan Âm Bồ tát để đưa thế lực của Lão Quân vào dưới sự kiểm soát của thế lực phe Phật giáo. Ngộ Không ghi hận trong lòng và rắp tâm trả đũa.

Vừa tới Quan Âm viện, lợi dụng đám sư sãi phóng hỏa, Ngộ Không liền “niệm thần chú, quay về phương đông nam, hít một hơi rồi thổi ra. Một trận gió nổi lên khiến ngọn lửa bốc cao cuộn cuộn.” Để bảo vệ cho sư phụ trong trận hỏa tai phạm trần này thì không thiếu gì cách, nhưng con khỉ thù dai ấy đã chọn phương pháp thô thiển nhất, đốt sạch sẽ tòa đại viện, nơi dừng chân của Quan Âm Bồ tát. Mỗi hận bị chụp Khẩn cô nhi hăn đã giải tỏa được phần lớn.

Nói về cái tính thù dai của Ngộ Không, thì có thể kể luôn tới kiếp nạn ở nước Bảo Tượng. Trước đó Bát Giới xúc xiểm Ngộ Không giết người vô tội (Bạch Cốt phu nhân) khiến sư phụ trục xuất Ngộ Không; ngay khi trở lại, con khỉ liền trả thù bằng cách bắt Bát Giới, Sa Tăng ném tan xương nát thịt hai đứa con của công chúa Bách Hoa Tu với Hoàng Bào quái.

3. Khe Ứng Sâu, Đại thánh mất uy

Vừa quay lại với sư phụ, Tôn Ngộ Không đã gặp phải một trở ngại không nhỏ, đó là đối đầu với Bạch Long. Con rồng nhỏ này được Quan Âm Bồ tát dạy rằng núp trong khe Ứng Sâu, chờ người thỉnh kinh tới. Thế nhưng “Hai thầy trò đang ngắm nghía, bỗng nghe đánh ầm một tiếng ở giữa lòng khe, một con rồng nhô ra, đập sóng rẽ nước, trườn lên sườn núi về trưởng lão. Hành Giả hốt hoảng vút hành lý, ôm Đường Tăng xuống ngựa, cầm đầu chạy miết. Con rồng đuổi không kịp, trở lại nuốt chửng con ngựa bạch lần yên cương, rồi lặn xuống nước mất tăm.”

Rõ ràng chủ ý của Bạch Long là về Đường Tăng, chẳng nhẽ nó không nhận ra đây là một nhà sư đang đi về phía tây ư? Tại sao không chút nghi ngờ rằng đó là người mình đang chờ, mà trước về người sau nuốt ngựa? Hẳn là Bạch Long muốn làm khó Ngộ Không, khiến cho vị Tề Thiên Đại thánh phải trở hết tài phép nghiêng sông lật biển. Rốt cuộc không làm gì được Bạch Long phải cậy nhờ tới Quan Âm Bồ tát. Đây là lần đầu tiên Quan Âm tới cứu viện đoàn thỉnh kinh, Ngộ Không mất mặt nên đổ cho sự yếu kém của mình là bởi “phải hộ vệ nhà sư phạm tục này”.

Kiếp nạn tiếp theo ở núi Hắc Phong, Ngộ Không cũng bất lực trong việc đòi lại áo Phật cho sư phụ, lại phải cậy tới Quan Âm Bồ tát. Vị thế của đại diện phe Lão Quân bỗng nhiên tụt dốc chưa từng thấy.

4. Núi Hắc Phong, Mao Toại tự tiện

Hắc Hùng tinh là một trường hợp khá đặc biệt trong số các yêu quái. Ở nó có sự văn nhã của bậc tu đạo, thể hiện qua khung cảnh thoát tục của núi Hắc Phong mà Quan Âm Bồ tát mới nhìn còn phải khen: “Yêu quái chiếm động núi này cũng có chút sùng đạo đây”.

Cửa động lại dán cả câu đối khiến Ngộ Không tự nhủ: “Tên này cũng là yêu quái vào hạng thoát tục hiểu đời đây.”

Lời lẽ trong tờ thiệp gửi Kim Trì trưởng lão mời dự Hội áo Phật cũng có phong thái khác thường, trang phục đón khách cũng thật nho nhã: “mặc chiếc áo lụa nỡn màu xanh sẫm, phủ ngoài chiếc áo hoa màu xanh cổ vịt, đầu đội khăn thắm, chân đi đôi giày da hươu”.

Bạn bè mà nó giao du, dẫu là yêu quái cũng không đề cập tới việc xấu mà lũ yêu quái thường làm như ăn thịt người, phá hoại. Chúng chỉ bàn việc tu đạo, luyện đan.

Thế thì chủ định của Hắc Hùng Tinh là gì khi công nhiên mở Hội áo Phật? Cứ cho rằng nó không biết tin Kim Trì đã chết, nhưng áo cà sa là ẩn nấp trong phòng riêng của Kim Trì, tức là đoạt trong tay Kim Trì. Mà Ngộ Không từ Quan Âm viện đã tới tận núi Hắc Phong đòi trả áo. Nay nó lại phát thiệp mời Kim Trì tới dự lễ là ý làm sao? Theo thuyết âm mưu thì tấm thiệp ấy chủ định gửi tới tay thầy trò Đường Tăng. Bản thân cái tên “Hội áo Phật” đã nói lên sự hâm mộ của Hắc Hùng Tinh với Phật giáo, nó muốn được khoác lên mình tấm áo Phật. Hắc Hùng Tinh biết Đạo giáo đã suy, Phật giáo sắp hưng, nó đã bày tỏ mong muốn của mình. Nếu độc giả tinh ý thì sẽ thấy bộ ba Hắc Hùng, thì Lăng Hư Tử mặc áo đạo sĩ, con bạch xà hóa thân là Bạch y tú sĩ. Một bộ ba đầy đủ tam giáo Thích, Đạo, Nho, mà cuối cùng Đạo và Nho đều bị tiêu diệt, duy còn Hắc Hùng Tinh theo chân Quan Âm Bồ tát.

Thỉnh nguyện của Hắc Hùng Tinh đã thấu tới Quan Âm, nhưng để đoàn thỉnh kinh có thể hoạt động hiệu quả, nó không được ban cho một suất. Hắc Hùng Tinh tài nghĩ xấp xỉ Tôn Ngộ Không, nếu cùng lên đường thì không tránh khỏi tình cảnh một núi hai hổ. Nếu chẳng may công lao Hắc Hùng vượt qua lão Tôn thì biết ăn nói thế nào với Lão Quân? Cái vòng Cấm cô nhi chụp lên đầu Hắc Hùng Tinh phải chăng là để dập tắt sự bất mãn khi nó biết không được thành Phật hay Bồ tát mà phải là thần giữ núi Lạc Già?

5. Hoàng Phong lĩnh, thả chuột về đông

Sau khi thu phục Bát Giới, đoàn thỉnh kinh đi tới núi Hoàng Phong, nơi có yêu quái chuột lông vàng. Sự xuất hiện của nó khá dễ đoán,

nên ở đây chỉ lướt qua mà thôi. Hoàng Phong Đại vốn là “con chuột đăc đạo ở chân núi Linh Sơn, vì ăn trộm dầu trong chén lưu ly làm đèn tối mờ”, bị Phật tổ giao cho Linh Cát Bồ tát trấn áp. Bản thân phép thuật của con chuột này là Tam muội thần phong cũng mang ý nghĩa Phật giáo rồi. Linh Cát Bồ tát thả nó ở núi Hoàng Phong, cách núi Tu Di của Bồ tát tận ba ngàn dặm. Giả như không có Ngộ Không tới cầu cứu, liệu Linh Cát Bồ tát có biết yêu quái mình thả ra đang làm những gì không?

Một loạt các sự xuất hiện đúng lúc của Hộ pháp Già lam (tặng thuốc), Thái Bạch Kim Tinh (chỉ đường), đủ để thấy kiếp nạn này vốn được sắp đặt, chủ định làm tăng độ khó cho hành trình thỉnh kinh.

6. Ngũ Trang quán, nhĩ đào tam sĩ

Thầy trò Đường Tăng tới Vạn Thọ Sơn - Ngũ Trang Quán. Quán chủ là Trần Nguyên Tử đi vắng, bèn dặn hai đồ đệ là Thanh Phong, Minh Nguyệt trái xuống hai quả nhân sâm để mời Đường Tăng. Tích xưa Nhĩ đào sát tam sĩ vậy là được mang lên sân khấu.

Thời Xuân Thu, nước Tề có ba tráng sĩ là Cổ Dã Tử, Điền Khai Cương, Công Tôn Tiếp thờ Tề Cảnh Công. Ba người này cậy sức mạnh nên ngạo mạn vô lễ, Tướng quốc là Án Anh xin Cảnh Công dùng mẹo trừ đi. Tề Cảnh Công thuận theo, liền ban cho ba tráng sĩ hai trái đào tiên, sai họ kể công, hễ ai công lớn thì được ăn đào. Công Tôn Tiếp kể công giết hổ cứu giá, Cổ Dã Tử kể công giết con giải lớn, hai người được ban đào ăn, Tới phiên Điền Khai Cương kể công đánh dẹp quân xâm lăng, thì lại chẳng còn đào. Điền Khai Cương vừa uất vừa thẹn mà tự sát. Công Tôn Tiếp và Cổ Dã Tử xấu hổ mà tự sát theo. Đó là điển tích Nhĩ đào sát tam sĩ.

Trở lại với cây nhân sâm ở Vạn Thọ Sơn: “Giống cây này ba nghìn năm mới nở hoa, ba nghìn năm mới kết quả, lại ba nghìn năm nữa mới chín. Tính ra phải một vạn năm mới được ăn. Và trong một vạn năm ấy chỉ kết được ba mươi quả. Hình dáng quả này tựa đứa bé mới sinh chưa đầy ba ngày, tứ chi hoàn toàn, ngũ quan đủ cả. Ai có

duyên được ngửi quả này một lần, thì sống lâu ba trăm sáu mươi tuổi; ăn một quả, sống mãi bốn vạn bảy nghìn năm.”

Loại quả này được mô tả hầu như giống với bàn đào của Vương Mẫu: “Một nghìn hai trăm cây ở phía sau, vỏ vân tím hột vàng lợt, chín nghìn năm mới chín, người ăn vào thọ ngang trời đất, sánh cùng nhật nguyệt.”

Có thể thấy tác giả đã dùng hai quả nhân sâm để ám chỉ tích Nhị đào, Trấn Nguyên Tử bày ra đồ kế để chia rẽ ba huynh đệ Tôn, Trư, Sa.

Quả nhân sâm vốn vô cùng trân quý, ăn một quả sống bốn vạn bảy nghìn năm, cho nên không việc gì phải mời Đường Tăng ăn tới hai quả. Sau này khi Quan Âm Bồ tát cứu cây nhân sâm bị Ngộ Không quật đổ, Trấn Nguyên Tử cũng chỉ mời mỗi người một quả mà thôi. Chủ ý của Trấn Nguyên Tử là Đường Tăng ăn một quả, còn dư một quả để các đồ đệ tranh nhau. Xét về ba huynh đệ thì Tôn Ngộ Không là đại ca, hiển nhiên sẽ dành phần này. Trư lão nhị tính tham ăn lại hay ganh tỵ tất sẽ không bỏ qua và kéo theo Sa lão tam là người cũng không được ăn về phe mình. Quả vậy, khi lão Trư phát hiện lão Tôn tráy cả thấy bốn quả, lập tức làm ầm lên: “A Di Đà Phật, lấy những bốn quả mà sao mang về có ba quả để chia nhau, thì ra anh đã biến thủ một quả rồi!”

Tại sao Trấn Nguyên Tử lại tìm cách chia rẽ đoàn thỉnh kinh? Bởi Trấn Nguyên Tử là ông tổ của Địa tiên, tức là đại biểu cho thế lực Đạo giáo trong dân gian. Nếu Phật giáo xâm nhập và chiếm lĩnh không gian của Đạo giáo, thì Trấn Nguyên Tử là người chịu thiệt hại đầu tiên và nặng nề nhất.

Đường Tăng không ăn quả nhân sâm, nên hai gã tiểu đồng đành tự ăn trái quý, bởi nếu đưa cả hai trái cho ba gã đồ đệ như tích Nhị đào sát tam sĩ, thì với bản tính ừ lì lười biếng, lại mới gia nhập đội thỉnh kinh, Sa Tăng dẫu không có phần cũng chẳng dám một mình gây xích mích với hai vị huynh trưởng.

Tây Du Ký viết “Hai người [Thanh Phong, Minh Nguyệt] vào phòng trong, ngồi xuống mép giường đành chia nhau mỗi người ăn một

quả”, tình cờ “Căn phòng ấy ở liền sát tường căn bếp, bên này nói khẽ, bên kia cũng nghe thấy.”

Nhưng nếu hai vị tiên đồng chỉ lẳng lặng ăn với nhau thì làm sao lão Trư ở phòng bên biết được “Đường Tăng không biết quả nhân sâm, họ đành mang vào phòng ăn với nhau.” Hay phải chăng họ vừa ăn vừa khúc khích cười đùa như trong phim *Tây Du Ký* 1986 đã dựng? Tôi nghiêng về giả thuyết hai tiên đồng cố ý để lọt thông tin về quả nhân sâm, để ngầm kích động bản tính của lão Tôn, bởi con khỉ ấy đến bàn đào cũng chẳng tha mà ăn trộm gần sạch.

Diễn biến tiếp theo của câu chuyện là một đoạn vòng vo, Trấn Nguyên Tử tìm mọi cách gây khó dễ. Theo *Tây Du Ký* mô tả thì khi hay tin Ngộ Không quật đổ cây nhân sâm, biểu hiện của Trấn Nguyên Tử khá bình tĩnh:

Minh Nguyệt đáp:

- Không, chỉ quật đổ cây nhân sâm của chúng ta thôi.

Đại tiên nghe thế vẫn không tỏ ra giận dữ, nói:

- Đừng khóc nữa. Các con không biết, người họ Tôn ấy cũng là một vị Thái Ất tiên tán đi, đã từng đại náo thiên cung, thần thông quảng đại nay lại quật đổ cây báu của ta. Các con còn nhớ mặt bọn chúng không?

Phía Ngộ Không thì sao? Con khỉ ấy biết thừa tâm cơ của vị ông tổ Địa tiên này, nên trong khi mọi người chạy trốn hết hơi lẫn ra ngủ, thì “Riêng Tôn Đại thánh còn khỏe, nhảy lên cành cây đu nghịch.”

Ngộ Không đang chờ đợi điều gì? Rõ ràng đang chờ Trấn Nguyên Tử tới bắt gọn cả đám, chứ không nghĩ rằng đã trốn thoát. Bởi biết rõ ý nghĩa đích thực của hành trình thỉnh kinh, nên Tôn Ngộ Không cực kỳ thoải mái ứng phó với trò chơi của Trấn Nguyên Tử. Thậm chí trong màn kịch này, Ngộ Không còn nhân dịp thể hiện cho Đường Tăng thấy ai mới xứng là trò cưng của sư phụ.

Quả vậy, ngoại trừ một mình thu phục Bát Giới, các kiếp nạn tiếp theo mà đoàn thỉnh kinh gặp phải như khe Ưng Sầu, núi Hắc Phong, núi Hoàng Phong, sông Lưu Sa, Ngộ Không luôn phải viện tới các thế lực khác giúp đỡ. Với sự gia nhập của Sa Tăng thì trong con mắt Đường Tăng, vai trò của Tôn Ngộ Không không còn lớn lao như khi

mới thâm nạp ở núi Lưỡng Giới. Vấn đề này thể hiện qua việc đuổi thẳng cổ Ngô Không khỏi đoàn sau kiếp nạn Bạch Cốt, đồng thời Đường Tăng nhận định: “Con khỉ kia chớ có vô lễ! Cứ tưởng chỉ có nhà ngươi là người giỏi thôi à? Còn Ngô Năng, Ngô Tĩnh không giỏi chắc?”

Nếu chỉ cần người tùy tùng, hễ gặp nạn thì mời viện binh, trong con mắt Đường Tăng, Trư Sa nhĩ lão có khác gì lão Tôn? Hẳn chúng ta còn nhớ lần đầu tiên cầu viện Quan Âm, không phải do Ngô Không tự thân mà do Kim đầu Yết đế đi thay.

Ngô Không cần chứng tỏ tầm quan trọng của bản thân, nên trong màn kịch ở Ngũ Trang Quán, khi Trấn Nguyên Tử hai lần đòi đem roi da rồng tới quất Đường Tăng, Ngô Không liền hai phen đem thân ra chịu thay thầy.

Về phần Trấn Nguyên Tử, ông ta thừa biết Đường Tăng là hóa thân của Kim Thiền Tử, đồ đệ của Phật tổ Như Lai, nhưng vẫn dám bắt giữ, thậm chí dọa ném vào vạc dầu sôi, ấy là bởi muốn ép Quan Âm phải ra mặt như một sự thỏa hiệp giữa Phật giáo với thế lực Đạo giáo dưới tay mình. Tôn Ngô Không quật đổ cây nhân sâm, cũng như cắt đứt hương khói của nhân loại cung phụng Địa tiên; Quan Âm Bồ tát khôi phục lại cây nhân sâm, cũng mang ý nghĩa sẽ cùng nhau chia sẻ lợi ích thu từ nhân loại. Cuối cùng Trấn Nguyên Tử kết bái huynh đệ với vị Phật tương lai Tôn Ngô Không.

Tác giả đã khéo chọn cái tên “nhân sâm” để ám chỉ lòng người. Vừa hay ám hợp giữa nhân sâm, trường thọ và xương khô.

7. Bạch Hổ lĩnh tam cổ thảo lư

Nếu nhìn lại để so sánh chặng đường đã qua và chặng đường sắp tới, thì từ núi Lưỡng Giới tới sông Lưu Sa là địa phận chịu ảnh hưởng của Phật giáo với núi Ngũ Hành mà Phật tổ đề Ngô Không, núi Xà Bàn mà Quan Âm thả Bạch Long, Quan Âm viện của Quan Âm Bồ tát, núi Phúc Lăng mà Trư Bát Giới trú ngụ, núi Hoàng Phong mà Linh Cát Bồ tát thả chuột vàng sông Lưu Sa mà Quan Âm thả Sa Tăng. Phải tới Ngũ Trang Quán mới là bắt đầu địa giới mà Đạo giáo

thống lĩnh, vươn trái tới tận nước Ô Kê là nơi Văn Thù Bồ tát sai Thanh Sư xuống quấy nhiễu.

Sau khi Trấn Nguyên Tử kết nghĩa anh em với Tôn Ngộ Không, “lại tiệc tùng khoản đãi liên tục năm, sáu hôm”, phải tới khi Đường Tăng “chẳng chịu dùng dằng ở thêm, chủ nhân bắt buộc đành để họ lên đường”. Có thực họ quyến luyến nhau đến vậy, hay Trấn Nguyên Tử cần thời gian để bố trí việc khuất tất nào đó đằng sau?

Vừa rời Ngũ Trang Quán, “chẳng mấy chốc thấy một ngọn núi cao” tức là Bạch Hổ Lĩnh của Bạch Cốt phu nhân. Tự nhiên câu chuyện Kim Thiền Tử hóa thân lại được nhắc tới “Lão vốn là Kim Thiền Tử hóa thân, tu hành mười đời, ăn được một miếng thịt của lão sẽ sống lâu mãi mãi”. Trên con đường họ đã trải qua, Hoàng Phong đại vương không hề biết lai lịch Đường Tăng, Lưu Sa quái (tức Sa Tăng sau này) dù đã ăn thịt chín hóa thân trước của Kim Thiền Tử nhưng cũng không hay biết rằng “ăn được một miếng thịt của lão sẽ sống lâu mãi mãi”. Thế thì ai đã nói cho Bạch Cốt phu nhân hay? Phải chăng chính là ông hàng xóm Trấn Nguyên Tử?

Trong cả ba lần đùa giỡn, Bạch Cốt phu nhân chưa từng thực sự có cơ hội ám hại Đường Tăng. Nhưng nó đã làm được việc mà Trấn Nguyên Tử thất bại: chia rẽ đoàn thỉnh kinh. Thành công này của Bạch Cốt, là cách mà tác giả ngầm khẳng định ý đồ chia rẽ của Trấn Nguyên Tử đã bàn ở phần trên.

8. Trư Bát Giới cũng có tâm cơ

Trong con mắt của độc giả *Tây Du Ký*, Trư Bát Giới là một gã ngốc tham ăn, lười biếng và ngu si. Nhưng nếu sử dụng góc nhìn như vậy, chúng ta sẽ không thể lý giải được việc Bát Giới năm lần bảy lượt xúc xiểm để Đường Tăng trục xuất Ngộ Không, cũng không thể lý giải được việc Bát Giới hăng hái xung phong giải cứu công chúa Bách Hoa Tu.

Lão Trư vốn tham, nhưng tham chứ không ngu. Gã dư biết rằng trong hành trình thỉnh kinh, công lao càng lớn thì quả vị càng to. Bởi gia nhập đoàn thỉnh kinh muộn hơn Ngộ Không, lại tài phép không

bằng, nên đành tạm chịu ngồi dưới. Trong thâm tâm gã chưa lúc nào thôi nghĩ cách lật lảo đại để cướp vị trí đầu.

Tôn Ngộ Không có một tật rất xấu, đó là ăn nói văng mạng. Đối với bề trên là sư phụ, con khi ấy nói năng cực kỳ vô phép, không có thứ bậc. Ngược lại Bát Giới lẻo mép, luôn luôn giả vờ ngu mà đứng sau lưng sư phụ. Điển hình như ở rừng Hắc Tùng khi Đường Tăng kêu đói, gã vỗ ngực: “Không lo, con đi chuyển này dù có khó khăn đến đâu cũng mang kì được cơm chay về cho sư phụ.” (thực tế là chui vào bụi cây đánh một giấc).

Khi tới Hoàng cung nước Bảo Tượng, được vua ban ngự tửu, gã nói ngay:

- Thưa sư phụ, lễ ra chén rượu này để mời sư phụ. Nhưng quốc vương đã ban cho con, con không dám trái ý, xin uống trước để lấy khí thế bắt yêu quái.

Chú ngốc uống một hơi hết sạch, đoạn rót một chén dâng sư phụ.

Với kẻ biết nói lời ngon ngọt thế này, sư phụ nào có thể ghét bỏ mà đi bênh gã cực sức suốt ngày chê trách thầy.

Được sư phụ thiên vị chưa đủ, mục đích của Bát Giới là đuổi Tôn Ngộ Không đi, còn mình lên làm Đại sư huynh. Độc giả có thể băn khoăn rằng liệu Trư Bát Giới có biết tự lượng sức mình không? Dẫu làm Đại sư huynh mà không thể hàng yêu phục quái thì cái danh sư ông ấy có đáng gì? Trư Bát Giới đã quan sát rất kỹ việc làm của Ngộ Không từ núi Hoàng Phong cho tới núi Vạn Thọ, và rút ra kết luận rằng: Con khỉ kia chẳng tự thân làm nên trò trống gì cả.

Quả vậy, ở núi Hoàng Phong, giết Hồ tiên phong là công của Bát Giới. Ngược lại, Ngộ Không đánh nhau với Hoàng Phong đại vương bị thua, lập tức có Hộ pháp Già Lam tự động tới cho thuốc, rồi có Thái Bạch Kim Tinh tự động tới chỉ lối tìm Linh Cát Bồ tát để hàng phục yêu quái.

Ở sông Lưu Sa, đại chiến với Sa Tăng vẫn là Bát Giới, còn Ngộ Không đứng bên bờ hộ vệ sư phụ và tìm cách đánh lén, nhưng không thành. Cuối cùng Ngộ Không phải tới Nam Hải thỉnh Quan Âm Bồ tát thu phục yêu quái.

Ở núi Vạn Thọ, Ngộ Không là con khỉ gây họa, đánh nhau với Trấn Nguyên Tử thua thiệt cả hai phen, cuối cùng phải đi mời Quan Âm Bồ tát tới giải quyết.

Vậy là một chặng từ Cao Lão Trang tới Bạch Hổ Lĩnh, ngoại trừ cây khỏe ăn hiệp Bát Giới ra thì Ngộ Không chưa thể hiện được bản lĩnh hơn đời. Nếu cứ gặp yêu quái hay trắc trở, lập tức có thần tiên, Bồ tát giáng hạ ra tay xử lý, thì lão Trư cũng làm được Đại sư huynh, bất quá mất chút công sức và miệng lưỡi thỉnh cầu mà thôi. Việc ấy Trư Bát Giới tin là mình giỏi hơn Tôn Ngộ Không.

Rốt cuộc tại Bạch Hổ Lĩnh, Bát Giới lập quyết tâm trở mặt với Đại sư huynh, Tôn Ngộ Không chủ quan mà lật thuyền trong máng. Nhưng Bát Giới không biết một điều rằng bạn phải là ai, bạn đại diện cho ai, thì chín phương trời mười phương Phật mới sẵn lòng ra mặt.

9. Nước Bảo Tượng, Thiên đình lên tiếng

Đường Tăng vì vô tri mà trục xuất Ngộ Không, phá hỏng quy hoạch của các phe nhóm lợi ích. Thiên đình đành phải ra mặt để dàn xếp sự cố này. Hoàng Bào quái chính là Khuê Mộc Lang trong Nhị thập bát tú trên trời đã sớm được cắt cử xuống hạ giới. Về thời điểm hạ trần của vị sao này, trong *Tây Du Ký* nói rằng đã từ 13 năm trước, mục đích để xe duyên với công chúa Bách Hoa Tu, nhưng điều này không mâu thuẫn với mệnh lệnh mà yêu quái nhận được. Hoàng Bào quái bắt được Đường Tăng, rồi Bách Hoa Tu - một vị cự Ngọc nữ dâng hương ở điện Phi Hương của Thiên đình - đem thả. Đường Tăng chạy được tới Hoàng cung nước Bảo Tượng, Hoàng Bào quái đuổi theo và biến Đường Tăng thành hổ giam trong cũi. Hoàng Bào quái biết rằng ăn thịt Đường Tăng thì trường sinh bất lão, nhưng lúc thềm thịt người thì nó "túm lấy một cô gái đánh đàn tỳ bà, lôi tuột vào lòng, ngoạm một miếng mất đầu, nhai gấu gấu" chứ quyết không hại tính mệnh Đường Tăng. Một trong Nhị thập bát tú trên trời mà uống rượu hạ giới tới mức say mềm, mất cả lý trí. Điều này không quá hợp lý. Tôi cho rằng gã đang cố dây dưa làm to

chuyện để ép đoàn thỉnh kinh phải triệu hồi Tôn Ngộ Không. Sau khi Bát Giới tới Hoa Quả Sơn mời Ngộ Không quay lại, nhiệm vụ của Khuê Mộc Lang đã hoàn thành, được trở về Thiên đình. Kết thúc màn kịch ở nước Bảo Tượng, Ngộ Không làm màu giả bộ đòi bỏ đi, ép Đường Tăng và Sa Tăng phải xuống nước. Không phải vô tình mà Đường Tăng phải cam kết: "Chuyển đi này, sớm sang được Tây phương, khi nào trở về phương Đông, thầy sẽ tâu hết công lao số một của con với vua Đường." Đường Tăng không nói đến tình nghĩa mà nhắc tới ghi công. Tôn Ngộ Không đã nhận được sự đảm bảo của sư phụ về vị trí "công lao số một" của mình trong hành trình thỉnh kinh.

Về số phận của Khuê Mộc Lang sau khi trở về Thiên đình, *Tây Du Ký* viết: "*Ngọc Hoàng nghe nói, thu lấy kim bài, đày Khuê Tinh sang cung Đâu Suất đốt lò cho Thái Thượng Lão Quân, chừng nào có công sẽ phục chức, không có công sẽ trị tội nặng hơn.*" Đốt lò thì làm sao có công được để mà phục chức? Vậy mà khi truy tìm tung tích Độc Giác Ty thì điểm danh ở cung Đẩu Ngư đã thấy có mặt sao Khuê rồi. Phạt sao Khuê chẳng qua chỉ để biểu thị sự ủng hộ của Ngọc Đế đối với những gì Ngộ Không

làm. Mà hẳn là việc Khuê Mộc Lang tới cung Đâu Suất chỉ là một chuyển sang báo cáo tình hình cho Lão Quân mà thôi. Không phải tự nhiên mà kiếp nạn tiếp theo là hai tiểu đồng của Lão Quân hạ phàm.

10. Từ Bình Định tới nước Ô Kê

Kế tiếp rừng Hắc Tùng là tới núi Bình Định. Vừa trở lại, được Đường Tăng hậu thuẫn "chúng ta đây còn có Bát Giới, Sa Tăng đều là đồ đệ cả, tùy con sai khiến sử dụng, chúng có thể giúp đỡ con một tay, hiệp sức đồng lòng, dọn quang đường núi đưa ta qua thì lẽ nào lại không thành chính quả được sao?", Tôn Ngộ Không đã thị uy bằng cách sai Bát Giới đi tiền trạm. Đầu tiên bóc mẽ để sư phụ biết lão Trư là kẻ hay nói dối, sau lại khiến Bát Giới bị yêu quái tóm sống.

Trư Bát Giới biết mình bị chơi xỏ nên khi Ngộ Không hai lần biến hóa (thành Cừu Vỹ Hồ và thành tiểu yêu sau khi thoát khỏi sợi dây

kim tuyến) nhằm cứu mọi người, gã đã không ngần ngại nói toạc hết ra, phá hỏng mưu kế của Đại sư huynh. Đằng nào Đường Tăng cũng không chết được, thì quyết không để Ngộ Không một mình lập công. Rất may là Ngộ Không ở hồi này cơ trí, đã tự giải quyết được tai kiếp mà giết yêu cứu thầy.

Sự xuất hiện của Thái Thượng Lão Quân khi mọi sự đã xong xuôi, lấy lại bảo bối và cứu đồng tử, cũng giống hết với việc Thiên đình lên tiếng ở rừng Hắc Tùng hay Văn Thù Bồ tát ở nước Ô Kê. Trong ba kiếp nạn liên tiếp, Ngộ Không đều chứng tỏ được bản lĩnh một mình giải quyết được yêu quái, rồi ba thế lực ủng hộ đoàn thỉnh kinh đều lần lượt lộ diện, như để khẳng định vai trò đầu tàu của Tôn Ngộ Không trong hành trình thỉnh kinh

Từ đó về sau, Trư Bát Giới triệt bỏ toàn bộ tâm cơ muốn thay thế vị trí mà Tôn Ngộ Không xứng đáng được hưởng.

Chương 10

GIẢI OAN CHO THÁI THƯỢNG LÃO QUÂN

Giang hồ mạng thường lưu truyền tin đồn thất thiệt rằng Hồng Hải Nhi không phải con đẻ của Ngưu Ma vương, mà là con tư sinh của Thái Thượng Lão Quân cùng Bà La Sát. Ấy là bởi đọc chưa kỹ *Tây Du Ký*, nên nhầm lẫn các chi tiết với nhau.

Tin đồn thất thiệt vốn dựa trên hai sở cứ: Một là quạt ba tiêu của Bà La Sát, được cho là của Thái Thượng Lão Quân. Hai là Hồng Hải Nhi phun ra lửa, hẳn là gen di truyền của họ Lý. Ấy là biết một mà chẳng biết hai, xin mạn phép được phá giải cả hai sở cứ đó.

1. Quạt ba tiêu

Quạt ba tiêu xuất hiện bốn lần trong *Tây Du Ký*, lần đầu là ở hồi 35 khi Kim Giác, Ngân Giác ăn trộm bảo bối của Lão Quân mà giáng trần. Lần thứ hai là ở hồi 39, khi Ngộ Không tìm tới cung Đâu Suất xin linh đơn cứu tử Quốc vương nước Ô Kê. Lần thứ ba là ở hồi 52, Lão Quân dùng quạt thu hồi vòng kim cương của Độc Giác Tỳ. Lần cuối là ở hồi 59 trong tay của Bà La Sát. Nhiều độc giả bắt lấy chi tiết này mà cho rằng Bà La Sát dùng quạt của Lão Quân. Rất tiếc, Ba tiêu chỉ là danh từ chỉ chung các cây quạt có hình lá chuối, hai cây quạt này ngoài cái tên giống nhau thì chẳng có điểm nào chung cả, chắc chắn là hai vật riêng biệt.

a. Công năng khác nhau

Quạt của Lão Quân thuộc tính dương, có thể sinh ra lửa. Hồi 35 chép công năng của quạt Lão Quân: "Hắn [Kim Giác] sợ quá, tay trái cầm bảo kiếm, tay phải vòng ra đằng sau, rút cây quạt ba tiêu, quay về hướng đông nam, đối diện với ly cung, lấy lửa can bính đình rồi

quạt phành phạch, bỗng nhiên khắp mặt đất, lửa sáng rừng rực. Thứ bảo bối này có thể quạt bốc ra lửa ở trên mặt đất.”

Trong bài thơ tả cây quạt cũng nói rõ: “Dùng thử phiến, phiến thử hỏa - Dùng quạt quý, quạt lửa sinh”.

Hồi 39 lại chép:

"Vừa vào tới cửa, đã thấy Thái Thượng Lão Quân đang ngồi trong phòng luyện đan. Một vị tiên đồng cầm quạt ba tiêu đang quạt lò nấu thuốc." Hẳn là ngoài việc quạt gió thì còn dùng tính năng sinh lửa của cây quạt báu để luyện đan.

Trong khi cây quạt ba tiêu của Bà La Sát thì lại thuộc tính âm. Hồi 59 viết:

"[Bà La Sát] bèn rút cây quạt Ba Tiêu ra vung lên, phát ra một luồng gió âm đầy Hành Giả đi đâu mất tăm mất dạng..." Thứ gió mà quạt thổi ra là âm phong, chỉ rõ cây quạt là vật chí âm.

Khi tới cầu Linh Cát Bồ tát, Bồ tát cũng nói rõ về cây quạt này: “nãi Thái Âm chi tinh diệt, cố năng diệt hỏa khí - Đây là chiếc lá tinh tú của Thái Âm, nên mới dập tắt được lửa khi quạt.”

Một vật chí dương, một vật chí âm, hẳn nhiên không thể là một được.

b. Cách dùng khác nhau

Tây Du Ký hai lần tả về cách dùng cây quạt của Lão Quân: “tay phải vòng ra đằng sau, rút cây quạt ba tiêu, quay về hướng đông nam, đối diện với ly cung, lấy lửa can Bính Đình rồi quạt phành phạch, bỗng nhiên khắp mặt đất, lửa sáng rừng rực”. Khi không niệm thần chú, chỉ cần quay đúng hướng rồi vận lực là cây quạt sinh lửa. Cách thứ hai là niệm chú dùng để thu bảo bối và hàng phục Độc Giác Ty. Hồi 52 miêu tả: “Lão Quân niệm thần chú, phe phẩy chiếc quạt một lát, yêu quái quăng chiếc vòng ra, Lão Quân đỡ lấy và quạt tiếp một lát nữa, yêu quái lúc ấy mới thịt nhũn gân mềm, hiện rõ bản tướng là một con trâu xanh.”

Cây quạt của Bà La Sát cũng có hai cách sử dụng không niệm chú và niệm chú. Hồi 59 viết: “rút cây quạt Ba tiêu ra vung lên, phát ra

một luồng gió âm đẩy Hành Giả đi đâu mất tăm mất dạng, không sao có thể bầu vúi vào đâu được nữa”. Ấy là cách dùng tương tự như Kim Giác quạt lửa, không cần thần chú. Còn khi niệm chú, ấy là để phóng to hoặc thu nhỏ cây quạt.

c. Cất giữ

Cây quạt của La Sát có khả năng thu nhỏ, phóng to. Hồi 60 miêu tả cây quạt được La Sát cất trong hòm: “La Sát cười hi hi, nhè ra từ trong mồm một chiếc lá tí xíu đưa cho Đại thánh..” hoặc “La Sát đỡ lấy cây quạt, niệm chú biến cây quạt nhỏ lại bằng một lá hạnh, ngậm vào trong mồm”.

Cây quạt của Lão quân chưa từng nghe nói tới khả năng này, thường được giắt trong người. Hồi 35 tả Kim Giác:

“Ma anh cầm chiếc quạt ba tiêu ở cổ áo sau gáy”, “thấy yêu quái gục mặt xuống chiếc bàn đá ngáy khò khò, chiếc quạt ba tiêu thò ra khỏi vai, che kín một nửa gáy”, “Ma anh ngồi một mình trong động, gục mặt xuống chiếc bàn đá, để bảo kiếm bên cạnh bàn, giắt quạt ba tiêu ra sau lưng”.

Khi Ngô Không chiếm được báu vật thì cũng phải tay xách nách mang: “Đại thánh buộc chặt hồ lô, bình ngọc vào bên sườn, cất sợi dây kim tuyến vào tay áo, cầm quạt ba tiêu vào sau vai”.

d. Nhân chứng đặc biệt

Dĩ nhiên là Tôn Ngô Không, người đã cầm trên tay cả hai cây quạt. Không lý gì Hành Giả chẳng nhận ra nếu chúng cùng là một vật cả, thậm chí vẻ ngoài của cây quạt của Bà La Sát còn được miêu tả khá kỹ “Hành Giả cầm lấy trong tay, xem kỹ một lượt, thấy đúng là có khác cây quạt giả lần trước, mây lành phơi phới, khí đẹp dăng dăng, trên có ba mươi sáu sợi tơ điều kết sợi dọc sợi ngang, trong ngoài dẹt kín.”

Với bốn điều trên, có thể khẳng định mười phần rằng hai cây quạt hoàn toàn khác nhau, hơn nữa cây quạt của Lão Quân là bảo bối

bậc nhất, có thể khắc chế bảo bối khác và thu phục Thanh Ngưu tinh, còn thường xuyên dùng để quạt lò luyện đan, không lẽ gì giao cho La Sát cầm bấy lâu được.

2. Tam muội chân hỏa

Nhiều độc giả cho rằng khả năng phun lửa của Hồng Hải Nhi là do Lão Quân truyền dạy, bởi Lão Quân sở hữu lò Bát quái. Thực ra hai loại lửa hoàn toàn khác nhau. Lửa trong lò Bát quái là lửa văn vũ, hồi 7 chép: “Hay là để thần mang nó về bỏ vào lò bát quái, đốt nó bằng thứ lửa văn vũ mà thần thường dùng để luyện linh đơn, thì người nó nhất định sẽ biến thành tro bụi.” Đây là khái niệm thuần Đạo giáo dùng trong thuật luyện đan. Hán ngữ đại từ điển giải thích lửa văn vũ là lửa văn và lửa vũ, trong đó lửa văn nhỏ yếu, lửa vũ lớn mạnh.

Ở hồi 17, Tôn Ngộ Không đánh nhau với Hắc Hùng Tinh có thuật lại sự tích của bản thân:

“Tổng tại Lão Quân lô lý luyện, Lục đình thần hỏa mạn tiên ngao - Bị tổng vào luyện trong lò của Lão Quân, chịu Lục đình thần hỏa từ từ thiêu đốt dày vò”^{}. Lục đình là một khái niệm thuần túy Đạo giáo. Đình Mão, Đình Tỵ, Đình Mùi, Đình Dậu, Đình Sửu là sáu vị âm thần chịu sự sai khiến của Ngọc Đế. Đạo sĩ có thể dùng bùa chú để triệu thỉnh.*

Các bản dịch Như Sơn, Thụy Đình đều cắt bỏ hai chữ “Lục đình”, chỉ dịch là “lửa thần”.

Lửa của Hồng Hải Nhi thì khác hoàn toàn, đó là Tam muội chân hỏa. Tam muội (Samādhi - Tam ma địa) là một khái niệm của Thích giáo, chỉ phép tu thiền. Đại để có thể hiểu Tam muội chân hỏa là thứ lửa thần thông, luyện từ phép tu thiền. Hồng Hải Nhi luyện được thần thông này ở Hỏa Diệm Sơn như hồi 40 dẫn lời Thổ địa nói: “Nó đã tu hành ba trăm năm ở Hỏa Diệm Sơn, luyện được cả thứ lửa tam muội, thần thông quảng đại.”

Nói về thần thông tam muội thì *Tây Du Ký* xuất hiện không ít nhân vật. Hoàng Phong đại vương luyện được tam muội thần phong, hẳn là giống như Hồng Hải Nhi luyện phép lửa ở Hỏa Diệm Sơn thì con chuột ấy luyện phép gió ở sa mạc*. Hoặc Tôn Ngộ Không cũng luyện ra tam muội hỏa như ở hồi 7, Lão Quân nói: “Nó lại luyện thân thể bằng thứ lửa tam muội nữa”. Nếu căn cứ vào phép sinh lửa tam muội mà bàn, thì Tôn Ngộ Không mới đáng là cha của Hồng Hải Nhi. Nhưng dĩ nhiên không phải Tôn Đại thánh rồi, bởi năm trăm năm trước cuộc thỉnh kinh, Ngộ Không đập đổ lò Bát quái, một viên gạch rớt xuống tạo ra Hỏa Diệm Sơn. Mà sau thời điểm ấy hai trăm năm, Hồng Hải Nhi mới bắt đầu tu luyện và thành đạo.

Trong bộ phim *Tây Du Ký* 1986, Hoàng Phong đại vương dùng bảo bối để thổi ra gió vàng, ấy là sai so với truyện. Về việc tu luyện ở sa mạc, đã nói tại chương Lại yêu quái đầu tiên.

3. Thiếu đâu cặp sừng?

Lại có độc giả căn cứ vào ngoại hình của Hồng Hải Nhi là thuộc nhân loại, không giống Ngưu Ma vương, không có sừng trên đầu.

Đúng là *Tây Du Ký* không hề mô tả Hồng Hải Nhi có cặp sừng, tuy nhiên ngay đến em trai của Ngưu Ma vương là Như Ý chân tiên núi Giải Dương cũng không hề có sừng. Hồi 53 có bài thơ miêu tả Như Ý chân tiên:

Phượng nhãn quang minh mi đích thụ

Cương nha tiêm lợi khẩu phiên hồng.

Ngạch hạ nhiệm phiêu như liệt hỏa

Tấn biên xích phát đoản bông tùng.

Hình dung ác tự Ôn nguyên soái,

Tranh nại y quan bất nhất đồng.

Bài thơ này bản Như Sơn phỏng dịch không sát, còn bản Thụy Đình bỏ không dịch, mạn phép dịch lại:

Mày ngài mắt phượng mi dựng ngược

Răng nhọn như sắt môi lợt hồng.

Dưới cằm râu bạc như lửa cháy,

Tóc mai đỏ rục lại rồi bông.

Hình dung ác tựa Ôn nguyên soái,

Có chăng áo mũ ấy bất đồng.

Cũng như Hồng Hải Nhi được ví với Na Tra Thái tử thì Như Ý chân tiên được ví như Ôn Nguyên soái mà thôi, không phải dưới ngoại hình của loài trâu bò. Anh em ruột còn không giống nhau thì cha con cũng có thể khác biệt. Hồng Hải Nhi hẳn là giống mẹ, bởi Bà La Sát là yêu nữ đã tu luyện nên thân người, như ở hồi 60 mô tả “Bảo kiếm cầm tay, miệng thét rống, Dữ tợn khác nào mục Nguyệt Bà”, mà hồi 61, Ngộ Không có nói: “Ta thấy mục đã nên thân người nên tha cho mục đi”.

Chương 11

TỪ KHE ỨNG SẦU TỚI SÔNG THÔNG THIÊN

Sau khi Quan Âm thu phục Hồng Hải Nhi, thầy trò Đường Tăng gặp hai kiếp nạn sông nước gần nhau: sông Hắc Thủy và sông Thông Thiên. Đây là những câu chuyện mang đầy màu sắc tín ngưỡng của người Trung Quốc mà ít ai ngờ tới. Đó là Long vương.

Ở Hắc Thủy, yêu quái Đà Long là con của Kinh Hà Long vương chiếm thủy phủ, bắt Đường Tăng; còn tại sông Thông Thiên, Linh Cảm đại vương là con cá vàng của Quan Âm, trốn đến và đuổi thủy thần tại đó đi, bắt dân lập miếu thờ mà tác oai tác quái. Bởi hai cổ sự có nhiều điểm tương đồng nên chúng ta sẽ phân tích chung một lượt.

1. Thần tiên cũng chết

Chúng ta vẫn nghĩ thần tiên đắc đạo thì trường sinh bất tử. Nhưng có lẽ trong thế giới Tây Du, họ chỉ sống lâu hơn người thường mà thôi. Sự chết của các vị thần, ngoài nguyên nhân mắc tội bị xử tử như Long vương Kinh Hà, Quyển Liêm đại tướng thì còn có cả nguyên nhân tự nhiên - ốm chết. Hồi 43, Tây Hải Long vương Ngao Thuận kể về bà chị quá cố của mình: "Vì anh rể tôi thi hành sai lệnh làm mưa gió, giảm số lượng mưa, bị Thiên tào xuống chiếu, sai quan Nhân tào là Thừa tướng Ngụy Trưng chém đầu trong giấc mộng. Chị tôi không chốn nương thân nên tôi đưa thẳng tiểu long ấy về đây nuôi dưỡng cho nên người. Năm ngoái chị tôi không may ốm chết, nó chẳng có nơi sinh sống, tôi bèn cho nó ở sông Hắc Thủy làm nơi tu thân dưỡng tính."

Long vương cũng là thần, ở hồi 87, Đông Hải Long vương xưng là "tiểu thần" với Ngộ Không.

Bởi thần không bất tử nên Ngọc Hoàng Thượng Đế và Vương Mẫu mới dùng tới Bàn đào để ban thưởng cho các vị thần tiên; hay Trần Nguyên Tử có cây nhân sâm để tăng tuổi thọ; và cũng tương tự như thọ đào của Tam Tinh.

2. Từ khe Ưng Sâu tới sông Thông Thiên

Nhắc tới Long vương, chúng ta sẽ tưởng tượng ngay ra một vị thần thân người đầu rồng, cai quản từ biển cả, sông, suối cho chí ao chuôm (trong *Tây Du Ký* có cả Long vương của giếng ở nước Ô Kê), đồng thời quản cả việc làm mưa. Chúng ta ít khi để ý rằng Long vương là vị thần ra đời khá muộn ở Trung Quốc, trước đó cai quản sông biển là các vị thủy thần, hải thần. Các cổ sự khe Ưng Sâu, sông Hắc Thủy và sông Thông Thiên đều ám chỉ quá trình vị thần có xuất xứ Tây phương Long vương này chiếm đoạt vị trí của các vị thủy thần già nua trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc.

Thời cổ, tín ngưỡng dân gian Trung Quốc không hề có vị Long vương nào, mà thay vào đó là các thủy thần. Cổ sơ nhất có lẽ là Thủy thần Cộng Công, người vì thua trận nên húc đầu đổ núi Bất Chu khiến trời nghiêng đất lệch. Về sau, thủy thần được chia thành nhiều tầng lớp hơn, mỗi người một chức năng, địa phận riêng, ở biển có Hải thần như Sứ ký - Tần Thủy Hoàng bản kỷ chép: "Thủy Hoàng mộng đánh nhau với Hải thần"; Nam Hoa Kinh của Trang Tử thì nhắc tới "Đông Hải Thủy thần"; ở sông có Giang thần, Hà bá.

Tứ hải trước thời Long vương xuất hiện, theo Sơn Hải Kinh ghi chép có bốn vị thần cai quản, đó là Ngu Quắc ở Đông Hải, Yểm Tử ở Tây Hải, Bất Đình Hồ Dư ở Nam Hải và Ngu Cường ở Bắc Hải, hình dáng đều thân thú mặt người, tai quăn răn, chân đạp răn, khác hẳn với hình ảnh Long vương thân người đầu rồng như Long vương. Các thư tịch Đạo giáo ra đời muộn hơn một chút cũng nêu tên một vài vị thần biển khác như A Minh, Chúc Lương, Cự Thừa, Cửu Mang, Nhục Thu...

Tương tự với Hải thần, ở các sông lớn suối nhỏ cũng là các vị thủy thần cai trị. Nổi tiếng nhất phải kể tới Khuất Nguyên, sau khi mất

được lập miếu thờ, tôn là Thủy tiên. Sơn Hải Kinh thì nhắc tới một vị Thủy bá, vị thần này cũng xuất hiện trong *Tây Du Ký*, nhưng là thuộc thần của Thủy Đức tinh quân chứ không ở sông hay biển. Cai trị các con sông thường là Hà bá. Chúng ta hẳn còn nhớ cổ sự Tây Môn Báo ở đất Nghiệp đã trừ bỏ tệ đoan Hà bá cưới vợ.

Dân chúng Trung Quốc thời xưa thờ cúng Hải thần, Giang thần, Hà bá, phần nhiều là mong được thuận chèo mát mái, bớt sóng gió lụt lội. Còn việc làm mưa được quan niệm là do các vị thần trên trời khác như Ứng Long, Vũ Sư cai quản.

Long vương thì khác hẳn, đó là một vị thần có nguồn gốc ngoại lai. Bởi rằng trong truyền thuyết dân gian xưa biết phun mây nhả mù làm mưa, nên khi Phật giáo du nhập Trung Quốc, các vị Long vương trong kinh điển như Tự tại Long vương A Nhục Đạt, Đại Long vương Ma Na Tư, Đại Long vương Đại Trang Nghiêm, Hải Long vương Yêu Già La... rất nhanh chóng được đồng hóa với loài rồng của Trung Quốc, và từng bước đánh bật các vị Thủy thần cổ xưa của tín ngưỡng dân gian, mà trở thành các vị thần cai quản thủy vực trong cả Đạo giáo và Thích giáo. Bởi các vị thủy thần cũ phần nhiều mang tính chất trừng phạt nhân loại, còn Long vương lại điều hòa mưa gió giúp cho mùa màng được tươi tốt, nên dân gian sùng bái, tế cúng Long vương hơn hẳn các vị cổ thần. Rồi năm qua tháng lại, Long vương trở thành vị thần tối cao của biển, sông, suối, mà các vị thủy thần cũ bị xóa bỏ tôn hiệu hoặc chuyển tới các vị trí khác như trường hợp Thủy bá đã nhắc ở trên.

Triệu Ngạn Vê đời Tống trong *Vân Lộc mạn* sao có nhận định: “Truyện Tây Môn Báo trong *Sử ký* nhắc tới Hà bá; trong *Sử từ* cũng có miếu Hà bá, nên biết rằng thời xưa tế thủy thần gọi là Hà bá. Từ khi sách vở họ Thích truyền vào, trung thổ mới nói tới Long vương, mà Hà bá không ai nói tới nữa.”

Long vương bắt đầu trở thành người cai quản thủy vực có lẽ bắt đầu từ khoảng đời Đường. Truyện *Liễu Nghị* trong *Đường Tống truyền kỳ* tập mô tả vị Long vương cai trị hồ Động Đình là Động Đình quân, có em là Tiền Đường quân đều là họ nhà rồng. Các đời

Tổng, Nguyên trở về sau, Long vương trở thành vị thần duy nhất quản việc làm mưa và cai trị thủy vực.

Trong *Tây Du Ký*, các cố sự khe Ứng Sầu, sông Hắc Thủy và sông Thông Thiên đều phản ánh quá trình xâm nhập của các vị tân thần, chiếm cứ và xua đuổi các vị cổ thần. Ở khe Ứng Sầu, Bạch Long được Quan Âm Bồ tát cho chiếm cứ chỗ đó mà tác oai tác phúc, sau khi thu phục được Bạch Long để biến nó thành ngựa thì mới xuất hiện một vị thủy thần hóa làm ngư ông chở mấy thầy trò vượt sông.

Ở sông Hắc Thủy, Đà Long là long tộc được Tây Hải Long vương đưa tới, chiếm cứ hang Hành Dương là thần phủ của sông. Vị thủy thần già cả yếu ớt ở đó khóc lóc kể cho Tôn Đại thánh: “Hồi tháng Năm năm ngoái, yêu quái từ Tây Dương đại hải, theo nước triều lớn đến đây giao chiến với tiểu thần. Hiềm vì tiểu thần tuổi già sức yếu, địch không nổi, bị nó chiếm mất cả thần phủ, lại giết hại bao nhiêu loài thủy tộc. Chẳng biết làm thế nào, tôi đành ra biển kiện nó. Nhưng Tây Hải long vương vốn là cậu ruột nó, ngài không nhận đơn kiện, lại bắt tôi nhường chỗ này cho nó. Tôi muốn kiện lên tận trời, hiềm vì quan nhỏ chức hèn, không sao gặp được Thượng Đế.”

Ở sông Thông Thiên, con cá vàng của Quan Âm hóa thành Linh Cảm đại vương, chiếm cứ cung Thủy Nguyên, vốn là trị sở của con rùa già, trở thành vị thần ban phát ân uy cho khắp cả vùng.

Trong cả ba cố sự, các giá trị cổ xưa như thủy thần, linh quy đều bị các thế lực Tây phương như Quan Âm Bồ tát, Long tộc chèn ép tới mất hết cả địa vị. Nó cũng phản ánh đúng hiện thực về việc Long tộc ra đời và từng bước trở thành các vị thần tối cao của thủy giới.

3. Sư phụ họ Trần tên Tới Đáy

Cố sự ở sông Thông Thiên, yêu quái hóa phép làm mặt sông đóng băng lừa thầy trò Đường Tăng đi qua, lại xé mặt băng mà bắt sống Đường Tam Tạng. Trở về Trần gia trang, Bát Giới đùa rằng: “Sư phụ họ Trần, tên Tới Đáy”, vốn là chơi chữ họ Trần thành Trầm, tức chìm xuống đáy sông. Câu đùa này mở ra một ý nghĩa ẩn dụ bởi thôn trang này cũng toàn người họ Trần.

Linh Cảm đại vương sau khi tới sông Thông Thiên, tác uy tác phúc, bắt dân “một năm một lần tế, phải dâng cho ngài ấy một đứa bé trai, một đứa bé gái, cả lợn, dê, rượu, ngài ấy xơi một bữa no, rồi phù hộ cho chúng tôi mưa thuận gió hòa. Nếu không tế như thế, thì gieo tai giáng họa ngay.”

Mặc dù câu chuyện sau đó kể rằng dân làng đem bé trai bé gái đặt ở miếu thờ Linh Cảm đại vương, nhưng họ Trần với ẩn ý chìm và việc Đường Tăng chìm dưới sông chính là tác giả muốn nhắc tới hủ tục ném người sống xuống sông để hiến tế cho Thần sông, mong được mưa thuận gió hòa, không có lụt lội, giống hệt như Tây Môn Báo ở đất Nghiệp thuở xưa.

Chương 12

TÌNH NHI NỮ

Bộ phim *Tây Du Ký* 1986 xây dựng cố sự thầy trò Đường Tăng tới Tây Lương Nữ quốc như một câu chuyện diễm tình thơ mộng. Nữ vương xinh đẹp si tình vị hòa thượng khôi ngô, trăm phương ngàn kế tìm cách quyến rũ. Trên nền nhạc bài Tình nhi nữ tuyệt vời biểu thị tâm ý nồng nàn, những ca từ đại thể như trút bỏ vương quyền, giới luật, muốn làm đôi bướm cùng bay... Về cuối tập phim, Đường Tam Tạng lưu luyến bịn rịn mãi chẳng rời, ba gã học trò đứng bên cười ngặt nghẽo, rồi nhà sư lên ngựa, đi mấy bước còn ngoảnh đầu lại nhìn. Người xem hẳn ai cũng cho rằng Đường Tăng chẳng phải gỗ đá, có tình cảm thật với Nữ vương.

Sự thực thì không phải như vậy chút nào. *Tây Du Ký* tuy miêu tả Tây Lương Nữ quốc như một đất nước phồn thịnh: “Phố xá nhà cửa nơi đây rất tề chỉnh, cửa hàng khang trang, nói chung có hàng muối, hàng gạo, quán rượu, quán nước. Khi lâu đài trống vắng kẻ buôn người bán qua lại buôn bán đông vui sầm uất, cờ treo trước quán cuốn rèm mây.” Nhưng ẩn sau những lời ca ngợi ấy lại là chê trách xứ man di mọi rợ, thiếu lễ nghĩa văn hóa.

Tây Lương Nữ quốc được nhắc tới lần đầu tiên là ở Trần Gia trang, bờ bên này sông Thông Thiên. Chỉ cách nhau một con sông mà như hai thế giới cách xa vạn dặm: “Thứ hàng bên chúng tôi giá trăm đồng, sang đến bên kia đáng giá vạn đồng. Có thứ bên kia chỉ độ trăm đồng, sang tới bên này cũng đáng giá vạn đồng.”

Xứ sở ấy chắc hẳn có tập tục phá thai nam, bởi nữ nhân nước ấy thường uống nước sông Tử Mẫu để có thai. Chữ Tử (7) nguyên nghĩa là “con trai”, nên hẳn uống nước đó không chỉ sinh nữ mà còn sinh nam. Rồi tên con suối mà người uống nước tới soi bóng để phát hiện có thai hay không lại mang tên Nghênh Dương, chữ Dương cũng lại ám chỉ nam giới. Ngọn núi có con suối Phá Nhi dùng để phá

thai có tên là Giải Dương, cũng là một ẩn dụ về việc phá đi những thai nam, cho nên Tây Lương Nữ quốc chỉ có toàn đàn bà phụ nữ là vậy.

Nước ấy lại có tập tục ghê sợ là “tiền gian hậu sát” đàn ông. Hồi 53, bà cụ nói với mấy thầy trò: “Nhà tôi có bốn, năm người đều đã đứng tuổi cả rồi, không còn tơ vương chuyện gió trăng nữa, cho nên không động chạm tới các ngài. Giá mà ở nhà khác đông người trẻ tuổi, đời nào các cô ấy buông tha, bắt các ngài phải ăn nằm với mình. Nếu các ngài không chịu, họ sẽ hại đến tính mạng, lột da các ngài làm túi thơm ngay!” Tập tục này có lẽ rất giống với những bộ lạc man rợ, bán khai, thay vì bắt đàn bà phụ nữ về làm vợ, làm nữ nô để sinh sản thì phụ nữ ở đây sau khi bắt đàn ông lấy giống xong liền trực tiếp sát hại, lột da.

Không chỉ đám phụ nữ quê mùa còn giữ thói mọi rợ, mà ngay trong thành thị cũng đầy tính hoang dã. Khi bốn thầy trò Đường Tăng vào thành, phụ nữ ven đường nhìn thấy đều “vỗ tay reo mừng, mặt mày hớn hở nói: Người giống đã tới! Người giống đã tới!” Dân thường đã vậy, Nữ vương còn hoang dã hơn. Khi vừa tới cổng Dịch quán, nàng nhìn thấy Đường Tăng khôi ngô thì: “lòng dạ mê mẩn, sóng tình lai láng, lửa dục bùng bùng, miệng anh đào xinh xắn hé mở, cất tiếng gọi: Ngự đệ Đại Đường ơi, sao mãi chàng chưa tới cười phượng đê loan?”

Nguyên văn tiếng Trung là “chiếm phượng thừa loan” ngoài nghĩa mời Đường Tăng lên ngôi phượng liễn, loan giá (xa giá của nữ vương), thì còn trực tiếp mời gọi Đường Tăng như bản dịch đã dẫn. Đây mới là bản ý của Nữ vương bởi sau đó chính nàng mời Đường Tăng lên “long xa” chứ không phải phượng liễn hay loan giá. Bản Như Sơn dịch đoạn này thật xuất sắc, giữa thanh thiên bạch nhật, giữa đường phố đông người, Nữ vương công nhiên mời gọi Đường Tăng cùng làm chuyện giường chiếu, lại dùng ngôn từ vừa gợi dục, vừa bóng bẩy “cười phượng đê loan”. Cho nên “Tam Tạng nghe nói, đỏ mặt tía tai, xấu hổ ngượng ngập, chẳng dám ngẩng đầu.”

Thế rồi lại rủ Đường Tăng: “Ngự đệ chàng ơi, xin mời lên xe rồng, cùng thiếp về điện Kim Loan kết đôi vợ chồng nào!” Điện Kim Loan

là nơi thiết triều, đâu phải nơi ân ái chốn hậu cung?

Ôi, xứ man di mọi rợ như vậy thì Tam Tạng pháp sư sao dám lưu luyến. Từ đầu chí cuối không hề có một cử chỉ, ánh mắt tỏ vẻ lưu luyến như trong phim đã dựng.

Chương 13

MỘT GIẢ MỘT THẬT

Lục nhĩ Di hầu là một đối thủ đáng gờm của Tôn Ngộ Không. Không chỉ bởi hai người đánh nhau bất phân thắng phụ, mà còn vì Lục nhĩ biến hóa thành Ngộ Không khiến chẳng ai phân biệt nổi, từ kính Chiếu Yêu của Thiên đình cho tới pháp nhãn của Quan Âm Bồ tát. Về nhân vật này của *Tây Du Ký*, có rất nhiều ý kiến sai lệch vô căn cứ, tỷ như Lục nhĩ con khỉ cùng sinh từ đá như Ngộ Không, hoặc tệ hơn nữa, con khỉ bị úp trong bát rồi bị đập chết mới là Tôn Ngộ Không, còn kẻ theo Đường Tăng tới Tây Thiên là Di hầu. Chương này xin dành để bác bỏ thông tin ấy.

1. Lục nhĩ Di hầu chỉ là một ẩn dụ

Tiêu đề của hồi 58 đã nói rất rõ ý nghĩa của Lục nhĩ Di hầu: “Nhi tâm làm loạn càn khôn rộng; Một thể khó tu tịch diệt chân”. Ngộ Không vốn là yêu quái quy về chánh đạo, nên ẩn sâu trong nó là nhị tâm, một chánh một tà. Lục nhĩ chính là cái tà tâm sinh ra từ Ngộ Không, để sau khi diệt trừ Lục nhĩ, chỉ còn lại một Ngộ Không toàn chân.

Tác giả dẫn dắt cốt sự này rất khéo léo, làm độc giả liên tưởng tới lần Tôn Ngộ Không giết lục tặc Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý ở hồi 14. Khi ấy, Ngộ Không giết lục tặc xong bị Đường Tăng đuổi đi. Khi ta liền bay về phương đông, tức nhằm cố hương rồi ghé thăm Đông Hải Long vương. Còn lần này, sau khi giết đám cướp chặn đường và bị sư phụ đuổi, Ngộ Không bay thẳng tới núi Lạc Già của Quan Âm Bồ tát. Lần bỏ đi trước (và lần bị đuổi vì giết Bạch Cốt phu nhân), phần yêu quái trong Ngộ Không lớn nên nó bỏ về núi làm yêu quái; còn lần này, phần thiện lương khiến nó bay tới Nam Hải. Ý tứ của tác giả thể hiện khá rõ.

Bởi Ngộ Không thật là thánh tâm nên *Tây Du Ký* chép là Đại thánh (sẽ nói rõ ở bên dưới). Bởi Ngộ Không giả là vọng tâm nên *Tây Du Ký* kể chuyện nó huyền hóa ra Đường Tăng giả, Bát Giới giả, Sa Tăng giả ở động Thủy Liêm, dù chắc chắn không có chuyện đoàn thỉnh kinh ấy có thể tới được đất Phật. Thánh tâm và vọng tâm không bao giờ tách rời mà luôn song hành và tranh đấu với nhau, từ vô thủy tới vô chung, từ khi sinh ra tới khi chết và tái sinh muôn kiếp, bởi vậy *Tây Du Ký* vẽ nên việc Hành Giả thật Hành Giả giả đánh nhau từ Hoa Quả Sơn - ẩn dụ của nơi sinh sống; lên Thiên đình, xuống Địa phủ. Chỉ tới khi đến Lôi Âm - ẩn dụ của ngộ đạo, thì thánh tâm mới diệt được vọng tâm. Từ sau cố sự này, *Tây Du Ký* không hề nhắc tới việc Đường Tăng niệm Khẩn cô nhi chú để trừng phạt Ngộ Không nữa, ấy là bởi đã không còn vọng tâm.

Phật tổ nói về Lục nhĩ Di hầu: “Thứ tư là loài di hầu sáu tai nghe hiểu âm thanh, xét thông lý lẽ, biết việc sau trước, muôn việc sáng thông... Con khỉ này đứng ở một nơi, biết được mọi việc nơi ngoài nghìn dặm. Phàm khi người nói chuyện, nó cũng hiểu cả, cho nên nó nghe hiểu giọng nói, xét thông lý lẽ, biết việc trước sau, sáng thông vạn vật.” Ấy cũng là cái si tâm vọng tưởng của vọng tâm, tự cho rằng mình biết, mình hiểu mọi sự, thực ra đó không phải thánh trí mà chỉ là cái thông minh tinh nhạy của phàm phu mà thôi.

Khi bị lộ chân tướng, *Tây Du Ký* không để Ngộ Không hay các Bồ tát, La hán trực tiếp đánh chết Lục nhĩ, mà để Phật tổ quăng bình bát bắt gọn, rồi tiếp theo đó Hành Giả thật mới giết được Hành Giả giả. Phân biệt chân vọng rồi, phải dụng công phu Phật pháp thì thánh tâm mới diệt được vọng tâm là như vậy.

Quá trình tranh đấu của nhị tâm tiếp tục được *Tây Du Ký* ghi chép kỹ. Sau khi ở Địa phủ, được Địa Tạng Bồ tát khuyên sang chùa Lôi Âm, hai vị Hành Giả vừa đi vừa đánh nhau long trời lở đất, tác giả liền có bài thơ mô tả:

Người có nhị tâm ắt gặp tai,

Chân trời góc biển hẳn không sai.

Bụng thềm ngôi báu tam công ấy,

Lại muốn Kim Loan nhất phẩm đài.

Bắc chiến nam chinh không phút nghỉ,

Đông ngăn tây chặn vẫn hoài hơi.

Cửa Thiền phải học vô tâm quyết,

Tĩnh dưỡng anh nhi kết thánh thai.

Và Như Lai chỉ hai người mà bảo đại chúng ở Lô Âm: “Các ngài đều đã là nhất tâm cả rồi, xem nhị tâm tranh giành nhau đang đến kìa.”

Cũng tại chùa Lô Âm, ngay trước khi hai Hành Giả tới thì Phật tổ đang giảng về “sắc” và “không”, những câu như “Bất hữu trung hữu, bất vô trung vô. Bất sắc trung sắc, bất không trung không. Phi hữu vi hữu, phi vô vi vô. Phi sắc vi sắc, phi không vi không. Không tức thị không, sắc tức thị sắc. Sắc vô định sắc, sắc tức thị không. Không vô định không, không tức thị sắc. Tri không bất không, tri sắc bất sắc.”, đều là ẩn dụ về nhị tâm không tách rời nhau. Nhị tâm ấy là tâm của ai? Tâm của Đường Tăng đó, nên sau kiếp nạn này, *Tây Du Ký* viết “Lại nói chuyện Tam Tạng theo lời dạy của Bồ tát, thu nhận Hành Giả, cùng Bát Giới, Sa Tăng, cắt đứt nhị tâm, nhốt chặt vượn ngựa, đồng tâm hiệp sức lên đường sang phương Tây.”

2. Hành Giả thật Hành Giả giả

Một vấn đề gây ra sự lẫn lộn cho độc giả là ở cố sự này, đâu là Tôn Ngộ Không thật, đâu là Tôn Ngộ Không giả? Đầu tiên dễ thấy nhất, Hành Giả tới núi Lạc Già là Ngộ Không thật, khi ấy chưa xuất hiện Ngộ Không giả. Còn Hành Giả “vung gậy sắt, nhằm xương sống Tam Tạng nện một phát” là Ngộ Không giả, vì với cây gậy Như ý nặng một vạn ba ngàn năm trăm cân thì chỉ đụng vào vị sư phụ người trần ấy thôi đã đủ mất mạng rồi. Yêu quái có thể biến ra Ngộ Không chứ làm sao chế được cây gậy bảo bối thật. Vậy là Hành Giả trở về núi Hoa Quả là Ngộ Không giả.

Tiếp theo đó, ở hồi 58, khi hai Ngộ Không đối mặt nhau, tác giả liền dùng “Đại thánh” để chỉ Ngộ Không thật, còn Hành Giả để chỉ Ngộ Không giả.

"Đại thánh vốn là người có lương tâm, còn Sa Tăng lại có ý nghi ngờ. Thế là hai người đành cùng đi. Một lát sau, họ đã nhìn thấy núi Hoa Quả, cả hai hạ mây bước xuống bên ngoài cửa động xem xét, quả nhiên nhìn thấy một Hành Giả ngồi ngất ngưỡng trên đài cao đang uống rượu vui vẻ với lũ khỉ, hình dạng giống hệt Đại thánh..."

Về điểm xưng hô này, bản Như Sơn và bản Thủy Đình đều đôi chỗ không bám sát nguyên tác, khiến độc giả nhầm lẫn. Đơn cử đoạn:

Đại thánh nói:

- Sa Tăng, chú không đánh giúp được thì về chỗ sư phụ, nói rằng bọn ta như thế như thế, để lão Tôn đánh nhau với yêu quái đến tận núi Lạc Già ở Nam Hải, nhờ Bồ tát phân biệt rõ thật giả.

Hành Giả này nói xong, Hành Giả kia nói cũng hệt như vậy.

Câu "Hành Giả này nói xong, Hành Giả kia nói cũng hệt như vậy" nguyên tác chỉ là "Đạo bái, na Hành Giả đã như thử thuyết - Nói xong, Hành Giả kia nói cũng hệt như vậy". Có nghĩa là người nói câu ấy trước là Đại thánh - Ngộ Không thật, còn người nói sau là Ngộ Không giả.

Khi cả hai kéo tới gặp Quan Âm, nguyên văn cũng là "Đạo bái, na Hành Giả đã như thử thuyết nhất biến - Nói xong, Hành Giả kia cũng nói một lượt như vậy".

Rồi Quan Âm mách bảo lên Thiên đình nhờ phân biệt, tác giả viết "Đại thánh này tạ ơn. Hành Giả kia cũng tạ ơn", có ý phân biệt rất rõ đâu chân đâu giả, chưa từng nhầm lẫn.

Khi lên Thiên đình, vẫn là Đại thánh nói trước: "Tôi hộ vệ Đường Tăng sang phương Tây lấy kinh, dọc đường có đánh chết một toán cướp..."

Đại thánh nói xong rồi thì "Hành Giả kia cũng nói lại hệt như vậy.

Vào tới điện Linh Tiêu, vẫn là Đại thánh mở lời:

"Đại thánh nói: Vạn tuế! Vạn tuế! Lâu nay thần quy y theo đạo Sa Môn, đâu dám cả gan nói dối bề trên. Chỉ tại con yêu quái này biến ra giống hệt hình dạng thần..."

Nói xong mới tới lượt “Hành Giả kia cũng nói giống y như vậy”. Trong suốt hồi 58 này, tác giả chưa từng nhầm lẫn chân giả, chỉ có độc giả không nhận ra mà thôi.

3. Giả diệt chân?

Tôi có chút bất ngờ vì đây đó có những độc giả tin vào thuyết âm mưu du long tráo phượng, Lục nhĩ Di hầu mới là kẻ đưa Đường Tăng tới Lô Âm, còn Ngộ Không đã bị Hành Giả giả giết chết. Tuyệt không có chuyện ấy.

Bảy mươi hai phép biến hóa có thể học được, nhưng nội tâm thì sao có thể mô phỏng.

Đầu tiên nói về gậy Như ý như đã nêu ở trên, bảo bối không thể làm giả, mà bảo bối ấy tâm ý tương thông với Ngộ Không như đã dẫn ở chương Cha mẹ của Tôn Ngộ Không.

Tâm pháp cũng không phải thứ học lén. Đa tâm kinh là kinh văn truyền khẩu do Ô Sào thiền sư dạy cho thầy trò Đường Tăng. Ngộ Không thâm hiểu bản kinh này nên ở chặng đường sau này, tại nước Diệt Pháp và tại vườn Cấp Cô, Ngộ Không có đem Tâm kinh ra nhắc nhở Đường Tăng. Đó không phải thứ mà Lục nhĩ có thể tinh tường.

Ký ức lại càng không phải thứ có thể mô phỏng. Ở hồi 80, Ở *Tây Du Ký* kể rằng:

Lại nói chuyện Đại thánh nhảy vút lên đám mây giữa tầng không, ngoảnh nhìn bốn phía, chỉ thấy giữa rừng từng mây lành phơi phới, ráng đẹp mơ màng, bèn buột miệng kêu:

- Tuyệt quá! Tuyệt quá!

Bạn bảo Hành Giả kêu tuyệt là vì sao? Hóa ra Hành Giả khen ngợi Đường Tăng chính là Kim Thiền trưởng lão giáng trần, trải qua mười kiếp tu hành, nên mới có ráng đẹp mây lành bao phủ như thế. Đoạn lại tự nhủ:

- Như lão Tôn đây, năm trăm năm trước đại náo thiên cung, lang thang góc biển, tiêu dao chân trời, tập hợp yêu tinh tự xưng Tề Thiên Đại thánh, phục hồ hàng long, tiêu hủy sổ tử, đầu đội mũ kim khôi ba lớp, mình mặc bộ giáp phục nạm vàng, tay cầm cây gậy sắt cũng nạm vàng, chân xỏ đôi hài mây, trong tay có tới bốn vạn bảy nghìn

yêu quái, bọn chúng đều tôn xưng gọi ta là "Đại thánh gia gia", thực cũng đáng làm người. Như ngày nay thoát khỏi nạn trời, giữ việc con con là làm đồ đệ cho sư phụ. Nghĩ tới việc trên đầu sư phụ có ráng đẹp mây lành che phủ, khi nào trở về phương Đông nhất định sư phụ sẽ được tốt đẹp. Và như vậy hẳn lão Tôn cũng sẽ thành chính quả.

Đây là độc thoại nội tâm của Tôn Ngộ Không, khi ta hồi tưởng lại quá khứ năm trăm năm trước của mình. Nếu là Lục nhĩ Di hầu giả dạng thì lấy đâu ra ký ức này, hơn nữa càng không tự nhủ như vậy để lừa chính bản thân mình.

Chương 14

CỬU ĐẦU ĐIỀU

Cửu Đầu phò mã là con yêu quái ở nước Tế Trại, lấy công chúa con của Long vương đầm Bích Ba. Hai vợ chồng này kẻ thì ăn cắp xá lợi ở chùa Kim Quang, người thì ăn trộm cỏ Linh chi của Vương Mẫu. Ba anh em Tôn, Trư, Sa hợp sức không hàng phục nổi nó mà phải viện tới Nhị Lang Thần và sáu anh em Mai Sơn. Vị phò mã này là con chim chín đầu như *Tây Du Ký* tả: "Phò mã thấy bất lợi, lặn một vòng trên đỉnh núi, hiện nguyên hình giang cánh bay lượn." Điểm bất thường của cố sự này là Ngô Không và Nhị Lang Thần ngăn mọi người truy đuổi yêu quái khi nó bị "một con chó chồm đến, oang một tiếng, chiếc đầu đã bị cắn đứt rời, máu me lênh láng. Yêu quái nén đau bỏ chạy bạt mạng về phía Bắc Hải."

Yêu quái này quả thực có lai lịch thật lớn. Sơn Hải Kinh chép về nó là "thần vật chín đầu, bởi có thân chim nên gọi là cửu phượng". Nó còn có tên là Quỷ xa. Truyền thuyết cổ Trung Hoa kể rằng nó có tới mười cái đầu, bay tới đâu thì đèn đuốc đều tắt ngóm. Chu Công bèn sai quan Đình thị bắn rụng một cái đầu nên quái điều này có mười cái cổ mà chỉ có chín cái đầu. Dân gian mỗi khi thấy nó bay qua thì xua chó ra đuổi, nếu không sẽ hớp đi hồn vía của trẻ con trong vùng, cũng có truyền thuyết kể rằng một cái đầu bị rụng là do chó cắn đứt. *Tây Du Ký* nhân tích này mà ghép thành Nhị Lang Thần giương cung bắn và thả chó cắn đứt một đầu của nó.

Truyền thuyết về quái thú là như vậy, nhưng tại sao Ngô Thừa Ân lại để Ngô Không và Nhị Lang Thần ngăn cản Trư Bát Giới đuổi giết nó, rồi lại chưa thêm "Đến nay vẫn còn giống trùng chín đầu hút máu là do giống này sót lại đó vậy". Ấn ý của tác giả là gì? Tại sao đang từ loài chim lại thành giống trùng, từ việc "mồm ngoác rộng, đỏ lòm như chậu máu, ngoạm vào bờm Bát Giới lôi đi xềnh xệch" lại thành hút máu? Ấy là tác giả mượn "cửu đầu" để ám chỉ "cửu phẩm", giới quan lại hút máu dân đen. Việc để Cửu đầu điều là phò

mã của Long vương là muốn ám chỉ tầng lớp đại quan thân cận với Hoàng đế. Cho nên dẫu Ngô Thừa Ân có muốn, cũng không thể một lần mà quét sạch đám tham quan ô lại hút máu hút mỡ trăm họ.

Cửu đầu điều lại liên quan tới một cố sự đời Minh và một danh nhân lịch sử: Trương Cư Chính - Thủ phụ nội các thời Vạn Lịch. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu "Trên trời có cửu đầu điều, dưới đất có Hồ Bắc lão". Hồ Bắc lão là chỉ Trương Cư Chính - người Hồ Bắc, và câu ngạn ngữ là do các kẻ thù chính trị của họ Trương đặt ra, ám chỉ việc ông ta là người âm hiểm, xảo quyệt.

Chương 15

NGƯU LANG CHÚC NỮ

Ngưu Lang Chúc Nữ là một truyền thuyết dân gian cực kỳ nổi tiếng ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Có rất nhiều phiên bản về câu chuyện này, nhưng tựu trung có thể tóm lược như sau:

Ngưu Lang là chàng chăn trâu, nghe lời khuyên của con trâu biết nói tiếng người liền tới rình bên sông, thấy bảy vị tiên nữ từ trên trời bay xuống tắm. Ngưu Lang thấy vị tiên nữ nhỏ tuổi nhất (tức Chúc Nữ) rất đẹp liền đem lòng thương yêu, lén ăn trộm y phục của Chúc Nữ. Các tiên nữ tắm xong chuẩn bị bay về trời thì Chúc Nữ phát hiện ra y phục bị mất nên không về trời được cùng các chị, mà đành lưu lại làm vợ Ngưu Lang, sinh được hai người con. Không ngờ Ngọc Đế phát hiện ra, liền sai Vương Mẫu bắt Chúc Nữ về trời. Con trâu thần không đành lòng thấy vợ chồng, mẹ con chia lìa, liền hi sinh thân mình (có phiên bản kể rằng bẻ cây sừng trên đầu) biến thành cái thuyền để Ngưu Lang đuổi theo vợ. Vương Mẫu thấy Ngưu Lang sắp đuổi kịp liền rút cây trâm vàng trên đầu vạch xuống một cái biển thành sông Ngân cuộn cuộn sóng. Ngưu Lang không qua được sông liền đứng bên bờ khóc, đàn chim ô thước liền xúm lại làm thành cây cầu để Ngưu Lang qua sông. Ngọc Đế đành phải hạ lệnh, để vợ chồng Ngưu Lang Chúc Nữ mỗi năm được gặp nhau một lần vào đêm Thất tịch (mùng 7 tháng Bảy).

Truyền thuyết *Ngưu Lang Chúc Nữ* đã được tác giả lồng ghép rất khéo vào *Tây Du Ký* với suối Trạc Cầu với bảy con yêu nhều nhện. Ngay từ khi Đường Tăng tiến tới ngôi nhà tranh, đã có bài thơ tả:

Bổng thấy bốn giai nhân kiều diễm

Đường kim mũi chỉ mãi mê theo.

Một ẩn dụ nho nhỏ để độc giả có thể ngờ ngợ rằng chúng ta bắt đầu tiến vào thế giới của Chúc Nữ - vị tiên nữ đảm trách việc dệt may tiên y. Rồi bảy con yêu lộ nguyên bản tướng nhều nhện, nhả tơ

cuốn lấy Đường Tăng, đó cũng là ẩn dụ về những người con gái dệt vải.

Con suối Trạc Cầu được thần Thổ địa cho biết: “tên gọi là suối Trạc Cầu, vốn là nơi tắm nghịch của các tiên cô ở thượng phương. Từ khi yêu tinh tới chiếm vùng này, bọn chúng chiếm luôn cả suối Trạc Cầu.”

Thế rồi Tôn Ngộ Không tới đó, liền thấy “Mấy cô gái thấy nước vừa trong vừa ấm, đều muốn xuống tắm. Cả bọn cởi hết quần áo treo lên mắc áo rồi nhảy xuống hồ tắm”, liền hóa thành con chim ưng “dang cánh bay đến, giơ móng sắc quắp hết bảy bộ quần áo treo trên giá rồi bay thẳng lên đỉnh núi”.

Các tình tiết này được mô phỏng tương tự như truyền thuyết *Ngưu Lang Chức Nữ*, chỉ tiếc là Hành Giả không si tình mà yêu nữ càng không tự trọng.

1. Chức Nữ là vị thần tiên nào?

Đọc tới đây, hẳn độc giả sẽ cho rằng tôi có ý muốn ám chỉ Chức Nữ là một trong bảy con yêu nhện nhện. Không phải đâu, tác giả Ngô Thừa Ân đã nhầm Chức Nữ cho một nhân vật khác trong bộ truyện của mình, đó là Tỳ Lam Bồ tát, vị Bồ tát đã hàng phục tên Bách Nhẫn Ma quân đánh thuốc độc thầy trò Đường Tăng. Vị Bồ tát ấy dùng vũ khí là cây kim khâu - ẩn dụ của việc may vá khâu thùa. Khi Ngộ Không tới cầu cứu, Tỳ Lam Bồ tát đã sớm nhận ra đó là Tề Thiên Đại thánh và nói: “Hồi nào Đại thánh đại náo thiên cung, chân dung của Đại thánh được gửi đi khắp nơi, ai mà chẳng biết.” Ấy là Tỳ Lam ngầm bảo cho biết mình là người ở Thiên đình.

Bà ta lại hỏi: “Tôi từ khi đến hội Vu Lan, tới nay hơn ba trăm năm, không hề ra khỏi cửa, giấu hơi kín tiếng, không có ai biết tới, làm sao ngài lại biết được?” (đoạn này dùng bản Thụy Đình vì bản Như Sơn dịch thiếu cụm “hơn ba trăm năm”). Hội Vu Lan là ngày rằm tháng Bảy, đêm Thất tịch là ngày mừng 7 tháng Bảy. Một ngày trên trời bằng một năm hạ giới, một năm trên trời là 360 năm hạ giới. Vị

Bồ tát này muốn ám chỉ từ Thất tịch năm trước chưa từng ra khỏi cửa.

2. Ngưu Lang là yêu quái nào?

Nếu Tỳ Lam Bồ tát là Chúc Nữ thì Ngưu Lang là ai? Chúc Nữ vốn là tiên trên trời, làm vợ chàng Ngưu dưới đất, sự bất tương xứng ấy là lý do để Ngô Thừa Ân dành vai yêu quái cho chàng. Hẳn độc giả sẽ rất bất ngờ vì Ngưu Lang lại được ẩn giấu trong hình dạng của Bách Nhân Ma quân. Tiêu đề của hồi 73 vốn nguyên văn là “Tình nhân cứu hận sinh tai độc, tâm chủ tạo ma hạnh phá quang”. Tôi không thấy giữa Bách Nhân Ma quân hay bảy con yêu nhện nhện với thầy trò Đường Tăng có bất kỳ điểm nào có thể dùng chữ “tình” cả. Hẳn là các dịch giả cũng vô cùng lúng túng khi xử lý tên hồi này. Bản Như Sơn dịch là “Hận cũ bởi tình, gây nên đầu độc mới; Đường Tăng gặp nạn, Tỳ Lam phá hào quang”; bản Thụy Đình dịch là “Giận cũ vì tình gây độc ác; Tâm viên diệt quỷ phá Kim Quang”. Tôi cho rằng tác giả dùng phép chơi chữ, dùng “tình nhân - 情因” - chữ nhân trong nguyên nhân - là để ám chỉ “情人” nghĩa là người yêu. Còn “tâm chủ - 心主” là chỉ chủ nhân của trái tim. Cả hai chữ này đều nhằm vào bộ đôi Tỳ Lam - Bách Nhân. Đối chiếu với 81 nạn được chép ở hồi 99 thì nạn 60 mang tên “Đa Mục tao thương”, nhằm nói tới Đa Mục quái bị Tỳ Lam đả thương, chứ thầy trò Đường Tăng là bị trúng độc. Vả lại, người phá kim quang của Bách Nhân Ma quân là Tỳ Lam Bồ tát chứ không phải Tôn Ngộ Không nên ép chữ “tâm” là “tâm viên” rồi gán cho Ngộ Không là cách giải thích rất gượng ép.

Điểm đặc biệt của nhân vật Bách Nhân Ma quân này là Lê Sơn lão mẫu nói hẳn còn được gọi tên là “Đa Mục quái”; chữ Mục (目) - nghĩa là “mắt” - đồng âm với Mục (牧) nghĩa là “chăn nuôi súc vật”. Chữ Đa (多) - nghĩa là “nhiều” - đồng âm với Đa (爹)* - nghĩa là bố. Đa Mục chính là ám chỉ “ông chăn trâu”, và quả thực Ngưu Lang còn được biết tới với cái tên Mục Lang.

Chữ 𣎵 âm tiếng Hán phương Bắc đọc là “đã” (đồ khả thiết). Đến Trung Nguyên âm vận thì chuyển sang âm bình thanh là Đa (đoan mẫu, xa vận, bình thanh).

Không chỉ có vậy, tác giả còn tiếp tục lồng thêm ẩn ngữ rất khó giải trong câu chuyện của Lê Sơn Lão mẫu: “Chồng tôi vì mua hộ trúc [nguyên văn trúc can - sào trúc] cho lão chủ nhân quán Hoàng Hoa [tức Bách Nhãn Ma quân], rồi cãi cọ với hăn, bị hăn đánh thuốc độc chết.”

Theo phong tục cổ của người Trung Quốc, thì vào ngày Thất tịch, dân chúng treo quần áo cùng lụa ngũ sắc lên cây sào trúc. Lê Sơn Lão mẫu dùng hình tượng sào trúc này để ám chỉ truyền thuyết *Ngưu Lang Chức Nữ*.

Cũng theo phong tục xưa, trong ngày Thất tịch người ta bày lễ cúng Chức Nữ, trong đó có trà, rượu, hoa quả và năm loại hạt gồm long nhãn, táo đỏ, quả trăn, lạc và hạt dưa. Ở Hoàng Hoa quán, Bách Nhãn Ma quân chính là mời thầy trò Đường Tăng dùng trà táo đỏ.

Bởi Bách Nhãn Ma quân là Ngưu Lang nên khi Bát Giới định đánh chết hăn thì Tỳ Lam Bồ tát vội ngăn lại mà rằng: “Thiên Bồ đề giận. Đại thánh cũng biết trong động tôi thiếu người, để tôi mang hăn về giữ cổng.” Sau một năm xa cách, rốt lại vợ chồng Ngưu Lang, Chức Nữ đã được trùng phùng.*

Bộ phim *Tây Du Ký* 1986 lại hư cấu thành Tỳ Lam Bồ tát giết Bách Nhãn Ma quân mà thu bảy con yêu nhện nhện, rất sai khác ý nghĩa của tiểu thuyết.

3. Mối liên hệ giữa *Ngưu Lang Chức Nữ* với Mảo Nhật Tinh Quan

Tỳ Lam Bồ tát được giới thiệu là mẹ của Mảo Nhật Tinh Quan như *Tây Du Ký* thuật lại:

Tỳ Lam nói:

- Kim khâu của Đại thánh chỉ bằng sắt thép không dùng được. Bảo bối của ta không phải bằng sắt thép, vàng bạc, mà là do thằng con ta luyện được từ trong mắt mặt trời kia.

Hành Giả hỏi:

- Lệnh lang là ai cơ?

Tỳ Lam đáp:

- Chính là Mỗ Nhật Tinh Quan.

Về sau Tôn Ngộ Không nói với Bát Giới: "Ta nghĩ Mỗ Nhật Tinh Quan là con gà trống. Vậy mẹ hãnh là gà mái. Gà mổ được rết, cho nên người mới hàng phục được yêu quái này chứ!"

Đây mà một cách giễu nhại thú vị của Ngô Thừa Ân. Tục ngữ Trung Quốc có câu "nam ngư nữ kế", nam tuổi Sửu cưới nữ tuổi Dậu thì gọi là hôn nhân tam hợp, vợ chồng êm ấm hạnh phúc. Tác giả đã xây dựng một Chức Nữ cầm tinh con gà sánh duyên với anh chàng tuổi trâu.

4. Nói thêm về bảy con yêu nhện nhện

Thần thoại Hy Lạp có câu chuyện về nàng Arachne con một người chăn cừu, vì cao ngạo cho rằng mình giỏi hơn nữ thần Athena, nên thách thức nữ thần Athena so tài dệt vải. Có phiên bản nói rằng nàng thắng, lại có phiên bản nói rằng nàng thua. Kết cục là bị nữ thần Athena hóa phép biến thành con nhện để cả đời chăng tơ dệt lưới.

Không biết Ngô Thừa Ân có tiếp thu ý tưởng của câu chuyện này hay không, hay chỉ là một sự trùng hợp tình cờ, bảy con yêu nhện nhện là huynh đệ đồng môn của Bách Nhãn Ma quân, có thể tính là đối thủ của nàng Athena Tỳ Lam, nên số phận của họ phải là kiếp con nhện.

Một người bạn lại cho tôi biết thêm, sao Mỗ tức Mỗ Nhật Kê trong thiên văn chính là cụm sao Tua Rua (Pleiades), còn được gọi là sao Thất Nữ (hoặc Thất Tử Muội). Trong Thần thoại Hy Lạp, họ là bảy người con gái của vị thần gánh bầu trời Atlas và Pleione, được

thần Zeus đưa lên trời hóa thành bảy vì sao. Sự liên quan của Mão Nhật tinh quan với Thất Nữ, phần nào đã được tác giả vận dụng để kết nối các tình tiết từ Tỳ Lam Bồ tát tới bảy con yêu nhện nhện trong *Tây Du Ký*.

Chương 16

THANH SỰ CỦA VĂN THÙ BỒ TÁT

Trong *Tây Du Ký* có một con yêu quái dường như xuất hiện hai lần trong chặng đường thỉnh kinh mà bạn đọc hẳn còn nhớ, đó là Sư tử quái của Văn Thù Bồ tát. Lần đầu tiên nó hiện diện là ở nước Ô Kê - ta tạm gọi là Ô Kê tinh, và lần thứ hai là tại Sư Đà lĩnh - ta tạm gọi là Sư Đà tinh. Cho tới tận bây giờ, chúng ta vẫn khó mà nhận định được hai gã yêu quái này có phải là một hay không.

1. Về thời điểm

Thông thường, chúng ta sẽ căn cứ vào việc hai con yêu quái cùng xuất hiện ở hai nơi khác nhau trong cùng một thời điểm để bác bỏ khả năng hai con yêu quái là một. Sư Đà tinh được cho là đã có mặt cả nghìn năm tại đó rồi. Con số nghìn năm hơi khó tin nên ta thử phân tích xem sao.

Kiếp nạn của Đường Tăng ở nước Ô Kê được chép ở hồi 37 của *Tây Du Ký*, đó là kiếp nạn thứ 26. Còn sự việc của Sư Đà lĩnh được chép ở hồi 74, đó là kiếp nạn thứ 61. Đường Tăng đi từ Đại Đường tới Thiên Trúc tổng cộng mười bốn năm, trải qua tám mươi một kiếp nạn. Vậy có thể ước chừng khoảng thời gian giữa kiếp nạn thứ 26 và kiếp nạn thứ 74 là gần nửa hành trình, cách nhau độ bảy, tám năm.

Hồi 77 chép:

Hai vị Bồ tát cúi chào đức Phật, Như Lai hỏi:

- Con thú của Bồ tát hạ sơn đã lâu chưa?

Văn Thù thưa:

- Đã bảy ngày.

Như Lai nói:

- Bảy ngày trên đây bằng mấy nghìn năm ở trần gian. Không biết hắc đã hại mất bao nhiêu sinh linh rồi, mau theo ta đi bắt hắc.

Dẫu Như Lai đã nói bảy ngày ở đây bằng mấy nghìn năm ở trần gian, nhưng có thể coi đó là cách nói hơi khoa trương, còn *Tây Du Ký* thường vẫn sử dụng hệ quy chiếu một ngày trên trời bằng một năm dưới hạ giới. Vậy là Sư Đà tinh đã trốn xuống hạ giới khoảng bảy năm.

Xét về mặt thời gian, ta không có sự mâu thuẫn nào cả. Nếu hai con yêu quái ấy là một, thì sau khi trở về từ nước Ô Kê, nó vẫn có thể tiếp tục trốn xuống hạ giới để tác oai tác quái.

2. Về ngoại hình

Hồi 39 tả chân thân của Ô Kê tinh:

*Mắt: chén ngọc sáng quắc,
Đầu: nôi rang to đùng.
Toàn thân xanh như rừng.
Bốn móng sương lạnh buốt.
Hai tai thông xuống mặt,
Đuôi chổi dài lê thê.
Lông xanh lạnh tái tê,
Mắt đỏ lòe tia chớp.
Răng bày như hàng ngọc.
Râu mọc tựa giáo dài.
Trong gương hiện chẳng sai:
Sư li vương của Phật.*

Hồi 75 chép Sư Đà quái:

*Răng lưỡi cưa nhọn hoắt,
Đầu tròn mặt mũi vuông.
Tiếng gầm như sấm dậy,
Mắt lấp lánh tựa gương.*

Mũi hếch dòm trời thăm.

Lông mày đỏ bờm xờm,

Đi, thú rừng hốt hoảng.

Ngồi, ma quỷ sợ run

Chính là vua loài thú,

Quái sư tử lông xanh.

Nhìn chung đều tả về một con sư tử lông xanh đáng sợ, có mắt sáng quắc. Điểm hơi khác biệt là Ô Kê tinh được miêu tả “hồng nhãn phóng kim quang - Mắt đỏ lòe tia chớp” còn Sư Đà tinh “xích mi phiêu diễm - Lông mày đỏ bờm xờm”. Mặc dầu vậy, cũng không có ghi chép gì về lông mày của Ô Kê tinh hoặc màu mắt của Sư Đà tinh. Mắt đỏ với lông mày đỏ cũng có thể gọi là hai đặc điểm khá tương đồng.

Chúng ta vẫn chưa thấy có gì mâu thuẫn về bản tướng Ô Kê tinh với ngoại hình Sư Đà tinh cả.

3. Về bản lĩnh võ nghệ

Cả hai yêu tinh đều dùng vũ khí là đao. Hồi 39 chép về Ô Kê tinh: “Ma vương né người tránh, rút bảo đao nhắm mặt Hành Giả chém tới.”

Mặc dù thanh bảo đao này được đoạt từ bên hông viên Trấn điện tướng quân đang bị Ngộ Không yểm phép định thân, nhưng thanh bảo đao trần thế mà có thể dùng để đón đỡ gậy Như ý nặng một vạn ba ngàn năm trăm cân là điều vô lý. Ta có thể đưa ra một giả định hợp lý hơn: Bảo đao vốn là của yêu quái mà viên tướng kia là người giữ đao^{*}.

Bộ phim *Tây Du Ký* 1986 xây dựng hình ảnh yêu quái dùng song chùy, đó là sự hư cấu rời xa nguyên tác.

Còn Sư Đà tinh, hồi 75 chép: “Lão yêu cả vận hết uy lực, đứng tấn chữ đinh, hai tay vung đao, nhắm gáy Hành Giả chém xuống.”

Vũ khí tương đồng, nhưng võ nghệ có sự chênh lệch không nhỏ. Ô Kê tinh võ nghệ tầm thường, kém xa Ngô Không, hồi 39 chép: “Đánh nhau được vài hiệp, yêu ma không chống nổi, vội vàng quay đầu theo đường cũ trốn vào thành”.

Trong khi Sư Đà tinh chỉ kém Ngô Không chút đỉnh: “Hai người lúc đầu giằng co nhau ở trước cửa động, về sau nhảy vút lên mây, đánh nhau quyết liệt giữa tầng không.” Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại tới hai mươi hiệp thì Bát Giới nhảy vào trợ chiến, yêu tinh mới chịu thua.

Tuy nhiên, việc giao chiến ngoài thực lực thì còn phải kể đến nhiều điều kiện bên ngoài. Ô Kê tinh giao phong với Ngô Không là ở tình trạng tâm lý không tốt vì mới bị phát hiện sự giả mạo, mà nước Ô Kê lại không phải sào huyệt của nó. Còn Sư Đà tinh có hai huynh đệ võ nghệ cao cường bên cạnh, chưa kể tới mấy trăm vạn tiểu yêu sau lưng.

4. Nếu là một, tại sao Ngô Không chẳng nhận ra?

Một câu hỏi rất hợp lý được đặt ra là nếu Ô Kê tinh chính là Sư Đà tinh thì tại sao Tôn Ngô Không lại không nhận ra nó? Thực ra đáp án rất đơn giản: Ở nước Ô Kê, Ngô Không chưa từng thấy mặt mũi yêu quái mà chỉ thấy nó biến thành Quốc vương:

Ma vương ngồi trên điện Kim Loan, nghe Hành Giả nói thế, sợ quá, tim đập thành thịch, mặt đỏ bừng bừng, vội vàng co cẳng định chạy, khốn nỗi trong tay không có binh khí, quay đầu nhìn thấy viên Trấn điện tướng quân, bên hông đeo lưỡi bảo đao đã bị Hành Giả dùng phép định thân, làm cho đứng ngậy như tượng, bèn chạy tới cướp thanh bảo đao, rồi bay vọt lên mây chạy mất.

Và thấy nó biến thành Đường Tăng:

Đánh nhau được vài hiệp, yêu ma không chống nổi, vội vàng quay đầu theo đường cũ trốn vào thành, xông đến trước thềm ngọc, nơi các quan văn võ đang đứng, lắc người một cái, biến thành một người giống hệt Đường Tam Tạng, cũng khoanh tay.

Cuối cùng nhìn thấy chân thân sư tử của nó:

Bồ tát rút chiếc kính chiếu yêu trong tay áo ra soi rõ nguyên hình yêu quái.

Từ đầu tới cuối chưa từng thấy yêu quái lộ ra bản mặt yêu quái của nó để Ngộ Không có thể nhận biết.

5. Đường như Sư Đà tinh có biết Ngộ Không?

Đây cũng là một chi tiết khá thú vị. Nếu so sánh với các yêu quái khác trên đường đi, hầu như chúng chỉ e ngại Ngộ Không do cái hung danh đại náo thiên cung ngày xưa. E ngại chứ không sợ hãi, con dùng mưu cứ dùng mưu, con dùng sức cứ dùng sức, để đua tranh với Tôn Đại thánh. Nhưng Sư Đà tinh thì ngay khi hay tin Ngộ Không tới, thì có phản ứng rõ rệt. Đầu tiên là cảnh báo cho toàn bộ tiểu yêu đi tuần phải đề phòng Tôn Hành Giả. Hồi 74 chép tên Tiểu toàn phong vừa đi vừa lẩm bẩm: “Bọn đi tuần núi chúng ta phải cẩn thận đề phòng Tôn Hành Giả. Hắn hay biến thành nhặng xanh lắm!” thể hiện việc ấy.

Bọn tiểu yêu bị hù mà sợ đến nỗi Ngộ Không dùng lời dọa mà một vạn yêu quái bên ngoài “Nguyên bọn này đều là lang trùng hổ báo, thú chạy chim bay, bọn chúng reo lên ầm ĩ rồi chạy tán đi cả.”

Rồi bản thân Sư Đà tinh nghe báo về Ngộ Không cũng tim đập chân run: “Các chú ạ, theo tôi thì không nên động vào Đường Tăng. Đồ đệ của hắn thần thông quảng đại, lại có dự phòng trước, mai gậy đánh chúng ta, biết làm thế nào bây giờ.”

Nên biết Sư Đà tinh không phải yêu quái tầm thường, chỉ vì không được Vương Mẫu mời dự tiệc Bàn đào mà muốn tranh với thiên đình, “bị Thượng Đế sai mười vạn thiên binh xuống đánh. Đại vương bèn biến hóa pháp thân, há miệng thực to như cái cổng thành cổ sức nuốt một miệng. Thiên binh sợ quá không dám giao phong, đóng chặt cửa Nam Thiên lại”.

Tôn Ngộ Không và Sư Đà tinh cùng từng đại náo thiên cung, cùng một mình chống lại mười vạn thiên binh, thì lẽ đâu Sư Đà tinh lại quá khiếp sợ Ngộ Không đến vậy. Phải chăng vì đã từng bại trận dưới tay Ngộ Không nên yêu quái mới kinh cung chi điều tới vậy.

Chương 17

BA BẢO BỐI CỦA HOÀNG MI QUÁI

Thầy trò Đường Tăng đi tới chùa Tiểu Lô Âm thì gặp phải Hoàng Mi quái. Yêu quái không chỉ thần thông quảng đại mà còn có mấy món bảo bối kinh người, khiến không chỉ bốn thầy trò gặp nạn mà còn liên lụy thêm rất nhiều thần tiên. Dĩ nhiên yêu quái càng đáng sợ thì ẩn chứa ý nghĩa càng sâu xa. Từ vũ khí, bảo bối tới tính âm chỉ của cố sự đều thực tuyệt diệu.

1. Kim não

Kim não là cái não bạt bằng vàng vốn là cái khánh vàng của Phật Di Lặc, Hoàng Mi quái quăng lên nhốt cứng Ngộ Không lại. Não bạt vốn phải một bộ hai cái, hình dáng giống như chiếc đĩa khum khum, có núm để cầm, gõ vào nhau thì vang tiếng. Nó không hề giống như cái khánh, cũng không phải lấy dùi mà gõ.

Bộ phim *Tây Du Ký* 1986 tạo hình cái não bạt này hao hao như chiếc nón ngựa của Việt Nam, yêu quái quăng bảo bối lên thì nó chụp nhốt Ngộ Không xuống đất. Nhưng căn cứ theo nội dung truyện thì Ngộ Không chẳng hề tìm cách chui xuống đất để thoát ra, giống như khi đối phó với Bách Nhãn Ma quân, mà chỉ vung gậy sắt đánh loạn xạ, phóng to, thu nhỏ người, rồi tìm cách khoan thủng não bạt. Theo mô tả của Kim Đầu Yết đế thì “chiếc não bạt này không biết là thứ bảo bối gì, từ trên xuống dưới hợp thành một khối, bọn thần sức yếu, không sao nhấc nổi”; rồi sau Cang Kim Long nói: “Đại thánh ở trong ấy sờ tìm vào những đường ghép để tôi lấy sừng khoan vào”. Cứ thế mà suy thì bảo bối này gồm hai mảnh đúng như bộ hai chiếc não bạt, khi chụp lấy Ngộ Không thì khép chặt lại thành một.

Bản ý của tác giả là dùng bảo bối này ám chỉ âm hộ của người phụ nữ. Yêu quái tiết lộ: "hết hạn ba ngày ba đêm là sẽ hóa ra máu dịch hết". Ba ngày hóa máu dịch, án theo phép quy đổi thời gian, một ngày (1.440 phút) trên trời bằng một năm hạ giới (360 ngày); ba ngày hạ giới tương ứng với 1/360 ngày trên trời, chính là 12 phút. Đây áng chừng là khoảng thời gian giao hợp dẫn tới sự xuất tinh mà *Tây Du Ký* dùng hình ảnh "hóa máu dịch" để ngầm chỉ*.

Một người bạn của tôi góp ý rằng con số "ba ngày" có thể là chỉ khoảng thời gian hành kinh của phụ nữ. Lại có một bạn khác nói rằng "ba ngày" chính là khoảng thời gian tối đa để tinh trùng sống trong âm đạo, sau ba ngày mà không gặp được trứng thì cũng hóa ra máu huyết. Theo ý kiến cá nhân thì thời điểm tác giả viết *Tây Du Ký* (thế kỷ 16), người ta chưa có khái niệm về tinh trùng, cũng như thời gian tồn tại của tinh trùng trong âm đạo (ở châu Âu, tinh trùng được Antonie van Leeuwenhoek dùng kính hiển vi phát hiện ra năm 1677). Mặc dù vậy, đây cũng là những kiến giải khá lý thú, tôi xin ghi lại đây để độc giả tham khảo.

Tôn Ngộ Không không thể tự thoát khỏi nỗi bạt liên cầu cứu các lộ thần tiên. Thần Yết Đế lên gặp Ngọc Đế xin viện quân, Ngọc Đế liền phán: "Sai hai mươi tám vị tinh tú mau xuống hàng yêu giải ách."

Hai mươi tám vị tinh tú vốn bản lĩnh kém hơn Ngộ Không, tại sao Ngọc Đế không cử thêm Thác Thập Thiên vương hay Na Tra Thái tử như khi đánh nhau với Độc Giác Tỳ, mà không chần chừ sai khiến hai mươi tám vị này? Bởi con số 28 là chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ.

Tây Du Ký lại miêu tả Cang Kim Long ra sức phá nỗi bạt:

Vị sao ấy biến thân nhỏ lại, dùng chiếc sừng nhọn hoắt như một mũi kim lựa theo chỗ ghép nối của chiếc nỗi bạt xoay vào trong. Vị sao dùng hết sức ngàn cân của mình xuyên vào, mới chọc thủng được vào bên trong, đoạn dùng cả bản thân và chiếc sừng làm phép, hô "Dài! Dài! Dài!", chiếc sừng bèn dài ra, to bằng miệng bát. Nhưng chỗ thủng của cái nỗi bạt lại không giống đồ đúc bằng vàng khác, tựa như da

thịt nở ra khít liền vào, ngậm chặt vào quanh chiếc sừng của Cang Kim Long, tứ phía không một khe hở.

Thế rồi:

Vị sao mất không biết bao nhiêu sức lực mới rút được sừng ra, do dùng quá sức đến nỗi gân cốt mềm nhũn, ngã lăn ra đất.

Những ẩn dụ về việc dùng “sừng” khoan vào “chỗ ghép nối” của “não bạt” - tức là nơi chập lại của “hai cái đĩa”; khoan vào rồi thì găng “dài” ra, não bạt lại “tựa như da thịt nở ra khít liền vào, ngậm chặt vào quanh chiếc sừng của Cang Kim Long, tứ phía không một khe hở”; sau khi hành sự thì “quá sức đến nỗi gân cốt mềm nhũn, ngã lăn ra đất”, đều mô tả quá trình giao hợp và kết thúc của nam và nữ*.

Xem thêm câu chuyện tiểu lâm Bức thư lạ ở cuối chương.

2. Lang nha bổng

Hoàng Mi quái sử dụng một cây Lang nha bổng là cây dùi gỗ khánh của Phật Di Lặc. Khác với nhân vật Tần Minh trong Thủy hử, cây lang nha bổng này không phải loại vũ khí dài hình trượng, mà được mô tả là “một cây Lang nha bổng ngắn, mềm”. Bài thơ miêu tả Tôn Ngộ Không đánh nhau với yêu quái, có đoạn so sánh hai cây gậy rằng:

*Nhất điều đoản nhuyễn Phật gia binh,
Nhất điều kiện ngạnh tàng hải tạng.
Đô hữu tùy tâm biến hóa công,
Kim phiên tương ngộ tranh cường tráng.
Đoản nhuyễn Lang nha tạp cấm trang,
Kiên ngạnh Kim cô giao long tượng.
Nhược thô nhược tế thực khả khoa,
Yếu đoản yếu trường thậm đình đang.*

Án theo từng câu mà giải nghĩa thì có thể dịch sát hơn bản Như Sơn (bản Thụy Đình bỏ không dịch bài thơ này):

Một thanh binh khí ngắn mềm;

Một cây cứng rắn ẩn tiềm bề khơi.

Tùy tâm biến hóa ai ơi,

Bữa nay gặp gỡ so nhau tráng cường.

Lang nha kia bọc gấm nhung

Bông này thật cứng sánh cùng giao long.

Nhỏ to rất mực khoa trương

Muốn dài muốn ngắn một đường là xong.

Đọc qua có thể thấy đây là miêu tả (hai) cái dương vật, chứ không phải binh khí nào cả, nên nó được bọc trong gấm - tức cái quần.

3. Túi hậu thiên

Túi hậu thiên có hình dạng là cái túi vải cũ, yêu quái quảng lên một cái là hút sạch được mọi đối thủ. Phật Di Lặc nói rằng thứ ấy còn có tên là “túi nhân chủng”. Cả tên gọi lẫn mô dạng đều ám chỉ tới bộ phận túi da nằm dưới dương vật, còn gọi là bìu dái. Hai chữ “nhân chủng” vốn hô ứng với hồi 54, thầy trò Đường Tăng tới Tây Lương Nữ quốc, đám phụ nữ ven đường đồng loạt hò reo “nhân chủng đến rồi, nhân chủng đến rồi”. Tô Như

4. Ẩn ý của tác giả

Hai phương bắc, nam mà Ngô Không cầu cứu đều có chung một đặc điểm. Đổng Ma Thiên tôn ở phía bắc là con của Tịnh Lạc Quốc vương, không thích ngôi vị mà chỉ thích đi tu. Tiểu Trương Thái tử ở phía nam là con Lưu Sa Quốc vương cũng bỏ ngôi đi tu. Chí hướng của hai người này đều đi ngược với ý nghĩa của Túi hậu thiên, tức là việc truyền lại giống người. Cho nên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới động đao binh. Cũng bởi chủ trương trái ngược giữa Hoàng Mi là đại diện

của phái hoan lạc, Phật giáo là đại diện của phái tiết dục, mà *Tây Du Ký* đặt tên sào huyệt của Hoàng Mi là Tiểu Lôi Âm, để đối nghịch với Lôi Âm tự ở đất Phật?

Phật Di Lặc lại kể rằng: “Ngày ba tháng Ba, nhân lúc ta đi dự hội Nguyên Thủy, để hẩn ở nhà trông nom, hẩn liền lấy mấy thứ bảo bối đó đem đi, biến thành yêu quái giả làm Phật tổ.” Như đã nói ở chương Tứ thánh thử thiên tâm, ngày mùng 3 tháng Ba chính là ngày hội Cuồng hoan, Phật Di Lặc muốn nói gã tiểu đồng bỏ đi vì lạc thú xác thịt.

Hành động Ngộ Không biến thành trái dưa chui vào bụng yêu quái chính là ẩn dụ của việc thụ thai. Bởi Hoàng Mi quái là gã “tiểu đồng lông mày vàng”, suốt ngày đùa nghịch dùng “dùi” gõ “khánh”, nên Phật Di Lặc mới vẽ chữ “Cấm” lên tay Ngộ Không để dụ yêu quái. Một chữ “Cấm” này giống như chiếc vòng Cấm kim cô mà Quan Âm Bồ tát chụp lên đầu Hắc Hùng tinh. Cấm ấy để ngăn Tham mà trong cổ sự này mang nghĩa Tham dục.

5. Lối lịch sử chìm sau ẩn ý

Sau khi đã làm rõ được ý nghĩa của ba món bảo bối, cùng ý nghĩa nam nữ giao hoan được gắn trên người Hoàng Mi quái, ta lại đi tới lớp ẩn ngữ chìm sau các biểu tượng ấy.

Di Lặc (Matreya) trong Phật giáo Ấn Độ là một vị Bồ tát, được đức Phật tổ Như Lai thụ ký là Phật tương lai. Điểm đặc sắc của Bồ tát Di Lặc là không tu thiền định, không đoạn phiền não, ngài phát nguyện hành bố thí, ban từ bi tại cõi nhân gian. Tạo hình nguyên thủy của Bồ tát Di Lặc là đầu đội mũ báu, mình mặc thiên y, đeo tràng hạt. Khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa, đến thời Ngũ Đại thì dần dần được đồng hóa với Bồ Đại Hòa thượng. Bồ tát Di Lặc được mang hình tượng một ông Phật bụng to, luôn tươi cười, bởi vậy mà ngài còn có tên là Hoan Hỉ Phật.

Song song với vị Di Lặc Hoan Hỉ Phật này, trong Mật giáo Tây Tạng cũng có một vị Hoan Hỉ Phật khác, với phép tu hành thực quá đặc biệt: thông qua giao hợp nam nữ để tham ngộ Phật tính. Vị

Hoan Hỉ Phật được Mật giáo thờ phụng này có hình tượng là một người nam và một người nữ đang giao hợp hoặc người nam đang dẫm lên người nữ.

Ấn chiếu với nội dung *Tây Du Ký*, Hoàng Mi quái là tiểu đồng của Phật Di Lặc, trốn xuống hạ giới xưng là Hoàng Mi lão phật. Tác giả muốn ám chỉ đây là vị Hoan Hỉ Phật của Mật giáo chiếm đoạt cái tên của Phật Di Lặc. Cũng bởi Mật giáo còn được gọi là Hoàng giáo, nên tiểu đồng này có tên là Hoàng Mi.

Tại sao Ngô Thừa Ân lại muốn xây dựng vị Hoan Hỉ Hoàng Mi này giáng hạ Tiểu Lôi Âm rồi bị Phật Di Lặc thu phục? Vốn bởi Hoan Hỉ Phật của Mật tông du nhập vào Trung Quốc ở khoảng thời nhà Nguyên và được giai cấp thống trị hai triều Nguyên, Minh đặc biệt hoan nghênh. Họ mượn danh tham ngộ Phật tính mà thực chất là tìm thú vui xác thịt.

Đến đời Hoàng đế Gia Tĩnh, tại chùa Đại Từ Ân trong Hoàng cung còn thờ mấy trăm bức tượng Hoan Hỉ Phật. Năm Gia Tĩnh thứ 15, Thượng thư bộ Lễ là Hạ Ngôn dâng sớ thỉnh hủy bỏ các tượng Phật này vì thương phong bại tục, ảnh hưởng tới việc dạy dỗ Thái tử. Gia Tĩnh đế vốn sùng Đạo giáo nên đồng ý cho hủy hết tượng Hoan Hỉ Phật tại chùa Đại Từ Ân.

Cổ sự chùa Tiểu Lôi Âm trong *Tây Du Ký* chính nhắc tới việc Gia Tĩnh đế hủy tượng Hoan Hỉ Phật ở chùa Đại Từ Ân này.

6. Phụ - Bức thư lạ

Về ý nghĩa tính dục của chiếc nảo bạt (ở Việt Nam còn gọi là chũm chọe), cuốn *Kho tàng truyện tiểu lâm Việt Nam* của tác giả Nguyễn Đồng Chi có chuyện Bức thư lạ, xin phép trích lục để độc giả tham khảo:

Có anh lính đi xa, nhân có bạn ghé thăm, nhờ bạn đem về cho vợ ở nhà trăm quan tiền và một bức thư.

Giữa đường, anh bạn tò mò giở thư ra xem, không thấy biên số tiền gửi bao nhiêu cả, chỉ thấy vẽ bốn con chó, một cái hình bát quái, hai con dê và một cái chũm chọe

nên nảy ra cái ý ăn bớt. Về đến nơi, anh ta chỉ giao cho vợ bạn bức thư và bốn chục quan thôi.

Người vợ xem thư biết thiếu tiền, lên quan nhờ phân xử.

Quan hỏi:

- Chồng mày gửi người ta bốn mươi quan tiền, người ta mang về đưa tận tay cho, còn kiện nỗi gì?

Người vợ đáp:

- Bẩm quan lớn, anh ta ăn bớt ẹ! Chồng con gửi cho những một trăm quan kia ẹ!
- Sao mày biết?
- Bẩm quan lớn, thư chồng con viết rành rành ra đây xin quan xem thư, sẽ rõ!

Quan giở bức thư quải mở ra xem, không hiểu gì cả liền hỏi:

- Thế là thế nào? Bức thư không có chữ nghĩa gì cả, sao mày lại biết chồng của mày gửi một trăm quan?

- Bẩm quan lớn, chồng con biên rõ ràng ra đây. Bốn con chó là tứ cầu, cầu là cửu, tứ cửu tam thập lục, là ba mươi sáu. Bát quái có tám quẻ, bát bát vị chi lục thập tứ, là sáu mươi tư. Sáu mươi tư với ba mươi sáu chẵn là một trăm quan đó sao?

Quan cho phải, bắt anh kia trả số tiền. Nhưng ngài còn hỏi chị kia:

- Thế còn hai con dê và cái chũm chọe là ý thế nào? Chị ta sượng sùng không nói.

Quan hỏi mãi mới thưa:

- Đây là nhà con vẽ đùa.
- Đùa thế là có ý gì, phải nói ra.
- Bẩm quan lớn, hai con dê và cái chũm chọe là nhà con muốn hẹn con rằng đến tết Trùng dương thì nhà con sẽ về thăm nhà... đấy ẹ!

Chương 18

VÔ TỰ CHÂN KINH

Bất kỳ độc giả nào đọc hết bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* cũng đều vương vấn câu hỏi trong lòng, rốt cuộc các bộ kinh có chữ mà Đường Tăng đem về Đông Thổ là chân kinh, hay các bộ kinh không chữ mà Ca Diếp và A Nan đưa cho bốn thầy trò lúc đầu mới là chân kinh?

Như thường lệ, một cố sự trong *Tây Du Ký* luôn gồm ít nhất ba tầng ý nghĩa: Câu chuyện bề nổi, ý nghĩa ẩn sau và thâm ý của tác giả. Vấn đề duy nhất là chúng ta có bóc được các tầng ý nghĩa đó ra hay không mà thôi.

1. Vô tự - Hữu tự

Về bề nổi, Vô tự chân kinh là một câu chuyện có thể tóm tắt rằng thầy trò Đường Tăng tới gác báu chứa kinh, Ca Diếp và A Nan đòi ăn lễ bất thành, liền lừa đưa cho đoàn thỉnh kinh các bộ kinh không chữ. Nhiên Đăng Cổ Phật hay biết liền sai Bạch Hùng tôn giả dùng phép thuật xé tung gói đựng kinh thư. Thầy trò Đường Tăng biết bị lừa, liền quay lại Lôi Âm mách Phật tổ Như Lai. Phật tổ không trừng phạt hai vị đệ tử mà chỉ truyền cho họ lấy kinh có chữ đưa cho Đường Tăng. Sau khi phải đem chiếc bát vàng mà Đường Thái tông ban cho lúc mới lên đường hiến Ca

Diếp, A Nan, thầy trò Đường Tăng mới được nhận 35 bộ, 5.048 quyển kinh có chữ để đem về Đông Thổ.

Căn cứ theo lời Phật tổ: “Quyển trắng tinh là chân kinh không chữ, cũng là những kinh hay. Các ngươi là chúng sinh ở cõi Đông u mê ngu tối, lẽ ra chỉ nên trao cho những thứ đó thôi.”, thì hiển nhiên vô tự kinh cũng là chân kinh và đó mới là thứ kinh phù hợp với người Đông Thổ.

Chiếc bát vàng mà Đường Tăng hiến cho Ca Diếp, A Nan là vật tùy thân mà nhà tu hành dùng để khất thực trên đường. Ý nghĩa của việc dâng hiến thứ ấy đổi lấy chân kinh có thể được giải nghĩa rằng người tu hành sẵn sàng hi sinh mọi của cải vật chất (vật bằng vàng) lẫn tính mạng (đồ khất thực) để truy cầu chân lý, thể nghiệm đại đạo.

2. Kết tập kinh điển

Bởi trong hồi này liên quan tới vô tự chân kinh, Phật tổ và Ca Diếp, A Nan, nên nhiều người giải mật liên tưởng tới tích Niêm hoa vi tiểu của Thiên tông. Đức Phật giơ cành hoa, Ca Diếp mỉm cười, Đức Phật liền tuyên bố: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nay ta phó chúc cho Ma ha Ca Diếp.” “Vô tự chân kinh” khá tương đồng với yếu chỉ “bất lập văn tự”, “đĩ tâm truyền tâm” của Thiên tông nên giải mật Vô tự chân kinh theo hướng này cũng có phần logic.

Tuy nhiên nếu như vậy thì Hữu tự chân kinh lại thành giả kinh, hệ quả là quá trình thỉnh kinh trở thành một cuộc lừa đời đời người vĩ đại, mà những gì Đường Tăng đem về Đông Thổ liệu có xứng để lưu truyền cho hậu thế? Nên chẳng chúng ta hãy thử suy nghĩ theo hướng khác, đi theo một con đường đã xuyên suốt trong quá trình giải mật ở cuốn sách này. Như đã nói ở mục Đấu Chiến Thắng Phật chương Lão Tôn - Những cái tên - Những khoảnh đời, sau khi giúp Ngọc Đế thu phục Tôn Ngộ Không, Phật tổ Như Lai trở về Tây Thiên và nhập Niết Bàn. Năm trăm năm sau đó là thời điểm bắt đầu thiết lập hành trình thỉnh kinh của Đường Tăng. Trong lịch sử, khoảng thời gian Đức Phật Thích Ca bắt đầu truyền giáo cho tới sau khi ngài nhập Niết bàn 500 năm thì mọi kinh điển của Phật giáo đều tồn tại ở dạng truyền khẩu. Đó chính là ý nghĩa của Vô tự chân kinh, cũng giống như cách Ô Sào Thiên sư truyền Đa tâm kinh cho Đường Tăng trước đó.

Trong lần kết tập thứ tư tại Tích Lan (Sri Lanka) vào khoảng năm 20 TTL, vua Vattagamani triệu tập Đại hội Tăng Già gồm năm trăm vị tỳ kheo tại Aluhivihara để kết tập lại các phần Kinh, Luật, Luận. Ba tạng kinh điển được chép lại trên lá bối*. Từ đó Tam Tạng Kinh, Luật, Luận bằng tiếng Pali được thành hình. Năm 20 TTL chính là khoảng 500 năm sau khi Phật Thích Ca nhập Niết bàn, mà Đường Tăng tại thời điểm 500 năm sau khi Phật tổ Như Lai nhập Niết bàn tới nhận Hữu tự chân kinh chính là muốn ám chỉ lần Kết tập kinh điển và chép lên giấy này.

Có ba chủ thuyết về lần kết tập kinh thứ 4, địa điểm khác nhau (Kasmira / Sri Lanka); người khởi xướng và người chủ tọa cũng khác nhau. Khoảng thời gian cũng có chênh lệch, đại để được cho là khoảng từ 400-500 năm sau khi Phật Thích Ca nhập Niết bàn. Nhưng tựu trung đều coi đó là lần đầu tiên tam tạng kinh điển được chép lại bằng văn tự.

Cũng bởi người Đông Thổ không biết tiếng Pali nên Như Lai mới nói họ hợp với chân kinh truyền khẩu: “Các ngươi là chúng sinh ở cõi Đông u mê ngu tối, lẽ ra chỉ nên trao cho những thứ đó thôi.”

3. Vô tự bi

Nếu chỉ dừng ở hai tầng ý nghĩa trên thì *Tây Du Ký* chưa xứng để đứng đầu Tứ đại kỳ thư văn học cổ điển Trung Quốc. Bên cạnh một câu chuyện bề nổi và một ám chỉ lịch sử Phật giáo, câu chuyện này còn được tác giả sử dụng để giễu cợt Hoàng đế Gia Tĩnh. Đó là dùng Vô tự chân kinh để ám chỉ Vô tự bi (bia không chữ).

Thông thường khi một vị Hoàng đế băng, thì bất kể sinh thời hành trạng ra sao, triều đình cũng sẽ dựng bia, đề văn với những lời lẽ hoa mỹ để ca tụng ân đức. Nhưng Minh Thái tổ lại là một vị Hoàng đế kỳ lạ. Ngài răn dạy con cháu rằng: “Bài ký trên bia dựng ở Hoàng lăng, vốn đều câu chữ tô son trát phấn của đám đại thần, vô ích trong việc giáo dục con cháu hậu thế.”

Vì một câu ấy mà từ đó đó trở đi, văn võ đại thần trong triều không một ai dám viết văn bia cho Hoàng đế, mà đều do Hoàng đế kể lập đảm nhiệm. Bia của Minh Thái tổ là do Thành tổ lập ở Minh Hiếu lăng - Nam Kinh. Từ đời Thành tổ trở về sau, do Thành tổ tìm được khu đất phong thủy tốt ở Hoàng Thổ Sơn (sau đổi tên thành Thiên Thọ Sơn) nên nhiều lăng mộ các Hoàng đế đều được quy tụ ở đó. Bia Thành tổ do con trai là Nhân tông lập có đề bia văn ba ngàn chữ, nhưng từ các Hoàng lăng thứ hai trở về sau đều không lập nhà bia và bia (bao gồm 1. Hiến lăng của Nhân tông, 2. Cảnh lăng của Tuyên tông, 3. Dụ lăng của Anh tông, 4. Cảnh Thái lăng của Đại tông. 5. Mậu lăng của Hiến tông, 6. Thái lăng của Hiếu tông, 7. Khang lăng của Vũ tông).

Tới đời Gia Tĩnh, vị Hoàng đế thứ 12 của triều Minh này trong quá trình xây cất Vĩnh lăng cho bản thân mình, đã sai lập một tấm bia đá, muốn đời sau viết văn bia ca tụng công đức của mình. Nhưng đứng trước các Hoàng lăng tổ tiên chưa được lập bia thì làm vậy cũng không ổn. Ông ta liền cho lập bia đá và nhà bia cho tất cả các lăng. Cuối cùng là vấn đề văn bia. Dựa trên Thái tổ danh huấn, không đại thần nào dám cầm bút đề bia cả, mà tất cả chỉ trông chờ vào đích thân Gia Tĩnh đế. Tuy nhiên vị Hoàng đế này chỉ thích tu đạo, luyện đan cho nên các tấm bia đá đành phải để trống đến ngàn thu. Đó là câu chuyện kỳ lạ về thặng cảnh Minh thập tam lăng, mười hai tấm bia cao sừng sững không có lấy một chữ.

Phần IV

TÂY DU KÝ VỚI LỊCH SỬ

Chương 1

TÂY DU KÝ VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA CỦA TRẦN THẮNG

Ở phần trước ta đã nói quá trình tầm sư học đạo của Tôn Ngộ Không diễn ra vào thời Xuân Thu Chiến Quốc. Hồi 14 mượn lời Lưu Bá Khâm để nhắc tới thời điểm Ngộ Không bị nhốt dưới Ngũ Hành sơn là chính thời điểm Vương Mãng soán Hán. Vậy thì một liên tưởng tiếp theo là sau khi học đạo trở về, thì Trung Quốc đang ở thời kỳ Chiến Quốc sang Tần.

Quả vậy, Vương Mãng lập nên nhà Tân ở năm 9 Công nguyên. Ngược về trước đó hơn 200 năm - tức khoảng thời gian Tôn Ngộ Không lên trời làm Bát Mã Ôn và Tề Thiên Đại thánh, thì có thể áng chừng Ngộ Không trở về Hoa Quả Sơn là khoảng năm 200 Trước Tây lịch. Cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng, Ngô Quảng đã nổ ra ở khoảng thời gian ấy, chính là vào năm 209 Trước Tây lịch.

Tác giả đã miêu tả việc Tôn Ngộ Không tự tập bày khí rất giống với miêu tả cuộc khởi nghĩa nông dân do Trần Thắng, Ngô Quảng khởi xướng. Hồi 3 viết: "Lại nói Mỹ hầu vương về động cũ, giết được Hồn Thế ma vương, đoạt được cây đại đao, ngày ngày luyện tập võ nghệ, dạy bọn khí nhỏ chặt tre làm gậy, xẻ gỗ làm đao, cầm cờ xí, thổi sáo kèn, khi tiến khi lui, đóng doanh hạ trại, luyện tập đã lâu..." Dem so sánh với điển tích "yết can vi kỳ trăm mộc vi binh - giương sào làm cờ, chặt gỗ làm binh khí" mà Chử tiên sinh viết trong Sử ký - Trần Thiệp thế gia thì mới tương đồng làm sao.

Tôn Ngộ Không ở đoạn truyện này là ẩn dụ của Trần Thắng, chống lại kẻ tàn bạo Hồn thế ma vương là ẩn dụ của nhà Tần, lại kết

giao với sáu anh em để ám chỉ việc kết thành bè đảng với con cháu Lục quốc. Như để khẳng định việc ám chỉ này, Ngô Thừa Ân tiên sinh đã gài chi tiết người dâng biểu tố cáo của U Minh giáo chủ lên Thiên đình chính là Tần Quảng vương. Chúng ta ai cũng biết Trần Thảng nổi dậy để chống lại sự tàn bạo của nhà Tần.

Chương 2

QUAN PHONG BẬT MÃ LÒNG ĐÀU THỎA

Được Thái Bạch Kim Tinh tới mời lên trời làm quan, Tôn Ngộ Không mừng lắm, lập tức đi theo. Cố sự Quan phong Bật Mã đã được tác giả gửi gắm theo nhiều ẩn ý.

1. Ngự mã giám

Hồi 4 chép:

Vũ Khúc tinh quân đứng bên cạnh bước lên tâu:

- Ở Thiên đình, các cung điện, nha môn đều đầy đủ chúc quan, chỉ ở Ngự mã giám còn đang thiếu một người trông nom.

Thượng đế ra lệnh:

- Vậy cho Ngộ Không giữ chức Bật mã ôn.

Một câu nho nhỏ nhưng mang tính ám chỉ lớn về việc đem Thiên đình làm ẩn dụ cho triều nhà Minh. Ngự mã giám lần đầu được lập là ở triều Minh, là một trong thập nhị Giám, nhị thập tứ Nha môn. Ngự mã giám chưởng quản bốn doanh mã, và các hạng binh phù liên quan tới bộ Binh. Bởi liên quan tới binh phù nên *Tây Du Ký* mới viết là Vũ Khúc tinh quân tâu báo Ngự mã giám khuyết chức. Minh thực lục - Thái tổ thực lục chép: “nguyên niên, tháng Chín... đồng thời lập Ngự mã ty, chính ngũ phẩm, chưởng quản ngựa và chuồng trại.” Ngự mã ty chính là tiền thân của Ngự mã giám sau này. Tới năm Hồng Vũ thứ 28, định lại cơ cấu nội đình, đem 9 giám mở rộng thành 12 giám, lại thêm 4 ty, 8 cục, để thành 24 nha môn hoạn quan.

Ngự mã giám là một cơ quan của Thái giám, nên ở đây ta lại thấy có một chút liên hệ giữa Ngộ Không với hoạn quan triều nhà Minh. Dĩ nhiên hoạn quan nổi tiếng nhất thời Minh là Tam Bảo Thái giám

Trịnh Hòa, và việc sang Tây thiên thỉnh kinh có liên hệ mật thiết với chuyến Hạ Tây dương của Trịnh Hòa đã được nói ở chương trước. Cũng bởi Tôn Ngộ Không được liên hệ với Trịnh Hòa nên một trong các nguyên mẫu của gậy Như Ý chính là cây Định hải châm mà Trịnh Hòa đã dùng để neo thuyền.

2. Bật mã ôn

Nếu Ngự mã giám đã là một cơ quan lớn của triều đình nhà Minh thì tại sao Bật mã ôn lại là chức quan nhỏ tới mức không thể nhỏ hơn được như *Tây Du Ký* mô tả:

Đang lúc ăn uống vui vẻ, Hầu vương bỗng đặt chén xuống hỏi:

- Bật mã ôn thuộc hàm quan nào?

Mọi người thưa:

- Chỉ có tên trong quan suông như vậy thôi.

Hầu vương lại hỏi:

- Chức quan này thuộc phẩm hàm nào?

Mọi người đáp:

- Chẳng thuộc phẩm hàm nào cả.

Hầu vương nói:

- Không có phẩm hàm thì là to nhất rồi!

Mọi người thưa:

- Không to đâu, không to đâu, mà là "chưa liệt vào hàng quan".

Hầu vương hỏi:

- Thế nào gọi là "chưa liệt vào hàng quan"?

Mọi người thưa:

- Nghĩa là hạng bét nhất. Chức quan ấy thấp nhất, bé nhất, chỉ có việc trông ngựa thôi.

Thực ra việc cho rằng Bật mã ôn là chức quan đứng đầu Ngự mã giám là một lỗi dịch thuật. Nguyên văn lời của Vũ Khúc tinh quân là "*Ngự mã giám khuyết một chức Chánh đường quản sự*". Bởi chỉ là

một quản sự của một đường nên Bật mã ôn chỉ tương đương với Trưởng tràng của một mã tràng thôi. Thời nhà Minh, khi mới lập chức ấy thì đặt cho hàm cửu phẩm, tới năm Hồng Vũ thứ 28 thì bị phế bỏ luôn hàm cửu phẩm, trở thành Vị nhập lưu, đúng như trong *Tây Du Ký* chép: “chưa liệt vào hàng quan”.

Minh thực lục cũng chép rằng năm Hồng Vũ thứ 10, một mã trường cấp huyện nuôi khoảng ngàn con ngựa, giống hết như được chép trong truyện: “ thấy trại này chỉ có khoảng nghìn con ngựa”. Một quy mô nhỏ và rất sát với lịch sử.

Chương 3

LOẠN TỈNH NAN

Năm 1398, Minh Thái tổ bằng, truyền ngôi cho cháu là Kiến Văn đế (còn gọi là Huệ đế). Kiến Văn đế ở ngôi được bốn năm thì Yên vương Chu Đệ vốn là con thứ của Minh Thái tổ khởi binh tạo phản, phế Kiến Văn mà tự lên ngôi Hoàng đế. Loạn Tĩnh Nan được tái hiện trong *Tây Du Ký* bằng bút pháp ẩn giấu cao tuyệt của tác giả Ngô Thừa Ân.

1. Bốn vạn con khi

Ở hồi 3, *Tây Du Ký* chép về số khi ở Hoa Quả Sơn:

"Hôm sau, Hầu vương lại bày doanh trại như cũ, tập hợp hơn bốn vạn bảy nghìn con khi, từ sáng sớm đã làm kinh động các yêu quái muông thú khắp núi."

Ở hồi 27, Ngô Không cũng nhắc lại:

"Chẳng giấu gì sư phụ, năm trăm năm trước, lão Tôn nổi tiếng anh hùng ở động Thủy Liêm, núi Hoa Quả, thu phục yêu ma bảy mươi hai động, trong tay có bốn vạn bảy nghìn tiểu yêu".

Con số bốn vạn bảy ngàn con khi hẳn là không nhầm lẫn. So sánh với binh lực Yên vương, Minh sử quyển 142 chép về Trương Bính là Bắc Bình Bồ chính sứ và Tà Quý là Bắc Bình Đô chỉ huy sứ có "bảy vệ và đồn điền quân sĩ", khi biết Yên vương muốn tạo phản, hai người định đem binh tới bắt. Việc bị lộ, Yên vương dùng kế bắt Trương Bính và Tà Quý đem giết. Số quân Bắc Bình này rơi vào tay Chu Đệ. Theo binh chế thời Minh, một vệ là 5.600 binh, bảy vệ là 39.200 binh, cộng thêm đồn điền quân sĩ và tư binh của Yên vương phủ hẳn là không sai biệt lắm con số bốn vạn bảy ngàn. *Tây Du Ký* mô tả Tôn Ngộ Không đánh bại Hỗn Thế Ma vương rồi tập hợp hơn bốn vạn quân dưới tay hẳn là ám chỉ sự việc giết Trương Bính, Tà Quý đoạt binh này.

2. Xưng vương xưng tổ

Ở hồi 4, khi biết chức quan Bật mã ôn chỉ là kẻ chẵn ngựa, Ngô Không dùng dùng nổi giận mắng rằng: “(nguyên văn) Lão Tôn tại na Hoa Quả Sơn, xưng vương xưng tổ”. Thông thường chúng ta hay thấy các cụm từ “xưng vua xưng chúa”, “xưng vương xưng tướng”, “xưng vương xưng bá”, “xưng đế xưng vương”... chứ “xưng vương xưng tổ” quả thực rất hiếm. Các dịch giả Việt Nam cũng bối rối với cụm từ này nên bản Như Sơn dịch thoát đi: “Lão Tôn này ở động núi Hoa Quả, xưng vua xưng chúa”; bản Thụy Đình bám sát nghĩa hơn, nhưng đổi là: “Lão Tôn ở núi Hoa Quả đương làm vua, làm cha”. Thực ra *Tây Du Ký* dùng sự việc Tôn Ngộ Không đại náo Thiên cung để ám chỉ sự kiện lịch sử Loạn Tĩnh Nan. Chu Đế trước được phong Yên vương, sau khi lên ngôi rồi mất được đặt miếu hiệu Thái tông, tới đời Gia Tĩnh thì cải là Thành tổ. Ngoại trừ vị Hoàng đế dựng nên triều Minh là Chu Nguyên Chương có miếu hiệu chữ tổ (Thái tổ) thì chỉ có một mình Chu Đế được đặt miếu hiệu chữ tổ mà thôi. Do vậy tác giả để Ngộ Không nói “xưng vương xưng tổ” là nghĩa như vậy.

Cũng cái ý ám chỉ Chu Đế cướp ngôi này mà khi Ngọc Hoàng Thượng Đế mời Phật tổ Như Lai tới hàng phục yêu hầu, Ngộ Không mạnh mẽ nói “Thường có câu: Làm vua phải luân chuyển, sang năm đến lượt ta.”

3. Na Tra Thái tử

Năm 1399, Yên vương Chu Đế khởi binh tạo phản, Kiến Văn đế sai Cảnh Bính Văn dẫn quân thảo phạt bị thua, sai tiếp Lý Cảnh Long làm nguyên soái điều thêm quân tới đánh, lại thua nữa. So sánh với trường đoàn Thác Thập Thiên Vương Lý Tịnh sai Cự Linh Thần và Na Tra Thái tử hai phen đánh nhau với Ngộ Không đều thua, thì khá tương đồng.

Lý Cảnh Long khi ấy mang hàm Thái tử Thái phó, chính là con trai của Đại tướng Lý Văn Trung. Lý Văn Trung khi mất được tặng tước Kỳ Dương vương, đặt thụy là Võ Tĩnh. *Tây Du Ký* đã dùng Thiên Vương Lý Tịnh để ngầm chỉ một vị Vương gia tên Lý Võ Tĩnh, rồi từ

đó dắt tới Thái tử Lý Na Tra chính là ẩn dụ về Thái tử Thái phó Lý Cảnh Long.

Sau khi Yên vương tấn công vào Nam Kinh, chính Lý Cảnh Long là người mở cửa thành đón quân Yên nên được Minh Thành tổ trọng dụng, gia phong Đặc tiến Quang lộc Đại phu, Tả trụ quốc, Thái tử Thái sư. Trong *Tây Du Ký*, trên con đường thỉnh kinh, Tôn Ngộ Không cũng vài lần nhờ cậy tới sự giúp đỡ của Na Tra Thái tử.

4. Tề Thiên Đại thánh

Sau khi Lý Cảnh Long bại trận, Kiến Văn đế theo kiến nghị của Hoàng tử Trường muốn nghị hòa cùng Yên vương nhưng bất thành. Tháng Năm năm Kiến Văn thứ 4, Hoàng đế phái Khánh Thành Quận chúa là chị họ của Yên vương, tới doanh sư quân Yên nghị hòa, đề nghị cắt đất phân chia nam triều, bắc triều. *Tây Du Ký* dùng danh hiệu Tề Thiên Đại thánh để ám chỉ cố sự Kiến Văn đế muốn đặt Bắc triều của Yên vương ngang bằng với Nam triều của mình. Cũng giống như Yên vương Chu Đế trong lịch sử, Tôn Ngộ Không rốt cuộc vẫn đánh vào Linh Tiêu bảo điện, đòi thay thế Ngọc Hoàng Thượng Đế.

5. Một ngàn bảy trăm năm mươi kiếp

Hồi 7 chép lời của Phật tổ nói về Ngọc Hoàng Thượng Đế:

"Thượng đế tu hành từ nhỏ, trải qua một nghìn bảy trăm năm mươi kiếp. Mỗi kiếp là mười hai vạn chín nghìn sáu trăm năm."

"Mười hai vạn chín nghìn sáu trăm năm" theo Lý học đại sư Thiệu Ung đời Tống là chu kỳ vạn vật bắt đầu lại từ đầu. Nói thì xa xôi mờ mịt, kỳ thực *Tây Du Ký* dùng để ám chỉ một lần mặt trời mọc rồi lặn mà thôi. Một ngàn bảy trăm năm mươi kiếp tương ứng với khoảng thời gian 1.750 ngày, tương đương với 4 năm và 9 tháng.

Mùa thu năm 1397, Minh Thái tổ ốm nặng, sau đó Hoàng Thái tôn (sau này lên ngôi, tức là Kiến Văn đế) nhiếp chính. Tháng Sáu năm

1398, Hoàng Thái tôn đăng cơ, đến tháng Sáu năm 1402, Yên vương Chu Đệ lên ngôi ở Nam Kinh. Tính từ khi Kiến Văn nhiếp chính đến tháng Sáu năm 1402 cũng chừng 4 năm lẻ 9 tháng, phù hợp với con số 1.750 ngày. Tôn Ngộ Không đòi thay Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là ẩn dụ của Loạn Tĩnh Nan, Yên vương Chu Đệ khởi loạn thay thế Kiến Văn đế.

Chương 4

TRINH QUÁN THẬP TAM NIÊN

Năm Trinh Quán thứ 13 là một mốc thời gian rất quan trọng của *Tây Du Ký*, bởi trước hết đó là năm mà Đường Tam Tạng rời Trường An lên đường sang tây thỉnh kinh. Nhưng thật bất ngờ và vô lý là tác giả lại để bộ truyện có tới hai thời điểm năm Trinh Quán thứ 13, đầu tiên là năm mà Trần Quang Nhị thi đỗ Trạng nguyên, và tiếp theo là khi Trần Huyền Trang lên đường. Việc cố tính đặt trùng thời điểm này hẳn nhiên phải ẩn chứa nhiều ý tứ của tác giả.

Trước tiên, xin tóm lược mấy sự kiện có liên quan về niên hiệu Trinh Quán được ghi lại trong *Tây Du Ký*.

1. Năm Trinh Quán thứ 13, Đường Thái tông tổ chức thi, Trần Ngạc tự Quang Nhị, tức bố của Trần Huyền Trang đỗ Trạng nguyên. (Hồi 9)

2. Trinh Quán nguyên niên là năm Tỵ. (Hồi 9)

3. Đường Thái tông du địa phủ, tưởng đã hết dương thọ, được phán quan Thôi Giác sửa sổ sinh tử thêm hai mươi năm thọ. (Hồi 11)

4. Đường Thái tông vay một trong mười ba kho bạc cối âm của Tướng Lương (ở trần thế Tướng Lương chuyên nghề bán nước và bán chầu). (Hồi 11)

5. Uất Trì Cung đem vàng trả, Tướng Lương không nhận, bèn sai dựng chùa Tướng Quốc. (Hồi 12)

6. Đường Thái tông mở đại hội thủy lục, mời Trần Huyền Trang chủ trì, Huyền Trang được phong Tả tăng cương, Hữu tăng cương, Thiên hạ đại xiển Đồ tăng cương và được cử đi thỉnh kinh. (hồi 12)

Án chiếu các sự việc này với lịch sử Trung Quốc, ta sẽ thấy sự trùng khớp đáng ngạc nhiên, để dẫn tới một kết luận là *Tây Du Ký* thường xuyên ám chỉ người thật việc thật của triều đại nhà Minh.

1. Trình Quán thập tam niên

Hồi 9 chép: *"nguyên văn: Bỏ thì thị Đại Đường Thái tông Hoàng đế đăng cơ, cải nguyên Trình Quán, dĩ đăng cực thập tam niên, tuế tại Kỷ Tỵ..."* tạm dịch *"Bấy giờ Thái tông Hoàng đế nhà Đại Đường đăng cơ, cải niên hiệu Trình Quán, đã đăng cực mười ba năm, là năm Ất Tỵ."* Câu này quả thực chứa đầy mâu thuẫn ngay trong chính nội dung của nó.

Trình Quán nguyên niên trong lịch sử là năm 627, tức năm Bính Tuất; năm Trình Quán thứ 13 là năm 639 là Mậu Tuất, cả hai đều không liên quan gì đến đến năm Tỵ cả. Tại sao tác giả có thể nhầm lẫn sơ đẳng đến như vậy? Năm Kỷ Tỵ ở đây dùng để ám chỉ năm 1389, khi đó Chu Đế, bắt đầu cuộc tấn công lên phía bắc vào triều đình của Kiến Văn đế.

Lại nữa, Thái tông là miếu hiệu được đặt ra sau khi mất của Hoàng đế. Khi Hoàng đế đăng cơ thì chưa có miếu hiệu. Lại thêm ở trước nói "đăng cơ", ở sau lại nói "đăng cực mười ba năm", vậy là ý làm sao? "Đăng cơ" là ám chỉ Chu Đế được phong vương, mà "đăng cực" là chỉ Chu Đế lên làm Hoàng đế vậy. *Tây Du Ký* hồi 11 chép về việc hôn của Đường Thái tông tới gặp Diêm vương như sau:

Mười Diêm vương soát lại một lượt từ đầu, thấy ghi ở dưới tên Thái Tông là ba mươi ba năm, bèn thất kinh hỏi:

- Bệ hạ lên ngôi được mấy năm rồi?

Thái Tông thưa:

- Trẫm lên ngôi đến nay là mười ba năm.

Trong lịch sử, Đường Thái tông chỉ ở ngôi 23 năm thôi, không lẽ nào tác giả lại không biết mà sửa bừa. Con số 13 và 33 là ẩn chứa huyền cơ.

Lấy Trình Quán thập tam niên để chỉ Hồng Vũ thập tam niên, đó là năm Chu Đế được phong Yên vương.

Niên hiệu Hồng Vũ kéo dài 31 năm, rồi Kiến Văn đế lên ngôi được 2 năm thì bị oán. 33 năm chính là khoảng thời gian từ khi Chu Đế làm Yên vương tới khi bỏ tước Yên vương mà lên ngôi Hoàng đế.

2. Vay bạc Tướng Lương

Để trốn khỏi sáu mươi tư giặc cỏ, bảy mươi hai yên trần ở Địa phủ, Đường Thái tông theo lời Thôi Phán quan mà tạm vay một trong mười ba kho tiền cối âm của Tướng Lương. Nhân vật này được mô tả: “Nguyên ông này làm nghề bán hàng nước, cùng vợ là Trương thị bán chậu sành ngoài cửa. Mỗi khi bán được đồng tiền nào, họ chỉ ăn uống qua loa, còn bao nhiêu đem bố thí cho các nhà sư, hoặc mua vàng mã cúng đốt gửi kho âm phủ, vì vậy được dồi dào phúc quả.”

Sau khi về trần, Thái tông sai người đem bạc tới trả, nhưng Tướng Lương không chịu nhận nên triều đình đem bạc ấy dựng ngôi chùa Sắc kiến Tướng Quốc và “Bên trái là sinh từ của vợ chồng Tướng Lương”.

Đây là một ẩn dụ rất tương đồng với nhân vật lịch sử Diêu Quảng Hiếu thời Minh sơ. Diêu Quảng Hiếu (1335-1418) là nhà chính trị, Phật học, nhà văn... thời trẻ xuất gia ở Diêu Trí am, là mưu sĩ chủ chốt của Chu Đế khi còn là Yên vương. Sau khi Chu Đế lên ngôi, họ Diêu được phong quản Tăng lục ty, được người đời gọi là Hắc y Tế tướng. Tăng cương ty quản lý mười ba Bộ chính ty, tức quản lý tất cả sự vụ Phật giáo tại mười ba tỉnh toàn quốc. Mười ba kho bạc là ám chỉ ý này.

Sau Diêu Quảng Hiếu mất, để tưởng nhớ công lao, Minh Thành tổ cho dựng miếu thờ Diêu Quảng Hiếu cực lớn ở phía tây cửa Đức Thắng, đắp đất làm đảo, dẫn nước xung quanh vào thủy đàm, dân chúng thả hương lễ bái, xin nước từ thủy đàm nhỏ xuống bên dưới. Chi tiết vợ chồng Tướng Lương làm nghề bán nước trong *Tây Du Ký* là có ẩn ý như vậy.

Về ngôi chùa Sắc kiến Tướng Quốc, đó là ám chỉ chùa Hộ Quốc. Ban đầu Diêu Quảng Hiếu ngụ tại chùa Khánh Thọ, sau khi mất được đem thần vị thờ tại chùa Đại Long Hưng trong cung. Năm Gia Tĩnh thứ 14, chùa Đại Long Hưng cháy, Gia Tĩnh đế cho dời di ảnh Diêu tới Hộ Quốc tự.

“Tăng cường ty” do Diêu Quảng Hiếu quản lý cũng là cơ quan được thiết lập ở triều nhà Minh chứ triều nhà Đường chưa từng có. Hai chữ “Tăng cường” được nhắc đi nhắc lại ba lần trong danh hiệu Thái tông phong cho Trần Huyền Trang cũng là một ám chỉ triều đại khá rõ ràng.

Chương 5

TAM TẠNG SANG TÂY THIÊN, TAM BẢO HẠ TÂY DƯƠNG

Hồi 100, Đường Thái tông nói: “Vất vả xa xôi, nay đã là năm Trinh Quán thứ 27 rồi.” Trong lịch sử, niên hiệu Trinh Quán kết thúc ở năm thứ 23, tại sao tác giả có thể nhầm lẫn sơ đẳng đến vậy? Con số 27 trùng hợp với số năm hành trình của Trịnh Hòa đến đại dương phía tây, còn được gọi là Tam Bảo Thái giám hạ Tây dương, cũng thực hiện trong thời Minh Thành tổ. Tác giả dùng “Tam Tạng / Tây thiên” để ám chỉ “Tam Bảo / Tây dương”. Ngoài ra, Đường Thái tông chính là cách tác giả ngầm chỉ Minh Thái tông. Chu Đế sau khi mất được đặt miếu hiệu là Thái tông, tới đời Gia Tĩnh, năm 1538 mới đổi làm Thành tổ.

1. Bảy lần Hạ Tây dương

Tam Bảo Thái giám Trịnh Hòa tổng cộng có bảy lần đi Tây dương. Cụ thể (tính theo dương lịch):

- Lần 1: Từ ngày 11 tháng Bảy năm 1405 đến mừng 2 tháng Mười năm 1407; tổng cộng 2 năm 3 tháng.
- Lần 2: Từ tháng Mười năm 1407 đến tháng Chín năm 1409; tổng cộng 1 năm 11 tháng.
- Lần 3: Từ tháng Mười năm 1409 đến tháng Bảy năm 1411; tổng cộng 1 năm 9 tháng.
- Lần 4: Từ tháng Mười một năm 1413 đến ngày 12 tháng Tám năm 1415; tổng cộng 1 năm 9 tháng.
- Lần 5: Từ ngày 31 tháng Năm năm 1417 đến ngày mừng 8 tháng Tám năm 1419; tổng cộng 2 năm 2 tháng.
- Lần 6: Từ ngày mừng 3 tháng Ba năm 1421 đến ngày mừng 3 tháng Chín năm 1422; tổng cộng 1 năm 6 tháng.

- Lần 7: Tháng Một năm 1431 đến tháng Bảy năm 1433; tổng cộng 2 năm 6 tháng.

Tổng cộng thời gian bảy hành trình này trải dài trong 27 năm, thời gian thực của hành trình là 13 năm 10 tháng, tính ra xấp xỉ 14 năm, khoảng trên dưới 5.000 ngày*.

Vì không có ngày khởi hành và ngày kết thúc của một số hành trình nên con số 13 năm lẻ 10 tháng (tương đương khoảng 5.050 ngày) chỉ là ước tính làm tròn theo tháng, và không lệch mấy so với con số 14 năm và 5.048 ngày như trong *Tây Du Ký* nhắc tới.

Ở hồi 98, Quan Âm Bồ tát thưa với Phật tổ: "*Thuở trước đệ tử vâng lời vàng đến Đông Thổ tìm người đi lấy kinh, tất cả là mười bốn năm nay đã thành công, mới có năm nghìn linh bốn mươi ngày, còn thiếu tám ngày không hợp với số tạng kinh*"; ở hồi 99, Đường Tăng cũng thưa với Đường Thái tông: "*đường xa tới mười vạn tám nghìn dặm, dọc đường không ghi chép được, chỉ biết rằng đã trải qua mười bốn lần nóng rét.*"

Con số 14 năm với 5.048 ngày chính hợp với tổng số thời gian Tam Bảo Thái giám hạ Tây dương. Trong thực tế, Trần Huyền Trang khởi hành sang tây từ năm Trinh Quán nguyên niên và tới năm Trinh Quán thứ 19 mới trở về Trung Quốc.

Con số mười vạn tám nghìn dặm vẫn thường được nhắc tới trong *Tây Du Ký* cũng chính là lời Trịnh Hòa đề trên bia lập ở Ấn Độ "Từ nước này tới Trung Quốc là hơn mười vạn dặm" hoặc trong sách Tam Bảo Thái giám Tây dương ký chép: "Lộ trình từ Nam Kinh tới Tây dương là mười vạn tám ngàn dặm."

Ở hồi 93, Tam Tạng nói: "Sống uống bốn mươi lăm năm rồi" Theo *Tây Du Ký* thì Tam Tạng bắt đầu hành trình năm 18 tuổi, cả cuộc hành trình thỉnh kinh là 14 năm, như vậy tại hồi 93 ở Cấp Cô viên thì chỉ 31, 32 tuổi là cùng. Tại sao tác giả lại nhầm lẫn sơ đẳng lên thành con số 45? Xin thưa tuổi của Tam Tạng (18) cộng với số năm hải trình của Trịnh Hòa (27) thành 45. Câu văn ám chỉ tới hành trình sang Tây thiên thực chất là chuyến hạ Tây dương của Tam Bảo Thái giám.

2. Nước yếu sâu ba nghìn

Thầy trò Đường Tăng tới sông Lưu Sa (溜山), thấy tấm bia đề mấy chữ:

Lưu Sa tám trăm dặm

Nước yếu sâu ba nghìn.

Lông ngỗng không nổi được,

Hoa lau cũng phải chìm.

Trong cuốn Doanh nhai thẳng lăm của Mã Hoan đời Minh, từng ba lần theo Trịnh Hòa đi biển, tả về hành trình hạ Tây dương, có kể một địa danh là nước Lưu Sơn (Li) như sau: “Còn có một dòng chảy hẹp, tương truyền hơn ba ngàn [dặm], nên gọi là Nhược thủy tam thiên, đây chính là nơi ấy.”

“Nhược thủy tam thiên” được nhắc lại y nguyên trong *Tây Du Ký*, hẳn không phải điều vô tình trùng hợp.

3. Thoát xác bên Lăng Vân

Hồi 98, thầy trò Đường Tăng tới bến Lăng Vân, lên thuyền của Tiếp Dẫn Phật tổ thì:

Bỗng thấy phía thượng lưu một xác người trôi xuống.

Tam Tạng sợ hãi luống cuống. Hành Giả cười nói:

Sư phụ đừng sợ. Xác đó là sư phụ đấy.

Bát Giới cũng nói:

Đúng sư phụ rồi! Đúng sư phụ rồi!

Sa Tăng vỗ tay nói:

Đúng sư phụ rồi! Đúng sư phụ rồi!

Phật tổ giơ tay làm hiệu nói:

Đúng là ngài! Xin chúc mừng! Xin chúc mừng!

Ba người cùng đồng thanh họa theo lời Phật tổ.

Đoạn văn khó hiểu này, bề ngoài miêu tả việc hoán thai thoát cốt phàm, dẫn đến tình huống ở hồi sau, Đường Tăng được tám vị Kim Cương cho cưỡi mây về Đông Thổ. Thực chất bên trong là ám chỉ tại lần Hạ Tây dương cuối cùng, Trịnh Hòa chết ở Ấn Độ, hạm đội đem di thể của ông về an táng ở Nam Kinh.

Chương 6

HỒ GIÀ THẬP BÁT PHÁCH

Sau khi trải qua kiếp nạn Bạch Cốt phu nhân, ba thầy trò Đường Tăng tiếp tục đi nhằm hướng nước Bảo Tượng. Đi ngang núi Uyển Tử, Đường Tăng bị yêu quái bắt mất. Con yêu quái ấy vốn là Khuê Mộc Lang trên trời, vì yêu thương Ngọc nữ dâng hương ở điện Phi Hương, nên cùng hẹn nhau giáng trần. Khuê Mộc Lang trở thành Hoàng Bào quái (Hoàng Bào lang), còn Ngọc nữ đầu thai làm Bách Hoa Tu, công chúa con của Quốc vương nước Bảo Tượng. Mười ba năm trước bị Hoàng Bào quái bắt về làm vợ. Công chúa nhân lúc Hoàng Bào đại chiến với Bát Giới, Sa Tăng, liền lén thả Đường Tăng và nhờ mang thư chuyển cho cha mẹ. Sau yêu quái biến thành chàng trai khôi ngô về triều, vu cho Đường Tăng là hồ tinh, lại hóa phép biến Đường Tăng thành hồ. Phải nhờ có Bát Giới bay tới Hoa Quả Sơn cầu cứu Tôn Ngộ Không mới đánh đuổi được Hoàng Bào quái và biến Đường Tăng trở lại thành người. Nói vui một câu, ở hồi 27, Đường Tăng vừa thề "Con khi, cầm lấy tờ giấy này làm bằng. Không bao giờ ta nhận nhà người làm đồ đệ nữa. Nếu còn gặp nhà người, ta sẽ sa xuống ngục A Tỳ!", thì vừa đi một quãng đã biến ngay thành súc sinh, tương đương với một lần trải qua lục đạo luân hồi, ứng với lời thề trước.

Trong kiếp nạn này có một chi tiết "thừa", đó là việc Ngộ Không sai Bát Giới và Sa Tăng "mang hai đứa trẻ tới nước Bảo Tượng, vút đánh bịch ngay trước thềm ngọc. Đáng thương thay, hai đứa trẻ khác nào hai tảng thịt, máu me lênh láng, xương cốt nát vụn". Dựng nên hai tiểu yêu là con chung của Hoàng Bào quái và Bách Hoa Tu đã là thừa, lại thêm tình tiết người tu hành giết hai đứa trẻ khá dã man, ấy là cố làm sao? Tôi tin rằng tác giả có ẩn ý nào đó với tích truyện này.

Một người phụ nữ bị bắt đi mười ba năm, sinh hạ được hai con trai với kẻ bắt cóc, rồi trở về một mình... Vừa vắn trong lịch sử có

một người nổi tiếng như vậy. Đó là Sái Diệm, thường được biết tới với tên gọi Sái Văn Cơ, người thời Đông Hán - Tam Quốc. Tam Quốc Diễn Nghĩa có một đoạn rất hay viết về Sái Văn Cơ:

Nguyên Tháo vốn quen nhau với Sái Ung. Con Sái Ung trước là vợ Vệ Đạo Giới. Về sau, nàng ấy bị phương bắc bắt đi, ở xứ đó sinh được hai con. Nàng đặt ra mười tám khúc kèn rợ Hồ, truyền vào đến Trung Nguyên Tháo thấy vậy, thương nàng lắm, mới sai người đem nghìn nén vàng sang tận phương bắc để chuộc về. Vua rợ Hồ là Tả Hiền vương sợ uy thế Tào Tháo, phải đưa nàng trả về Hán, Tháo mới đem nàng gả cho Đồng Kỷ.

Sái Diệm là con gái của Đại nho Sái Ung đời Đông Hán. Ngoài Sái Diệm, Sái Ung còn có một người con gái là Sái thị gả cho Thái thú Thượng Đảng là Dương Đạo. Ngoài ra sách Tam thập quốc xuân thu còn chép một người con gái nữa. Vậy là Sái Ung có ba người con gái, tuy không rõ thứ tự lớn nhỏ, nhưng *Tây Du Ký* chép Bách Hoa Tu là con gái thứ ba của Quốc vương có thể gọi là khá tương đồng với Sái Diệm. Năm Hưng Bình thứ 2 [195], nhân Trung Quốc có loạn Đồng Trác, rồi Lý Thôi, Quách Dĩ, người Hung Nô đánh cướp, Tả Hiền vương của Hung Nô bắt được Sái Diệm giữ làm nữ nô. Nàng ở phương Bắc mười hai năm, sinh được hai con, lại sáng tác mười tám khúc kèn rợ Hồ thể thiết truyền vào Trung Nguyên. Đến năm Kiến An thứ 12 [207], Tào Tháo hay tin sai người đến chuộc, đón Sái Diệm về gả cho Đồng Kỷ.

Từ năm 195 đến năm 207 vừa đúng mười ba năm như *Tây Du Ký* kể Bách Hoa Tu bị yêu quái bắt đi mười ba năm. Cả hai đều sinh hạ được hai người con. Khi Sái Diệm về Trung Nguyên thì hai con đều bỏ lại đất Hồ, cho nên tác giả phải để hai đứa con của Bách Hoa Tu và Hoàng Bào quái bị giết, không về theo mẹ.

Sái Diệm viết mười tám khúc kèn rợ Hồ truyền về Trung Nguyên, tương ứng với việc Bách Hoa Tu viết một phong thư nhờ Đường Tăng chuyển giúp.

Về nhân vật Hoàng Bào quái, cái tên Hoàng Bào đã có ý ám chỉ y phục của Đế vương. Tác giả lại cho Hoàng Bào quái là Khuê Mộc lang - tức con chó sói. Theo truyền thuyết Trung Hoa thì tổ tiên người Hồ là con chó Bàn Hồ, nhiều bộ lạc người Hồ phương Bắc thờ

Chó sói như vật tổ. Người Hung Nô lại càng sùng bái chó sói hơn, Ngụy Thư - Nhu Nhiên Hung Nô Đồ Hà Cao Xa liệt truyện cũng mượn tích Bàn Hồ kể rằng Thiên Vu của Hung Nô có hai người con gái tuyệt mỹ, liền dựng cái đài cao vút muốn kén rể trời. Một đêm có con sói xuất hiện trên đài, người con gái út nói rằng hễ trời cử đến, liền cưới làm chồng. Sau sinh con cháu đông đúc, lập thành nước.

Một huyền thoại khác của Hung Nô là Mạo Đốn cũng được truyền thuyết kể rằng vợ của Thiên Vu Đầu Mạn đang ngủ trưa thì có con sói chui vào trong trướng. Thiên Vu rút đao chém, đuổi chó sói đi. Chín tháng sau sinh ra Mạo Đốn, được đồn là con của thần sói.

Cho nên ghép Hoàng Bào với Khuê Mộc lang là một ẩn dụ ám chỉ một vị vương Hung Nô, mà gắn với tích truyện Văn Cơ quy Hán chính là Tả Hiền vương.

Chương 7

HAI NGUYÊN MẪU CỦA NGƯU MA VƯƠNG

Ngưu Ma vương là nhân vật hiếm hoi được nhắc tới từ phần đầu tới phần cuối của *Tây Du Ký*. Hắn ta xuất hiện từ khi Tôn Ngộ Không đại náo thiên cung với vai trò đứng đầu Thất Đại thánh; rồi trong chặng đường thỉnh kinh cũng liên tục được nhắc tới ở các nạn Hồng Hải Nhi, sông Tử Mẫu và Hỏa Diệm Sơn. Một nhân vật được xây dựng kỳ công như vậy chắc hẳn phải mang nhiều ẩn ý của tác giả chứ không đơn thuần là một yêu quái cản trở thầy trò Đường Tăng.

Quả vậy, hình tượng Ngưu Ma vương không chỉ mang hơi hướm một cá nhân mà ít nhất được dựa trên hai nhân vật có thực trong dòng chảy lịch sử. Chúng ta sẽ lần lượt đi qua từng nguyên mẫu một.

1. Dịch kinh sư

Đầu tiên, chắc chắn không ai ngờ được Ngưu Ma vương là tác giả ám chỉ ngài Cưu Ma La Thập - người được hậu thế tôn xưng là Dịch kinh sư (bậc thầy dịch kinh). Ngô lão dùng phép chơi chữ hài âm Ngưu Ma (牛魔) / Cưu Ma (鳩摩).

Trong lịch sử, ngài Cưu Ma La Thập (còn gọi tắt là La Thập) là con trai của công chúa em gái vua nước Quy Từ, lên bảy tuổi đã bắt đầu tu tập, mười hai tuổi học tập Phật giáo đại thừa, đạt được thành tựu cực lớn. Vua Phù Kiên nhà Tiền Tần mời ngài tới Trường An không được, bèn sai tướng Lữ Quang đánh Quy Từ bắt được ngài, lại lừa ép uống rượu say mà phá giới, cưới biểu muội là con gái vua nước Quy Từ, sinh hạ một nhi tử. Phù Kiên chết, Lữ Quang tự lập là Lương chủ, Cưu Ma La Thập ở lại Lương Châu truyền bá đạo Phật. Sau Hậu Tần Văn Hoàn đế Diêu Hưng sai tướng Thạc Đức đánh hạ Lương Châu, đón ngài La Thập về Trường An. Tại đây ngài dịch rất

nhiều kinh sách sang tiếng Hán về truyền bá Phật giáo đại thừa. Về sau Trần Huyền Trang dịch lại nhiều kinh Phật gọi là Tân dịch mà các bản của ngài La Thập gọi là Cựu dịch.

Trong thời gian này, Diêu Hưng lại ép ngài phá giới. *Tấn thư* quyển 95 chép “Hưng thường nói với La Thập: ‘*Đại sư sáng suốt ngộ đạo, thiên hạ chẳng có người thứ hai, sao không tìm cách lưu lại dòng giống kế thừa.*’” Liền đem mười người kỹ nữ, ép phải nhận lấy.”

Ta thấy Ngưu Ma vương và Cưu Ma La Thập có rất nhiều điểm tương đồng:

a. Cùng theo đạo Phật: *Tây Du Ký* chép Ngưu Ma vương từng hiện nguyên hình là con bò trắng - ngoài hình ảnh của con bò Yak Tây Tạng, thì còn là ẩn dụ của con trâu trong bộ tranh Thập mục ngưu đồ rất nổi tiếng. Trong bộ tranh này, con trâu từ đen dần chuyển sang trắng, tới khi toàn thân đều trắng là biểu tượng của tâm thanh tịnh, vô cầu.

Sau khi bị Tứ đại Kim cương và cha con Lý thiên vương bắt được, liền xin rằng “Đừng hại mạng tôi, xin tình nguyện quy thuận nhà Phật!” Tô Như

b. Cùng cưới công chúa làm vợ: Ở đây Thiết Phiến công chúa là ngầm chỉ công chúa nước Quy Từ. Cái tên La Sát - một loại quỷ theo kinh Phật cũng mang ẩn ý là ác nữ, phá hoại đạo tâm của ngài Cưu Ma La Thập.

c. Cùng có con trai lưu lạc: Hồng Hải Nhi không ở cùng cha mà tác quái ở núi Hiệu là chỉ việc con trai của ngài La Thập ở lại xứ Quy Từ chứ không vào Trung Nguyên. Nó lại dùng vũ khí là cây Hỏa tiêm thương, ẩn dụ cho cái lưỡi hóa xá lợi của ngài Cưu Ma La Thập.

d. Cùng có hầu thiếp: Ngài Cưu Ma La Thập bị ép nhận kỹ nữ, nên Ngô Thừa Ân viết ở kia là Ngọc diện hồ ly là ý đó. Ngài La Thập tới Lương Châu rồi Trường An, không ở cùng công chúa nước Quy Từ, ứng với việc Ngưu Ma vương không ở động Ba Tiêu núi Thúy Vân, mà sang ở động Ma Vân, núi Tích Lô.

e. Giao du với các bậc quân chủ: Ngưu Ma vương giao du với Long vương đầm Bích Ba, Cưu Ma La Thập qua lại với Lương chủ và Tần

đế.

2. Đế vương trong lịch sử

Nguyên mẫu thứ hai là dựa trên sự pha trộn các cổ sự Trần Huyền Trang ngoài đời thực với Tôn Ngộ Không trong tiểu thuyết, tình tiết không hiển lộ rõ ràng như trường hợp trên, nhưng độ trùng khớp các chi tiết cũng rất cao. Tác giả dựa trên một phần sự thực trên hành trình thỉnh kinh của Tam Tạng pháp sư để sáng tạo ra nhân vật tiểu thuyết của mình. Trên con đường sang tây, Trần Huyền Trang có gặp và kết nghĩa huynh đệ với vua nước Cao Xương là Khúc Văn Thái, nên trong *Tây Du Ký* cho Ngưu Ma vương là anh em kết nghĩa với Ngộ Không để ám chỉ nhân vật thực này. Cao Xương là nước có mùa hè rất nóng bức, hết như mô tả về Hỏa Diệm Sơn. Đặc sản của nước này là quạt lá cọ, chính là ẩn dụ của cây quạt Ba tiêu.

Hai nhân vật nữ xuất hiện trong cuộc đời Ngưu Ma vương là Thiết phiến công chúa và Ngọc diện hồ ly cũng được xây dựng dựa trên nhân vật thật.

Liên quan tới Khúc Văn Thái và cuộc thỉnh kinh của Trần Huyền Trang có hai người phụ nữ, một là mẹ của Khúc, tức Trương Thái phi, hai là Vương phi Vũ Văn thị, vợ Khúc. Tác giả đã dùng Bà La Sát để ngầm chỉ Trương Thái phi và Ngọc diện hồ để chỉ Vũ Văn thị.

Tuy nhiên trong *Tây Du Ký* đã để quan hệ giữa Ngưu Ma vương và Bà La Sát cùng Ngọc diện hồ ly đều là vợ chồng. Tại sao lại có sự loạn ngôi thứ này? Kỳ thực ban sơ Trương Thái phi và Vũ Văn thị là ngang vai vế nhau. Cha của Văn Thái là Cao Xương vương Khúc Bá Nhã thỉnh nhà Tùy gả công chúa cho mình, Dạng đế liền đem Vũ Văn thị phong làm Hoa Dung công chúa và gả cho Bá Nhã. Sau Bá Nhã chết, theo tập tục người Hồ, con trai tiếp nhận kế mẫu làm vợ mình, nên Vũ Văn thị lại trở thành vợ của Khúc Văn Thái. Vũ Văn thị trước là vợ của cha, sau là vợ của con nên Ngộ lão lấy hình tượng hồ ly tinh để ám chỉ sự lang chạ. Mà trong *Tây Du Ký*, ta thấy Ngưu Ma vương đối với La Sát cung cung kính kính, không thấy khí độ trượng phu mà giống như con trai sợ mẹ hơn.

Trong lịch sử, Trần Huyền Trang sang nước Cao Xương được Khúc Văn Thái đón tiếp trọng thể. Khi Huyền Trang muốn tiếp tục sang tây, họ Khúc níu kéo lưu giữ mãi không được bèn mời mẹ mình ra mặt để giữ Huyền Trang lại. Giống như trong *Tây Du Ký*, người cầm chân thầy trò Đường Tăng không phải Ngưu Ma vương mà chính là Bà La Sát. Một điểm tương đồng khác giữa Khúc Văn Thái và Ngưu Ma vương là người con trai. Hồng Hải Nhi là ẩn dụ chỉ Khúc Trí Thịnh, con Khúc Văn Thái. Năm Trinh Quán thứ 14, Hầu Quân Tập đem quân đánh Cao Xương, Văn Thái lo lắng sợ hãi mà chết, Trí Thịnh kế ngôi, chống không lại Hầu Quân Tập, phải đầu hàng nhà Đường, theo về Trung Nguyên được phong Tả võ vệ tướng quân, Kim Thành quận công, ứng với việc Quan Âm thu phục Hồng Hải Nhi làm Thiện tài đồng tử. Nếu so niên đại thì từ lúc Đường Tăng khởi hành là năm Trinh Quán thứ 13, thì kiếp nạn Hồng Hải Nhi cũng rơi vào khoảng chừng năm Trinh Quán thứ 14-15, tương tự như thời gian Khúc Trí Thịnh theo về với nhà Đường.

Chương 8

CỬU LINH NGUYÊN THÁNH

Cửu Linh Nguyên Thánh là con sư tử chín đầu, vật cưỡi của Thái Ất Cứu Khổ Thiên tôn, lén hạ phàm thu sáu con yêu sư tử làm con cháu. Vì Ngộ Không giết một trong số đó là Hoàng Sư Tinh nên Cửu Linh Nguyên Thánh trả thù, biến hóa bắt đi thầy trò Đường Tăng cùng cha con vương gia ở châu Ngọc Hoa. Cuối cùng Tôn Ngộ Không phải tới cầu cứu Thái Ất Thiên tôn mới thu phục được lão yêu.

Ít ai có thể ngờ kiếp nạn Cửu Linh Nguyên Thánh lại ẩn chứa một sự giễu nhại sâu xa thâm trầm, mà đối tượng châm biếm lần này là Minh Thế tông tức Gia Tĩnh đế.

Trước tiên phải nói một chút về xuất thân kỳ đặc của vị Hoàng đế này. Chu Hậu Thông là em họ của Minh Vũ tông. Vũ tông mất sớm không con, Hậu Thông được Thái hậu và Thủ phụ Dương Đình Hòa chọn để nối ngôi. Cũng vì duyên do không phải dòng đích nên cha mẹ Hậu Thông không được phối hưởng trong Thái miếu, dẫn tới sự kiện chấn động triều đình xảy ra ở năm Gia Tĩnh thứ 3, gọi là *Đại lễ nghị* và cổ sự *Huyết tiên Tả Thuần môn*.

Từ năm Chính Đức thứ 16 (1521), Gia Tĩnh đế muốn truy tôn cha mẹ để làm Hoàng đế và Hoàng hậu và muốn đưa vào thờ trong Thái miếu. Trong khi Thủ phụ Dương Đình Hòa, Lễ bộ thượng thư Mao Trừng trước đó vẫn muốn Gia Tĩnh đảm nhận vai trò con thừa tự của Minh Hiếu tông (tức cha của Vũ tông), để danh chính ngôn thuận kế vị. Bởi khi đã là con thừa tự của người khác thì cha mẹ sinh ra mình không còn được gọi là cha mẹ. Dẫu có lên ngôi Hoàng đế thì cha mẹ cũng chỉ được tôn làm Hoàng thúc mà thôi.

Đỉnh điểm của sự bất đồng này là ở ngày 12 tháng Bảy năm Gia Tĩnh thứ 3 (1524), Gia Tĩnh đế giáng chiếu cho bộ Lễ bắt ngày 14 phải ban sách văn, tế cáo trời đất, tông miếu để đưa bài vị cha mẹ

đẻ vào thờ trong Thái miếu. Quần thần kinh hãi, hơn hai trăm vị đại quan quỳ khóc lớn trước Tả Thuần môn để xin Hoàng đế rút lại chiếu chỉ.

Gia Tĩnh đế hay tin, liền sai Thái giám ra truyền các quan giải tán. Bá quan không tuân theo, Hoàng đế lại sai Cấm y vệ vác roi tới loạn đả các đại thần ở Tả Thuần môn khiến máu văng tung tóe, rồi chiếu sai bắt các quan từ ngũ phẩm trở xuống hạ ngục tra tấn, các quan trên ngũ phẩm hơn tám mươi sáu người thì cho đình chức chờ tội. Sự kiện đó sau được gọi là Tiên huyết Tả Thuần môn.

Trong đám quần thần này có Dương Thận, chính tác giả bài Lâm giang tiên Cổ cồn Trường giang đông thệ thủy... Dương Thận chính là con trai của Thủ phụ Dương Đình Hòa, từng đỗ Trạng nguyên nên được Gia Tĩnh đế bổ làm Hàn lâm tu soạn. Chức quan này lo việc giảng sách cho Hoàng đế, nên cũng coi như thầy dạy của vua. Dương Thận thường nhân cơ hội giảng sách mà liên hệ với tình hình xã hội thực tế bấy giờ để giảng cho Gia Tĩnh, việc này khiến Gia Tĩnh mất hứng nên thường mượn cớ để đình việc giảng sách.

Trong biến cố Tả Thuần môn, Dương Thận chính là một trong những người hăng hái nhất, từng hô hào "Quốc gia dưỡng sĩ nhất bách ngũ thập niên, kiên thủ tiết tháo đại nghĩa nhi tử, tị tại kim nhật. - Quốc gia nuôi kẻ sĩ đã một trăm năm mươi năm nay, giữ vững đại nghĩa tiết tháo mà chết là ở ngày hôm nay." Rồi lại, ông cũng bị hạ ngục và tra tấn, sau bị đày tới Vân Nam sung quân.

Trong *Tây Du Ký*, tác giả đã khéo léo chơi chữ, đem Dương Thận là Đế sư (thầy dạy vua), chữ sư (師) - thầy đồng âm với sư (獅) - sư tử, và ám chỉ việc Gia Tĩnh sai người đánh thầy mình.

Hồi 90 chép (nguyên văn) "*Bàng biên bào quá sư nô nhi, nhất bả qua trụ hạng mao, dụng quyền trứ hạng thượng đả cú bách thập - Người chăn sư tử chạy đến bên cạnh túm chặt lấy lông cổ, giơ nắm tay lên tổng vào cổ hàng trăm cái.*"

Đây chính là mô tả việc Hoàng đế lệnh cho đám gia nô (ám chỉ Cấm y vệ) loạn đả cả thầy dạy mình.

Chương 9

RẰNG NĂM GIA TĨNH TRIỀU MINH

Không chỉ tái hiện lại hoạt cảnh Tiên huyết Tả Thuận môn, *Tây Du Ký* còn nhiều lần giễu cợt Hoàng đế Gia Tĩnh qua các sự việc mê muội vì Đạo giáo và cầu phép trường sinh.

Khi mới lên ngôi, Gia Tĩnh được cho là một vị vua khá anh minh, nghiêm với quan lại, khoan thứ cùng dân, chinh đồn triều cương, giảm nhẹ thuế má lao dịch, trừ họa giặc Oa,... nên thời đó còn được gọi là Gia Tĩnh trung hưng. Nhưng đến cuối đời thì quá mê đắm thuật trường sinh, tôn sùng đạo giáo, trọng dụng nhiều phương sĩ thuật sĩ. Cũng do dùng quá nhiều đan dược do thuật sĩ luyện nên ảnh hưởng nhiều đến tinh thần, hỷ nộ bất thường hảo sát.

1. Xa Trì đấu pháp

Đây là một khúc truyện rất hay, không có đánh nhau qua lại mà hai bên chỉ đấu phép. Hồi 44 kể rằng: “Chuyện là cách đây hai mươi chín năm, trời làm đại hạn, không một giọt mưa, mùa màng khô héo. Từ vua quan cho tới thứ dân, ai nấy tắm gội trai giới, thắp hương lạy trời mưa xuống. Đang lúc tính mạng mọi người treo ngược, bỗng trời giáng xuống ba vị tiên trưởng cứu vớt sinh linh.”

Ba vị tiên trưởng này là Hồ Lực đại tiên, Lộc Lực đại tiên và Dương Lực đại tiên, thi thố phép thuật cầu mưa, lại có phép “chỉ nước thành dầu, biến vàng từ đá” nên được nhà vua kính trọng, kết làm thân thích.

Trong lịch sử, thời Gia Tĩnh cũng xảy ra sự việc gần hết như vậy.

Năm Gia Tĩnh thứ 4, Hoàng đế lệnh cho đạo sĩ Long Hồ Sơn là Thiệu Nguyên Tiết cầu mưa tuyệt ứng nghiệm, nhân đó được ban hiệu Trí Nhất chân nhân, cho quản Kinh sư Đạo môn tam cung, tổng lãnh Đạo giáo. Năm Gia Tĩnh thứ 9, Thiệu Nguyên Tiết được phong

quan nhị phẩm, Thiệu Nguyên Tiết từng dâng sớ xin đổi chùa Vĩnh An làm cung Nguyên Phúc. Tới năm Gia Tĩnh thứ 15 được phong Lễ bộ Thượng thư.

Lại có đạo sĩ Đào Trọng Văn dâng phương thuốc luyện đan và các phép “phòng trung” nên được trọng dụng, ban hiệu Bình Nhất chân nhân, phong tới Lễ bộ thượng thư, Đặc tiến Thái bảo, rồi gia thêm Thiếu phó... sau nhân cầu mưa thành công được phong tước Cung Thành bá.

Một đạo sĩ khác là Đoàn Triều Dụng xưng là có thuật luyện ra bạc trắng, lừa được Gia Tĩnh tin mà trọng dụng.

So ra vừa đúng ba vị, vừa có thể hô mưa gọi gió, lại chuyên luyện linh đơn để cầu trường sinh, lại biết “biến vàng từ đá” cho Hoàng đế, hết như pháp lực của ba vị Hồ Lực, Lộc Lực, Dương Lực miêu tả trong truyện.

Cũng ở đời Gia Tĩnh, Hoàng đế từng hạ chỉ toàn quốc tiến hành diệt Phật giáo, hủy chùa Đại Từ Ân, bắt các hòa thượng hoàn tục, thậm chí bắt là quan nô, hết như được mô tả ở nước Xa Trì: “Thế là triều đình tức giận cho bọn hòa thượng là vô dụng, phá chùa đập tượng Phật của họ, thu hết độ điệp, không cho về quê, rồi vua sai bắt họ phải làm việc cho chúng tôi, y như bọn nô lệ ấy. Nhóm bếp cũng họ, quét nhà cũng họ, đóng cửa cũng do họ làm cả.”

2. Nước Tỳ Khư

Chỉ riêng cái tên Tỳ Khư (nghĩa là nhà sư) đã mang đầy tính ám chỉ triều nhà Minh, bởi Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương xuất thân là một nhà sư, rồi mới khởi nghĩa và giành được xã tắc.

Tây Du Ký hồi 78 kể về vua nước Tỳ Khư:

"Nhà vua mê một sắc đẹp của cô gái, đưa vào trong cung, gọi là Mỹ hậu. Từ đấy những cung tần mỹ nữ ở ba cung sáu viện, tuyệt nhiên nhà vua không hề ngó ngang tới, chỉ say mê cô gái ấy suốt ngày suốt đêm, quyến luyến không rời, đến nỗi giờ đây nhà vua tinh thần mệt mỏi, thân thể gầy mòn, ăn uống giảm sút, tính mệnh sắp nguy."

Quốc trượng đại nhân “có phương thuốc bí truyền ngoài biển, uống vào sống lâu. Trước đây ngài ấy đã đi khắp mười châu ba đảo, tìm hái đầy đủ các vị thuốc. Nhưng thang thuốc này tệ hại lắm, phải tìm đủ một nghìn một trăm mười một quả tim trẻ con để làm thuốc dẫn. Sau khi uống thuốc này, sẽ trẻ mãi nghìn năm.”

Nên trước mỗi nhà dân đều treo một cái lồng “Hóa ra bên trong có một đứa trẻ con ngồi. Hành Giả lại bay tới chiếc lồng của nhà khác, cũng thấy một đứa trẻ như thế. Xem xét bảy, tám nhà đều có một đứa trẻ cả. Những đứa trẻ ấy toàn là trai, không có gái.”

Những tình tiết này liên quan tới một loại đan dược do các phương sĩ dâng lên Gia Tĩnh đế, đó là Hồng diễn hoàn. Trong Đạo giáo có một thuật ngữ là “nguyên âm”, chúng ta hay nghe cụm từ “thái âm bổ dương” chính là chỉ thứ này. Đạo sĩ thu lấy nguyên âm của nữ giới để bồi bổ cho nguyên dương của mình.

Thuật sĩ luyện đan thì khác, chân âm hay hồng diễn, là kinh nguyệt của con gái còn trinh, thuật sĩ dùng nó để luyện thành đan gọi là Hồng diễn hoàn. Gia Tĩnh đế tin lời đạo sĩ nên liên tiếp nhiều năm tuyển con gái thường dân vào cung để bắt ép lấy hồng diễn.

Minh thực lục chép năm Gia Tĩnh thứ 26 tuyển 300 thiếu nữ tuổi từ 11 đến 14 tuổi vào cung.

Năm Gia Tĩnh thứ 31 lại tuyển 300 người.

Năm Gia Tĩnh thứ 34, tuyển 160 bé gái dưới 10 tuổi, Năm Gia Tĩnh thứ 43, tuyển 300 cung nữ.

Như vậy trước sau Gia Tĩnh tuyển về hơn một ngàn thiếu nữ để lấy hồng diễn luyện đan.

Tây Du Ký mượn cố sự này mà viết thành truyện ở nước Tỳ Khư. Thay đổi từ con gái thành bé trai, từ lấy kinh nguyệt thành lấy tim gan. Mà con số 1.111 đứa bé trai trong truyện chính hợp với con số cung nữ mà Gia Tĩnh đế bắt nhập cung.

3. Nước Bảo Tượng

Việc Gia Tĩnh để dùng kinh nguyệt của con gái để luyện đan, còn được nhắc tới một lần nữa trong *Tây Du Ký*, nhưng được che giấu sâu xa khó phát hiện hơn.

Hồi 31 chép đoạn Ngộ Không lừa Hoàng Bào quái đoạt kim đan có nói: “Vật quý quá! Báu vật này không biết tốn biết bao công phu, luyện biết bao năm trời, phối hợp biết bao âm dương, mới có thể luyện thành được. Hôm nay nó có duyên lớn gặp được lão Tôn đây!”

Phối hợp âm dương ở đây ám chỉ việc thái âm bổ dương mà Bách Hoa Tu bị Hoàng Bào giam giữ 13 năm, sinh con đẻ cái, ấy là ám chỉ việc cung nữ bị bắt vào cung từ 13 tuổi và bị thu lấy kinh nguyệt để làm thuốc. Tô Như

4. Nước Ô Kê

Câu chuyện ở nước Ô Kê là một ẩn dụ Thiên Chúa giáo, nhưng song song đó lại có hình ảnh của vua Gia Tĩnh nhà Minh. Chu Hậu Thông là con trai của Hưng vương Chu Hựu Nguyên, xét vai vế thì là em họ của Hoàng đế Chính Đức. Bởi Chính Đức đế chết mà không con nối nên Hậu Thông được chọn lập, tức Gia Tĩnh đế. *Tây Du Ký* đã mô phỏng đoạn lịch sử này bằng cách để yêu quái Thanh Sư kết nghĩa huynh đệ với Quốc vương nước Ô Kê, rồi giết vua chiếm nước.

Nước Ô Kê được quý hồn của Quốc vương mô tả là “Hưng cơ chi xứ”, các bản dịch đều chuyển ngữ thành “khai cơ lập nghiệp”. Thực ra chữ Hưng ở đây chỉ tước Hưng vương của Chu Hậu Thông trước khi lên làm Hoàng đế. Sau khi đăng cơ, Gia Tĩnh đế còn tôn cha đẻ là Hưng Hiến Hoàng đế.

Chu Hậu Thông được phong Hưng vương năm 1519, đến năm 1521 thì lên làm vua, ứng với lời kể trong *Tây Du Ký*: “Trẫm với hắc cùng ăn cùng ở được độ hai năm” thì Quốc vương bị Thanh Sư giết và cướp ngôi.

Gia Tĩnh mê muội Đạo giáo nên Thanh Sư xuất hiện ở nước Ô Kê với hình dạng là chân nhân (nguyên văn “Toàn chân”) núi Chung Nam. Mà cũng bởi Gia Tĩnh bắt nhiều con gái vào cung không phải nhằm thỏa mãn nhục dục mà cốt để lấy hồng diễn luyện đan, nên

Ngô Thừa Ân chế nhạo “Nhớ nhuốc làm sao được! Hẳn là con sư tử đã thiến rồi”, chính là để vừa ám chỉ và mắng chửi vị Hoàng đế này.

5. Động Bàn Ti

Gia Tĩnh để phục dụng nhiều đan dược nên trong người khô hao, một mặt vừa nuôi cung nữ để ép lấy hồng diễn, một mặt lại bắt cung nữ mỗi sáng sớm phải dậy từ lúc tinh mơ mờ

đất, đi thu sương đọng trên lá để ngài uống cho mát giọng hạ hỏa. Cung nữ bị hành hạ quá đỗi dẫn tới sự kiện Nhâm Dần cung biến: Bọn cung nữ Dương Kim Anh hơn chục người, nhân lúc Gia Tĩnh đang ngủ liền hè nhau siết cổ định giết, nhưng sức yếu không thành được, lại rút thoa, trâm để đâm. Bấy giờ trong bọn có kẻ nhát gan, biết chuyện vội tấu cho Phương Hoàng hậu biết, hậu vội chạy tới, sai người bắt và giết đám cung nữ kia, lại tru di tam tộc. Ngay cả Đoan phi là phi tử hầu hạ Gia Tĩnh hôm đó cũng liên đới mà bị xử tử.

Quay lại với *Tây Du Ký*, bảy con yêu nhèn nhện chính là ám chỉ đám cung nữ tham gia vụ hành thích Gia Tĩnh. Hồi 72 chép: “Bọn chúng, đứa nào cũng biết võ, chân tay lanh lợi, túm chặt lấy Đường Tăng, thuận tay quật Đường Tăng ngã lăn ra đất. Mọi người giữ chặt lấy Đường Tăng lấy dây trói lại, treo tít lên xà nhà.” Chính là ám chỉ việc đám cung nữ định siết cổ chết Gia Tĩnh để, khi ngài chỉ có một mình trong cung. Mà sự tình “có một tòa suối Trạc Cầu, chảy ra những giọt nước trời sinh, nguyên là cái ao tắm của bảy tiên cô ở trên trời. Từ khi yêu tinh đến trú tại đây, chiếm mất suối Trạc Cầu của tiên cô, các tiên cô cứ lặng thinh mặc chúng, không hề tranh cạnh với chúng” là chỉ việc tuyển con gái trẻ nhập cung thay thế các cung nữ già. Và cả đám tiểu yêu cào cào châu chấu tự nhận con nuôi của bảy con nhèn nhện cũng bị giết sạch là ám chỉ việc tru di cửu tộc những cung nữ tham dự Nhâm Dần cung biến. Cốt sự năm Nhâm Dần này sẽ được tỉ mỉ mổ xẻ thêm ở chương sau.

Chương 10

CHU TỬ QUỐC

Sự việc xảy ra ở nước Chu Tử là một đòn trực chỉ Hoàng đế Gia Tĩnh triều Minh. Chữ Tử (紫) đồng âm với chữ Tử (子) chỉ con cái. Nước Chu Tử là nước của dòng tộc họ Chu, quốc tính triều nhà Minh. Ở hồi 68 này, tác giả sử dụng các chữ “nội thần của Tư lễ giám”, “Cấm y hiệu úy” đều là các đặc trưng của nhà Minh.

Những gì *Tây Du Ký* thuật lại thực chất là ngầm chỉ Hoàng đế Gia Tĩnh và sự kiện Nhâm Dần cung biến.

1. Trại Thái Tuế

Theo Đạo giáo thì Thái tuế là tượng của vua, thống lĩnh chi thần. Thái tuế chính là chỉ Hoàng đế. Ở Chu Tử xuất hiện một vị Quốc vương và một vị Trại Thái tuế, tuy hai mà một, ám chỉ Hoàng đế Gia Tĩnh quá mê muội Đạo giáo nên song song với một vị vua trên triều đình thì còn phát sinh một vị vua trong Đạo giáo nữa.

Sào huyệt của Trại Thái Tuế ở núi Kỳ Lân, động Giải Trãi, đây là ám chỉ Thiên Nhất Môn. Điện Khâm An vốn không có tường bao, đến đời Gia Tĩnh đế, dùng điện này để tự mình tu tập, phụng sự Đạo giáo. Bởi vậy mà cho xây dựng tường bao và đặt cổng Thiên Nhất để ngăn cách với các cung điện khác trong nội cung. Bên ngoài cổng Thiên Nhất, cho đặt một đôi giải trãi bằng đồng. Giải trãi vốn khá giống kỳ lân, chỉ khác nhau là trên đầu giải trãi chỉ có một sừng, còn kỳ lân có hai sừng. Tác giả dùng “núi Kỳ Lân động Giải Trãi” để chỉ đối tượng đồng giải trãi.

Ở hồi 70, lại mượn lời tiểu yêu Hữu Lai Hữu Khứ mà mắng Trại Thái tuế:

"Lão đại vương nhà mình thực độc ác! Ba năm trước đã tới nước Chu Tử cưỡng đoạt Kim Thánh hoàng hậu, nhưng đến nay vẫn vô duyên chẳng được nằm kề, chỉ khó"

những cô cung nữ đội vò thôi. Hai cô đến cũng bị giết chết. Bốn cô đến cũng bị giết chết. Năm kia bắt, năm ngoài bắt, năm nay lại bắt... Đại vương ta mà dùng khói lửa, cát bay thì vua tôi trăm họ nước ấy ắt chẳng còn sống sót một mống."

Gia Tĩnh đế vì luyện đan bằng hồng diễn (tức máu kinh nguyệt) của phụ nữ nên liên tiếp cho tuyển con gái thường dân nhập cung. Lại bắt dùng thuốc để xuất nhiều hồng diễn khiến hơn hai trăm cung nữ do mất quá nhiều máu mà chết. *Tây Du Ký* mỉa mai rằng "chỉ khổ những cô cung nữ đội vò thôi. Hai cô đến cũng bị giết chết. Bốn cô đến cũng bị giết chết. Năm kia bắt, năm ngoài bắt, năm nay lại bắt". Cung nữ đội vò, nguyên văn "cung nữ đỉnh hàng - EKJHI", đỉnh hàng còn có nghĩa là "gánh trách nhiệm".

Khói, lửa, cát bay là do bảo bối ba chiếc lục lạc của Trại Thái Tuế phóng ra, đây lại là một ẩn dụ về việc luyện đan, bởi Gia Tĩnh mê luyện đan mà "vua tôi trăm họ nước ấy ắt chẳng còn sống sót một mống".

Với việc đem Trại Thái Tuế để ám chỉ Gia Tĩnh đế, Ngô Thừa Ân đã gián tiếp mắng vị Hoàng đế này chỉ là con "sấu lông vàng" - một loài chó. Tô Như

2. Kim Thánh nương nương và Nhâm Dần cung biến

Vua nước Chu Tử có ba vị Hoàng hậu: "Quả nhân không gọi như vậy, mà gọi chính cung là Kim Thánh cung, đông cung là Ngọc Thánh cung và tây cung là Ngân Thánh cung. Hiện chỉ có hai hoàng hậu Ngân, Ngọc ở trong cung mà thôi."

Tương ứng với Gia Tĩnh đế, từng có ba vị được phong Hoàng hậu là Hiếu Khiết Hoàng hậu họ Trần mất sớm, Hoàng hậu họ Trương bị phế, và cuối cùng là Hoàng hậu họ Phương tức Hiếu Liệt Hoàng hậu. Gia Tĩnh đế sủng ái Tào thị và Vương thị ở cung Dục Khôn nên ghen lạnh Phương Hoàng hậu. *Tây Du Ký* xây dựng tình tiết này thành yêu quái Trại Thái Tuế bắt Kim Thánh nương nương.

Trong Nhâm Dần cung biến, Gia Tĩnh đế bị đám cung nữ Dương Kim Anh thắt cổ tới tắt thở, tuy được Phương Hoàng hậu tới cứu kịp thời, nhưng tình trạng cũng nguy kịch tới mức nguy không dám bốc

thuốc. Mãi sau, quan Thái y là Hứa Thân mới liều mạng cắt thuốc, sử chép “giờ Thìn phục thuốc, giờ Mùi vua kêu lên một tiếng, hộc ra mấy thăng máu bầm rồi mới nói được”. Chi tiết này được *Tây Du Ký* viết lại qua chính lời kể của Quốc vương “Giờ đây sau khi uống linh đơn của thần tăng, nôn ra vài bãi, tổng ra toàn những thứ đã tích chứa từ ba năm về trước, bây giờ cơ thể cảm thấy nhẹ nhõm, tinh thần cảm thấy thư thái như xưa.”

Cũng trong Nhâm Dần cung biển, Phương Hoàng hậu được cung nữ là Trương Kim Linh mật báo nên kịp thời tới cứu Gia Tĩnh đế, lại nhân Hoàng đế chưa qua cơn bạo bệnh nên giả truyền thánh chỉ, giết sạch cung nữ ở Dục Khôn cùng cùng cả hai vị đối thủ Đao phi và Ninh tần. Gia Tĩnh đế sau khi hay biết Đao phi bị chết oan, nhưng cũng đành ỉn nhẫn cam chịu vì Phương Hoàng hậu có công cứu giá. Tuy nhiên, sách Thập tam triều di sử của Hà Kiều Viễn đời Minh kể rằng, năm năm sau cung Khôn Ninh bị cháy, khiến Phương Hoàng hậu chết cháy. Sử sách chép lại là Hoàng hậu ốm chết, được ban thụy là Hiếu Liệt. Nhưng đã sử truyền rằng khi cung Khôn Ninh cháy, các thái giám và thị vệ muốn cứu hỏa lại bị Gia Tĩnh đế ngăn cản để trả thù cho Đao phi. Đó là lý do mà *Tây Du Ký* viết khi Trại Thái Tuế đòi hiến Kim Thánh Nương nương, Quốc vương “lo nước thương dân, không biết làm thế nào, bèn đưa Kim Thánh cung ra ngoài đình Hải Lự, thế là ầm một tiếng, nàng bị yêu tinh cắp đi mất.”

Sau Nhâm Dần cung biển, Gia Tĩnh đế không lên triều mà ẩn cư tại Tây Uyển. Cũng như *Tây Du Ký* mô tả Quốc vương nước Chu Tử làm lâu tránh yêu ở vườn Thượng Uyển.

Một chi tiết không thể bỏ qua là lời tự sự than khóc của Kim Thánh Nương nương, trong đó có bốn câu:

Sai lai trường lão tài thông tín,

Kinh tán giai nhân nhất mạng vong.

Chỉ vì kim linh nan giải thức,

Tương tư hựu bỉ cứu thì cuồng

Bản Như Sơn dịch:

*Bắn tin sai trường lão vào
Dè đâu duyên cũ ước ao hồng rồi
Chỉ vì hột nhạc kia thôi
Tương tư nay lại gấp mười ngày nao!*

Bản Thụy Đình dịch:

*Tới nơi trường lão tin vừa biết,
Tan tác duyên lành mạng đã bương
Chỉ bởi nhạc vàng không hiểu rõ
Tương tư chẳng khác buổi xưa cuồng.*

Rõ ràng nguyên tác nhắc tới “giai nhân nhất mạng vong”, nếu giai nhân là chỉ đám cung nữ thì trước sau tới tám người đã bị yêu quái bắt và hại chết rồi. Án theo cổ sự năm Nhâm Dần thì một mạng này là chỉ Đaoan phi Tào thị chết oan. Câu sau “kim linh nan giải thức” là cách chơi chữ, “kim linh” ám chỉ việc cung nữ Trương Kim Linh, người đã mật báo âm mưu ám sát Gia Tĩnh với Phương Hoàng hậu, và “giải thức” là “giải thích”. Tựu trung ba câu thơ này nghĩa là “sự việc Kim Linh khó giải thích, khiến một giai nhân phải mất mạng, mà nỗi tương tư lại càng mãnh liệt hơn xưa.” Nỗi tương tư ấy là ám chỉ ngày xưa Gia Tĩnh sủng ái Đaoan phi và Ninh tần mà lạnh nhạt với Phương hậu, sau Nhâm Dần cung biến, tình nghĩa lại càng lạnh nhạt hơn.

Chương 11

THIÊN CHÚA GIÁO

Chúng ta đều biết vào thời nhà Minh đã xuất hiện rất nhiều thương nhân và các nhà truyền giáo phương Tây tại Trung Quốc. Do vậy hiển nhiên có sự giao thoa giữa hai nền văn hóa phương Tây và phương Đông. *Tây Du Ký* cũng không nằm ngoài dòng chảy này. Có ý kiến cho rằng Phật giáo Tây phương chính là ẩn dụ của Thiên Chúa giáo truyền từ phương Tây vào Trung Quốc ở thời điểm mà tác giả viết nên bộ tiểu thuyết. Chính vì thế, *Tây Du Ký* ngầm diễn tả sự xung đột, tranh giành ảnh hưởng trong triều đình và trong xã hội giữa tôn giáo cũ là Đạo giáo với tôn giáo mới. Không biết do vô tình hay cố ý mà *Tây Du Ký* đã đan xen một số cốt sự của phương Tây vào trong câu chuyện của mình, trong đó hình ảnh chúa Jesus cũng được nhắc đến.

1. Chúa Hải Đồng và Thánh giá

Hồi 37 kể về thầy trò Đường Tăng ở nước Ô Kê. Vua nước đó bị yêu quái giết hại, bản thân nó biến thành Quốc vương, chiếm lấy cả nước. Đường Tăng được quỷ hồn của nhà vua thác mộng kể lại sự tình. Tôn Ngộ Không liền hóa thành “Món hàng lập vua” để kể lại cho Thái tử biết sự thật. Món hàng lập vua (Lập đế hóa) ấy chính là ẩn dụ của chúa Hải Đồng.

Món hàng này được giới thiệu rằng “bảo bối biết hết mọi chuyện năm trăm năm quá khứ, năm trăm năm hiện tại, năm trăm năm tương lai, cộng là một nghìn năm trăm năm”. Đây là điều không bình thường, bởi ta hay thấy cách nói “năm trăm năm quá khứ, năm trăm năm hiện tại” chứ “năm trăm năm hiện tại” nghĩa là sao? Rõ ràng tác giả chỉ muốn đưa tới con số 1.500 năm.

Tây Du Ký ra đời khoảng nửa cuối thế kỷ 16, vậy thì 1.500 năm trước chính là thế kỷ đầu của Tây lịch, đánh dấu sự ra đời của Chúa Jesus và Thiên Chúa giáo. Để ám chỉ Chúa Hải Đồng, tác giả giới thiệu “Món hàng lập vua” vốn là “một chú hòa thượng nhỏ xíu độ hai tấc” đứng trong tráp, sau khi ra khỏi tráp thì “bèn hóa phép thần thông, vươn người dài tới ba thước bốn, năm tấc”. Ba thước bốn, năm tấc là kích thước của đứa nhỏ. Tiêu đề của hồi, tác giả lại đặt là “Ngộ Không thần hóa dẫn anh nhi”(bản Như Sơn dịch “Hóa phép, Ngộ Không dẫn trẻ thơ”, bản Thụy Đình dịch “Ngộ Không hóa phép dẫn hài nhi”), anh nhi là trẻ sơ sinh, là hài đồng, trong khi Thái tử không còn bé bỏng gì, đã mang ba ngàn quân đi săn bắn. Tiêu đề hồi phải hiểu là “Ngộ Không hóa phép thành Chúa Hải Đồng”.

Tây Du Ký lại có bài thơ miêu tả quý hồn của Quốc vương trong đó có câu: “tay cầm một cây ngọc khuê trắng la liệt những vì sao”. Cây ngọc khuê ấy chính là tín vật mà Quốc vương lưu lại cho Đường Tăng, được gọi là “kim sương bạch ngọc khuê” - ngọc khuê trắng nạm vàng. Ngọc khuê là thứ đồ cổ ngọc hình thanh dài, quý tộc thời cổ cống nộp triều đình, dùng trong tế tự, tang táng, chưa từng có việc nạm vàng cho ngọc khuê, cũng như không có việc khảm ngọc lên để thành “la liệt những vì sao”. Đây giống như hình ảnh ẩn dụ của cây thánh giá Thiên Chúa giáo được nạm vàng, khảm ngọc hơn là một thanh ngọc khuê của đế vương Trung Hoa.

2. Câu chuyện nhà tiên tri Elijah

Cầu mưa ở quận Phượng Tiên là một cổ sự hơi nhằm chán vì không có yêu quái nào xuất hiện cả, chỉ có một địa phương gặp hạn hán như bao nhiêu thành trấn khác mà thầy trò Đường Tăng đã kinh qua. Hạn hán thì cầu mưa, câu chuyện tưởng như đơn giản, mà thực tế lại diễn ra phức tạp hơn nhiều, bởi Ngọc Hoàng Thượng Đế đang trừng phạt người dân ở đây.

Hồi 87 kể về nguồn cơn của sự trừng phạt ấy qua lời Ngọc Đế nói:

"Ngày 25 tháng Mười hai hồi ba năm trước đây, trẫm xuất hành giám sát muôn trời, chơi khắp ba cõi, xa giá tới phương ấy, thấy viên thượng quan làm điều bất nhân,

đem lễ chay cúng trời, đồ cho chó ăn, miệng nói bắn thủ, gây nên tội mạo phạm.”

Ngô Không về mắng Quận hầu: “Chỉ tại cái đồ nhà người đã mạo phạm đến trời đất vào ngày 25 tháng Mười hai hồi ba năm trước, đến nỗi để dân đen mắc cạn, bây giờ trời không chịu cho phép làm mưa”

Rồi Quận hầu thú nhận: “Ngày 25 tháng Mười hai hồi ba năm trước, ở trong bản nha chúng tôi làm lễ cúng trời, vì người vợ ác, cãi nhau vắng tục, nhất thời cả giận mất khôn, đun đồ bàn thờ, vung té cỗ chay, quả có gọi chó đến ăn thực.”

Trong một đoạn ngắn mà cụm “ngày 25 tháng Mười hai” xuất hiện liên tiếp ba lần như một sự nhấn mạnh. Nhưng ta nên biết phong tục Trung Hoa và Việt Nam giống nhau ở điểm ngày 23 tháng Chạp cúng Táo quân, rồi Táo quân về trời tâu báo sự tình gia chủ trong năm. Ngày 23 Táo quân về trời báo cáo, nhẽ đâu ngày 25 Ngọc Đế lại đi tuần du kiểm tra. Cái sự tình ở ngày 25 tháng Mười hai thật đáng khả nghi. Trong *Tây Du Ký* chưa từng kể về việc Ngọc Đế rời thiên đình tuần du bởi ngài đã có các thần Thiên Lý Nhẫn, Thuận Phong Nhĩ làm tại mắt. Nước sôi lửa bỏng như hồi Tề Thiên Đại thánh làm phản ở hạ giới, Ngọc Đế cũng chỉ “Lập tức sai mang xa giá cùng Đạo tổ, Quan Âm, Vương Mẫu cùng các vị thần tiên đến cửa Nam Thiên. Các thiên binh lực sĩ đã tề chỉnh đón rước.”

Ngày 25 tháng Mười hai ở hồi này ám chỉ Tây lịch chứ không phải Âm lịch, tức ngày lễ Giáng sinh. Ngọc Đế tuần du ám chỉ Chúa giáng sinh.

Câu chuyện của quận Phụng Tiên là một bản sao nhỏ lấy từ câu chuyện nhà tiên tri Elijah trong Kinh Thánh. Ahab là vị vua Israel, sau khi kết hôn với Jezebel - con gái của vua Tyre, bà này đã thuyết phục vua Ahab từ bỏ việc thờ phụng Thiên Chúa, mà lập miếu thờ thần Baal, khiến dân chúng bỏ Thiên Chúa mà thờ ngoại đạo. Chi tiết này được *Tây Du Ký* mô phỏng rằng Quận hầu “vì người vợ ác, cãi nhau vắng tục, nhất thời cả giận mất khôn, đun đồ bàn thờ, vung té cỗ chay, quả có gọi chó đến ăn thực”.

Nhà tiên tri Elijah được Thiên Chúa cử tới để khiển trách vua Ahab và khiến dân Israel hối cải. Elijah tới gặp vua Ahab và tuyên bố nếu

không nghe lời ông thì đất nước sẽ không có sương cũng chẳng có mưa. Và Chúa Trời đã cho Elijah quyền đóng cửa các tầng trời ba năm rưỡi khiến Israel lâm vào cảnh hạn hán kéo dài. Giống như vậy, trong *Tây Du Ký*, vì Ngọc Đế giận Quận hầu nên cấm làm mưa ba năm liền ở quận Phượng Tiên.

Vào năm thứ ba, Elijah quay lại gặp vua Ahab, ông thách đấu với bốn trăm năm mươi nhà tiên tri thờ thần Baal xem bên nào cầu được mưa. Bốn trăm năm mươi nhà tiên tri thờ thần Baal cầu mưa từ sáng tới tối không được. Tối phiên Elijah bảo dân chúng sửa bàn thờ Thiên Chúa và dâng lễ, lập tức nước dâng tràn mương. Dân chúng Israel lập tức quỳ xuống xưng tụng Đức Thiên Chúa. Elijah cầu nguyện lần nữa, trời liền đổ mưa.

Chi tiết này cũng được mô phỏng lại trong *Tây Du Ký*, bắt đầu từ việc dân chúng được thấy dấu hiệu tha thứ của Ngọc Đế thì một lòng sùng tín:

Khắp nơi trong quận Phượng Tiên, quan viên lớn nhỏ, quân lính dân thường suốt ba năm không được nghe tiếng sấm, không được nhìn ánh chớp. Hôm nay thấy sấm vang, chớp giật, thì ai nấy đều quỳ cả xuống, đầu cúi sát lư hương, tay cầm cành dương liễu, miệng lầm rầm khấn:

- Nam vô A Di Đà Phật! Nam vô A Di Đà Phật!

Lời thiện ấy được nhiệm vang quả nhiên kinh động thượng thiên.

Và kết thúc bằng trời giáng cơn mưa ngọt.

Vậy nước Israel và quận Phượng Tiên còn có liên hệ gì với nhau không? Xin thưa là có. Trung Quốc có hai loại hoa phượng tiên, một có tên khoa học là *Impatiens Balsamina*, tên tiếng Việt Nam là hoa bóng nước. Loại thứ hai có tên khoa học là *Lawsonia Inermis*, tên tiếng Anh là Henna hay Camphire. Loại thứ hai này chính là loài hoa xuất hiện nhiều trong Kinh Thánh. *Nhã ca của Solomon 1* viết:

My beloved is to me a cluster of henna blossoms In the vineyards of Ein Gedi.

Tạm dịch^{*}:

Các đoạn dịch Nhã ca của Solomon trong chương này lấy từ www.nvbible.org.

Người yêu tôi như một chùm hoa phượng tiên hái từ vườn nho Ein Gedi.

Nhã ca của Solomon 4 viết:

Your shoots are a royal garden full of pomegranates

With choice fruits:

Camphire and spikenard

Tạm dịch:

Các chồi của em là vườn thạch lựu,

Với các loại trái cây ngon nhất,

Hoa phượng tiên và cây cam tùng.

Nhã ca của Solomon 7 viết:

Come, my beloved,

Let us go into the open,

Let us lodge among the henna shrubs,

Tạm dịch:

Nào, anh yêu dấu,

Ta hãy ra ngoài đồng,

Ngủ đêm bên các chùm hoa phượng tiên.

Tác giả *Tây Du Ký* đã dùng loài hoa nổi tiếng trong Kinh Thánh này đặt tên cho quận, mang tới một ẩn dụ về Thiên Chúa giáo.

Chương 12

TỪ ƯƠNG QUẬT MA LA TỚI MINH THẾ TÔNG

1. Ương Quật Ma La

Cùng với nước Xa Trì, nước Diệt Pháp là một trong hai nơi tôn Đạo diệt Phật. Câu chuyện kể rằng: “Hai năm trước đây, nhà vua đã nguyên một lời thề khứng khiếp là phải giết đủ một vạn hòa thượng. Hai năm qua, lần lượt nhà vua đã giết chín nghìn chín trăm chín mươi sáu hòa thượng vô danh rồi, cần phải giết thêm bốn hòa thượng nổi danh nữa là đủ số một vạn.”

Bằng phép thần thông, Ngô Không đã biến cho cả triều đình đều trọc hết đầu trong một đêm, khiến Quốc vương hủy lệnh diệt Phật và xin quy y theo đạo Phật. Cố sự này mô phỏng kinh Ương Quật Ma La, kể về người thanh niên Bà la môn Ương Quật Ma La bị lừa phạm tội, phải giết một ngàn người, lấy ngón tay xâu thành chuỗi để giải tội. Ương Quật Ma La giết được 999 người, còn thiếu đúng một người thì gặp mẹ của hắn mang thức ăn ngon đến. Ương Quật Ma La định giết luôn mẹ mình để bà được lên trời, còn mình sẽ hoàn thành nhiệm vụ thì Phật Thích Ca xuất hiện. Ương Quật Ma La chuyển ý định muốn giết Phật. Phật liền giải thích cho hắn, rồi cuộc Ương Quật Ma La sám hối, từ bỏ ngoại đạo mà quy y Phật pháp. Ngô Thừa Ân đã mượn tích truyện này để biến thành câu chuyện của mình, kết hợp với sự kiện lịch sử chèn ép đạo Phật ở đời Đường.

2. Cao tổ cấm, Thế tông mở, Võ hậu tôn

Đạo Phật phát triển đạt tới cực thịnh ở Trung Quốc trong suốt thời Nam Bắc Triều và nhà Tùy. Đường Cao tổ ý thức được sức mạnh đáng sợ của Phật giáo, đồng thời muốn xiển dương Đạo giáo và Nho giáo, nên vào năm thứ 7 niên hiệu Vũ Đức, nhân lời tâu cấm Phật

giáo của Thái sử lệnh là Phó Dịch, Cao tổ liền hạ chỉ bắt tăng ni hoàn tục, với mục đích tăng sức sinh sản, qua đó khiến cho nước mạnh binh cường. Sau binh biến Huyền Vũ môn, Đường Thái tông lên ngôi, liền hủy bỏ sắc lệnh này, lại mời tăng nhân Ấn Độ qua, triển khai việc dịch kinh điển. Phật giáo mới từ từ được phục hồi. Năm Vũ Đức thứ 7 tức năm 624, Đường Thái tông lên ngôi là năm 626, chính hợp với miêu tả con số hai năm trong *Tây Du Ký*: “Hai năm trước đây, nhà vua đã nguyện một lời thề khứng khiếp là phải giết đủ một vạn hòa thượng. Hai năm qua, lần lượt nhà vua đã giết chín nghìn chín trăm chín mươi sáu hòa thượng vô danh rồi, cần phải giết thêm bốn hòa thượng nổi danh nữa là đủ số một vạn.”

Không chỉ vậy, chi tiết Hoàng hậu và bá quan bị cạo tóc đầu trong *Tây Du Ký* cũng là tác giả giễu nhại triều nhà Đường. Võ hậu Võ Tắc Thiên vốn là Tài nhân của Đường Thái tông. Khi Thái tông mất, theo di chiếu nên tất cả phi tần đều phải cạo tóc làm ni sư. Đường Cao tông nối ngôi cha, mới cho đón Võ Tắc Thiên về cung, dần dần lập thành Hoàng hậu. Nhà Võ Chu mà Võ hậu lập nên sau này cũng nổi tiếng vì sùng bái Phật giáo.

Tuy nhiên cũng không thể nói rằng Đường Thái tông có xu hướng xiển dương Phật giáo, bởi Đạo giáo mới là tôn giáo chủ lưu ở thời Sơ Đường. Vậy thì vì sao Ngô Thừa Ân lại mất công xây dựng tới hai cốt sự chông vào nhau như thế này? Phải chăng ông muốn dẫn tới cái đích cuối cùng là sự kiện bài Phật giáo thời Gia Tĩnh triều Minh.

3. Gia Tĩnh bài xích Phật giáo

Vì sùng bái Đạo giáo một cách cực đoan nên Hoàng đế Gia Tĩnh ra sức chèn ép Phật giáo. Năm Gia Tĩnh thứ 15, phá chùa Đại Thiện Phật trong cấm cung, hủy 169 tượng Phật bằng vàng bạc cùng xá lợi xương và răng Phật. Năm Gia Tĩnh thứ 25, lệnh cho Cẩm y vệ bắt hết tăng nhân ở chùa Thiên Ninh tại kinh đô*. Năm Gia Tĩnh thứ 45, lại lệnh cấm tăng nhân cả nước được lập đàn thuyết pháp, cấm cả việc đi lại của tăng nhân. Hệ quả là Phật giáo lập tức trượt dốc. Lệnh cấm đoán này còn kéo dài tận tới thời Hoàng đế Vạn Lịch.

Hai sự kiện này hẳn là nguyên mẫu để Ngô Thừa Ân viết việc triều đình bắt hết nhà sư ở chùa Kim Quang, nước Tế Trại vì để mất xá lợi Phật.

Chương 13

NGHỆ THƯỜNG TIÊN TỬ

Hồi 95, Thái Âm Tinh Quân tới thu yêu quái Thỏ Ngọc, Trư Bát Giới thấy ngài dặt theo mấy vị Hằng Nga liền nhảy lên mây ôm lấy Nghệ Thường tiên tử mà rằng: *"Chị ơi, tôi là chỗ quen biết cũ với chị mà. Tôi và chị, ta đùa vui một tí đi!"*

Câu thoại này nhắc tới chuyện xưa kia Thiên Bồng Nguyên soái say rượu lạc đến cung Quảng Hàn sàm sỡ Hằng Nga, dẫn tới việc bị Ngọc Đế phạt đánh hai nghìn trượng và tống xuống đầu thai dưới trần. Cốt sự này ám chỉ tới Đường Huyền tông, Dương Quý phi và An Lộc Sơn. Dương Quý phi giỏi múa khúc Nghệ thường vũ y, nên tác giả dùng Nghệ Thường tiên tử để ám chỉ.

Còn đầu heo Trư Bát Giới là để trỏ An Lộc Sơn, bởi theo truyền thuyết, một lần ăn yến với Đường Huyền tông, An Lộc Sơn say rượu lăn ra ngủ, biến thành con quái vật thân lợn đầu rồng. Tả hữu khuyên nên trừ diệt, nhưng Huyền tông gạt đi mà rằng: "Thứ rồng lợn này thì làm được việc gì?" An Lộc Sơn trước thì tư thông với Dương Quý phi, sau rốt cuộc còn phản làm nghiêng lệch cả giang sơn Đại Đường. Giống như trong câu chuyện *Tây Du Ký*, Trư Bát Giới không chỉ đơn giản chọc ghẹo Hằng Nga mà còn làm loạn cung Đầu Ngưu như hồi 85 chép:

Chỉ vì say rượu ghẹo cung nga Danh tiếng anh hùng bán trội trơ
Cung báu Đầu Ngưu gây rối loạn Cỏ chi Vương Mẫu cũng ăn qua.

Chương 14

TÂY DU KÝ VÀ CHU NGUYÊN CHƯƠNG

Chúng ta đã đi gần hết cuốn sách để độc giả có thể cảm nhận được rằng, bản thân bộ tiểu thuyết *Tây Du Ký* được viết để ám chỉ các sự kiện lịch sử diễn ra ở thời nhà Minh. Phần Đại náo Thiên cung, tác giả lấy Tôn Ngộ Không để ngầm chỉ Chu Đệ cướp ngôi Kiến Văn đế; và phần Thỉnh kinh, tác giả ví von hành trình này với các chuyến Hạ Tây dương của Trịnh Hòa thời Minh Thành tổ, đồng thời đan xen các sự kiện xảy ra ở thời Gia Tĩnh để mỉa mai chỉ trích vị Hoàng đế này.

Không chỉ dừng ở hai vị Hoàng đế ấy, *Tây Du Ký* còn không ít lần trực tiếp đả kích vị Thái tổ lập quốc của nhà Minh - Chu Nguyên Chương. Với việc Chu Nguyên Chương từng có thời gian làm sư ở chùa Hoàng Giác và tham gia Hồng cân quân (đạo quân đội khăn đỏ) của Quách Tử Hưng chống lại quân Nguyên, tác giả đã khéo léo cài câu cảm chữ để thóa mạ vị Hoàng đế này.

1. Ông tổ Địa tiên Trấn Nguyên tử

Trấn Nguyên Tử hoàn toàn không phải một nhân vật của Đạo giáo hay có xuất hiện trong tín ngưỡng dân gian mà chỉ là nhân vật hư cấu trong *Tây Du Ký*. Hồi 24 mô tả về vị tiên này như sau: "Tòa núi này tên gọi là Vạn Thọ sơn, trong núi có một ngôi quán, gọi là Ngũ Trang quán, trong quán có một tiên ông, đạo hiệu là Trấn Nguyên Tử, hõn danh là Dữ Thế Đồng Quân."

Vạn Thọ thường là câu chúc tụng "vạn thọ vô cương" dành cho Hoàng đế. Minh thập tam lăng mà Thành tổ cho xây cất lăng của mình ban đầu tên là Hoàng Thổ Sơn, xây lăng rồi đổi thành Thiên Thọ Sơn. Nhưng lăng của Chu Nguyên Chương thì theo sử sách ghi chép đã có trước đó, được xây cất ở Chung Sơn - Nam Kinh. Mặc

dầu vậy, trong dân gian truyền lại một truyền thuyết rằng Thái tổ vốn sát nghiệp rất nặng nên sợ hậu thế quật mồ mả mình lên, nên Hiếu lăng ở Nam Kinh chỉ táng một mình Mã Hoàng hậu để che mắt thiên hạ. Còn bản thân mình thì cho tâm phúc táng ở Vạn Thọ Sơn - Bắc Kinh. Cũng có thể người dựng nên truyền thuyết này muốn hợp lý hóa thân phận của Yên vương Chu Độ bấy giờ đang quản lĩnh Bình Bắc. Tác giả Ngô Thừa Ân đã dùng cái tên Vạn Thọ Sơn để ám chỉ truyền thuyết này.

Về cái tên Trấn Nguyên Tử - có thể hiểu là vị "Trấn áp nhà Nguyên" - chính là chỉ Chu Nguyên Chương dẹp nhà Nguyên mở ra nhà Minh. Chưa hết, tác giả lại sợ hậu thế mê mờ bèn chua thêm hỗn danh "Dữ Thế Đồng Quân" - ngang với quân vương chốn thế gian.

Đại diện trong Ngũ Trang Quán được tả rằng: "Bên trong chỉ thấy trên tường treo một bức đại tự thêu hai chữ Thiên Địa thật to bằng chỉ ngũ sắc. Giữa điện đặt một chiếc hương án sơn son thếp vàng, trên bày chiếc bình hương bằng vàng, bên cạnh có đủ cả hương nến."

Đạo gia thường thờ trời, thờ Tam thanh, thờ Tổ sư chứ không thấy thờ đất. Thờ hai chữ Thiên Địa là ngầm chỉ bậc cai trị nhân dân ở giữa khoảng trời đất, tức là Hoàng đế. Bởi là Hoàng đế nên đặc sản của Ngũ Trang Quán có bề ngoài "tựa đứa bé mới sinh chưa đầy ba ngày, tứ chi hoàn toàn, ngũ quan đủ cả".

Hôm ấy, Trấn Nguyên Tử được gọi tới nghe giảng về Hỗn nguyên đạo quả, bốn chữ này có thể được hiểu là "thành quả của việc lật đổ nhà Nguyên".

Lại nữa, tuyệt chiêu của Trấn Nguyên Tử là gì? Xin thưa là Tụ lý càn khôn, bao nhiêu anh hùng thiên hạ thu sạch vào tay áo, chẳng phải bản lĩnh đế vương lập quốc đó ư?

Vậy tới đây ta có thể kết luận Trấn Nguyên Tử là nhân vật mà tác giả hư cấu ra để ám chỉ Chu Nguyên Chương. Rồi bằng cách xây dựng tính cách nhân vật nhỏ mọn, tráo trở cùng với các diễn tiến của câu chuyện để thống mạ, nguyên rủa Chu Nguyên Chương.

Tôn Ngộ Không quật đổ cây nhân sâm, khiến Thanh Phong Minh Nguyệt than thở: “Làm chết cây hoàn đơn trong quán Ngũ Trang, dòng dõi nhà tiên ta thế là đứt tuyệt!”

Cây nhân sâm ấy ví như nhân tâm, nhân tâm bị quật đổ thì Ngộ Không có mời tới Phúc Lộc Thọ cứu cũng vô ích, mời Đế quân cũng vô ích, mời tiên nhân cũng vô ích mà thôi.

Không chỉ vậy, nhân vật Trấn Nguyên Tử còn được khắc họa tiểu nhân ti bỉ vô song. Trọng nhau thì gọi cố nhân, trở mặt là thành người tù, sẵn sàng dùng roi da rồng quất cho tan thịt nát da. Tính khí nhỏ nhen bắt ne bắt nạt từ việc “Mi đã trốn chạy thì thôi, cứ sao dám trói mấy cây liễu ở đây, mạo tên điên thế?” rồi lại “Mi chạy thì thôi, sao được làm hư bếp của ta?” Nhưng khi có chút lợi ích thì lật mặt nhanh hơn lật tay: “Nếu nhà ngươi có phép thần thông chữa cây sống lại, ta sẽ kết là anh em với ngươi”, mà với người anh em kết giao năm trăm năm là Đường Tăng bị lừa đi không thương tiếc.

Không chỉ vậy, *Tây Du Ký* còn vạch trần điều Chu Nguyên Chương kiêng kỵ nhất: khoảng thời gian cạo đầu làm sư. Ban đầu, Trấn Nguyên Tử gọi hòa thượng Đông Thổ là cố nhân: “Ngài đã từng tự tay mời trà ta, kính trọng ta. Từ đấy ta coi như bạn cũ.” Nguyên văn cụm “kính trọng ta” này là “Phật tử kính ngã” ấy là ngầm nhận mình cũng xuất thân từ Phật môn.

2. Trưởng giả Khấu Hồng phủ Đồng Đài

Hồi 96, kể về việc bốn thầy trò Đường Tăng tới phủ Đồng Đài, làm khách ở nhà Khấu viên ngoại. Ngay từ khi bước chân qua cửa, tác giả đã gài ngay một mật ngữ, đó là cách xưng hô của gia nhân với Khấu viên ngoại: “Chúa công - ĐÀ”, chữ “chúa công” này còn được nhắc lại vài lần trong cố sự, rõ là muốn nhấn mạnh Khấu viên ngoại là nhân vật được dùng để ám chỉ một nhân vật lừng lẫy, các bản dịch đều chuyển thành “ông chủ”.

Hãy xem Khấu viên ngoại tự giới thiệu về mình: “Đệ tử tên gọi là Khấu Hồng, tên chữ là Đại Khoan, sống thừa sáu mươi tư tuổi. Từ

năm bốn mươi tuổi đã xin hứa nuôi chay vạn nhà sư, thì mới làm lễ viên mãn. Nay đã nuôi được hai mươi bốn năm...”

Ở đây tác giả chơi chữ Khẩu Hồng (#), Khẩu là kẻ cướp, Hồng là niên hiệu Hồng Vũ của Minh Thái tổ, quân giặc cướp Hồng Vũ. Mà chữ Hồng này đồng âm với chữ Hồng (紅) màu đỏ. Khẩu Hồng tức Hồng khẩu - trực chỉ đám giặc cướp Hồng cân quân. Lại sợ người đọc không hiểu, còn dẫn thêm hai người con Khẩu Lương, Khẩu Đồng, Lương Đồng há không phải chỉ trụ cột chốn triều đình sao? Dĩ nhiên tác giả không quên thông thêm chữ Khẩu, Lương Đồng trào đình thảy đều là phường đạo tặc.

Lại nữa, mượn lời ông hàng xóm mà kể về Khẩu Hồng: “Bố ông ấy là Khẩu Minh, bấy giờ có tới nghìn mẫu ruộng, phát canh thu tô, thu lợi quá đáng.” Khẩu Minh ám chỉ triều nhà Minh là đám giặc cướp, lại tô thuế cao quá đáng.

Rồi kể tiếp: “Năm hai mươi tuổi, cụ Minh mất. Ông ấy nắm cả cơ nghiệp, nhưng thực ra ông ấy cũng gặp vận may.”

Năm mười lăm tuổi, lần lượt cha, mẹ, anh trưởng của Chu Nguyên Chương mất, gia đình ly tán, Chu Nguyên Chương phải vào chùa Hoàng Giác, quy y làm chú tiểu. Năm mười bảy tuổi, bởi nạn đói hoành hành nên ông phải bỏ chùa tha hương cầu thực. Đến năm hai mươi tuổi thì lại quay về chùa Hoàng Giác làm sư. Ba năm chu du thiên hạ đã khiến ông mở rộng tầm mắt, nhìn nhận được các chuyển biến của xã hội cuối thời Nguyên. Câu thuật trong *Tây Du Ký* là chỉ mốc thời gian này của Chu Nguyên Chương.

Ông cụ lại kể: “Lấy vợ là con gái ông Trương Vượng, lúc ở nhà gọi là cô Xuyên Châm. Cô này cũng có số vượng phu. Từ ngày về nhà chồng, cày cấy càng bội thu, tô tức càng nảy nở, buôn bán cái gì cũng có lãi, làm ăn gì cũng ra tiền, dần dà gia tư cũng tới ức vạn.” Trong lịch sử thì Chu Nguyên Chương lấy con gái nuôi của thủ lĩnh Hồng cân quân Quách Tử Hưng, sau khi Quách chết, Chu kế thừa vị trí đó mà dần nên sự nghiệp. Vượng với Hưng đồng nghĩa. Còn tên người vợ là Xuyên Châm, chỉ việc thuê thửa, nghĩa là Tú (繡), đồng âm với Tú (秀), tên Tú Anh của Mã Hoàng hậu được ghi nhận trong dã sử và các tiểu thuyết. Cũng bởi Mã Hoàng hậu vốn chân to, bị

dân gian đặt cho hỗn danh là Mã Đại Cước, nên ở cổ sự này, tác giả viết Ngô Không “Bèn bay lên giữa không trung, đổi pháp thân, thò một chân xuống, giẫm lung tung giữa công đường”, cụm “thò một chân xuống” nguyên văn là “thân hạ nhất chích đại cước”. Nhắc tới “đại cước” là để giấu cợt Mã Hoàng hậu.

Tiếp đến là: “Tới năm bốn mươi tuổi, ông ấy lại hồi tâm làm thiện, nuôi cơm một vạn nhà sư”. Năm Chu Nguyên Chương bốn mươi tuổi chính là thời điểm Chu Nguyên Chương lên ngôi Hoàng đế.

Sau 24 năm (tức thời điểm *Tây Du Ký* nhắc tới) tương đương năm 1392 của Chu Nguyên Chương, là năm Ý Văn Thái tử Chu Tiêu mất. Chu Tiêu là cha của Kiến Văn đế. Hẳn là *Tây Du Ký* dùng việc Khấu Hồng chết đi sống lại để chỉ việc Thái tử của Minh Thái tổ chết, ngôi báu về sau truyền tới tay Hoàng thái tôn.

Chi tiết cuối cùng được nhắc tới về cuộc đời của Khấu viên ngoại là việc ông ta được Địa Tạng Bồ tát ban cho thêm một giáp tuổi thọ. Câu chuyện này không liên quan tới bản thân Chu Nguyên Chương, mà trực tiếp viết về một nhân vật cực kỳ thân cận với họ Chu: Đó là Lưu Bá Ôn.

Lưu Bá Ôn trong dã sử được tôn là vị quân sư số một của Chu Nguyên Chương, địa vị giống như Gia Cát Lượng với Lưu Bị vậy. Trong trận đại chiến giữa quân Chu Nguyên Chương với quân Trần Hữu Lượng ở hồ Bà Dương, quân sư Lưu Bá Ôn ốm nặng. Tự biết thọ mệnh đã hết, ông liền học theo Gia Cát Lượng làm phép Thất tinh đẳng tặc mệnh. Kết quả là được kéo dài thêm một kỷ (mười hai năm) tuổi thọ. Gia Cát Lượng và Lưu Bá Ôn được truyền thuyết dân gian coi là hai danh nhân từng dùng phép Thất tinh đẳng này để xin thêm dương thọ, Gia Cát Lượng thất bại, còn Lưu Bá Ôn thành công.

PHỤ LỤC

1. Bốn kiện tướng khi

Tây Du Ký hồi 3 viết:

"Hầu vương phong bốn con khi già làm kiện tướng: hai con khi già đồ dít làm nguyên soái họ Mã, họ Lưu; hai con vượn trắng lưng làm tướng quân họ Bằng, họ Ba."

Nhưng trước đó, khi Ngô Không mới học đạo trở về có khoe với bảy khi: "Ta nay họ Tôn, pháp danh là Ngô Không."

Bảy khi liền hoan hỉ: "Đại vương là lão Tôn, chúng tôi là Tôn hai, Tôn ba, Tôn lớn, Tôn bé, một nhà họ Tôn, một nước họ Tôn, một ổ họ Tôn!

Nếu cả bảy khi đều mang họ Tôn thì họ Mã, họ Lưu, họ Bằng, họ Ba là từ đâu ra? Thực ra đây là trò chơi chữ mà tác giả muốn đùa giỡn độc giả mà thôi.

Mã, Lưu nhị soái: Hai chữ Mã Lưu (Hời) chính là một cách gọi loài khi. Bản thảo cương mục liệt kê các tên gọi loài Di hầu bao gồm: Mộc hầu, Vi hầu, Hồ tôn, Vương tôn, Mã lưu...

Bằng, Ba nhị tướng: Hai chữ này xuất phát từ chữ Bandar trong tiếng Ấn Độ, cũng có nghĩa là con khi.

2. Âm phủ

Bàn về thế giới người chết của Trung Quốc thì có rất nhiều thuyết, độ khác biệt cũng cực kỳ lớn theo các thời đại khác nhau. Chỉ riêng các danh từ chỉ thế giới của người chết đã có thể liệt kê ra một loạt, đơn cử như Cõi âm, Minh giới, Hoàng tuyền, Âm tào địa phủ (gọi tắt là âm phủ), Địa ngục, Cửu u, U minh... Theo như cách hiểu ngày nay, chúng ta có một thế giới "bên dưới", có địa ngục (nơi giam và hành hạ quỷ hồn), địa phủ (nơi xét xử quy hồn), có thành quách, có sông, có núi... Lại có thần minh cai quản như Thập điện Diêm

vương, Địa tạng Bồ tát, Hắc Bạch Vô thường, Ngưu đầu mã diện (quỷ đầu trâu mặt ngựa)... Đó là một thế giới được vận hành bằng lục đạo luân hồi, hồn người/vật sau khi chết xuống cõi âm, rồi Diêm vương căn cứ vào hành trạng khi còn sống mà đưa vào một trong sáu đường luân hồi.

Tuy nhiên, đó là một cõi âm rất khác biệt so với thế giới người chết cổ sơ của Trung Quốc.

Thoạt tiên phải nói luôn Luân hồi là một khái niệm ngoại lai và xuất hiện muộn ở Trung Hoa. Đó là tư tưởng của Ấn giáo và đạo Phật. Trước khi đạo Phật truyền vào Trung Quốc thì tín ngưỡng dân gian coi người chết đi linh hồn quy tụ ở một miền miên viễn, tương tự như nhiều dân tộc khác trên thế giới, tuyệt không có chuyện luân hồi chuyển kiếp.

Thời nhà Thương, người ta cho rằng khi con người chết đi thì phần hồn hóa thành tinh tú trên trời, có thể ban phúc giáng họa, do đó họ cực kỳ kính sợ tổ tiên.

Sang thời nhà Chu thì xuất hiện khái niệm Hoàng tuyền - suối vàng. Hoàng tuyền được sử sách ghi chép lại từ rất sớm, trễ nhất là thời Xuân Thu với câu chuyện Trịnh Trang Công đào suối vàng gặp mẹ. Nó được hiểu như con suối nước màu vàng chảy ngầm sâu và lan rộng dưới lòng đất*. Bởi người chết được táng dưới đất, thịt da dần tiêu tán nên người Trung Quốc tưởng tượng ra một mạng lưới liên thông những linh hồn ấy lại với nhau, trở thành một thế giới của người chết. Có vẻ như Hoàng tuyền ban sơ vốn không có người cai quản, chỉ là một cõi tập trung linh hồn người chết.

Có lẽ liên quan tới lưu vực sông Hoàng Hà, nước màu vàng do dòng sông mang nhiều vật liệu có nguồn gốc từ đất vàng. Khi đào sâu xuống dưới đất thì người ta bắt gặp mạch nước có màu bùn vàng, mà gọi tên là Hoàng tuyền chẳng?

Sang thời Tần Hán, dân gian có câu "Người sống ở tây Trường An, người chết ở đông Thái Sơn". Núi Thái Sơn ở khoảng nước Tề, nước Lỗ, là nơi tập trung của nền văn minh Hoa Hạ. Nhà Tần thống nhất thiên hạ, Thủy Hoàng nhiều lần làm lễ Phong Thiện ở Thái Sơn, từ

đó Thái Sơn trở thành địa điểm kết nối giữa cõi người và cõi trời. Khái niệm Thái Sơn phủ được ra đời, là cơ quan chủ quản cõi âm sớm nhất.

Người Trung Quốc tin rằng linh hồn người chết tụ tập cả ở phía tây núi Thái Sơn, ở đó có một vị thần cai quản gọi là Thái Sơn Phủ quân (bởi Thái Sơn là Đông Nhạc trong Ngũ Nhạc của Trung Hoa nên ngài còn mang danh hiệu Đông Nhạc đại đế). Đây là vị thần trị vì thế giới người chết cổ sơ nhất của tín ngưỡng dân gian. Bấy giờ các vị Địa tạng Bồ tát, Diêm vương còn chưa được du nhập vào Trung Quốc nên Thái Sơn Phủ quân là vị thần duy nhất cai quản ma, quỷ, hồn, và được Đạo giáo thu nạp thành một vị thần của tôn giáo mình.

Dần dà vì cái danh hiệu Thái Sơn phủ quân có vẻ quá chật chội và quá tập trung tới địa phận Thái Sơn so với cả một quốc gia rộng lớn ngày càng phát triển về phương nam, nên người Trung Quốc cần một vị thần vĩ đại hơn với trị sở cũng to lớn hơn đơn vị một phủ. Họ liền thay Thái Sơn phủ bằng Phong Đô và tôn lập nên một Phong Đô Đại đế. Phong Đô Đại đế trị nhậm ở Phong Đô, dưới có lục cung, quản việc quỷ hồn xuất nhập. Ban đầu Phong Đô được coi là ở phụ cận Thái Sơn. Thế rồi e ngại việc lẫn lộn Phong Đô Đại đế với Đông Nhạc đại đế, nên dân gian dịch chuyển Phong Đô tới Tứ Xuyên. Dưới quyền Phong Đô Đại đế là một dàn thuộc hạ hùng hậu, đứng đầu là Ngũ phương Quỷ đế, họ cai quản trật tự chốn âm ty, chia làm năm phương đông tây nam bắc và trung.

Khi Phật giáo truyền vào Trung Hoa, cũng giống như các trường hợp thần tiên của Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian được đồng hóa với các vị thần trong Phật giáo, thì cõi âm cổ xưa của Trung Hoa cũng được đồng hóa với cõi âm của Phật giáo. Xét về một phương diện nào đó, thì dân gian thích thú với việc được tái sinh (luân hồi) vào các cõi trời, người, vật, quỷ, hơn là việc chết đi rồi mãi mãi trở thành một thứ âm hồn ở một cõi xa khuất nào đó. Do vậy thuyết Luân hồi nhanh chóng được dân gian chấp nhận. Dĩ nhiên để phán xét "ai luân hồi theo đường nào", thì một bộ máy pháp ty công kênh hơn cũng được dựng nên, kèm theo đó là mười tám tầng địa ngục

của Phật giáo. Thế là Thập điện Diêm vương được chính thức đưa vào hệ thống tín ngưỡng của cả dân gian và Đạo giáo.

Khoảng thời Đường, bộ kinh Thập vương bắt đầu được truyền bá ở Trung Quốc với các tên gọi Phật thuyết Thập vương kinh, Địa tạng Thập vương kinh... trong đó danh hiệu và chức trách của Thập điện Diêm vương cùng mười tám tầng địa ngục được viết ra cụ thể. Đặc sắc hơn, Thập vương kinh còn đồng hóa luôn vị Thái Sơn Phủ quân tối cổ kia trở thành một vị thần trong Phật giáo: vị Diêm vương ở Thất điện, mang tên Thái Sơn vương. Thậm chí ngài còn được tặng cho một lai lịch cụ thể: là Thái tử của Viêm ma vương

Mười vị Diêm vương lần lượt là Tần Quảng vương, Sở Giang vương, Tống Đế vương, Ngũ Quan vương, Diêm La vương, Biện Thành vương, Thái Sơn vương, Bình Đẳng vương, Đô Thị vương, Ngũ Đạo Chuyển Luân vương. Khi người chết đi, hồn xuống cõi âm phải trải qua đủ Thập điện Diêm vương xét xử căn cứ vào hành trạng lúc sinh thời (thiện nghiệp và ác nghiệp). Cụ thể thì hồn mới tới cõi âm thì nhập nhất điện, do Tần Quảng vương xử. Hết nhị thất (14 ngày) thì qua cầu Nại Hà, tới nhị điện; hết kỳ thất thất (49 ngày) thì tới thất điện của Thái Sơn vương xét xử. Tới kỳ bách nhật (100 ngày) thì chuyển qua bát điện, hết một năm thì tới cửu điện, hết ba năm thì tới thập điện và đưa vào lục đạo luân hồi. Từ kỳ ngũ thất (35 ngày) trở về sau, thân quyến có thể dùng công đức, thiện nghiệp tại dương thế để hộ trì vong người chết, giúp hồn bớt phải chịu hành hạ đồng thời có được đường luân hồi tốt hơn^{*}.

Có lẽ đó là lý do mà người ta hay làm lễ đưa vong lên chùa ở kỳ ngũ thất.

Quan hệ giữa Thập điện Diêm vương với Địa tạng vương Bồ tát khá phức tạp. Xét tổng thể thì Diêm vương quản lý công việc địa phủ, địa ngục và tất cả các công việc liên quan tới quỷ, hồn ở cõi âm. Còn Địa Tạng vương Bồ tát tuy có danh hiệu U Minh giáo chủ, nhưng chỉ làm công việc độ hóa chúng sinh, bao gồm cả độ hóa Diêm vương. Như vậy không ai quản ai cả.

Bởi sự ưu việt của hệ thống cõi âm có luân hồi và Diêm vương mà Phật giáo mở ra ở Trung Quốc, Đạo giáo không thể nhắm mắt làm ngơ. Các đạo sĩ liền tiếp nhận Thập điện Diêm vương vào hệ thống thần tiên của mình, trở thành thuộc hạ của Phong Đô đại đế.

Không chỉ các vị Diêm vương mà tiểu quỷ của âm ty cũng là sự đan xen giữa tín ngưỡng dân gian, Đạo giáo và Phật giáo. Hắc Bạch Vô Thường là hai sứ giả câu hồn - sản phẩm của tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo. Tồn tại song song với Hắc Bạch Vô Thường là quỷ Ngưu đầu Mã diện xuất phát từ Phật giáo, cũng thuộc lớp quỷ câu hồn.

Một lớp thần khác thuộc hệ thống cõi âm mà chúng ta ít ngờ tới là Thành Hoàng. Vị thần này có xuất xứ dân gian và Đạo giáo chứ không liên quan tới Phật giáo. Ban đầu là vị thần bảo hộ thành trì, rồi được quy vào hệ thống cõi âm, chủ quản vong linh con người, thưởng thiện phạt ác.

Trong *Tây Du Ký*, hệ thống âm tào địa phủ được xây dựng với Địa Tạng vương Bồ tát đứng đầu, còn Thập điện Diêm vương là các vị thần xử lý sự tình bên dưới. Đó là một hệ thống thuần túy Phật giáo.

3. Thất Đại thánh

Sáu người anh em kết nghĩa của Mỹ Hầu vương là Ngưu ma vương, Giao ma vương, Bồng ma vương, Sư Đà vương, Di Hầu vương và Ngẫu Nhung vương. Vậy là bảy cái tên chia làm hai nhóm: Nhóm một mang kết cấu Tên một chữ + ma vương; nhóm hai mang kết cấu Tên hai chữ + vương.

Hai nhóm này ứng với cách phong vương của các triều đại phong kiến Trung Quốc gồm Nhất tự vương và Nhị tự vương trong đó Nhất tự vương là phong hiệu cao quý hơn Nhị tự vương. Nhóm Thất Đại thánh này lấy Ngưu ma vương cầm đầu yêu ma dạng thú chạy, Giao ma vương cầm đầu yêu ma dạng cá bơi và Bồng ma vương cầm đầu yêu ma dạng chim bay. Bốn Đại thánh còn lại là Sư Đà vương, Di Hầu vương, Ngẫu Nhung vương và Mỹ Hầu vương ở vị trí thấp hơn.

4. Trần Ngạc tự Quang Nhị

Tây Du Ký hồi 9 giới thiệu về cha của Trần Huyền Trang: "*Bảng này về đến vùng Hải Châu, có một người họ Trần, tên Ngạc, tự là Quang Nhị...*"

Ở chương Ai là cha của Trần Huyền Trang, chúng ta đã nói khá rõ về việc Trần Ngạc không thể là bố của Huyền Trang mà cách đặt tên và tự mà tác giả gán cho vị Trần Ngạc này lại càng ám chỉ rõ điều ấy.

Chữ Ngạc (萼) nghĩa là đài hoa, mà chữ Nhị (蕊) là nhị hoa, xem ra rất tương đồng về ý nghĩa, hợp phép đặt tên tự. Từ đài hoa phát triển ra bông, bông nở thì phát lộ nhị, ý cảnh từ Ngạc tới Quang Nhị rất đẹp và hoa mỹ.

Nhưng xét về phương diện khác thì Nhị còn là cơ quan sinh sản của hoa, trong tiếng Việt phân ra nhị là cơ quan sinh sản đực và nhụy là cơ quan sinh sản cái, trong tiếng Trung Quốc gọi là "hùng nhị" và "thư nhị". Quang (光) lại có nghĩa là sạch trơn. Ngạc đi cùng với Quang Nhị, ví như đài hoa phát triển ra bông hoa mà không có khả năng tạo phấn hoa, không thể sinh sản. Cách tác giả đổi cái tên gốc Trần Tuệ sang Trần Ngạc tự Quang Nhị mang tính giấu nhại thật chua cay.

5. Phi long bảo trượng

Phi long bảo trượng là bảo bối của Linh Cát Bồ tát dùng để thu phục Hoàng Phong đại vương. *Tây Du Ký* hồi 21 chép: "Linh Cát Bồ tát đứng trên không, miệng đọc thần chú rồi phóng cây gậy phi long xuống. Cây gậy biến thành một con rồng vàng tám vuốt, giơ hai vuốt quặp chặt lấy yêu quái, xách đầu dập xuống sườn núi ba lần, yêu quái hiện nguyên hình là một con chuột lông vàng."

Hình ảnh rồng vàng tám vuốt (bát trảo kim long) khá đặc biệt bởi thông thường ta chỉ hay nghe tới "ngũ trảo kim long" thôi. Hóa ra "bát trảo kim long" là một cái tên gắn với dã sử triều Minh. Tương truyền Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương lên ngôi, định đô ở Nam

Kinh. Một hôm Hoàng đế thấy trên tường cấm cung có hình ảnh dao động, hóa ra một đôi “bát trảo kim long” đang tranh giành đánh nhau. Hoàng đế nhủ thầm, chẳng lẽ ấy là điềm còn một con kim long tranh thiên hạ với mình nữa? Thế rồi lệnh cho Lưu Bá Ôn trấn yểm bằng bảy mươi hai cái giếng, tượng trưng cho việc đóng bảy mươi hai cái đinh, ghim kim long xuống đất, lại đào thêm cái giếng sâu trăm trượng đặt tên là Tỏa long tỉnh (giếng nhốt rồng).

Ngô Thừa Ân đã mượn truyền thuyết này để ngấm chửi Thái tổ nhà Minh trong tiểu thuyết của mình, đem ví Hoàng đế như Hoàng Phong Đại vương, để Phi long trượng hóa thành “chân bát trảo kim long” tóm cổ “giả bát trảo kim long” là con chuột lông vàng.

6. Ba hoa chín hạt

Cao ba hoa chín hạt (tam hoa cửu tử cao) là loại thuốc cao mà Hộ pháp Già lam đã dùng để chữa mắt cho Tôn Ngộ Không ở núi Hoàng Phong. Đây là cái tên thuốc mà tác giả đã hư cấu, kết hợp giữa hai loại thuốc đều chữa mắt, một là Tam hoa ngũ tử hoàn (ba hoa năm hạt), một là cửu tử hoàn (chín hạt).

7. Lục kiện tướng

Hồng Hải Nhi có sáu kiện tướng tên là Vân Lý Vụ, Vụ Lý Vân, Cấp Như Hỏa, Khoái Như Phong, Hứng Hồng Hân, Hân Hồng Hứng. Sáu cái tên này đều mang ý nghĩa chỉ bản thể Hồng Hải Nhi.

Vân Lý Vụ, Vụ Lý Vân là ám chỉ thành ngữ “vân lý vụ lý - trong mây trong sương”, chỉ người mê muội, hồ đồ.

Cấp Như Hỏa, Khoái Như Phong - gấp như lửa, nhanh như gió, ám chỉ người vội vàng bộp chộp.

Hứng Hồng Hân, Hân Hồng Hứng chỉ việc phun lửa của Hồng Hải Nhi.

Tựu chung, Hồng Hải Nhi là đứa bé biết phun lửa nhưng hồ đồ, bộp chộp, ứng với chữ Si đã nói ở chương Ba chiếc vòng kim cô.

8. Linh Cảm đại vương

Một trong các danh hiệu của Quan Âm Bồ tát là Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Quán Thế Âm Bồ tát. Con cá của Quan Âm trốn xuống sông Thông Thiên, dùng lại danh hiệu Linh Cảm này chính là để lộ quá rõ nguồn gốc của nó.

9. Nhất Xứng Kim

Tây Du Ký giải thích cái tên Nhất Xứng Kim của con gái ông lão Trần Trùng như sau: “Tính đến năm sinh cháu vừa đúng cùng hết ba mươi cân vàng ròng, ba mươi cân là một xứng, nên mới đặt tên cháu là Nhất Xứng Kim.”

Thực ra đây là một ẩn ý của tác giả ám chỉ Hoàng đế Gia Tĩnh. Sách *Giang Tây tỉnh đại chí* của Vương Tông Mộc ghi chép lại đồ sứ niên hiệu Gia Tĩnh, trên có vẽ hình trẻ con, gọi là “Nhất xứng kim oa”.

10. Đà Long sông Hắc Thủy

Bản thân chữ Đà trong tên của yêu quái đã mang nghĩa là cá sấu. Với các miêu tả trong truyện:

Mình quàng thiết giáp hoa thêu lộn,

Đầu đội kim khôi ngọc nạm lồng.

Roi sắt tay cầm coi có vẻ,

Chân đi sấm sập tựa cuồng phong...

(Bản Thụy Đình dịch)

Giáp sắt thêu hoa tròn (nguyên văn “đoàn hoa”) chỉ lớp da dày có điểm hoa cà, tay cầm roi sắt đốt trúc (nguyên văn “trúc tiết cương tiên”) chỉ cái đuôi gai, đây rõ ràng là hình ảnh của một con cá sấu.

11. Huyền ti chấn mạch

Tây Du Ký hồi 68 miêu tả Tôn Ngộ Không bắt mạch cho Quốc vương nước Chu Tử:

Bọn hoạn quan theo đúng lời dặn bảo ấy, mời quốc vương ngồi lên long sàng, lấy mỗi đầu dây kim tuyến buộc vào đúng ba bộ thốn, quan, xích, còn một đầu luồn ra ngoài cửa sổ.

Hành Giả đỡ lấy đầu sợi tơ, để lên đầu ngón tay trỏ bên tay phải đề lấy, thế là xem xong mạch thốn; thứ hai lấy ngón tay giữa đề lên ngón tay cái, thế là xem xong mạch quan; lại lấy ngón tay cái đề lên ngón tay không tên, thế là xem xong mạch xích. Xong điều tính theo sự hô hấp của mình, chia rõ bốn khí, năm uất, bảy biểu, tám lý, chín hậu; phù ở trong trầm, trầm ở trong phù, biện rõ nguyên do hư thực; rồi lại bảo cởi tay phải ra, theo đúng các bộ vị như trước buộc sang tay trái.

Phép chẩn mạch này gọi là “**Huyền ty chẩn mạch**”, theo truyền thuyết được các thầy lang dùng trong việc bắt mạch cho hậu cung của vua hoặc các nhà đại quyền quý. Các thư tịch Trung Hoa ghi nhận rằng Tôn Tư Mạc thời Đường là người đầu tiên sử dụng phương pháp này để chẩn mạch cho hậu cung của Đường Thái tông.

12. Đại hoàng, Ba đậu

Đây là hai vị thuốc mà Sa Tăng và Bát Giới bàn về công dụng:

Sa Tăng liền nói:

- Đại hoàng vị đắng, tính lạnh, không độc, tính nó trầm mà không phù, công dụng đi mà không giữ lại, khai mọi uất mà không ủng trệ, dẹp hỏa loạn mà dựng thái bình, gọi tên là “tương quân”. Cái vị thuốc ấy chỉ có thế này, nhưng sợ ốm lâu đã hư nhược, không thể dùng được.

...

Bát Giới nói:

- Ba đậu vị cay, tính nóng, có độc, tiêu tính độc, khua chúng trầm hàn trong phế phủ, thông được bế tắc, lợi cả đường đại tiểu tiện, là tướng cướp ải phá cửa, không nên khinh thường.

Nội dung trên lấy trong Thần Nông bản thảo kinh hội thông, một cuốn y thư của Đổng Hoảng viết đời Vạn Lịch nhà Minh.

13. Nhọ nôi

Ngộ Không nói:

- Nhọ nôi (Oa để hôi) tên là Bách thảo sương có thể điều hòa trăm chứng bệnh, chú không biết đấy.

Một chi tiết gây cười cũng trong câu chuyện ở nước Chu Tử, nhưng thực ra nội dung của nó được lấy trong Bản thảo cương mục của danh y Lý Thời Trân đời Minh. Bản thảo cương mục viết: “Bách thảo sương còn gọi là nhọ nôi, là khói nhọ ở bếp hoặc lò, do rất mịn nên gọi là sương. Vị cay, ôn, không độc, chủ trị ứ trệ tiêu hóa, có thể dùng trộn trong đồ ăn hoặc thuốc.”

Ở đây rõ ràng Tôn Ngộ Không đã dùng thuốc rất chuẩn.

14. Nước đáí ngựa

Lại một chi tiết gây cười khác cũng trong hoạt cảnh nước Chu Tử, nhưng thực ra lại mang tính y học tinh chuẩn.

Hành Giả cầm lấy cái chén, đưa cho y và nói:

- Chú lại đi lấy cho tôi nửa chén nước đáí con ngựa của chúng ta.

Bát Giới nói:

- Lấy để làm gì?

Hành Giả nói:

- Dùng để hoàn thuốc.

Sa Tăng lại cười nói:

- Anh cả ạ, việc này không phải chuyện chơi. Nước đáí ngựa tanh hôi, sao lại đem hoàn thuốc? Tôi chỉ thấy người ta dùng cháo bột nếp hoàn thuốc, cháo gạo lâu năm làm hoàn, trắng mật làm hoàn, hoặc lấy nước trong làm hoàn, chưa từng thấy lấy nước đáí ngựa làm hoàn. Thức ấy tanh hôi, người đã tì hư, ngủi thấy mưa ngay, lại uống đại hoàng, ba đậu, làm cho người ta thượng thổ hạ tả, có phải trò chơi không?

Nước đáí ngựa - tức Mã niệ, trong y học gọi là Bạch mã niệ. Sách Bản thảo cương mục viết: “Bạch mã niệ vị cay, hơi hàn, có độc tính. Chủ trị tiêu khát, đầy bụng, táo bón.”

Tôn Ngộ Không tiếp tục dùng thuốc rất chuẩn.

15. Nước không rể

Hành Giả nói:

- Dùng nước không rể tổng xuống.

Các quan nói:

- Cái đó thì dễ thôi.

Hành Giả nói:

- Sao lại biết là dễ?

Các quan nói:

- Phong tục chúng tôi ở đây, muốn dùng nước không rể lấy một cái bát, ra ngoài giếng, hoặc ngoài sông, trở về ngay, không để nhỏ xuống đất, cũng không ngoảnh đầu lại, đem về nhà cho người ốm uống nước. Như thế đấy.

Hành Giả nói:

- Nước ở dưới giếng, dưới sông đều có rể cả. Nước không rể của tôi, không phải như thế, tức là ở trên trời rơi xuống, không chạm đến đất, thế mới gọi là nước không rể.

Nước không rể theo lời Ngộ Không là nước mưa hứng thẳng từ trên trời, còn như cách hiểu của bá quan chính là một tri thức rút trong y thư mà ra. Bản thảo cương mục có viết về “vô căn thủy” tức “thủy tuyến tình” là loại nước tiết trong mạch nguồn ra chưa chảy xuống lòng giếng, gọi là nước không rể. Thứ nước này có gì khác với nước giếng thường? Có lẽ là khoáng chất trong nước suối vẫn còn giữ được nguyên, nếu nước này chảy xuống giếng rồi thì các khoáng chất sẽ lắng xuống đáy chứ không còn trong nước nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Books, Tales and Vernacular Culture: Selected Papers on China, Glen Dudbridge
- Buddhist Allegory in the Journey to the West, Francisca Cho Bantly
- C. T. Hsia on Chinese Literature, C. T. Hsia
- Chiến lược *Tây Du Ký*, Quan Thiệu Cơ
- Chính thuyết Tây Du, Chiêm Thạch Song
- Comparative Journeys: Essays on Literature and Religion East and West, Anthony C. Yu
- Dã đàm *Tây Du Ký*, Kim Tử Thiên
- Đọc kỹ *Tây Du Ký*, Cao Toàn Chi
- Đọc và bàn Tây Du, Du Văn Ý
- Đường Tam Tạng Huyền Trang đại sư truyện, Dương Bạch Y
- Finding Wisdom in East Asian Classics, Wm. Theodore de Bary
- Giải độc văn hóa Thiền trong Tây Du, Ngô Đạm
- Hâm rượi đọc Tây Du, Ngô Nhân Vân
- Huyền án *Tây Du Ký*, Khuất Tiểu Cường
- Kể cổ sự bàn tình ý, Trương Tĩnh Nhị
- Khảo chứng *Tây Du Ký*, Hồ Thích
- Kính Chi thư thoại, Hưởng Kính Chi
- Mạn thoại *Tây Du Ký*, Đàm Luân Kiệt
- Mật mã *Tây Du Ký*, *Tây Du Ký* tiền truyện
- Mưu kế trong Tây Du, Lục Linh
- Nghiên cứu nhân vật *Tây Du Ký*, Trương Tĩnh Nhị
- Nghiên cứu sử trong *Tây Du Ký*, Trần Tuấn Hoàng

- Nghiên cứu tính trào phúng trong *Tây Du Ký*, Giả Thượng Hiên
- Ngô Thừa Ân và *Tây Du Ký*, Hồ Quang Chu
- Nhập môn nghiên cứu *Tây Du Ký*, Hoàng Kiện Uy
- Những điểm tâm đắc khi đọc *Tây Du Ký*, Lý Đại Xuân
- Phá giải thiên thư *Tây Du Ký*, Thạch Phá Thiên Kinh
- Phàm phu tục tử xem Tây Du, Trương Nhị Hàm
- Phẩm Tây Du, Thiên Mã Hành Không
- Phân tích hình tượng nhân vật trong *Tây Du Ký*, Trần Á Như
- Phân tích *Tây Du Ký*, Vương Khôi
- Phê bình *Tây Du Ký*, Lý An Cương
- Phê bình *Tây Du Ký*, Dương Đông Lai
- Rảnh đọc Tây Du, Thiên Mã Hành Không
- Tam Quốc, Thủy Hử và Tây Du, Lý Thần Đông
- Tán gẫu *Tây Du Ký*, Phùng Nhất Liêu
- Tân thuyết *Tây Du Ký* đồ tượng, Trương Thư Thân
- Tây Du áo nghĩa thư, Lý An Cương
- Tây Du chân truyện, Trần Sĩ Bản
- Tây Du chứng đạo thư, Uông Tượng Húc, Hoàng Chu Tịnh
- Tây Du đại kỳ cục, Vu Đông Phong
- Tây Du giải tâm kinh, Tạ Chí Vinh
- *Tây Du Ký*, Độc Cô Cầu Bại
- *Tây Du Ký* - những điều không nghĩ tới, Chu Nham Bích
- *Tây Du Ký* - triết ngộ nhân sinh, Trần Văn Tân
- *Tây Du Ký* bút ký, Vạn Hoa Đồng
- *Tây Du Ký* Đại bí mật, Đảm Sơn Công
- *Tây Du Ký* luận tập, Dư Quốc Phiên
- *Tây Du Ký* luận yếu, Lưu Dũng Cường
- *Tây Du Ký* mạn thoại, Lâm Canh

- *Tây Du Ký* thám vi, Triệu Thiên Trì
- *Tây Du Ký* trong mắt tôi, Tiểu Bảo
- *Tây Du Ký* và Kinh Hoa Duyên, Ngô Tịnh Văn
- *Tây Du Ký* và nền chính trị cổ đại Trung Hoa, Tát Mạnh Vũ
- *Tây Du Ký* và sự thành công của đời người, Vương Khôi
- *Tây Du* mê cục, Bát Trượng lão hán
- *Tây Du* nguyên chỉ, Lưu Nhất Minh
- *Tây Du* tác ẩn, Vu Đông Phong
- *Tây Du* tân giải, Ngô Thánh Tích
- Thần thoại học trong *Tây Du Ký*, Nhập Cốc Tiên Giới
- Thần thoại Hy Lạp, Phan Ngọc biên soạn
- Thần thoại Hy Lạp, Nguyễn Văn Khoa dịch
- Thần tiên trong *Tây Du Ký*, Tử Tâm Nhân
- The Four Masterworks of the Ming Novel: Ssu ta ch'i-shu, Andrew H. Plaks
 - The Hsi-Yu-Chi: A Study of Antecedents to the Sixteenth-Century Chinese Novel, Glen Dudbridge
 - The Shorter Columbia Anthology of Traditional Chinese Literature, Victor H. Mair
 - The Structuring of Fictional Worlds of Western and Chinese Romance, Hua Laura Wu
 - Thử luận *Tây Du Ký*, Thẩm Nhân Khang
 - Tôn Ngộ Không và Hoàng đế Gia Tĩnh, Khổ Hương
 - Transforming Monkey: Adaptation and Representation of a Chinese Epic, Hongmei Sun
 - Trung Quốc tiểu thuyết sử lược, Lỗ Tấn
 - Trung Quốc văn học sử tân giảng, Vương Quốc Anh
 - Truyền thuyết *Tây Du Ký*, Chung Kính Văn, Hứa Ngọc
 - Tuyển tập phê bình văn học Lý Thần Đông, Lý Thần Đông

Ngoài ra, tôi cũng tham khảo nhiều website, nhiều topic trên các diễn đàn trong và ngoài nước, cùng nhiều nguồn ý tưởng từ các Lão sư, bạn học, và bạn bè trên mạng.

Table of Contents

[TỰA](#)

[LỜI CẢM ƠN](#)

[Phần I](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Phần II](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Phần III](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Phần IV](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[PHỤ LỤC](#)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO](#)

